

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI



Đinh Trọng Tuấn

TẬP BÀI GIẢNG
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
(Lưu hành nội bộ)

TẬP
MỘT



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

ĐỊNH TRỌNG TUẤN

TẬP BÀI GIẢNG

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

(Dùng cho học sinh, sinh viên các trường trung cấp sư phạm,
cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học)

TẬP MỘT

HÀ NỘI, 2021

Ban biên soạn:

- | | |
|----------------------------------|--|
| 1. Đại tá, ThS. Đinh Trọng Tuấn | (Chủ biên)
Phần một: chương 2, 6.
Phần hai: chương 1, 7. |
| 2. Thượng tá, CN. Đỗ Ánh Thiên | Phần một: chương 1, 3, 7.
Phần hai: chương 2.
Phần một: chương 4, 9.
Phần hai: chương 3, 6. |
| 3. Thượng tá, TS. Chu Văn Hạc | Phần một: chương 8, 11.
Phần hai: chương 4.
Phần một: chương 10.
Phần hai: chương 5.
Phần một: chương 5. |
| 4. Đại úy, ThS. Chu Hữu Sơn | |
| 5. Giảng viên, CN. Vũ Thị Linh | |
| 6. Giảng viên, CN. Tạ Việt Thanh | |

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	5
Phần một	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
Chương 1	Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh
1.1	Đối tượng nghiên cứu
1.2	Nhiệm vụ nghiên cứu
1.3	Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu
1.4	Giới thiệu về Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh
Chương 2	Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc
2.1	Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh
2.2	Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội
2.3	Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa
Chương 3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa
3.1	Những vấn đề chung
3.2	Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3.3	Một số biện pháp cơ bản xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay
Chương 4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa
4.1	Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
4.2	Những quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
4.3	Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
Chương 5	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam
5.1	Những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam
5.2	Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới
5.3	Một số biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
Chương 6	Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại
6.1	Một số khái niệm cơ bản
6.2	Cơ sở của việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại

6.3	Nội dung kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay	65
6.4	Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở Việt Nam hiện nay	76
Chương 7	Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	80
7.1	Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta	80
7.2	Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo	90
7.3	Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay	97
Chương 8	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	99
8.1	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia	100
8.2	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia	108
8.3	Giải pháp cơ bản trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	111
Chương 9	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	116
9.1	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ	116
9.2	Xây dựng lực lượng dự bị động viên	120
9.3	Động viên quốc phòng	124
Chương 10	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	128
10.1	Nhận thức cơ bản về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	128
10.2	Nội dung, biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	133
10.3	Trách nhiệm của sinh viên tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	142
Chương 11	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	144
11.1	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia	145
11.2	Những vấn đề cơ bản về bảo đảm trật tự an toàn xã hội	149
11.3	Những vấn đề cơ bản về nhận diện đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	152
11.4.	Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	155
11.5	Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	157
Phần hai	Công tác quốc phòng và an ninh	161
Chương 1	Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	161

1.1	Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội	161
1.2	Chiến lược “DBHB”, BLLĐ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam	165
1.3	Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta	167
1.4	Giải pháp phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay	170
Chương 2	Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	173
2.1	Một số vấn đề chung về dân tộc	173
2.2	Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo	179
2.3	Đấu tranh phòng, chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	184
Chương 3	Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	188
3.1	Những vấn đề chung về môi trường và bảo vệ môi trường	188
3.2	Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	199
Chương 4	Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	206
4.1	Những vấn đề chung về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	206
4.2	Nguyên nhân, giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	210
Chương 5	Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	216
5.1	Nhận thức chung về tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	216
5.2	Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	219
Chương 6	An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	229
6.1	Những vấn đề chung về an toàn thông tin và không gian mạng	229
6.2	Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	233
Chương 7	An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	240
7.1	Những vấn đề chung về an ninh phi truyền thống	240
7.2	Ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay	245
	Tài liệu tham khảo	258

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa, là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Nhằm giáo dục cho học sinh, sinh viên đường lối, nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, kỹ năng quân sự cần thiết, để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống chống ngoại xâm, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Để đáp ứng yêu cầu đặt ra ngày càng cao của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, công tác giáo dục quốc phòng và an ninh nói chung, công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên nói riêng đã không ngừng đổi mới, phát triển về mọi mặt. Quán triệt mục tiêu về giáo dục được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định: “Chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Thực hiện Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020, của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh trường Đại học sư phạm thể dục thể thao Hà Nội tiến hành xây dựng các Tập bài giảng giáo dục quốc phòng và an ninh để giảng dạy cho học sinh, sinh viên tại Trung tâm. Tập bài giảng – Tập một, bao gồm 2 phần: phần một, gồm 11 chương là những nội dung của học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam; phần hai, gồm 7 chương là những nội dung thuộc học phần Công tác quốc phòng và an ninh. Nội dung của Tập bài giảng được xây dựng tuân thủ đúng theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020, do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập bài giảng đã cập nhật được đầy đủ các quan điểm, đường lối, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật về quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới. Các nội dung trong tập bài giảng đã được nghiên cứu, định danh, biên tập lôgic, phù hợp với đối tượng giảng dạy, học tập tại Trung tâm theo quy định của Thông tư.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng do kinh nghiệm và trình độ có hạn, chắc chắn còn nhiều thiếu sót trong quá trình biên soạn. Tập thể tác giả xin được trân trọng tiếp thu các ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các thầy cô giáo, các nhà quản lý và các em học sinh, sinh viên để Tập bài giảng được hoàn thiện hơn. Các ý kiến đóng góp xin được gửi về Ban biên soạn Tập bài giảng – Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, trường Đại học sư phạm thể dục thể thao Hà Nội.

Xin chân thành cảm ơn!

PHẦN MỘT: ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Chương 1 ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Sau khi học xong, người học nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, đặc điểm, chương trình, cơ sở vật chất, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập của Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo chương trình của Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên có những kiến thức cần thiết về môn học để vận dụng, hình thành phương pháp học tập, rèn luyện đạt kết quả cao.

Về thái độ: Xác định rõ mục tiêu, quyết tâm rèn luyện, học tập để hoàn thành tốt chương trình môn học đặt ra.

B. NỘI DUNG

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và đại học. Mục tiêu của Môn học nhằm giáo dục cho mọi công dân đường lối, nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, kỹ năng quân sự cần thiết, để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống chống ngoại xâm, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và các cơ sở giáo dục đại học bao gồm: đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; công tác quốc phòng, an ninh; quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết.

Kiến thức quốc phòng và an ninh bao gồm hệ thống quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc và kỹ năng quân sự.

Kỹ năng quân sự là khả năng thực hành những nội dung cơ bản cần thiết về kỹ thuật, chiến thuật quân sự.

1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

1.2.1. Nghiên cứu đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong

tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Nghiên cứu đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần hình thành niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc và lí tưởng cho sinh viên.

1.2.2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh

Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng hiện nay, bao gồm: phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

Nghiên cứu và thực hiện tốt công tác quốc phòng và an ninh để xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam; nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật; phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm pháp luật và nâng cao trách nhiệm công dân trong bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; đấu tranh bảo vệ danh dự nhân phẩm của mình, của người khác, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và của dân tộc.

1.2.3. Nghiên cứu về quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết

Nghiên cứu kiến thức quân sự chung và kỹ năng kỹ thuật, chiến thuật quân sự cần thiết gồm các nội dung cơ bản:

Kiến thức quân sự chung gồm: chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội; điều lệnh đội ngũ từng người có súng; điều lệnh đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp.

Kỹ năng kỹ thuật, chiến thuật gồm: kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn xa đúng hướng; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

Nghiên cứu kiến thức quân sự chung và kỹ năng kỹ thuật, chiến thuật quân sự cần thiết để xây dựng ý thức kỷ luật, tính tổ chức, tinh thần đoàn kết, rèn luyện tác phong nề nếp làm việc, học tập, sinh hoạt; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh đòi hỏi phải nắm vững cơ sở phương pháp luận, các phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với đối tượng, phạm vi và tính chất đa dạng của nội dung môn học này.

1.3.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận chung nhất của việc nghiên cứu Giáo dục quốc phòng và an ninh là học thuyết Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó những quan điểm của các nhà kinh điển Mác - Lê nin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến tranh,

quân đội, về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân... là nền tảng thế giới quan, nhận thức luận của sự nghiên cứu, vận dụng đường lối quân sự của Đảng và những vấn đề cơ bản khác của giáo dục quốc phòng và an ninh. Việc xác định học thuyết Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở phương pháp luận, đòi hỏi quá trình nghiên cứu, phát triển giáo dục quốc phòng và an ninh phải nắm vững và vận dụng đúng đắn các quan điểm tiếp cận khoa học sau đây:

1.3.1.1. Quan điểm hệ thống

Đặt ra yêu cầu nghiên cứu, phát triển các nội dung của giáo dục quốc phòng và an ninh một cách toàn diện, tổng thể, trong mối quan hệ phát triển giữa các bộ phận, các vấn đề của môn học.

1.3.1.2. Quan điểm lịch sử, logic

Trong nghiên cứu giáo dục quốc phòng và an ninh đòi hỏi phải nhìn thấy sự phát triển của đối tượng, vấn đề nghiên cứu theo thời gian, không gian với những điều kiện lịch sử, cụ thể để từ đó giúp ta phát hiện, khái quát, nhận thức đúng những quy luật, nguyên tắc của hoạt động quốc phòng, an ninh.

1.3.1.3. Quan điểm thực tiễn

Chỉ ra phương hướng cho việc nghiên cứu giáo dục quốc phòng và an ninh là phải bám sát thực tiễn xây dựng quân đội và công an nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu

Với tư cách là bộ môn khoa học nằm trong hệ thống khoa học quân sự, phạm vi nghiên cứu của giáo dục quốc phòng và an ninh rất rộng, nội dung nghiên cứu đa dạng, được cấu trúc theo hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp luôn có sự kế thừa và phát triển. Vì vậy giáo dục quốc phòng và an ninh được tiếp cận nghiên cứu với nhiều cách thức, phù hợp với tính chất của từng nội dung và vấn đề nghiên cứu cụ thể.

1.3.2.1. Trong nghiên cứu xây dựng, phát triển nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh với tư cách là một bộ môn khoa học cần chú ý sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học

- Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Như phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hoá, mô hình hoá, giả thuyết... nhằm thu thập thông tin khoa học trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu về quốc phòng, an ninh để rút ra các kết luận khoa học cần thiết, không ngừng bổ sung, phát triển làm phong phú nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Như quan sát, điều tra, khảo sát thực tế, nghiên cứu các sản phẩm quốc phòng, an ninh, tổng kết kinh nghiệm, thí nghiệm, thực nghiệm... nhằm tác động trực tiếp vào đối tượng trong thực tiễn, từ đó khái quát bản chất, quy luật của các hoạt động quốc phòng và an ninh; bổ sung làm phong phú nội dung cũng như kiểm định tính xác thực, tính đúng đắn của các kiến thức giáo dục quốc phòng và an ninh.

1.3.2.2. Trong nghiên cứu lĩnh hội các kiến thức quốc phòng và an ninh cần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành

Môn học giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện mục tiêu trang bị cả kiến thức quốc phòng, an ninh và kỹ năng quân sự cần thiết, để người học đạt được mục tiêu của môn học đặt ra đòi hỏi phải sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học lý thuyết và dạy học thực hành.

Đổi mới phương pháp dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học tiên tiến, kết hợp với sử dụng các phương tiện kĩ thuật dạy học hiện đại. Trong quá trình học tập, nghiên cứu các vấn đề, các nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh cần chú ý sử dụng các phương pháp tạo tình huống, nêu vấn đề, đối thoại, tranh luận sáng tạo; tăng cường thực hành, thực tập sát với thực tế chiến đấu, công tác quốc phòng; tăng cường tham quan thực tế, viết thu hoạch, tiểu luận; tăng cường sử dụng các phương tiện kĩ thuật, thiết bị quân sự hiện đại phục vụ các nội dung học tập; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu môn học giao dục quốc phòng và an ninh.

1.4. Giới thiệu về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh

1.4.1. Đặc điểm về môn học

Là môn học được luật định, thể hiện rõ đường lối giáo dục của Đảng, được thể chế hoá bằng các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, nhằm giúp sinh viên thực hiện mục tiêu là góp phần “hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kĩ thuật quân sự, thuộc nhóm các môn học chung, có tỉ lệ lí thuyết chiếm 56,4%, thực hành chiếm 43,6% chương trình môn học. Nội dung bao gồm kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng, công tác quốc phòng và an ninh; kiến thức quân sự chung và kĩ năng kỹ thuật, chiến thuật quân sự cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Giáo dục quốc phòng và an ninh góp phần xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong quân sự. Giảng dạy và học tập có chất lượng môn học giáo dục quốc phòng và an ninh là góp phần đào tạo cho đất nước một đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật, cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ có ý thức, năng lực sẵn sàng tham gia thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên mọi cương vị công tác.

1.4.2. Chương trình

1.4.2.1. Nội dung chương trình

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình gồm 4 học phần với tổng thời lượng 165 tiết.

Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, 45 tiết.

Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh, 30 tiết.

Học phần III: Quân sự chung, 30 tiết.

Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, 60 tiết.

1.4.2.2. Tổ chức thực hiện chương trình

- Đào tạo trình độ trung cấp sư phạm học 02 học phần, thời lượng 75 tiết, gồm Học phần I - Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam và Học phần III - Quân sự chung.

¹Luật Giáo dục (2005), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Đào tạo liên thông từ trung cấp sư phạm lên cao đẳng sư phạm, đại học học bổ sung 02 học phần, thời lượng 90 tiết gồm Học phần II - Công tác quốc phòng và an ninh và Học phần IV - Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

- Đào tạo trình độ cao đẳng sư phạm, đại học đủ 04 học phần.

1.4.3. Cơ sở vật chất thiết bị dạy học

Các trường có trung tâm, khoa hoặc bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh phải có phòng học chuyên dùng, thao trường tổng hợp; có đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Việc quản lý, sử dụng và bảo quản vũ khí, trang thiết bị giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

1.4.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

1.4.4.1. Tổ chức dạy và học

Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ở các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Các học viện, trường đại học, trường quân sự tổ chức trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hoặc tổ chức khoa, bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh để giúp giám đốc, hiệu trưởng quản lý và tổ chức giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên.

Các trường cao đẳng, trung cấp sư phạm tổ chức bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh, bộ môn ghép hoặc bổ trí cán bộ phụ trách để giúp hiệu trưởng quản lý và tổ chức giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên.

1.4.4.2. Đánh giá kết quả học tập

- *Điều kiện kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học phần*

Sinh viên phải học đúng chương trình qui định của trình độ đào tạo, có đủ 80% thời gian có mặt nghe giảng lí thuyết trên lớp, thực hành tại thao trường mới được kiểm tra điều kiện, điểm điều kiện từ 5 điểm trở lên mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

Điểm kiểm tra điều kiện và điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Sinh viên được công nhận hoàn thành học phần khi có điểm thi kết thúc học phần đạt từ 05 điểm trở lên.

Kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh là điểm trung bình cộng các điểm học phần (tính theo hệ số tương ứng với số tín chỉ của từng học phần), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

- *Công nhận hoàn thành nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh*

Sinh viên tham gia học đúng chương trình qui định và có đủ điểm thi các học phần đạt từ 5 điểm trở lên.

Sinh viên được công nhận hoàn thành nội dung chương trình thì được xét cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

- *Điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh*

Sinh viên được cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh khi điểm trung bình môn học đạt từ 05 điểm trở lên và tại thời điểm cấp chứng chỉ, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Không cấp chứng chỉ cho sinh viên là đối tượng được miễn học hoàn toàn chương trình môn học quốc phòng và an ninh.

Sinh viên chưa đủ điều kiện được cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh (Trừ trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự) học viện, nhà trường liên kết và Trung tâm sẽ bố trí học vào thời gian thích hợp và thông báo cho sinh viên biết thời gian học để hoàn thành chương trình theo quy định.

- *Miễn trừ học tập, tạm hoãn học tập môn học*

Sinh viên được miễn học, kiểm tra, thi kết thúc môn học nếu thuộc một trong các trường hợp sau: có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp; có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh tương đương với trình độ đào tạo hoặc cao hơn; có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp đã hoàn thành và có điểm đạt yêu cầu của môn học trong chương trình đào tạo trình độ tương ứng hoặc cao hơn so chương trình đào tạo trình độ đang học; có bằng tốt nghiệp từ trình độ trung cấp sư phạm trở lên do cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cấp thì được miễn học, miễn kiểm tra, thi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo trình độ tương ứng hoặc thấp hơn; sinh viên là người nước ngoài.

Sinh viên được miễn học, các nội dung thực hành kỹ năng quân sự nếu thuộc một trong các trường hợp sau: là tu sĩ thuộc các tôn giáo; không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành; đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

Sinh viên được tạm hoãn học môn học nếu thuộc một trong các trường hợp sau: vì lý do sức khỏe không bảo đảm để học môn học theo kế hoạch học tập trung và phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế khám chữa bệnh hợp pháp; là phụ nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành; có lý do khác không thể tham gia hoàn thành môn học, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được hiệu trưởng nhà trường hoặc được thủ trưởng trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh chấp thuận; sinh viên đang học tập ở nước ngoài hoặc đang học tập tại các trường của nước ngoài, các trường nước ngoài liên doanh, liên kết tại Việt Nam.

Đối tượng được miễn học và miễn thi các học phần: sinh viên chuyển trường (có giấy chuyển trường của cơ sở đào tạo cũ và giấy tiếp nhận của cơ sở đào tạo mới) được miễn học những nội dung đã được học của chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh; sinh viên đào tạo liên thông hoặc hoàn thiện trình độ cao hơn được hiệu trưởng nhà trường (Giám đốc) xem xét, quyết định cho miễn học những nội dung đã được học của chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh ở chương trình đào tạo trình độ thấp hơn.

Giáo dục quốc phòng và an ninh trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và đại học là môn học chính khóa. Khi thực hiện chương trình phải kết hợp giáo dục quốc phòng và an ninh với giáo dục chính trị tư tưởng, phổ biến, giáo dục pháp luật và gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện. Nội dung giáo dục toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm bằng các hình thức phù hợp; kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, giữa lý thuyết và thực hành. Xây dựng chương trình, nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh phải phù hợp với từng đối tượng, đáp ứng kịp thời tình hình thực tế. Các cơ sở giáo dục đào tạo, Trung tâm quốc phòng và an ninh và sinh viên cần phải thực sự quan tâm và nêu cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện chương trình môn học này.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Mục tiêu và đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ?
2. Chương trình và tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ?

Chương 2

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍMINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Sau khi học xong, người học nắm được hệ thống những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Về kỹ năng: Giúp cho người học hình thành thế giới quan, phương pháp luận và tư duy khoa học, cách mạng để nghiên cứu, quán triệt đúng đắn các quan điểm, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc.

Về thái độ: Bồi đắp, hình thành thế giới quan cách mạng, khoa học Mác xít; xây dựng lập trường chính trị kiên định, vững vàng sẵn sàng tham gia đấu tranh có hiệu quả với các luận điệu phản động để bảo vệ vững chắc nền tảng lý luận khoa học của Đảng.

B. NỘI DUNG

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là những luận cứ lý luận khoa học, đúng đắn có giá trị thực tiễn to lớn để Đảng ta, Quân đội ta nghiên cứu, vận dụng trong công cuộc xây dựng Quân đội nhân dân và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch đang ráo riết đẩy mạnh các hoạt động tấn công nhằm hạ bệ giá trị của chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phi chính trị hóa đối với Lực lượng vũ trang, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Do đó, nghiên cứu, nắm vững và bảo vệ giá trị lý luận, khoa học, thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, quan điểm về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc nói riêng là yêu cầu có tính cấp thiết, sống còn đối với mặt trận đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa hiện nay. Đồng thời còn là cơ sở để vận dụng xây dựng Quân đội ta, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân vững mạnh để bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời đại mới.

2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

2.1.1. Quan điểm trước Mác về chiến tranh

Trước Mác đã có nhiều nhà tư tưởng đề cập đến chiến tranh, song đáng chú ý nhất là tư tưởng của một số học giả tiêu biểu của các trường phái sau.

Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770-1831) cho rằng: chiến tranh có một khía cạnh đạo đức riêng, góp phần tôn vinh giá trị cao quý của hoạt động sống của con người. Chiến tranh trắc nghiệm sức mạnh và khả năng vận hành của một quốc gia, tạo cơ hội gìn giữ đạo lý và tinh thần tự quyết của một dân tộc. Chiến tranh là hình thức xung đột căng thẳng và khốc liệt nhất; xung đột giữa các quốc gia được quyết định bởi chiến tranh. Bên cạnh việc nhận thấy chiến tranh là hình thức xung đột bạo lực cao nhất, nó kiểm tra tổng thể sức mạnh của quốc gia, Hegel còn có hạn chế có hữa của trường phái duy tâm khi cho rằng chiến tranh là tất yếu, gắn liền với hòa bình, chiến tranh nhằm mục đích giữ gìn giá trị tinh thần quốc gia - dân tộc.

Carl von Clausewitz (1780 - 1831), Ông quan niệm: Chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phục tùng ý chí của mình. Chiến tranh là sự huy động sức mạnh không hạn độ, sức mạnh đến tận cùng của các bên tham chiến. Ở đây, C.Ph.Claudovít đã chỉ ra được đặc trưng cơ bản của chiến tranh đó là sử dụng bạo lực. Tuy nhiên, C.Ph.Claudovít chưa luận giải được bản chất của hành vi bạo lực ấy.

2.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh

Trên cơ sở tiếp thu các hạt nhân đúng đắn, khắc phục các quan điểm sai lầm, tiêu cực của các quan điểm phi Mác xít về chiến tranh, với thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng, kết hợp với phương pháp logic và lịch sử, dựa trên những thành tựu của khoa học đương thời, các nhà kinh điển của CN Mác – Lênin đã đưa ra những luận giải đúng đắn, khoa học về chiến tranh như sau.

2.1.2.1. Khái niệm

Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định: chiến tranh là kết quả của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nhưng nó không phải là những mối quan hệ giữa người với người nói chung, mà là mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Khác với các hiện tượng chính trị - xã hội khác, chiến tranh được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt đó là bạo lực vũ trang. *Chiến tranh là hiện tượng chính trị xã hội có tính lịch sử, đó là cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức giữa các giai cấp, nhà nước (hoặc liên minh giữa các nước) nhằm đạt mục đích chính trị nhất định.*

- Mục đích của chiến tranh là nhằm đạt mục đích chính trị của các giai cấp, các nhà nước trong cuộc chiến tranh đó.

- Đặc trưng của chiến tranh là xung đột vũ trang giữa các giai cấp, các nhà nước hoặc liên minh các nhà nước.

- Nguồn gốc của chiến tranh, nó ra đời, nảy sinh gắn với những điều kiện lịch sử, xã hội, chính trị nhất định.

2.1.2.2. Nguồn gốc của chiến tranh

C.Mác và Ph.Ăngghen lần đầu tiên trong lịch sử đã luận giải một cách đúng đắn về nguồn gốc nảy sinh chiến tranh. Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc sâu xa (nguồn gốc kinh tế), suy đến cùng đã dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh. Đồng thời, sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp là nguồn gốc trực tiếp (nguồn gốc xã hội) trực tiếp dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh.

Thực tiễn hình thành và phát triển xã hội loài người đã chứng minh cho nhận định trên. Trong tác phẩm: "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", Ph.Ăngghen chỉ rõ: Trải qua hàng vạn năm trong chế độ cộng sản nguyên thủy, khi chưa có chế độ tư hữu, chưa có giai cấp đối kháng thì chiến tranh với tính cách là một hiện tượng chính trị xã hội cũng chưa xuất hiện.. Mặc dù ở thời kì này đã xuất hiện những cuộc xung đột vũ trang. Nhưng đó không phải là một cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng "Lao động thời cỗ". Bởi vì, xét về mặt xã hội, xã hội cộng sản nguyên thủy là một xã hội không có giai cấp, bình đẳng, không có tình trạng phân chia thành kẻ giàu, người nghèo, kẻ đi áp bức bóc lột và người bị áp bức bóc lột. Về kinh tế, không có của "dư thừa tương đối" để người này có thể chiếm đoạt lao động của người khác, mục tiêu các cuộc xung đột đó chỉ để tranh giành các điều kiện tự nhiên thuận lợi để tồn tại như : nguồn nước, bãi cỏ, vùng săn bắn hay hang động,... Về mặt kĩ thuật

quân sự, trong các cuộc xung đột này, tất cả các bên tham gia đều không có lực lượng vũ trang chuyên nghiệp, cũng như vũ khí chuyên dùng. Tất cả các thành viên của bộ lạc với mọi công cụ lao động thường ngày đều tham gia vào cuộc xung đột đó. Do đó, các cuộc xung đột vũ trang này hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên tự phát. Theo đó, Ph.Ăngghen chỉ rõ, khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xuất hiện và cùng với nó là sự ra đời của giai cấp, tầng lớp áp bức bóc lột thì chiến tranh ra đời và tồn tại như một tất yếu khách quan. Chế độ áp bức bóc lột càng hoàn thiện thì chiến tranh càng phát triển. Chiến tranh trở thành "Bạn đường" của mọi chế độ tư hữu.

Phát triển những luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, V.I. Lênin chỉ rõ trong thời đại ngày nay, còn chủ nghĩa đế quốc còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc.

Như vậy, chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có đối kháng giai cấp và áp bức bóc lột, chiến tranh không phải là một định mệnh gắn liền với con người và xã hội loài người. Muốn xoá bỏ chiến tranh phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra nó.

2.1.2.3. Bản chất của chiến tranh

Bản chất chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng nhất của học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh, quân đội. Theo V.I. Lênin: "Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những biện pháp khác" (cụ thể là bằng bạo lực)¹. Theo V.I. Lênin, khi phân tích bản chất chiến tranh, nhất thiết phải có quan điểm chính trị - giai cấp, xem chiến tranh chỉ là một hiện tượng lịch sử cụ thể.

Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin: "Chính trị là sự phản ánh tập trung của kinh tế"², "Chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc"³, chính trị là sự thống nhất giữa đường lối nội và đường lối ngoại, trong đó đường lối đối ngoại phụ thuộc vào đường lối đối nội. Như vậy, chiến tranh chỉ là một thời đoạn, một bộ phận của chính trị, nó không làm gián đoạn chính trị. Ngược lại, mọi chức năng, nhiệm vụ của chính trị đều được tiếp tục thực hiện trong chiến tranh. Giữa chiến tranh và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục chiến tranh, chính trị chỉ đạo toàn bộ hoặc phần lớn tiến trình và kết cục của chiến tranh, chính trị quy định mục tiêu và điều chỉnh mục tiêu, hình thức tiến hành đấu tranh vũ trang. Chính trị không chỉ kiểm tra toàn bộ quá trình tác chiến, mà còn sử dụng kết quả sau chiến tranh để đề ra những nhiệm vụ, những mục tiêu mới cho giai cấp, xã hội trên cơ sở thắng lợi hay thất bại của chiến tranh.

Ngược lại, chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị. Chiến tranh tác động trở lại chính trị theo hai hướng tích cực hoặc tiêu cực; hoặc tích cực ở khâu này nhưng lại tiêu cực ở khâu khác. Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể, thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần của lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến. Chiến tranh tác động lên chính trị thông qua việc làm thay đổi về chất tinh hình xã hội, nó làm phức tạp hóa các mối quan hệ và làm tăng thêm những mâu thuẫn vốn có trong xã hội có đối kháng giai cấp. Chiến tranh có thể đẩy nhanh sự chín muồi của cách mạng hoặc làm mất đi tinh thần cách mạng. Chiến tranh kiểm tra sức sống của toàn bộ chế độ chính trị xã hội.

¹ V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 26, Bản tiếng Việt, Nxb Tiền bộ, Mátxcova, 1980, tr. 397.

² V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 42, Bản tiếng Việt, Nxb Tiền bộ, Mátxcova, 1976, tr. 349.

³ V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 49, Bản tiếng Việt, Nxb Tiền bộ, Mátxcova, 1978, tr. 500.

Trong thời đại ngày nay mặc dù chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị "song bản chất chiến tranh vẫn không có gì thay đổi, chiến tranh vẫn là sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất định. Đường lối chính trị của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn luôn chứa đựng nguy cơ chiến tranh, đường lối đó đã quyết định đến mục tiêu chiến tranh, tổ chức biên chế, phương thức tác chiến, vũ khí trang bị" của quân đội do chúng tổ chức ra và nuôi dưỡng.

2.1.2.4. Tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh

Để có thái độ đúng đắn đối với chiến tranh, V.I.Lênin xác định: “Đối với người Mácxit thì làm sáng tỏ tính chất của chiến tranh là tiền đề cần thiết để giải quyết vấn đề thái độ của mình đối với chiến tranh”¹. Thực chất phạm trù tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh là sự phân định vai trò của mỗi bên tham chiến đối với tiến bộ xã hội. Tức, việc tham gia chiến tranh nhằm tiêu diệt lực lượng phản động, phản cách mạng, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội thì đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa. Ngược lại, nếu việc tham chiến nhằm mục đích xâm lược, củng cố, gia tăng sự áp bức, bóc lột, kìm hãm tiến bộ xã hội đó là cuộc chiến phi nghĩa.

Muốn đánh giá tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh phải đảm bảo tính cơ bản, khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể trên các mặt: chính trị, đạo đức, luật pháp, thẩm mỹ. Trong đó, đánh giá về mặt chính trị là quan trọng nhất, mấu chốt nhất, bởi vì theo V.I Lênin: “Chiến tranh chẳng qua chỉ là chính trị từ đầu đến cuối”². Tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh là biểu hiện cụ thể hoá bản chất của chiến tranh và vai trò của mỗi bên tham chiến đối với tiến bộ xã hội. Bản chất chiến tranh được che dấu dưới nhiều hiện tượng, chiêu bài, cho nên thông qua những căn cứ, tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh và thái độ của các lực lượng xã hội, từ đó vạch trần bản chất thực sự của mỗi bên tham chiến. Theo đó, chiến tranh chính nghĩa là cuộc chiến tranh do giai cấp tiến bộ lãnh đạo tiến hành, nhằm thực hiện mục đích chính trị tốt đẹp, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội, với xu thế của thời đại và nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân lao động. Thời đại hiện nay, những cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc; chiến tranh bảo vệ tổ quốc do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, đó là những cuộc chiến tranh chính nghĩa. Chiến tranh phi nghĩa là cuộc chiến tranh do giai cấp lỗi thời, phản động lãnh đạo tiến hành, nhằm thực hiện mục đích chính trị phản động, trái với quy luật phát triển của xã hội, với xu thế của thời đại và nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân lao động. Thời đại hiện nay, những cuộc chiến tranh xâm lược, chiến tranh chống chủ nghĩa xã hội, chống phong trào giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội, đều là chiến tranh phi nghĩa.

Trong chiến tranh thường có một bên chính nghĩa và một bên phi nghĩa, nhưng có cuộc chiến tranh tất cả các bên tham chiến đều phi nghĩa. Do đó, mỗi bên tham chiến đều có tình chứng minh cuộc chiến tranh mà mình tiến hành là chính nghĩa. Ngoài ra, tính chất chính trị - xã hội của cuộc chiến tranh cụ thể không cố định, bất biến mà có sự vận động, biến đổi từ chính nghĩa sang phi nghĩa hoặc ngược lại. Do quá trình chiến tranh có thể diễn ra những thay đổi về mục tiêu chính trị, so sánh lực lượng, phương thức đấu tranh.

2.1.2.5. Qui luật cơ bản của chiến tranh

¹V.I.Lênin, *Toàn tập*, Tập 26, Nxb CTQG, Hà Nội, 2005, tr. 29.

² V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 32, Nxb CTQG, Hà Nội, 2005, tr. 356.

Học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh chỉ rõ: Quy luật chiến tranh là những mối liên hệ cơ bản, tất yếu, ổn định mang tính phổ biến giữa các mặt, các yếu tố của chiến tranh, quyết định sự phát sinh, phát triển, kết cục của chiến tranh. Quy luật chiến tranh chỉ tồn tại và biểu hiện thông qua hoạt động của con người. Không có hoạt động của con người sẽ không có sự nảy sinh và tồn tại của các quy luật chiến tranh. Quy luật chiến tranh mang tính xu hướng, tính lịch sử cụ thể, gắn với không gian, thời gian, điều kiện hoàn cảnh nhất định. Quy luật chiến tranh vận động phức tạp, nhanh chóng và có nhiều đột biến. Ph.Ăngghen cho rằng: “Khởi nghĩa là một bài toán có những đại lượng rất bất định mà giá trị có thể thay đổi từng ngày”¹.

Quy luật cơ bản nhất của chiến tranh là mạnh được yếu thua. Theo quan điểm của CN Mác - Lênin, kết quả của chiến tranh được quyết định bởi sự so sánh giữa các bên tham chiến về tổng hòa của các yếu tố cơ bản: chính trị - tinh thần, kinh tế, quân sự, khoa học – công nghệ. Tức là, bên nào huy động, tổ chức được các lực lượng, phương tiện, vũ khí trang bị (cả vật chất và tinh thần, cả bên trong và bên ngoài) để tạo nên sức mạnh tổng lực lớn hơn đối phương; biết vận dụng thực hành các phương thức tác chiến hiệu quả hơn; xây dựng, tổ chức được thế trận chiến tranh vững chắc hơn bên đó sẽ giành chiến thắng.

V.I.Lênin đặc biệt nhấn mạnh về vai trò của nhân tố chính trị tinh thần trong chiến tranh: “Trong mọi cuộc chiến tranh rốt cuộc thắng lợi đều phụ thuộc vào tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường”². Vì thế, ưu thế trong chiến tranh sẽ thuộc về phía có khả năng chịu đựng mọi thử thách của chiến tranh và ý chí quyết thắng của quân đội và nhân dân cao hơn.

2.1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

Trên cơ sở tiếp thu và vận dụng sáng tạo quan điểm của CN Mác – Lênin về chiến tranh, truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc ta và các tư tưởng chiến tranh của nhân loại, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh là hệ thống các quan điểm đúng đắn, khoa học, tiến bộ về chiến tranh và gắn với cuộc chiến tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam.

2.1.3.1. Mục đích của chiến tranh

Thực dân Pháp đã che đậy mục đích thực sự của cuộc chiến tranh đối với nước ta bằng các thủ đoạn mỵ dân, ru ngủ nhân dân khi chúng tuyên truyền rằng, người Pháp “khai hóa văn minh” cho người An Nam. Để vạch trần bản chất cuộc chiến tranh của thực dân Pháp đối với nước ta, từ đó thức tỉnh các tầng lớp nhân dân, khi nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh đã khai quát bằng hình ảnh “con đĩa hai voi”, một voi hút máu nhân dân lao động chính quốc, một voi hút máu nhân dân lao động thuộc địa. Trong hội nghị Véc-Xây, Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất, bộ mặt thật của sự xâm lược thuộc địa và chiến tranh cướp bóc của chủ nghĩa thực dân Pháp: “Người Pháp khai hóa văn minh bằng rượu lậu, thuốc phiện”.

Nói về mục đích cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người khẳng định: “Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ”³. Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến xâm lược. Ngược lại cuộc chiến tranh của

¹C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 8, Nxb CTQG, Hà Nội, 1993, tr.123.

²V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.147.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 150.

nhân ta chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc chiến tranh nhằm giành lại và bảo vệ độc lập, chủ quyền, và thống nhất đất nước.

2.1.3.2. Tính chất xã hội của chiến tranh và phương pháp cách mạng

Trên cơ sở mục đích chính trị của chiến tranh, Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, từ đó xác định thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về bạo lực cách mạng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn chiến tranh cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: "Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực, độc lập tự do không thể cầu xin mà có được, phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền"¹. Bạo lực cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh được tạo bởi sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

2.1.3.3. Phương châm tiến hành chiến tranh

Hồ Chí Minh Khẳng định: Ngày nay chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Người chủ trương phải dựa vào dân, coi dân là gốc, là cội nguồn của sức mạnh để "xây dựng lâu thắng lợi" với phương châm tiến hành chiến tranh: "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh".

Tư tưởng của Người được thể hiện rõ nét trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người viết ngày 19/12/1946: "Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc... hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuồng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước"². Để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược, Người tiếp tục khẳng định: "Ba mươi mốt triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kì già trẻ, gái trai, phải là ba mươi mốt triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mĩ cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng"³.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá... ngoại giao. Người khẳng định: "Kháng chiến phải trường kỳ, vì đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo, ta phải chuẩn bị lâu dài". Đánh lâu dài là do tương quan so sánh lực lượng ban đầu giữa ta và địch, địch dựa vào thế mạnh về quân sự, kinh tế để thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh; ta phải trường kỳ kháng chiến để tránh thế mạnh ban đầu của địch và có thời gian chuyển hóa lực lượng từ yếu thành mạnh để thắng địch. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tự lực cánh sinh, phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, giữ vững chủ động trong chiến tranh. Tự lực cánh sinh là dựa vào sức mình là chính, cả sức mạnh vật chất và tinh thần của toàn thể dân tộc Việt Nam. Người khẳng định: "Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập"⁴.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 304.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 480.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 323.

⁴"Bài nói chuyện tại hội nghị chiến tranh du kích", ngày 13 tháng 7 năm 1952.

2.1.3.4. Phương thức tiến hành chiến tranh

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ phương thức tiến hành chiến tranh là chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Là cuộc chiến tranh toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Đây là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.

Người viết "Trước kia, chỉ có quân đội đánh nhau ở tiền tuyến và trên mặt đất hay trên mặt nước, nên người ta gọi là bình diện chiến tranh. Ngày nay, đánh nhau ở cả trên không và cả ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương, nên người ta gọi là lập thể chiến tranh. Trước kia, chỉ đánh nhau về mặt quân sự, ngày nay đánh nhau về đủ mọi mặt: quân sự, kinh tế, chính trị, tư tưởng nên người ta gọi là toàn diện chiến tranh. Chiến tranh ngày nay phức tạp và hết sức khó khăn. Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể thắng lợi được"¹.

Người khẳng định rằng chiến tranh nhân dân phải có lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt, có hậu phương vững mạnh. Phải xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích); xây dựng lực lượng quần chúng cách mạng đông đảo ở cả vùng giải phóng và vùng địch tạm chiếm. Chúng ta đã thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân hết sức độc đáo, hiệu quả, bằng sự kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực cơ động; trong đó, các binh đoàn chủ lực giữ vai trò nòng cốt trong các chiến dịch, thực hiện tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn. Chiến tranh nhân dân địa phương phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân đánh giặc, với các hình thức và cách đánh linh hoạt, tạo thế, giữ thế, thời cơ cho lực lượng chủ lực cơ động thực hiện đòn đánh tiêu diệt lớn quân địch ở địa điểm và thời cơ quyết định, tạo bước ngoặt làm thay đổi tương quan so sánh lực lượng và cục diện chiến trường có lợi cho ta.

Sự khái quát trên đã phản ánh nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới và là một sự phát triển đến đỉnh cao tư tưởng vũ trang toàn dân của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự phát triển sâu sắc làm phong phú thêm lí luận Mác-xít về chiến tranh nhân dân trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội là những luận điểm cách mạng, khoa học về quân đội và xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân nhằm đấu tranh cách mạng, giành chính quyền và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quân đội

2.2.1.1. Khái niệm quân đội

Theo Ph.Ăngghen: "Quân đội là một tập đoàn người vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng ngự"².

Như vậy theo Ph.Ăngghen, quân đội là một tổ chức của một giai cấp và nhà nước nhất định, là công cụ bạo lực vũ trang chủ yếu nhất, là lực lượng nòng cốt để nhà nước, giai cấp tiến hành chiến tranh và đấu tranh vũ trang.

Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản phát triển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền (Chủ nghĩa đế quốc), V.I. Lênin nhấn mạnh: chức năng cơ bản của quân đội đế quốc là phương tiện quân sự chủ yếu để đạt mục đích chính trị đối ngoại là tiến hành chiến tranh

¹ Bài viết "Hình thức chiến tranh ngày nay", Báo Cứu quốc ngày 20-09-1946.

² Ph.Ăngghen, *Tuyển tập Luận văn quân sự*, tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1978, tr.9.

xâm lược và duy trì quyền thống trị của bọn bóc lột đối với nhân dân lao động trong nước.

2.2.1.2. Nguồn gốc của quân đội

Từ khi quân đội xuất hiện đến nay, đã có không ít nhà lí luận đề cập đến nguồn gốc, bản chất của quân đội trên các khía cạnh khác nhau. Nhưng chỉ có chủ nghĩa Mác - Lê nin mới lí giải đúng đắn và khoa học về hiện tượng chính trị xã hội đặc thù này.

Chủ nghĩa Mác - Lê nin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của quân đội từ sự phân tích cơ sở kinh tế - xã hội và khẳng định: quân đội là một hiện tượng lịch sử, ra đời trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội. Chính chế độ tư hữu và đối kháng giai cấp đã làm nảy sinh nhà nước thống trị bóc lột. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và đàn áp quần chúng nhân dân lao động giai cấp thống trị đã tổ chức ra lực lượng vũ trang thường trực làm công cụ bạo lực của nhà nước.

Như vậy, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là nguồn gốc ra đời của quân đội. Chừng nào còn chế độ tư hữu, còn chế độ áp bức bóc lột thì quân đội vẫn còn tồn tại. Quân đội chỉ mất đi khi giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong.

2.2.1.3. Bản chất giai cấp của quân đội

Khi bàn về bản chất của quân đội, chủ nghĩa Mác - Lê nin khẳng định bản chất quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của một giai cấp, nhà nước nhất định nhằm mục đích bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng, sử dụng nó. Bản chất giai cấp của quân đội phụ thuộc vào bản chất giai cấp của nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó. Quân đội do giai cấp, nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng và xây dựng theo đường lối, quan điểm chính trị, quân sự của giai cấp mình. Đó là cơ sở để quân đội trung thành với nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra nó.

Bản chất giai cấp của quân đội không phải tự phát hình thành mà phải trải qua quá trình xây dựng lâu dài và được củng cố liên tục. Bản chất giai cấp quân đội là tương đối ổn định, nhưng không phải là bất biến. Sự vận động phát triển bản chất giai cấp của quân đội bị chi phối bởi nhiều yếu tố như: giai cấp, nhà nước, các lực lượng, tổ chức chính trị xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ trong quân đội. Do sự tác động của các yếu tố trên mà bản chất giai cấp của quân đội có thể được tăng cường hoặc bị phai nhạt, thậm chí bị biến chất và tuột khỏi tay nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra, nuôi dưỡng quân đội đó. Sự thay đổi bản chất giai cấp quân đội diễn ra dần dần thông qua việc tăng cường hoặc suy yếu dần các mối quan hệ trên.

Trong tình hình hiện nay, các học giả tư sản thường rêu rao luận điểm "phi chính trị hoá quân đội", cho quân đội phải đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực của toàn xã hội, không mang bản chất giai cấp. Thực chất quan điểm "phi chính trị hoá quân đội" của các học giả tư sản nhằm làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, làm giảm sức mạnh chiến đấu, từng bước làm thoái hóa về chính trị tư tưởng, phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. Đó là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc. Mặt khác, mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động không nhỏ tới tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của quân đội. Những biểu hiện cường điệu lợi ích vật chất, lè thói thực dụng, cơ hội về chính trị, sự suy giảm về đạo đức cách mạng là những cản trở trong xây dựng quân đội cách mạng hiện nay.

2.2.1.4. Sức mạnh chiến đấu của quân đội

Theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: con người, điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự. Trong xây dựng sức mạnh chiến đấu quân đội, các ông rất chú trọng đến khâu đào tạo đội ngũ cán bộ, đánh giá và nhận xét về tài năng của các tướng lĩnh quân sự, đồng thời phê phán sự yếu kém của đội ngũ này.

Bảo vệ và phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I. Lênin đã chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: yếu tố quân số, tổ chức, cơ cấu biên chế; yếu tố chính trị - tinh thần và kỷ luật; số lượng, chất lượng vũ khí trang bị kỹ thuật ; trình độ huấn luyện và thể lực; trình độ khoa học và nghệ thuật quân sự; bản lĩnh lãnh đạo, trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ các cấp. Giữa các yếu tố trên có mối quan hệ biện chứng với nhau. Tuy nhiên, vị trí, vai trò của từng yếu tố là không ngang bằng nhau, trong những điều kiện xác định, yếu tố chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định đến sức mạnh chiến đấu của quân đội. V.I. Lênin khẳng định: "Trong mọi cuộc chiến tranh rốt cuộc thắng lợi đều tuỳ thuộc vào tinh thần của quân chúng đang đổ máu trên chiến trường"¹.

2.2.1.5. Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin

V.I. Lênin kế thừa, bảo vệ và phát triển lí luận của C.Mác, Ph.Ăngghen về quân đội và vận dụng thành công trong xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, các thế lực thù địch đe dọa cuồng chóng phá nước Nga Xô viết. Để bảo vệ thành quả cách mạng, V.I. Lênin yêu cầu phải giải tán quân đội cũ và thành lập quân đội kiểu mới (Hồng quân) của giai cấp vô sản. V.I. Lênin đã chỉ ra những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng quân đội kiểu mới:

- + Đảng cộng sản lãnh đạo Hồng quân.
- + Tăng cường bản chất giai cấp công nhân.
- + Đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân.
- + Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản.
- + Xây dựng chính quy.
- + Không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức.
- + Phát triển hài hòa các quân chủng, binh chủng.
- + Sẵn sàng chiến đấu.

Trong đó sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là nguyên tắc quan trọng nhất, quyết định đến sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến thắng của Hồng quân.

Ngày nay, những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của V.I. Lênin vẫn giữ nguyên giá trị. Là cơ sở lý luận khoa học cho các Đảng Cộng sản xác định phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

2.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

2.2.2.1. Sự ra đời của Quân đội nhân dân Việt Nam là một tất yếu khách quan

Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa sự ra đời của quân đội với sự nghiệp giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc. Khẳng định sự ra đời của quân đội là một tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam, Người viết: "Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng. Muốn đánh chúng phải có lực lượng quân sự, phải có tổ chức"².

¹ V.I.Lê nin, *Toàn tập*, tập 41, Bản tiếng Việt, Nxb Tiết Bộ, Mátxitcova, 1977, tr. 147.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 71-72.

Ngày 22-12-1944, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của quân đội ta hiện nay được thành lập. Sự ra đời của quân đội xuất phát từ chính yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ở nước ta. Thực tiễn lịch sử cho thấy, kẻ thù sử dụng bạo lực phản cách mạng để áp bức nô dịch dân tộc ta. Do vậy, muôn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp chúng ta phải tổ chức ra bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

Để thực hiện mục tiêu cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức ra lực lượng vũ trang cách mạng làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc mà tiền thân của nó là những đội xích vế đỏ, du kích vũ trang, sau đó phát triển thành quân đội nhân dân. Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, đấu tranh với kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

Quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chính từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng, những thắng trầm của chiến tranh, những thử thách ác liệt cùng với những hi sinh to lớn mà phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" được rèn luyện, kiểm nghiệm nghiêm ngặt nhất và được phát triển lên những đỉnh cao.

Ngay từ khi mới thành lập mặc dù đại bộ phận cán bộ chiến sĩ xuất thân từ nông dân nhưng tất cả họ đều là những người có lòng yêu nước mãnh liệt, trí căm thù giặc sâu sắc. Trải qua những năm tháng phục vụ trong quân đội họ không ngừng được nâng cao giác ngộ cách mạng, chuyển từ giác ngộ dân tộc lên giác ngộ giai cấp, từ tinh thần độc lập dân tộc lên ý thức xã hội chủ nghĩa, chuyển lập trường của giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp công nhân để xem xét giải quyết đánh giá công việc. Sự thống nhất hữu cơ trên, từ nét đặc thù về chế độ chính trị, bản chất Nhà nước, giai cấp tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội. Quân đội nhân dân Việt Nam sinh ra từ các phong trào cách mạng của quần chúng, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, che trở và tiếp sức, lại được tổ chức giáo dục rèn luyện bởi Đảng Cộng sản Việt Nam - Người đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp, dân tộc và nhân dân, vì vậy quân đội luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

2.2.2.2. Bản chất của Quân đội nhân dân Việt Nam

Với cương vị là người tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho Quân đội, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện. Trong buổi lễ phong quân hàm cho các cán bộ cao cấp Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 22/12/1958, Người vừa biểu dương, vừa căn dặn: "Quân đội đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho, đã có truyền thống vẻ vang là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, chiến đấu anh dũng, công tác và lao động tích cực, tiết kiệm, cần cù, khiêm tốn, giản dị, đoàn kết nội bộ, đồng cam cộng khổ với nhân dân, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ"¹. Lời căn dặn của Người là sự khái quát các phẩm chất, tiêu chí của bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong bài nói chuyện tại buổi chiêu đãi mừng quân đội ta tròn hai mươi tuổi ngày 22/12/1964, một

¹Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 247.

lần nữa Hồ Chí Minh lại khẳng định, bản chất giai cấp của quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của giai cấp, nhà nước. Người viết: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"¹.

Quân đội nhân dân Việt Nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, được nhân dân hết lòng yêu thương, dùm bọc, đồng thời được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của một dân tộc có hàng ngàn năm văn hiến và lịch sử đấu tranh dựng nước gắn liền với giữ nước oanh liệt. Do đó, ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình phát triển, quân đội ta luôn thực sự là một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

Người khẳng định, quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Đây là một trong những công hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển lí luận về quân đội. Người lập luận, bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của quân đội ta là một thể thống nhất, xem đó như là biểu hiện tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản. Trong bài Tình đoàn kết quân dân ngày càng thêm bền chặt 3/3/1952, Người viết: "Quân đội ta là quân đội nhân dân. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để tranh lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác"².

2.2.2.3. Sức mạnh chiến đấu của quân đội Quân đội nhân dân Việt Nam

Thẩm nhuần quan điểm của V. I. Lenin về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, chỉ đạo xây dựng quân đội ta vững mạnh về mọi mặt. Người cho rằng, sức mạnh chiến đấu của quân đội là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố: con người, vũ khí trang bị, trong đó yếu tố con người giữ vai trò quyết định. Người nói: "Vì chúng ta quên một lẽ rất giản đơn dễ hiểu: tức là vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả"³. Người cho rằng, để nâng cao sức mạnh quân đội thì trước hết phải tăng cường sức mạnh chính trị tinh thần. Người khẳng định: "Dù địch có những vũ khí tối tân, hùng binh ác tướng, nhưng chúng ta lại có những thứ vũ khí mạnh mẽ hơn, bền bỉ hơn chúng. Chúng ta có cái chí quật cường không núng của dân tộc, chúng ta có sự đoàn kết của toàn dân. Chúng ta có cái lòng hy sinh cảm tử của chiến sĩ ở tiền tuyến. Chúng ta có cái sức kiên quyết nhẫn耐 của đồng bào ở hậu phương. Đó là những vũ khí luôn luôn chiến thắng quân thù, chứ không lực lượng nào chiến thắng được những vũ khí đó"⁴.

2.2.2.4. Cơ chế, nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam

Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội là một nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản. Bắt nguồn từ nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lenin về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm đến công cụ đặc biệt này để nó thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh giai cấp, kể cả tiến hành chiến tranh.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 349 - 350.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.426-427.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 281.

⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 219.

Đảng Cộng sản Việt Nam - Người tổ chức lãnh đạo giáo dục và rèn luyện quân đội - là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong suốt quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự chăm lo đặc biệt đối với quân đội. Điều này được thể hiện rõ nét trong cơ chế lãnh đạo: tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội trong thực hiện chế độ công tác đảng, công tác chính trị. Nhờ đó, Quân đội nhân dân Việt Nam trở thành một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Thành tựu to lớn trong tăng cường bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta là, Đảng đã đào tạo nên những thế hệ "Bộ đội cụ Hồ", một mẫu hình mới của con người xã hội chủ nghĩa trong quân đội kiểu mới. Như vậy, không có một Đảng Cộng sản chân chính, không có một giai cấp công nhân Việt Nam cách mạng, kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa, thì quân đội nhân dân Việt Nam không thể giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu lí tưởng chiến đấu của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một Quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục.

2.2.2.5. *Nhiệm vụ, chức năng cơ bản của Quân đội nhân dân Việt Nam*

Mục tiêu lí tưởng chiến đấu của quân đội ta là thực hiện mục tiêu lí tưởng cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của toàn dân tộc: Gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Hiện nay quân đội ta có hai nhiệm vụ chính. Một là, xây dựng một đội quân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu. Hai là, thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội"¹. Nhiệm vụ chủ yếu của Quân đội ta hiện nay là phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng và của quân đội, ngoài nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, quân đội phải tham gia vào nhiệm vụ xây dựng đất nước, sản xuất ra của cải vật chất và tiến hành công tác huấn luyện. Đây là vấn đề khác về chất so với quân đội của giai cấp bóc lột.

Quân đội ta có ba chức năng: đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất. Ba chức năng đó phản ánh cả mặt đối nội, đối ngoại của quân đội. Với tư cách là đội quân chiến đấu, quân đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, tham gia vào cuộc tiến công địch trên mặt trận lí luận, chính trị - tư tưởng, văn hoá; là đội quân sản xuất, quân đội tăng gia sản xuất cải thiện đời sống cho bộ đội, xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng, phát triển đất nước, trong điều kiện hiện nay, quân đội còn là lực lượng nòng cốt và xung kích trong xây dựng kinh tế - quốc phòng ở các địa bàn chiến lược, nhất là ở biên giới, biển đảo, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn gian khổ và ở những địa bàn có những tình huống phức tạp nảy sinh; là đội quân công tác, quân đội tham gia vận động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết giữa Đảng với nhân dân, quân đội với nhân dân; giúp dân chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống, tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đàng lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thực tiễn trong suốt quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của Quân đội ta đã chứng minh: quân đội đã thực hiện đầy đủ và thực hiện xuất sắc ba chức năng trên, cùng

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, tr.143.

toàn Đảng, toàn dân lập nên những chiến công hiển hách trong chiến tranh giải phóng. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, quân đội có vai trò hết sức nặng nề. Quân đội luôn phải là đội quân cách mạng, lực lượng chính trị, công cụ vũ trang sắc bén của Đảng, có sức chiến đấu cao, sẵn sàng đánh bại mọi kẻ thù, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ... Để thực hiện vai trò đó, cần đổi mới nhận thức về các chức năng của quân đội cho phù hợp với tình hình mới.

2.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

2.3.1. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lê nin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Tổ quốc bao giờ cũng gắn với nhà nước và giai cấp thống trị xã hội. Vấn đề Tổ quốc của giai cấp nào và giai cấp nào không có tổ quốc. Theo nghĩa đó mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: "Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân không có Tổ quốc". Trong điều kiện lịch sử cụ thể, thời C.Mác và Ph.Ăngghen sống, vấn đề bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chưa được đặt ra một cách trực tiếp. Bài học kinh nghiệm của Công xã Pari có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo vệ thành quả cách mạng, sau khi giai cấp vô sản giành chính quyền, nhưng mới chỉ là ý kiến ban đầu về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một công hiến mới của V.I. Lê nin vào kho tàng lí luận chủ nghĩa Mác, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang đặt ra trực tiếp ở nước Nga Xô viết.

2.3.1.1. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan

Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ thành quả cách mạng của giai cấp công nhân. Trong điều kiện giai cấp tư sản nắm chính quyền, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ ra rằng, giai cấp công nhân phải đấu tranh trở thành giai cấp dân tộc, khi ấy chính giai cấp công nhân là người đại diện cho Tổ quốc, họ có nhiệm vụ phải đẩy lùi sự tấn công của bọn phản cách mạng.

Xuất phát từ quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. V.I. Lê nin là người có công đóng góp to lớn trong việc bảo vệ và phát triển học thuyết về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, Người khẳng định: "Kể từ ngày 25 tháng Mười 1917, chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta tán thành "bảo vệ Tổ quốc", nhưng cuộc chiến tranh giữ nước mà chúng ta đang đi tới là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tư cách là Tổ quốc"¹. Ngay sau khi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động được thiết lập thì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng bắt đầu hình thành. Giai cấp công nhân bắt tay vào công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới - xã hội, xã hội chủ nghĩa. Cùng với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng được đặt ra một cách trực tiếp, nó trở thành nhiệm vụ chiến lược của các nước xã hội chủ nghĩa hai nhiệm vụ chiến lược này gắn bó hữu cơ với nhau trong suốt quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc. Ngay từ những năm cuối thế kỷ XIX, V.I. Lê nin đã chỉ ra, do quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc mà chủ nghĩa xã hội có thể giành thắng lợi không đồng thời ở các nước. Do đó, trong suốt thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên

¹ V.I. Lê nin, *Toàn tập*, tập 36, Bản tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, tr. 102.

phạm vi thế giới, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là hai chế độ xã hội đối lập nhau cùng tồn tại và đấu tranh với nhau hết sức quyết liệt.

Xuất phát từ bản chất, âm mưu của kẻ thù và thực tiễn cách mạng thế giới. Sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp tư sản trong nước tuy đã bị đánh đổ về mặt chính trị, nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ tham vọng muốn quay trở lại địa vị thống trị đã mất. Do vậy, chúng tìm mọi cách liên kết với các phần tử phản động và chủ nghĩa tư bản bên ngoài hòng lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ của giai cấp công nhân. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng, từ khi Tổ quốc xã hội chủ nghĩa xuất hiện, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa phải đương đầu chống trả những âm mưu và hành động lật đổ, xâm lược của kẻ thù bên trong và bên ngoài. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, mười bốn nước đế quốc tập trung bao vây hòng tiêu diệt nước Nga Xô viết.

Từ khi chủ nghĩa xã hội phát triển thành hệ thống thế giới, sự chống phá của kẻ thù càng quyết liệt hơn. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là một tổn thất của phong trào cách mạng thế giới, song nó cũng để lại cho các nước xã hội chủ nghĩa những bài học đắt giá rằng: xây dựng chủ nghĩa xã hội phải luôn gắn liền với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Có như vậy, Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mới tồn tại và phát triển. Thực tiễn trên đây một lần nữa đã chứng minh cho luận điểm của V.I. Lenin rằng: giành chính quyền đã khó, nhưng giữ được chính quyền còn khó khăn hơn.

2.3.1.2. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động

Trong những năm đầu của chính quyền Xô Viết, V.I. Lenin trực tiếp lãnh đạo xây dựng đất nước, chống lại sự chống phá của kẻ thù trong nước và sự can thiệp của đế quốc bên ngoài. Đó là những năm tháng cực kì gian khổ, khó khăn, Người chỉ rõ: bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp vô sản trong nước, nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, V.I. Lenin luôn nhắc nhở mọi người phải luôn nêu cao cảnh giác, đánh giá đúng kẻ thù, tuyệt đối không chủ quan, phải có thái độ nghiêm túc đối với quốc phòng. Người luôn lạc quan tin tưởng về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người khẳng định: "Không bao giờ người ta có thể chiến thắng được một dân tộc mà đa số công nhân và nông dân đã biết, đã cảm và trông thấy rằng họ bảo vệ chính quyền của mình, chính quyền Xô viết, chính quyền của những người lao động, rằng họ bảo vệ sự nghiệp mà một khi thắng lợi sẽ đảm bảo cho họ cũng như con cái họ có khả năng hưởng thụ mọi thành quả văn hoá, mọi thành quả lao động của con người"¹.

2.3.1.3. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại

Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I. Lenin đã khẳng định: Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả, mang tính cách mạng, chính nghĩa và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, sự nghiệp đó phải được quan tâm, chuẩn bị chu đáo và kiên quyết. V.I. Lenin đã đưa ra nhiều biện pháp để bảo vệ Tổ quốc như: củng cố chính quyền Xô viết các cấp; bài trừ nội phản, tiêu diệt bọn bạch vệ; đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hoá, khoa học kỹ thuật, vận dụng đường lối đối ngoại khôn

¹ V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 38, Bản tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tr. 378.

khéo, kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; hết sức chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới. V.I. Lê nin cùng Đảng Bôn-xê-vích Nga lãnh đạo nhân dân, tranh thủ thời gian hoà bình, xây dựng đất nước mạnh lên về mọi mặt, từng bước biến các tiềm lực thành sức mạnh hiện thực của nền quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2.3.1.4. Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

V.I. Lê nin chỉ ra rằng: Đảng Cộng sản phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến để lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ đảng viên gương mẫu hi sinh. Trong quân đội, chế độ chính uỷ được thực hiện, cán bộ chính trị được lấy từ đại biểu ưu tú của công nông, thực chất đó là đại diện của Đảng, để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội. Đảng hướng dẫn, giám sát các hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các đoàn thể nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc cao nhất, là nguồn gốc sức mạnh vững chắc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự vận dụng sáng tạo Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I. Lê nin vào tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

2.3.2.1. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một tinh thần quan trọng

Tinh thần quan trọng của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"¹. Ý chí giữ nước của Người rất sâu sắc và kiên quyết. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946, Người nói: chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên...! Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trước sự uy hiếp của thực dân đế quốc và bọn phản động tay sai, Hồ Chí Minh đã cùng Đảng đề ra nhiều biện pháp thiết thực, cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Hồ Chí Minh đã chỉ ra một chân lý rằng: "Không có gì quý hơn độc lập tự do". "Hãy còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi", trước khi đi xa, trong bản di chúc Người căn dặn: "Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước có thể còn kéo dài, đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mĩ đến thắng lợi hoàn toàn". Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2.3.2.2. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ trách nhiệm của mọi công dân

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam. Trong Bản Tuyên ngôn độc lập, Người khẳng định: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy". Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, Người kêu gọi: Hãy là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc.

¹ Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.553.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa.

2.3.2.3. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: phát huy sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đó là sức mạnh của toàn dân tộc, toàn dân, của từng người dân, của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở, là sức mạnh của các nhân tố chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội, sức mạnh truyền thống với hiện đại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

So sánh về sức mạnh giữa chúng ta với quân xâm lược trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, Người phân tích: Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta nhất định thắng. Để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh dân dã, xây dựng quân đội nhân dân, coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc. Người căn dặn: Chúng ta phải xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu để giữ gìn hòa bình, bảo vệ đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2.3.2.4. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Đảng ta là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa phải do Đảng lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Đảng và Chính phủ phải lãnh đạo toàn dân, ra sức củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên xã hội chủ nghĩa, đồng thời tiếp tục đấu tranh để thống nhất nước nhà, trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hoà bình, góp phần bảo vệ công cuộc hoà bình ở Á Đông và trên thế giới"¹ và Người khẳng định: "Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chính phủ, với sự đoàn kết nhất trí, lòng tin tưởng vững chắc và tinh thần tự lực cánh sinh của mình, sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em, với sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới nhất là nhân dân các nước Á - Phi, nhân dân ta nhất định khắc phục được mọi khó khăn ; làm tròn được nhiệm vụ vẻ vang mà Đảng và Chính phủ đã đề ra"².

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc, ngày nay toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện được thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chúng ta cần thực hiện tốt một số nội dung chiến lược sau đây:

Một là, xây dựng tiềm lực toàn diện của đất nước, đặc biệt tiềm lực kinh tế, tạo ra thế và lực mới cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hai là, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

¹ Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.483.

² Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.489.

Ba là, quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, chủ động đánh thắng định trong mọi hoàn cảnh, tình huống chiến tranh.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Đó là cơ sở lý luận để các Đảng cộng sản đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong thời đại hiện nay tình hình thế giới, khu vực và trong nước đang có nhiều biến đổi và diễn biến phức tạp. Tuy nhiên cho đến ngày nay, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc vẫn còn nguyên giá trị. Vì vậy, nghiên cứu và nắm vững những nội dung cơ bản trên, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra có tính cấp thiết cả về lí luận và thực tiễn.

Sinh viên là lớp trí thức trẻ, cần nghiên cứu nhận thức đúng đắn nội dung trên, xây dựng thế giới quan khoa học, niềm tin và trách nhiệm của mình để góp phần tích cực vào bảo vệ, phát triển những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, vận dụng sáng tạo trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Các quan điểm phi mác xít về chiến tranh ?
2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin về nguồn gốc, bản chất chiến tranh ?
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội ?
4. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê nin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ?
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ?
6. Quan điểm chỉ đạo và một số giải pháp cơ bản của Đảng ta về bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới ?

Chương 3

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Học sinh, sinh viên sau khi học nắm được những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

Về kỹ năng: Sau khi học xong, người học có được những tri thức cần thiết để vận dụng vào thực tiễn trên các cương vị của mình nhằm góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Về thái độ: Sau khi học xong, người học xây dựng và nâng cao được ý thức, tinh thần trách nhiệm của mình trong việc sẵn sàng tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh, góp phần bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B. NỘI DUNG

Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là tất yếu khách quan, nội dung quan điểm xuyên suốt của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng ta khẳng định “Cùng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt”¹. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đòi hỏi phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm công dân đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

3.1. Những vấn đề chung

3.1.1. Một số khái niệm

3.1.1.1. Quốc phòng

“Quốc phòng là công cuộc giữ nước bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt”². Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Mục đích của quốc phòng: là giữ nước.
 - Vị trí: là công cuộc của quốc gia, được thực hiện thường xuyên, liên tục.
 - Phương thức: sử dụng sức mạnh tổng hợp của dân tộc; chủ động, từ sớm từ xa.
 - Lực lượng: toàn dân, Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.
 - Đặc trưng: tự vệ, chính đáng.
 - Đối tượng: kẻ thù xâm lược, lật đổ cách mạng Việt Nam.
- 3.1.1.2. Nền quốc phòng toàn dân**

¹Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập I, tr. 156.

²Luật quốc phòng(2018), NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 3.

“Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Vai trò: tạo nên sức mạnh làm nền tảng để giữ nước, phòng thủ bảo vệ Tổ quốc.
- Yếu tố cấu thành: chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính.
- Tính chất: toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường.
- Lực lượng: toàn dân, Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

3.1.1.3. An ninh quốc gia

“An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”². Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Trạng thái đất nước: ổn định, phát triển bền vững, không có rối loạn bên trong và sự đe dọa mất ổn định bên ngoài.
- Nội dung của an ninh quốc gia: chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hoá, xã hội, quốc phòng, đối ngoại... trong đó an ninh chính trị là cốt lõi, xuyên suốt.
- Đối tượng: kẻ thù chống phá, lật đổ Nhà nước.

3.1.1.4. Nền an ninh nhân dân

“Nền an ninh nhân dân là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt”³. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Vai trò: tạo nên sức mạnh, làm nền tảng để bảo vệ an ninh quốc gia
- Yếu tố cấu thành: sức mạnh vật chất, tinh thần của toàn dân tộc
- Tính chất: toàn dân, toàn diện
- Lực lượng: toàn dân, Lực lượng An ninh nhân dân làm nòng cốt

3.1.2. Vị trí, mục đích, đặc trưng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân là cơ sở, nền tảng vững chắc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa: “Cùng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, sức mạnh quân sự để xây dựng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới”⁴.

Xây dựng nền nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân. Đảng ta khẳng định: “Cùng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ

¹Luật quốc phòng(2018), Điều 7, khoản 1.

²Luật An ninh quốc gia (2004), Điều 3, khoản 1.

³ Luật An ninh quốc gia (2004), Điều 3, khoản 9.

⁴Luật quốc phòng (2018), Điều 4, khoản 1.

thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt”¹.

Củng cố quốc phòng là nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên”, nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, nhưng không coi nhẹ nhiệm vụ củng cố quốc phòng. Củng cố quốc phòng là cơ sở tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế; ngược lại, kinh tế phát triển, đất nước mạnh lên sẽ là phương thức hữu hiệu để bảo vệ Tổ quốc. Đây là quan điểm lý luận cơ bản, chi phối, quy định toàn bộ các nội dung về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

3.1.2.2. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ để giữ vững hoà bình, ổn định, đẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh được xây dựng trên nền tảng của sự đoàn kết thống nhất của toàn thể nhân dân, sức mạnh vật chất và tinh thần của cả nước kết hợp với sức mạnh thời đại. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng từ khi đất nước hòa bình, nhằm làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch trong thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ đối với cách mạng Việt Nam. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, môi trường hoà bình và quan hệ hợp tác phát triển với các nước trên thế giới. Quá trình đó nhằm thực hiện “kiến tạo hoà bình”, mở rộng đối ngoại, nâng cao vị thế của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để chủ động hội nhập phát triển đất nước và chuẩn bị sẵn về cả về thế và lực để chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

3.1.2.3. Đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

- *Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng*

Đặc trưng này thể hiện rõ bản chất, mục đích của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của nước ta. Đây là đặc trưng quan trọng nhất, chi phối các đặc trưng khác của nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững mạnh nhằm thực hiện mục đích duy nhất là tự vệ, giữ vững hoà bình ổn định của đất nước, phù hợp với pháp luật của Việt Nam và luật pháp quốc tế. Chính sách của Nhà nước về quốc phòng, an ninh xác định rõ: ”Củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, sức mạnh quân sự để xây dựng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ hoà bình ở khu vực và trên thế giới”²; “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hoà bình, hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi”³; “chủ động và tích cực hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế, đối thoại quốc phòng, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; không tham gia lực lượng, liên minh quân sự của bên này chống bên kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ của Việt Nam để chống lại nước khác; không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực

¹Luật an ninh quốc gia và các văn bản hướng dẫn thi hành, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2004, tr. 4.

²Luật Quốc phòng (2018), Điều 4, khoản 1.

³Luật An ninh quốc gia (2004), Điều 4, khoản 1.

trong quan hệ quốc tế; giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”¹.

- *Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành*

Đây là đặc trưng mang bản sắc, độc đáo của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của nước ta. Đặc trưng này thể hiện sự kế thừa truyền thống, kinh nghiệm của cha ông ta, dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành thể hiện ở mọi đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh luôn xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của Nhân dân. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là nhằm bảo vệ Nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích của dân tộc, cuộc sống hòa bình, tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân, do nhân dân tiến hành. Mọi tiềm lực cả vật chất, tinh thần, cả lực lượng và thế trận được huy động trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân đều do nhân dân đóng góp, xây dựng.

- *Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành*

Đây là đặc trưng thể hiện nội dung, các yếu tố cấu thành sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của nước ta được xây dựng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tinh thần, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, khoa học, quân sự, an ninh... đối ngoại. Sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là sức mạnh tổng hợp được tạo thành bởi tiềm lực mọi mặt của đất nước, bởi mọi nguồn lực như tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính cả ở trong nước, ngoài nước, của dân tộc và của thời đại. Trong đó, sức mạnh do những yếu tố bên trong của dân tộc giữ vai trò quyết định. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là cơ sở, tiền đề và là biện pháp để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- *Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại*

Đây là đặc trưng thể hiện nội dung, phương hướng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân phù hợp với đặc điểm tình hình của đất nước, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Xây quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân toàn diện và hiện đại là tất yếu khách quan, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện trên các nội dung cả về đường lối, chiến lược, kế hoạch phòng thủ quốc gia, lực lượng, tiềm lực, thế trận, cơ sở vật chất dự trữ... về quốc phòng và an ninh.

Xây dựng các lực lượng, tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân phải căn cứ vào đặc điểm yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, tình hình phát triển của đất nước để từng bước hiện đại hóa nền công nghiệp quốc phòng, sản xuất kết hợp mua sắm vũ khí trang bị nhằm từng bước hiện đại hóa Lực lượng vũ trang nhân dân. Một số lực lượng của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân xây dựng tiến thăng lên hiện đại.

¹Luật Quốc phòng (2018), Điều 4, khoản 3.

- Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân

Đây là đặc trưng thể hiện mối quan hệ và yêu cầu trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân đều nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh là cơ sở để giữ vững hòa bình, ổn định, ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô của kẻ thù xâm lược, làm cơ sở để xây dựng nền an ninh nhân dân vững mạnh. Xây dựng nền an ninh nhân dân vững mạnh để giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực phản động, bảo vệ đất nước an toàn, ổn định, phát triển bền vững. Đây là cơ sở để củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Mặt khác, kẻ thù xâm lược và các thế lực phản động thường xuyên cấu kết, chi viện, phối hợp để chống phá nước ta. Chúng tiến hành “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ để làm đất nước suy yếu, mất ổn định từ bên trong, tạo cơ để can thiệp, tấn công xâm lược từ bên ngoài. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân là yêu cầu tất yếu xuất phát từ vị trí vai trò của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Xuất phát từ mục tiêu, yêu cầu, đối tượng của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

3.2.1. Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh

Lực lượng quốc phòng, an ninh là những con người, tổ chức đảm bảo cho các hoạt động đáp ứng yêu cầu của quốc phòng và an ninh. Lực lượng quốc phòng, an ninh bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý. Đảng ta xác định: “Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt”¹. Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh tập trung xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân.

3.2.1.1. Xây dựng lực lượng chính trị

Xây dựng lực lượng chính trị trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bao gồm xây dựng các tổ chức và quần chúng nhân dân. Xây dựng các tổ chức là tiến hành xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, các tổ chức tự quản và các tổ chức khác hợp pháp của Nhân dân vững mạnh, phát huy vai trò trách nhiệm của các tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng toàn dân. Thực hiện tuyên truyền, giáo dục, vận động Nhân dân phát huy quyền làm chủ và nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3.2.1.2. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Lực lượng vũ trang nhân dân gồm Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Dân quân tự vệ. Thực hiện: “xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng: hải quân, phòng không - không quân, tác chiến điện tử, trinh sát kỹ thuật, cảnh sát biển, tình báo, cơ yếu, an ninh, cảnh sát cơ động, kỹ thuật nghiệp vụ, an

¹ Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

ninh mạng và đấu tranh phòng, chống tội phạm công nghệ cao, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống... Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng ngày càng cao; xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, coi trọng lực lượng dân quân tự vệ biển và dân quân tự vệ ở các địa phương trọng điểm”¹.

3.2.2. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh

3.2.2.1. Tiềm lực quốc phòng, an ninh

Tiềm lực quốc phòng, an ninh là khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính, tinh thần ở trong nước và ngoài nước có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiềm lực quốc phòng, an ninh được thể hiện ở trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng tập trung ở tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ; tiềm lực quân sự, an ninh. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh là tập trung xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh.

3.2.2.2. Nội dung xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh

- Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần

Tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về chính trị, tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đây là tiềm lực quan trọng, là cơ sở nền tảng để tạo nên sức mạnh tổng hợp và phát huy sức mạnh của các tiềm lực khác trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Tiềm lực chính trị, tinh thần được biểu hiện ở năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước; ý chí, quyết tâm của nhân dân, của Lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, tình huống. Tiềm lực chính trị tinh thần là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh, có tác động to lớn đến hiệu quả xây dựng và sử dụng các tiềm lực khác, là cơ sở, nền tảng của tiềm lực quân sự, an ninh.

Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần tập trung: xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân; xây dựng tình yêu quê hương đất nước, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa của toàn thể Nhân dân; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao cảnh giác cách mạng; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng tiềm lực kinh tế

Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đây là tiềm lực có vai trò quyết định trong tạo nên sức mạnh vật chất của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

¹Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 277.

Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được biểu hiện ở nhân lực, vật lực, tài lực của quốc gia có thể huy động cho quốc phòng, an ninh và tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi điều kiện hoàn cảnh. Tiềm lực kinh tế tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác.

Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về kinh tế của đất nước nhằm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Do đó, cần tập trung vào các nội dung cơ bản: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kĩ thuật hiện đại cho quân đội và công an; kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với cơ sở hạ tầng quốc phòng; không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các lực lượng vũ trang nhân dân; có kế hoạch chuyển sản xuất từ thời bình sang thời chiến và duy trì sự phát triển của nền kinh tế.

- Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ

Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về khoa học và công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động để phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Là tiềm lực có vai trò quan trọng trong phát triển và hiện đại hóa nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Tiềm lực khoa học, công nghệ được biểu hiện ở số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật, cơ sở vật chất kĩ thuật có thể huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh. Khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần tập trung: làm tốt công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trong sản xuất, sửa chữa các loại vũ khí trang bị phuơng tiện, kỹ thuật; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát huy vai trò đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật. Phát triển và ứng dụng công nghệ trong sản xuất vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân.

- Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh

Tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh. Tiềm lực quân sự, an ninh là kết quả suy đến cùng của việc huy động các tiềm lực khác để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Là tiềm lực có vai trò quyết định, nòng cốt tạo nên sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của nhà nước giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Tiềm lực quân sự, an ninh được biểu hiện ở khả năng duy trì và không ngừng phát triển trình độ sẵn sàng chiến đấu, năng lực và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân; nguồn dự trữ về sức người, sức của trên các lĩnh vực đời sống xã hội và nhân dân có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh.

Tiềm lực quân sự, an ninh được xây dựng trên nền tảng của các tiềm lực chính trị tinh thần, kinh tế, khoa học công nghệ. Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh, cần tập trung vào: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện; Gắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với quá trình tăng cường vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân; Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Bố trí lực lượng đáp ứng yêu cầu chuẩn bị đất nước về mọi mặt, sẵn sàng động viên thời chiến. Tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh.

3.2.3. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

3.2.3.1. Khái niệm về thế trận quốc phòng, an ninh

“Thế trận quốc phòng là việc tổ chức, triển khai, bố trí lực lượng, tiềm lực quốc phòng trên toàn bộ lãnh thổ theo kế hoạch thống nhất, phù hợp với chiến lược bảo vệ Tổ quốc để ngăn ngừa, đối phó thắng lợi với mọi âm mưu và hoạt động chống phá của thế lực thù địch, sẵn sàng chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến”¹.

“Thế trận an ninh là việc tổ chức, bố trí lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và các nguồn lực cần thiết để chủ động bảo vệ an ninh quốc gia”².

Thế trận quốc phòng, an ninh là sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3.2.3.2. Nội dung xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh

Phân vùng chiến lược về kinh tế gắn với phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh tạo ra thế bố trí chiến lược cả về kinh tế và quốc phòng, an ninh; xây dựng hậu phương, tạo chỗ dựa vững chắc cho thế trận quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ tạo nền tảng của thế trận quốc phòng, an ninh; triển khai các lực lượng trong thế trận; tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình quốc phòng, an ninh; xây dựng các phương án và tổ chức, bố trí lực lượng, phương tiện cần thiết để chủ động bảo vệ an ninh quốc gia trong mọi tình huống.

3.3. Một số biện pháp cơ bản xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay

3.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về chính trị, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

3.3.2. Thường xuyên nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh cho mọi đối tượng

¹Luật quốc phòng(2018), khoản 5, điều 2.

²Luật an ninh quốc gia(2004), khoản 9, điều 3.

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc Luật giáo dục quốc phòng và an ninh và các văn bản chỉ đạo, quy định về công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cho mọi đối tượng. Thực hiện có hiệu quả mục tiêu của giáo dục quốc phòng, an ninh là giáo dục cho công dân về kiến thức quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh phải toàn diện, coi trọng giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; nghĩa vụ công dân đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; âm mưu, thủ đoạn của địch; đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh. Làm cho mọi người, mọi tổ chức biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các thế lực thù địch và sự trước sự tác động tiêu cực của các thách thức, nguy cơ, mối đe dọa đối với đất nước, xã hội và con người hiện nay.

Phải vận dụng nhiều hình thức, phương pháp giáo dục tuyên truyền để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh.

3.3.3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân. Mọi công dân, mọi tổ chức, lực lượng đều phải tham gia theo phạm vi, khả năng, nghĩa vụ của mình. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân đối với nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Đối với sinh viên, phải tích cực học tập nâng cao trình độ, hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức quốc phòng, an ninh, nhận thức rõ về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong chống phá cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở đó, tự giác, tích cực luyện tập, rèn luyện các kỹ năng quân sự, an ninh và chủ động tham gia các hoạt động về quốc phòng, an ninh do nhà trường, địa phương tổ chức.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững mạnh để ngăn ngừa, đẩy lùi chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là tất yếu khách quan; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân, Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ?
2. Nội dung nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ?
3. Biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay?

Chương 4

CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC

VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Sau khi học xong, người học nắm được những kiến thức cơ bản về đối tượng, mục đích, đặc điểm, tính chất, quan điểm của Đảng và các nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Về kỹ năng: Giúp cho người học hình thành phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn để góp phần tham gia xây dựng lực lượng, thế trận tổ chức tiên hành chiến tranh nhân dân vững mạnh trên địa bàn học tập, công tác.

Về thái độ: Hình thành ý thức, thái độ đúng đắn, trách nhiệm cao cho người học trong việc tham gia xây dựng lực lượng, thế trận tổ chức tiên hành chiến tranh nhân dân góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B. NỘI DUNG

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Là cuộc chiến tranh cách mạng, tự vệ chính nghĩa, góp phần xây dựng hòa bình ổn định ở khu vực và trên thế giới. Muốn có hòa bình, muốn bảo vệ vững chắc Tổ quốc, phải chuẩn bị sẵn sàng cho chiến tranh. Đây là quy luật muôn đời của mọi quốc gia và lịch sử dân tộc ta. Do đó, nghiên cứu, quán triệt đầy đủ những nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân của Đảng ta cho mọi đối tượng là yêu cầu hàng đầu, cực kỳ quan trọng nhằm chuẩn bị về lực lượng và xây dựng về tiềm lực chính trị - tinh thần để góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm tiến hành chiến tranh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hiện nay.

4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

4.1.1. Một số khái niệm cơ bản

4.1.1.1. Xâm lược

“Xâm lược là hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc bằng cách sử dụng lực lượng vũ trang hoặc cách thức khác trái với pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế”¹. Khái niệm được hiểu trên các nội dung cơ bản sau.

- Mục đích: là xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam.

- Phương thức: sử dụng bạo lực vũ trang và phi vũ trang.

- Lực lượng: các tổ chức vũ trang, quân đội, các lực lượng đánh thuê, các tổ chức vũ trang không chuyên, các tổ chức khủng bố.

- Các hành vi xâm lược bao gồm: tấn công quân sự, xâm nhập lãnh thổ trái phép, chiếm đóng trái phép lãnh thổ, phong tỏa cảng biển và bờ biển...

- Các hình thức xâm lược gồm: xâm lược trên đất liền, trên biển, trên không, trên không gian mạng.

4.1.1.2. Chiến tranh nhân dân

“Chiến tranh nhân dân là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”². Khái niệm được hiểu trên các nội dung cơ bản sau.

- Mục đích của chiến tranh nhân dân là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Phương thức tiến hành chiến tranh là chiến tranh toàn dân, toàn diện.

- Lực lượng tiến hành chiến tranh là toàn dân, trong đó Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

- Đặc trưng của chiến tranh là tự vệ chính đáng.

4.1.2. Đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

4.1.2.1. Quan điểm xác định đối tác, đối tượng

Đảng ta xác định: “Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác; bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng. Mặt khác, trong tình hình diễn biến nhanh chóng và phức tạp hiện nay, cần có cách nhìn biện chứng: Trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong mỗi đối tác có thể có mặt mâu thuẫn với lợi ích của ta cần phải đấu tranh”³. Trong bối cảnh hiện nay, cần nhận diện rõ các đối tượng sau.

- Đối tượng có âm mưu lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Các thế lực thù địch hiếu chiến, đồng minh và tay sai có âm mưu, hành động xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, chuyển hóa, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa là đối tượng cơ bản, lâu dài.

- Đối tượng có âm mưu xâm lấn biên giới, biển, đảo: Các thế lực nước lớn và chư hầu có tham vọng, hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, xâm hại lợi ích quốc gia dân tộc của Việt Nam là đối tượng trực tiếp, nguy hiểm, lâu dài.

¹Luật Quốc phòng (2018), Điều 2, khoản 7.

²Luật Quốc phòng (2018), Điều 2, khoản 2.

³Đảng cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25-10-2013, về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Tổ chức phản động trong và ngoài nước, lực lượng cơ hội, suy thoái chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, có tư tưởng và hành động chống phá sự nghiệp cách mạng bằng biện pháp vũ trang; câu kết với nhau, tiếp tay cho thế lực thù địch, hiếu chiến và thế lực nước lớn có tham vọng chủ quyền lãnh thổ, đe dọa sự tồn vong của chế độ, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ là đối tượng rất nguy hiểm.

- Đối tượng gây thảm họa dịch bệnh, môi trường có thể dẫn đến khủng hoảng kinh tế, chính trị - xã hội, tạo cơ hội để các đối tượng khác lợi dụng khoét sâu, thực hiện mục tiêu chiến lược của chúng.

Giữa các đối tượng, đối tác có sự đan xen, chuyển hóa rất phức tạp. Lực lượng bên trong tạo môi trường, tạo cơ cho thế lực thù địch bên ngoài thực hiện ý đồ chiến lược. Các đối tượng bên ngoài tiếp tay, chỉ đạo, hỗ trợ vật chất, tài chính cho đối tượng bên trong. Đồng thời các đối tượng có thể hỗ trợ, liên kết, thỏa hiệp, gây ra các tình huống quốc phòng.

4.1.2.2. Đối tượng của chiến tranh nhân dân

- Đối tượng tác chiến

Đảng ta xác định: “Những lực lượng chống phá mục tiêu của cách mạng nước ta; tiến hành chiến tranh xâm lược; “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ chế độ; xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, dân tộc của Việt Nam đều là đối tượng tác chiến của Quân đội ta”¹.

- Âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù

+ Âm mưu. Xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; lấn chiếm biên giới, biển, đảo; đưa Việt Nam vào quỹ đạo và lệ thuộc vào chúng.

+ Thủ đoạn. Thực hiện mục tiêu chống phá Việt Nam, các thế lực thù địch tiến hành các hoạt động bằng mọi lực lượng, phương tiện, chống phá trên mọi lĩnh vực, trong suốt quá trình cả trước và trong chiến tranh.

Giai đoạn chuẩn bị. Các thế lực thù địch tăng cường tiến hành các đòn tấn công tâm lý, khoét sâu, thổi bùng các vấn đề tiêu cực, tồn tại, khiếm khuyết của ta, đẩy mạnh hoạt động ngoại giao nhằm chia rẽ nội bộ, gây ra hỗn loạn cho chúng ta; lôi kéo chính phủ một số nước, thực hiện cô lập, bao vây, phong tỏa Việt Nam, hình thành liên minh, liên quân, tạo cơ để phát động chiến tranh. Tiến hành trinh sát, tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp để thu thập số liệu, chụp, vẽ sơ đồ xác định mục tiêu, lực lượng, phương tiện của ta, móc nối, câu kết với lực lượng phản động bên trong.

Thực hành xâm lược. Kẻ thù thực hiện tác chiến điện tử, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng, sử dụng hỏa lực vũ khí công nghệ cao đánh bất ngờ, ồ ạt từ mọi hướng, mọi phía, bằng mọi phương tiện, theo phương châm đánh nhanh, giải quyết nhanh, “dùng hỏa lực thay cho sinh lực”. Kết hợp chặt chẽ tiến công từ bên ngoài với bạo loạn lật đổ từ bên trong, dùng các biện pháp phi vũ trang để che đậy hành vi xâm lược phi nghĩa nhằm lừa bịp dư luận.

- Dánh giá về đối tượng

Khi tiến hành chiến tranh xâm lược, kẻ thù có điểm mạnh, yếu sau.

¹Đảng cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25-10-2013, về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

+ *Điểm mạnh*: Có ưu thế tuyệt đối về vũ khí, trang bị quân sự, về kinh tế và khoa học, công nghệ. Có thể cấu kết với lực lượng phản động nội địa bên trong. Có thể lôi kéo được đồng minh tham gia, hình thành lực lượng liên quân.

+ *Điểm yếu*: Đây là cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa bị nhân loại, cộng đồng quốc tế lên án, phản đối. Dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, yêu nước, chống xâm lược, ý thức dân tộc độc lập, tự chủ, tự tôn, tự cường. Địa hình, thời tiết Việt Nam phức tạp, gây khó khăn cho địch khi triển khai, sử dụng lực lượng, phương tiện. Mâu thuẫn nội bộ của chúng rất dễ bùng phát nhất là khi cuộc chiến tranh kéo dài, bị sa lầy, có thương vong tổn thất lớn.

4.1.3. Mục đích, tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

4.1.3.1. Mục đích

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.
- Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.
- Bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.
- Bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa.
- Giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4.1.3.2. Tính chất.

- *Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng.*

Chúng ta tiến hành chiến tranh nhân dân chống lại chiến tranh xâm lược của kẻ thù nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây là cuộc chiến tranh nhằm mục đích tự vệ, góp phần bảo vệ hòa bình, ổn định, phát triển ở khu vực và trên thế giới. Là cơ sở để chúng ta huy động được các nguồn lực cho chiến tranh, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân nước đi xâm lược.

- *Là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Đây là nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, là cơ sở nguồn gốc sức mạnh của chiến tranh, quyết định đến việc huy động lực lượng, vật chất, tinh thần cho chiến tranh. Cuộc chiến tranh này có sự tham gia của tất cả các tầng lớp nhân dân, của mọi người dân Việt Nam ở trong nước và người Việt Nam định cư, sinh sống ở nước ngoài. Toàn dân tham gia đánh giặc trên mọi mặt trận, trên tất cả các lĩnh vực. Lực lượng vũ trang nhân dân là lực lượng nòng cốt trong chỉ đạo, tổ chức và cùng với toàn dân đánh giặc. Đảng cộng sản Việt Nam trực tiếp lãnh đạo mọi mặt, mọi lực lượng, trong suốt quá trình chiến tranh.

- *Là cuộc chiến mang tính hiện đại.*

Đây là cuộc chiến tranh diễn ra giữa một bên là Dân tộc ta đang trong quá trình phát triển, từng bước hiện đại hóa quốc phòng, an ninh, phát huy truyền thống của Dân tộc đối đầu với kẻ địch có vũ khí, trang bị, phương tiện, công nghệ chỉ huy tác chiến hiện đại. Là cuộc chiến tranh sử dụng tri thức khoa học, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo và diễn ra trong những hình thái chiến tranh mới.

4.1.3.3. Đặc điểm

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới có một số đặc điểm cơ bản sau.

- *Chiến tranh diễn ra trong bối cảnh thế giới diễn biến phức tạp, khó lường.*

Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường: cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn; sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng ngày càng phát triển; các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng. Các thế lực thù địch luôn lợi dụng bối cảnh thế giới diễn biến phức tạp để tiến hành tiến công xâm lược nước ta. Dân tộc ta tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nhằm góp phần thực hiện mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ và phát triển. Do đó, chúng ta cần luôn nêu cao cảnh giác, nắm chắc mọi diễn biến tình hình, tranh thủ sự ủng hộ của thế giới, chuẩn bị sẵn mọi mặt, sẵn sàng chủ động trong mọi tình huống.

- *Chiến tranh diễn ra trong hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng.*

Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và thế trận chiến tranh nhân dân của đất nước ta được xây dựng, chuẩn bị, củng cố vững chắc ngay từ trong thời bình. Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; sẵn sàng động viên cho chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện. Đây là đặc điểm cơ bản, là điều kiện tiên quyết để dân tộc ta đánh thắng mọi hình thái chiến tranh xâm lược nếu xảy ra.

- *Chiến tranh được tiến hành với tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính.*

Cuộc chiến tranh diễn ra trong bối cảnh các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào độc lập dân tộc đang lâm vào thoái trào, sự ủng hộ đối với nước ta không còn được như trước. Đất nước ta phải chuẩn bị và tiến hành chiến tranh với sự độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính. Đồng thời có được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, cộng đồng quốc tế để tạo nên sức mạnh tổng hợp của thời đại, kết hợp với sức mạnh dân tộc để chiến thắng kẻ thù, giành thắng lợi trong chiến tranh.

- *Chiến tranh diễn ra khẩn trương, quyết liệt, phức tạp ngay từ đầu và trong suốt quá trình.*

Với phương châm chiến lược tiến hành đánh nhanh, thắng nhanh, giải quyết nhanh, kẻ địch khi tiến hành chiến tranh xâm lược sẽ sử dụng tổng lực, tiến công ta trên mọi hình thái, bằng mọi phương tiện, trang bị, vũ khí hiện đại. Thời gian trong chiến tranh bị xóa nhòa, không gian chiến tranh được mở rộng trên tất cả các môi trường: trên không, trên bộ, trên biển, trên không gian mạng, trên vũ trụ. Ranh giới giữa tiền tuyến và hậu phương không phân biệt rõ ràng. Kết hợp tấn công quân sự tổng lực bằng vũ khí công nghệ cao với bạo loạn lật đổ bên trong. Chiến tranh sẽ diễn ra vô cùng quyết liệt, căng thẳng, gay go, phức tạp, khẩn trương trong suốt quá trình.

4.2. Một số quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

4.2.1. *Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, kết hợp chặt chẽ tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của binh đoàn chủ lực*

- *Vị trí.* Đây là quan điểm cơ bản xuyên suốt, là phương châm tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, thể hiện tính nhân dân sâu sắc trong chiến tranh.

Khẳng định, đây là cuộc chiến tranh của dân, do dân và vì dân với tinh thần đầy đủ nhất. Bảo đảm phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trong chiến tranh.

- *Cơ sở của quan điểm.*

+ Từ truyền thống, quy luật chiến thắng và nghệ thuật quân sự độc đáo của cha ông ta tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân đánh giặc giữ nước.

+ Xuất phát từ quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” của CN Mác – Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân: “trong cuộc kháng chiến, kiến quốc, lực lượng chính là ở dân”; “Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn ai hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”

+ Từ thực tiễn lãnh đạo nhân dân ta tiến hành chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược giành thắng lợi của Đảng ta.

- *Nội dung cơ bản của quan điểm.*

+ Tổ chức toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Đảng, Nhà nước phải dựa vào dân, phát huy mạnh mẽ thế trận lòng dân, tổ chức phát động toàn dân đánh giặc. Đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, bằng những cách đánh độc đáo, sáng tạo của Nhân dân. Trong đó, Dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc ở cơ sở; Bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương; Bộ đội chủ lực cùng lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc trên chiến trường cả nước. Buộc quân địch phải sa lầy, bị động, lúng túng, không phát huy được sức mạnh của vũ khí, kĩ thuật, dần dần làm mất ý chí xâm lược của chúng.

+ Kết hợp chặt chẽ tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của binh đoàn chủ lực. Khi tiến hành chiến tranh phải kết hợp chặt chẽ tác chiến của các lực lượng vũ trang với các lực lượng khác trong khu vực phòng thủ, khu vực chiến đấu. Các binh đoàn chủ lực giữ vai trò nòng cốt trong các chiến dịch, thực hiện tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn. Lực lượng vũ trang địa phương phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân đánh giặc, đánh giặc với các hình thức và cách đánh linh hoạt, tạo thế, giữ thế, tạo thời cơ cho lực lượng chủ lực và kết hợp với lực lượng chủ lực cơ động thực hiện đòn đánh tiêu diệt lớn quân địch ở địa điểm và thời cơ quyết định, tạo bước ngoặt làm thay đổi tương quan so sánh lực lượng và cục diện chiến trường có lợi cho ta, đánh bại ý chí xâm lược của chúng, giành thắng lợi.

- *Biện pháp để thực hiện quan điểm.*

+ Tăng cường giáo dục quốc phòng an ninh cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân mạnh toàn diện, coi trọng xây dựng chất lượng về chính trị làm nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và làm nòng cốt cho Nhân dân đánh giặc.

+ Không ngừng nghiên cứu nghệ thuật quân sự, nghiên cứu các cuộc chiến tranh gần đây ở trên thế giới để phát triển nghệ thuật quân sự lên một tầm cao mới. Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc.

4.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

- *Vị trí.* Đây là quan điểm có vai trò quan trọng, là phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm vừa mang tính chỉ đạo và hướng dẫn hành động cụ thể, chỉ ra vấn đề mang tính quy luật để giành thắng lợi trong chiến tranh.

- Cơ sở của quan điểm.

+ Xuất phát từ truyền thống, nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận của Dân tộc ta trong các cuộc chiến tranh giữ nước giành thắng lợi.

+ Xuất phát từ quan điểm của CN Mác – Lenin về quy luật, mối quan hệ và vị trí của các mặt trận trong chiến tranh: kết quả của chiến tranh được quyết định bởi sự so sánh giữa các bên tham chiến về tổng hòa của các yếu tố cơ bản: chính trị - tinh thần, kinh tế, quân sự, khoa học – công nghệ.

+ Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện: “Trước kia, chỉ đánh nhau về mặt quân sự, ngày nay đánh nhau về đủ mọi mặt: quân sự, kinh tế, chính trị, tư tưởng nên người ta gọi là toàn diện chiến tranh. Chiến tranh ngày nay phức tạp và hết sức khó khăn. Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể thắng lợi được”.

+ Từ tương quan lực lượng giữa ta và địch. Từ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù tiến hành chống phá ta trên mọi mặt trận. Do đó, để giành thắng lợi trong chiến tranh ta phải tiến hành đấu tranh trên mọi mặt trận.

- Nội dung cơ bản của quan điểm.

+ Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn diện, chúng ta phải luôn chủ động tiến công địch trên tất cả các mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế văn hoá tư tưởng ... Mỗi mặt trận đấu tranh đều có vị trí quan trọng của nó và cùng thống nhất tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi trong chiến tranh.

+ Kết hợp chặt chẽ các mặt trận để tạo sức mạnh tổng hợp trong chiến tranh. Các mặt trận có quan hệ chặt chẽ với nhau, là cơ sở, điều kiện của nhau, thống nhất với nhau ở mục đích, kết hợp chặt chẽ các mặt trận tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi trong chiến tranh. Lấy đấu tranh thắng lợi trên các mặt trận chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa tư tưởng... để hỗ trợ cho đấu tranh quân sự trên chiến trường giảng thắng lợi. Lấy thắng lợi trên chiến trường để làm cơ sở, đấu tranh chính trị, ngoại giao, văn hóa tư tưởng giành thắng lợi. Như lời Bác dạy: “Chiến tranh ngày nay, đánh ở mặt sau, đánh về kinh tế, về chính trị, về tinh thần cũng không kém phần quan trọng như đánh ngoài mặt trận. Phải biết phối hợp mọi phương pháp ấy mới có thể đi tới thắng lợi hoàn toàn”.

+ Đấu tranh quân sự là chủ yếu, tập trung sức quyết giành thắng lợi trên chiến trường. Trong chiến tranh “quân sự là việc chủ chốt” vì cuối cùng bao giờ cũng phải thắng địch bằng quân sự, đập tan công cụ chủ yếu của đối phương là quân đội. Đấu tranh vũ trang là hình thức cơ bản, giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt lực lượng quân sự của đối phương, thắng lợi trên mặt trận quân sự là yếu tố quyết định giành thắng lợi trong chiến tranh.

- Biện pháp để thực hiện.

+ Phải luôn quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công trên mọi mặt trận. Đảng phải có đường lối chiến lược, sách lược đúng, tạo thế và lực cho từng mặt trận đấu tranh tạo nên sức mạnh, trước mặt đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch. Động viên sức mạnh của toàn dân tiến hành đấu tranh trên các mặt trận khi kẻ thù phát động chiến tranh xâm lược.

+ Tổ chức toàn dân tham gia đấu tranh với các hình thức đấu tranh phù hợp trên từng mặt trận. Phải vận dụng sáng tạo nhiều hình thức và biện pháp đấu tranh thích hợp trên từng mặt. Đồng thời, có nghệ thuật chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ các mặt trận đấu tranh trong từng giai đoạn cũng như quá trình phát triển của chiến tranh. Song, phải luôn quán triệt, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để kết thúc chiến tranh.

4.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

- *Vị trí*. Quan điểm quan trọng chỉ đạo, định hướng xuyên suốt quá trình chuẩn bị và tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

- *Cơ sở của quan điểm*.

+ Xuất phát từ truyền thống và nghệ thuật quân sự đánh giặc giữ nước của cha ông ta: lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh nên phải chuẩn bị và tiến hành đánh lâu dài nhằm thay đổi tương quan lực lượng, tạo thế, tạo thời. Khi thời cơ đến giành thắng lợi nhanh để kết thúc chiến tranh, giảm tổn thất.

+ Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về phương châm tiến hành chiến tranh: Đánh lâu dài, trường kỳ kháng chiến.

+ Từ thực tiễn lãnh đạo tiến hành hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược giành thắng lợi của Đảng ta.

- *Nội dung chủ yếu của quan điểm*.

+ Chuẩn bị đất nước về mọi mặt từ thời bình. Chiến tranh là một sự thử thách toàn diện cả về sức mạnh vật chất và tinh thần của mỗi nước. Bởi vậy, ngay từ thời bình chúng ta tập trung sức xây dựng phát triển đất nước vững mạnh về mọi mặt, đồng thời luôn chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh, chuẩn bị mọi mặt của đất nước vững mạnh. Không ngừng xây dựng, nâng cao sức mạnh tổng hợp cả về lực lượng, thế trận chiến tranh nhân dân của từng địa phương và cả nước. Phải chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực về mọi mặt: chuẩn bị lực lượng; chuẩn bị vũ khí, khí tài; chuẩn bị thế trận; chuẩn bị về tư tưởng, tâm lý; chuẩn bị kinh tế, vật chất, hậu cần, bảo đảm; nghiên cứu nghệ thuật, cách đánh. Chuẩn bị sẵn các kế hoạch, phương án để đối phó với các tình huống quốc phòng và chiến tranh, sẵn sàng chuyển đất nước sang thời chiến, đủ sức và chủ động đánh thắng mọi loại hình chiến tranh xâm lược.

+ Đánh lâu dài, tạo lực, tạo thế, lập thời. Chủ động kéo dài cuộc chiến, buộc địch phải sa lầy, từng bước tiêu hao, tiêu diệt địch trên tất cả các mặt trận, trên tất cả các lĩnh vực. Huy động sức người, sức của của trên cả nước, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, chi viện của quốc tế. Xây dựng thế trận lòng dân, thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc. Giành thế chủ động, đánh địch, buộc địch phải căng kèo, dàn trải về lực lượng tạo thế bất lợi cho địch, có lợi cho ta. Đồng thời chiếm lĩnh, phát huy địa thế có lợi trong chiến đấu trên chiến trường. Từng bước làm thay đổi tương quan lực lượng, xoay đổi cục diện chiến tranh, dồn địch vào thế bị động, sa lầy, khủng hoảng.

+ Kiên quyết ngăn chặn địch, thu hẹp không gian chiến tranh. Chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng đánh thắng địch trong điều kiện chiến tranh mở rộng. Ra sức tạo thời cơ, nắm vững thời cơ, chủ động tiến công giành thắng lợi trong thời gian sớm nhất. Nắm chắc địch, đánh giá đúng đắn về địch. Nắm chắc và chuẩn bị đầy đủ lực lượng, vũ khí, trang bị, hậu cần, thế trận quyết chiến chiến lược. Thu hẹp dàn chiến trường, sẵn sàng đánh địch khi địch phản công chiếm lại thế trận, chiếm lại chiến trường, mở rộng và leo thang chiến tranh. Nắm chắc thời cơ, vận hội, phát huy sức mạnh tổng hợp, dồn súc quyết chiến chiến lược, tổng tiến công địch, đánh nhanh thắng nhanh, giành thắng lợi kết thúc chiến tranh.

- *Biện pháp thực hiện quan điểm*

+ Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân trong chuẩn bị về mọi mặt bảo đảm cho chiến tranh và chiến tranh kéo dài trên cả nước và mỗi địa phương.

+ Phát huy thế trận chiến tranh nhân dân ở mỗi địa phương, thường xuyên tổ chức đánh địch, làm cho địch tiêu hao lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện dẫn đến sa lầy. Chủ động đánh địch, làm thất bại các kế hoạch, chiến lược phản công, mở rộng chiến tranh.

+ Nắm chắc thời cơ, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, khi thời cơ đến dồn sức, tạo sức mạnh tổng hợp của cả nước với sức mạnh thời đại quyết chiến chiến lược, giành thắng lợi càng sớm càng tốt.

4.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

- *Vị trí*. Quan điểm quan trọng của Đảng trong xác định phong thức chuẩn bị và xây dựng về lực lượng, cơ sở vật chất trong quá trình chiến tranh để đáp ứng yêu cầu và đảm bảo cho chiến tranh giành thắng lợi.

- *Cơ sở của quan điểm*.

+ Từ truyền thống nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta về bảo toàn và phát triển lực lượng trong quá trình chiến tranh giữ nước.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc: “Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc. Kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi”¹

+ Xuất phát từ thực tiễn lãnh đạo vừa kháng chiến vừa xây dựng trong chiến tranh chống Thực Dân Pháp xâm lược và vừa xây dựng CNXH ở miền Bắc vừa tăng gia sản xuất và kháng chiến chống Đế quốc Mỹ giải phóng miền Nam thống nhất đất nước của Đảng ta.

+ Xuất phát từ yêu cầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải không ngừng tăng cường sức người, sức của để đảm bảo đánh lâu dài, trường kỳ, làm cho địch sa lầy dẫn đến thất bại

- *Nội dung chủ yếu của quan điểm*.

+ Trong chiến tranh ta phải vừa kháng chiến, vừa duy trì và đẩy mạnh sản xuất bảo đảm nhu cầu vật chất kỹ thuật cho chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân.

¹Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 99.

+ Thực hành tiết kiệm trong xây dựng và trong chiến tranh, lấy của địch đánh địch, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta, không ngừng tăng thêm tiềm lực của chiến tranh, càng đánh càng mạnh.

+ Khi chiến tranh kết thúc, phải vừa củng cố, kiến thiết nhằm khôi phục đất nước, khắc phục hậu quả của chiến tranh, vừa kết hợp với dẹp trừ phản loạn, những phần tử phản động, ngụy quân ngụy quyền, bảo vệ chính quyền còn non trẻ, xây dựng đất nước phát triển.

- *Biện pháp thực hiện quan điểm.*

+ Không ngừng chăm lo củng cố xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, củng cố trận địa lòng dân. Xây dựng hậu phương vững chắc làm căn cứ địa để chi viện cho tiền tuyến, đi đôi với củng cố tiền tuyến, đánh giặc bảo vệ hậu phương, giữ chắc trận địa.

+ Không ngừng bồi dưỡng chăm lo xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân vừa là đội quân chiến đấu giỏi, vừa là đội quân lao động sản xuất tốt.

4.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

- *Vị trí.* Quan điểm nhằm chỉ đạo phuơng thức chiến tranh vừa kết hợp đấu tranh quân sự trên chiến trường, vừa phòng chống địch chống phá hậu phuơng, xây dựng hậu phuơng ổn định để tạo nên sức mạnh tổng hợp, giành thắng lợi trên mặt trận.

- *Cơ sở của quan điểm.*

+ Xuất phát từ âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, tiến hành chống phá ta trên mọi mặt trận cả tiền tuyến và hậu phuơng, trên mọi lĩnh vực cả quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa – tư tưởng, dân tộc tôn giáo, an ninh trật tự xã hội, chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp v.v.

+ Từ thực tiễn lãnh đạo của Đảng ta trong bảo đảm an ninh trật tự xã hội, củng cố chính quyền ở hậu phuơng đi đôi với đấu tranh chống kẻ thù xâm lược trên chiến trường trong công cuộc cách mạng tháng 8 giành chính quyền và cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp, Đế quốc Mỹ xâm lược.

- *Nội dung chủ yếu của quan điểm.*

+ Phải kiên quyết đập tan nhanh, gọn các hoạt động bạo loạn, tiêu diệt triệt để các lực lượng phản động bên trong. Xử lý bạo loạn của lực lượng phản động bên trong, không để chúng cấu kết, hỗ trợ cho nhau.

+ Đi đôi với đấu tranh quân sự trên chiến trường, ta phải kịp thời trấn áp mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch ở hậu phuơng ta, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc hậu phuơng, giữ vững sự chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

- *Biện pháp thực hiện quan điểm.*

+ Làm tốt công tác địch vận, công tác dân vận, chống chiến tranh tâm lý, gián điệp của địch. Khai thác thông tin, nắm chắc thông tin, kịp thời phát hiện các âm mưu, hành động gây bạo loạn, chống phá hậu phuơng của địch.

+ Xây dựng củng cố trận địa chính trị tư tưởng, thế trận lòng dân vững chắc. Huy động toàn dân tham gia tố giác, phát hiện, đấu tranh với bọn gián điệp, phản động

ở hậu phuong. Đồng thời, che giấu, bảo vệ căn cứ, cơ sở và lực lượng của ta trên tiền tuyến, trong lòng địch.

4.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

- *Vị trí.* Đây là quan điểm quan trọng thể hiện sự vận dụng sáng tạo các quy luật trong chiến tranh, chỉ đạo việc tạo thế, tạo lực, tạo nên sức mạnh tổng lực để giành thắng lợi trong chiến tranh của Đảng ta.

- Cơ sở của quan điểm.

+ Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quy luật cơ bản trong chiến tranh, kết quả của chiến tranh được quyết định bởi sự so sánh về tổng hòa các yếu tố cơ bản để tạo nên sức mạnh tổng lực của các bên tham chiến.

+ Xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong chiến tranh và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

+ Xuất phát từ mục đích, bản chất, tính chất xã hội của chiến tranh xâm lược của địch và chiến tranh tự vệ cách mạng chính nghĩa của ta.

- Nội dung chủ yếu của quan điểm.

+ Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, “dựa vào sức mình là chính”, “lấy sức ta để giải phóng cho ta” đồng thời thực hiện đoàn kết mở rộng quan hệ tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kể cả nhân dân nước có quân xâm lược.

+ Không ngừng củng cố lực lượng và thế trận của ta vững chắc. Xác định đúng thời cơ, nắm chắc thời cơ mà cách mạng thế giới mang đến. Kết hợp dòng thác cách mạng của toàn dân tộc với dòng thác của thời đại để tạo thành sức mạnh tổng lực chiến thắng kẻ thù.

- Biện pháp thực hiện quan điểm.

+ Không ngừng nêu cao tính chính nghĩa của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta. Ra sức đấu tranh, vạch trần bản chất phản động, mục đích xâm lược của kẻ thù đối với cuộc chiến tranh của chúng ở Việt Nam. Đấu tranh làm thất bại các hoạt động chia rẽ, phá hoại tinh thần đoàn kết hữu nghị của nhân dân thế giới, các nước tiến bộ đối với nước ta.

+ Tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện phương châm thêm bạn bớt thù, tích cực đấu tranh trên mặt trận chính trị, tư tưởng – văn hóa, ngoại giao để kêu gọi sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới và nhân dân nước có quân xâm lược đối với nước ta.

+ Thường xuyên theo dõi, đánh giá, nắm chắc tình hình thế giới, xác định đúng thời cơ, vận hội của dòng thác cách mạng thế giới để kết hợp với dòng thác dân tộc giành thắng lợi cuối cùng.

Tóm lại: Các quan điểm cơ bản của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc có mối quan hệ chặt chẽ, tác động, bổ trợ cho nhau. Mỗi quan điểm của Đảng chỉ đạo sâu sắc, cụ thể về một nội dung của chiến tranh nhân dân và chỉ đạo xuyên suốt quá trình chuẩn bị và thực hành chiến tranh

4.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

4.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

Từ thế trận phòng thủ đất nước trong thời bình, khi chiến tranh xảy ra sẽ chuyển hóa thành thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Thế trận chiến tranh nhân dân là sự tổ chức, bố trí lực lượng và các nguồn lực để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến.

Thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam dựa trên cơ sở tổ chức bố trí lực lượng lao động và tổ chức, bố trí dân cư ở từng địa bàn cụ thể và trên cả nước nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi loại hình chiến tranh xâm lược.

Thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam tổ chức rộng khắp trên cả nước nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Thực hiện cả nước là một chiến trường, ở đâu cũng có người đánh giặc, đánh giặc bằng mọi vũ khí, làm cho lực lượng quân địch luôn bị dàn mỏng, phân tán, rơi vào thế lúng túng, sa lầy, mất quyền chủ động tiến công. Bố trí, tổ chức tập trung vào những hướng, mục tiêu chiến lược quan trọng, những địa bàn trọng yếu, những hướng, những nơi dự kiến sẽ là hướng tiến công chủ yếu, nơi quân địch sẽ dồn lực lực lượng và tập trung đánh phá.

Để có thế trận chiến tranh nhân dân, hiện nay cần tập trung: xây dựng khu vực phòng vững chắc về mọi mặt “mạnh về quốc phòng an ninh, ổn định về chính trị, giàu về kinh tế”; khu vực phòng thủ có khả năng độc lập tác chiến, phối hợp với lực lượng chủ lực, với đơn vị bạn đánh địch liên tục, dài ngày; các khu vực phòng thủ hợp thành phòng thủ quân khu và phòng thủ đất nước vững chắc, hình thành hệ thống “thế trận làng – nước” ứng phó với mọi tình huống.

4.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

Lực lượng tiến hành chiến tranh nhân dân là lực lượng của toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

Lực lượng toàn dân được tổ chức chặt chẽ thành lực lượng quần chúng rộng rãi và lực lượng quân sự. Lực lượng vũ trang nhân dân được xây dựng vững mạnh toàn diện, coi trọng cả số lượng và chất lượng, trong đó lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.

Tổ chức cho các lực lượng tham gia đấu tranh trên mọi mặt trận và phát huy vai trò của Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

4.3.3. Phối hợp chặt chẽ giữa chống quân địch tiến công từ bên ngoài với bạo loạn lật đổ từ bên trong

Thù trong, giặc ngoài luôn bằng mọi cách chống phá cách mạng nước ta. Lực lượng bên trong tạo môi trường, tạo cơ cho thế lực thù địch bên ngoài thực hiện ý đồ chiến lược. Các đối tượng bên ngoài tiếp tay, chỉ đạo, hỗ trợ vật chất, tài chính cho đối tượng bên trong. Đồng thời các đối tượng có thể hỗ trợ, liên kết, thỏa hiệp, gây ra các tình huống quốc phòng. Khi chuẩn bị và tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, quân xâm lược sẽ tìm cách móc nối, câu kết với lực lượng phản động bên trong, làm hậu thuẫn để thực hiện tiến công từ ngoài vào, kết hợp bạo loạn lật đổ từ bên trong với hành động đánh nhanh, thắng nhanh, giải quyết nhanh để buộc ta phải khuất phục. Vì vậy buộc ta phải chủ động ngăn chặn ý đồ của chúng, không để kẻ địch câu kết với nhau.

Trong quá trình chuẩn bị, lực lượng vũ trang phải có kế hoạch, phương án chiến đấu và được quán triệt tới mọi người, kết hợp giải quyết tốt các tình huống chiến đấu diễn ra. Nắm vững thế chủ động, chuẩn bị tốt về mọi mặt, phương án xử lý các tình huống xảy ra. Chủ động đánh địch từ xa và chủ động đánh ngay chặn, chống bạo loạn lật đổ. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các mặt trận chủ động tiến công,

ngăn chặn địch không để giặc ngoài, thù trong câu kết với nhau. Lực lượng vũ trang và mỗi địa phương khi xây dựng quyết tâm, phuong án tác chiến phải cụ thể, tỉ mỉ kết hợp đánh thù trong, giặc ngoài bảo vệ địa phương, cơ sở góp phần bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là cuộc chiến tranh giữ nước, chống lại sự xâm lược, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch đối với Việt Nam. Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, cách mạng, góp phần bảo vệ hòa bình, ổn định, phát triển trong khu vực và trên thế giới. Trong bối cảnh hiện nay, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc đòi hỏi toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân phải quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm các quan điểm, đường lối của Đảng, các chính sách, quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh và chiến tranh nhân dân. Thường xuyên nêu cao cảnh giác, giành thế chủ động trong mọi tình huống, không để bị động bất ngờ. Phải chuẩn bị tốt về mọi mặt của đất nước cả về lực lượng, tiềm lực, thế trận nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại, sức mạnh của chính nghĩa để chiến thắng trước bất kỳ kẻ thù nào, trong bất kỳ tình huống nào.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm xác định đối tác, đối tượng ?
2. Mục đích, tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ?
3. Quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ?

Chương 5

XÂY DỰNG LỰC LUỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Sau khi học xong, người học nắm được những kiến thức cơ bản về đặc điểm, quan điểm nguyên tắc, phương hướng xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới.

Về kỹ năng: Giúp cho người học hình thành phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng các kiến thức của bài học vào thực tiễn để góp phần tham gia xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam vững mạnh trên các cương vị sau này.

Về thái độ: Hình thành tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm cao cho người học trong việc tham gia xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B. NỘI DUNG

Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Ngày nay, quy luật đó được biểu hiện ở hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là xây dựng gắn với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Công cuộc cách mạng đó, đang đứng trước những vận hội và cả thách thức to lớn, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải không ngừng phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước, kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ vận hội, ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ, thách thức nhằm xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở biên giới, biển, đảo diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch không ngừng chống phá cách mạng nước ta. Các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng, tác động trực tiếp đến sự ổn định, an toàn, phát triển bền vững của đất nước. Tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Do đó, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới là đòi hỏi tất yếu khách quan, là nhiệm vụ trọng yếu của công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình hiện nay.

5.1. Những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

5.1.1. Khái niệm lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

Lực lượng vũ trang nhân dân là lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý. Là lực lượng nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, thành quả cách mạng; cùng toàn dân xây dựng đất nước và thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Thành phần: bao gồm Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Dân quân tự vệ.
- Bản chất: là lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân.
- Nguyên tắc tổ chức, hoạt động: Lực lượng vũ trang nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ.

- Chức năng - nhiệm vụ: là đội quân chiến đấu, lao động sản xuất, công tác. Trong đó, chiến đấu là chức năng – nhiệm vụ chủ yếu, quan trọng nhất.

5.1.2. Đặc điểm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

5.1.2.1. Cả nước đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, trong khi chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá ta quyết liệt

Chiến tranh kết thúc, đất nước đã hoà bình thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân, toàn quân ta bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là hai nhiệm vụ chiến lược của đất nước ta nhằm thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước bất kỳ âm mưu, hành động chống phá của bất kỳ thế lực nào. Hai nhiệm vụ chiến lược có mối quan hệ biện chứng với nhau, xây dựng đất nước phát triển và giàu mạnh là điều kiện vững chắc cho bảo vệ Tổ quốc, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc tạo ra môi trường hòa bình, ổn định, là điều kiện thuận lợi để xây dựng đất nước ngày càng phát triển. Do đó, trong khi chúng ta đặt nhiệm vụ trọng tâm vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không được một phút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Lợi dụng chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế trong xây dựng phát triển đất nước của ta, các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ với cấp độ ngày càng quyết liệt nhằm chống phá cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực. Âm mưu của chúng là tạo ra quá trình “tự diễn biến” dẫn đến “tự chuyển hóa” từ bên trong nhằm thực hiện mục tiêu phi chính trị hóa đối với lực lượng vũ trang, vô hiệu hóa sự lãnh đạo của Đảng, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5.1.2.2. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp

- Tình hình thế giới

Sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, Liên Xô và sự thoái trào của phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc dân tộc, dân chủ, bình đẳng, công bằng trên thế giới gặp nhiều khó khăn. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại trên thế giới đang bị chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế tập trung chống phá quyết liệt. Hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, xung đột vũ trang tiềm ẩn nhiều nguy cơ khô lường.

Trong những năm tới, dự báo môi trường chính trị, an ninh thế giới, khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó dự báo. Các nước điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới. Tăng ngân sách quốc phòng, chạy đua vũ trang ngày càng quyết liệt và trở thành xu thế phổ biến. Đặc biệt, một số nước đẩy mạnh hiện đại hóa quân đội, tăng cường năng lực quân sự với những thế hệ vũ khí mới.

Bên cạnh đó, chủ nghĩa dân túy, dân tộc cực đoan, thực dụng, cường quyền nước lớn trong quan hệ quốc tế gia tăng; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ giữa các quốc gia; sự can dự, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn với các không gian chiến lược mới (như: không gian mạng, không gian vũ trụ, lòng đất, lòng biển...); các loại hình tác chiến mới đặt ra những thách thức mới đối với hòa bình, ổn định trên thế giới, khu vực và độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước, nhất là những nước nhỏ đang phát triển.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghiệp số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, trong đó có cả lĩnh vực quốc phòng, tạo ra cả thời cơ, thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Sự xuất hiện của các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại đã làm thay đổi cơ bản tổ chức quân đội, hình thái, phương thức tiến hành chiến tranh. Đặc biệt, sự ra đời của chiến tranh mạng đã tác động sâu sắc đến quốc phòng, an ninh thế giới, khu vực và mỗi quốc gia.

Các mối đe dọa đối với an ninh phi truyền thống diễn phức tạp, khó lường. Xuất hiện nhiều hình thái chiến tranh mới, làm thay đổi môi trường chiến lược và gần đây là phong trào “bất tuân dân sự” có nhiều diễn biến phức tạp.

- Khu vực châu Á-Thái Bình Dương, Đông Nam Á

Đây là khu vực có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng, là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Sự xuất hiện của tư tưởng cường quyền nước lớn, dân tộc hẹp hòi, có ý đồ bành trướng, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ. Một số nước trong khu vực bị các nước lớn thao túng, hướng lái... đang làm gia tăng căng thẳng, phức tạp hóa tình hình, tiềm ẩn nhiều nguy cơ diễn biến khó lường. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo diễn ra ngày càng gay gắt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước những thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột.

5.1.2.3. *Sự nghiệp đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đất nước ta bước sang thời kỳ đầy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới toàn diện hơn*

Sự nghiệp đổi mới của đất nước ta được thực hiện bắt đầu từ năm 1986, để chuyển hướng sang kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự điều tiết của Nhà nước từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp. Trải qua quá trình đổi mới, đất nước ta đã thu được những thành tựu to lớn: Công cuộc đổi mới đã giải phóng sức sản xuất, cung cố, tăng cường quan hệ sản xuất mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; bộ mặt đất nước, đời sống của nhân dân thật sự thay đổi; dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và mở rộng; đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị được đẩy mạnh; sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng đi vào chiều sâu; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Ngày nay, sự nghiệp đổi mới của đất nước được tiến hành gắn liền với công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế. Quá trình đó đang đặt ra không ít những thời cơ và thách thức to lớn của cách mạng Việt Nam hiện nay.

- Thời cơ của cách mạng Việt Nam

Thực tiễn vận động, phát triển của những xu thế lớn trên thế giới, đặc biệt là xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển, hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho Việt Nam giữ vững ổn định để phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Cơ hội hợp tác, giao lưu, nhất là trong tìm kiếm, tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại, tạo nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội, cung cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại.

Những thành tựu đạt được qua quá trình đổi mới đã tạo nên điều kiện nền tảng và vận hội quan trọng cho đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho đất nước ta tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại, tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc trong xây dựng con người xã hội chủ nghĩa.

- Thách thức của cách mạng Việt Nam

Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1/1994) vẫn tồn tại: Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ chênh hướng xã hội chủ nghĩa; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau và đang đe dọa sự tồn vong của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có những nguy cơ có biểu hiện diễn biến phức tạp hơn như “diễn biến hòa bình” với những âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, quyết liệt hơn; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, trong đó có tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí ở bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn chưa được ngăn chặn triệt để.

Bên cạnh đó, xuất hiện những nguy cơ mới trong quá trình hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay như: Nguy cơ phai nhạt, đánh mất bản sắc văn hóa, xói mòn những giá trị truyền thống của dân tộc; nguy cơ phân liệt, xuyên tạc, hạ thấp ý nghĩa chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, cùng với những biểu hiện dân tộc cực đoan gia tăng; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đang đứng trước nhiều thách thức.

5.1.2.4. Thực trạng của lực lượng vũ trang nhân dân ta

Trải qua quá trình xây dựng và hoạt động, lực lượng vũ trang nhân dân đã có bước trưởng thành cả về số lượng và chất lượng, có bản lĩnh chính trị, chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh chiến đấu không ngừng được nâng lên. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam luôn luôn xứng đáng là lực lượng nòng cốt đi đầu giải quyết có hiệu quả những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp mà Đảng và Nhà nước đã giao cho, là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, quá trình xây dựng lực lượng vũ trang vẫn còn một số hạn chế sau đây:

- Về chất lượng chính trị, trên thực tế, trình độ lý luận, tính nhạy bén, sắc sảo và bản lĩnh chính trị của không ít cán bộ, chiến sĩ ta chưa tương xứng với vị trí, yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Về khả năng chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân còn những mặt hạn chế, chưa đáp ứng được các tình huống phức tạp (nếu xảy ra). Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ còn có những nội dung bất cập, chưa thật sát nhiệm vụ và năng lực thực hành theo cương vị đảm nhiệm.

- Về trình độ chính quy của quân đội và công an chưa đáp ứng được yêu cầu tác chiến hiện đại và chưa tương xứng với công tác xây dựng. Chấp hành kỷ luật của một bộ phận lực lượng vũ trang còn chuyển biến chậm, vẫn để xảy ra những vụ việc, ảnh hưởng đến sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang.

- Về trang bị của lực lượng vũ trang còn lạc hậu và thiếu đồng bộ.

- Vấn đề nghiên cứu phát triển hoàn thiện nền khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời kỳ mới cần được tổ chức một cách khoa học, phối hợp chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và thực tiễn.

Những yếu tố trên, chi phối trực tiếp đến việc xác định đối tượng tác chiến, tăng cường bản chất giai cấp, xây dựng bản lĩnh chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng, nội dung chương trình huấn luyện, diễn tập, tổ chức, biên chế, vũ khí trang bị, khả năng trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu...của Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới. Do đó, phải nghiên cứu, đánh giá đầy đủ, đúng đắn mọi tình hình với những tác động của nó, trên cơ sở đó đề ra đường lối, quan điểm, chính sách để lãnh đạo, chỉ đạo và xác định các nội dung, phương hướng, biện pháp phù hợp để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

5.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

5.1.3.1. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lực lượng vũ trang nhân dân

-Vị trí, ý nghĩa: Đây là quan điểm, nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân sẽ quyết định bản chất cách mạng, mục tiêu, phương hướng chiến đấu, đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân, bảo đảm nắm chắc quân đội và công an trong mọi tình huống.

- Cơ sở: Xuất phát từ lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Xuất phát từ thực tiễn lịch sử xây dựng quân đội ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Liên Xô (trước kia) và lịch sử xây dựng Quân đội ta. Xuất phát từ âm mưu “phi chính trị hoá” lực lượng vũ trang nhân dân của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

- Nội dung: Đảng cộng sản Việt Nam độc tôn duy nhất nắm quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân theo nguyên tắc “tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt”, Đảng không nhường hoặc chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ giai cấp, lực lượng, tổ chức nào. Đảng thực hiện sự lãnh đạo thông qua hệ thống tổ chức đảng được tổ chức từ Trung ương đến cơ sở để lãnh đạo mọi mặt của Lực lượng vũ trang. Đảng lãnh đạo trên mọi hoạt động, trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức...cả trong xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân.

- Biện pháp: Phải thường xuyên xây dựng và nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp; chú trọng xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh. Không ngừng hoàn thiện và cụ thể hoá cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện coi nhẹ, hạ thấp vai trò, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hoá” lực lượng vũ trang nhân dân của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

5.1.3.2. Tự lực, tự cường xây dựng lực lượng vũ trang

- Vị trí, ý nghĩa: là quan điểm quan trọng của Đảng ta nhằm lãnh đạo xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân độc lập, tự chủ, dựa vào sức mình là chính, không bị chi phối lệ thuộc bởi các yếu tố bên ngoài.

- Cơ sở: Xuất phát từ truyền thống, kinh nghiệm trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Từ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang và thực tiễn xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong những năm qua.

- Nội dung, biện pháp: Tự lực tự cường dựa vào sức mình để xây dựng, để giữ vững tính độc lập tự chủ, chủ động không bị chi phối ràng buộc. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục mọi khó khăn xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Triệt để tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi về khoa học - công nghệ để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân. Tập trung từng bước hiện đại hóa trang bị kỹ thuật quản lý khai thác bảo quản có hiệu quả trang bị hiện có...Tích cực đẩy mạnh phát triển kinh tế và thực hành tiết kiệm.

5.1.3.3. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở

- Vị trí, ý nghĩa: Đây là quan điểm cơ bản của Đảng trong chỉ đạo nội dung, phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, là sự quán triết sâu sắc nguyên tắc Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân. Quan điểm này nói lên mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Cơ sở: Xuất phát từ lý luận Mác-Lênin về mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân tố chính trị tinh thần trong chiến tranh. Xuất phát từ truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Xuất phát từ sự chống phá của kẻ thù trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ nhằm phi chính trị hóa Quân đội, Công an.

- Nội dung, biện pháp: Năm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Nâng cao chất lượng là chính, đồng thời có số lượng phù hợp với tình hình nhiệm vụ và khả năng kinh tế của đất nước. Phải có cơ cấu hợp lý giữa các thứ quân, giữa lực lượng thường trực với lực lượng dự bị động viên. Thường xuyên làm tốt công tác huấn luyện, diễn tập để nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có chất lượng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Về chính trị phải thường xuyên làm tốt công tác quán triệt, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân tin tưởng vào Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tin tưởng tuyệt đối, tự giác chấp hành nghiêm mọi đường lối, chủ trương chính sách pháp luật. Chăm lo xây dựng, củng cố các tổ chức chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh (tổ chức đảng, đoàn thanh niên, hội đồng quân nhân...). Chăm lo xây dựng cơ quan chính trị vững mạnh, đội ngũ cán bộ chính trị, đảng viên có phẩm chất năng lực tốt đù súc lãnh đạo đơn vị.

5.1.3.4. Bảo đảm lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi

- Vị trí, ý nghĩa: Đây là nguyên tắc quan trọng nhằm bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân chủ động đối phó kịp thời và thắng lợi mọi tình huống có thể xảy ra để bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bất kỳ hoàn cảnh nào, trước bất kỳ đối tượng nào.

- Cơ sở: Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân. Xuất phát từ âm mưu của các thế lực thù địch đang tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng nước ta, mà trọng điểm chống phá của chúng là lực lượng vũ trang với những thủ đoạn hết sức tinh vi, thâm độc.

- Nội dung: Lực lượng vũ trang nhân dân phải luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về mọi mặt, duy trì và chấp hành nghiêm các chế độ, quy định về sẵn sàng chiến đấu, trực ban, trực chiến, trực chỉ huy...

- Biện pháp: Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp và từng bước nâng cao trình độ hiện đại trong huấn luyện. Từng bước trang bị, huấn luyện cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhất là các quân, binh chủng đã tiến thẳng lên hiện đại. Không ngừng bổ sung, hoàn thiện các chế độ, quy định về sẵn sàng chiến đấu, phương án sẵn sàng chiến đấu, diễn tập, luyện tập thường xuyên. Thường xuyên phân tích, đánh giá những âm mưu, thủ đoạn mới của chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch.

5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

5.2.1. Phương hướng chung

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, xác định phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025 cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại;... Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển”¹.

5.2.2. Phương hướng cụ thể

5.2.2.1. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại.

- Xây dựng Quân đội, Công an cách mạng

Đây là vấn đề cơ bản hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng. Xây dựng Quân đội, Công an cách mạng được biểu hiện trên những nội dung sau:

+ Xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, công an, làm cho lực lượng này tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với Nhân dân.

+ Chấp hành mọi đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

+ Kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

+ Trước diễn biến tình hình phải phân biệt được đúng sai.

+ Có tinh thần đoàn kết quân dân, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế tốt.

+ Kỷ luật tự giác nghiêm minh, dân chủ rộng rãi...

- Xây dựng Quân đội, Công an chính quy

Là xây dựng Quân đội, Công an thống nhất về mọi mặt, dựa trên sự chấp hành nghiêm những chế độ, điều lệnh, điều lệ, quy định, kỷ luật để đưa mọi hoạt động vào nề nếp,

¹ Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập I, tr. 157 - 158.

kỷ cương. Xây dựng Quân đội, Công an chính quy nhằm thống nhất ý chí và hành động, thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức, để tăng cường sức mạnh chiến đấu tổng hợp bảo đảm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong bất kỳ hoàn cảnh nào, khó khăn nào.

+ Thống nhất về bản chất cách mạng, mục tiêu chiến đấu, về ý chí quyết tâm, nguyên tắc xây dựng quân đội, công an, về tổ chức biên chế trang bị.

+ Thống nhất về quan điểm tư tưởng quân sự, nghệ thuật quân sự, về phương pháp huấn luyện giáo dục.

+ Thống nhất về tổ chức thực hiện chức trách nề nếp chế độ chính quy, về quản lý bộ đội và công an, quản lý trang bị.

- *Xây dựng Quân đội, Công an tinh nhuệ*

Là tiến hành xây dựng làm cho Quân đội, Công an hoạt động trên mọi lĩnh vực đạt hiệu quả cao. Xây dựng Quân đội, Công an tinh nhuệ được biểu hiện trên các nội dung sau:

+ Tinh nhuệ về chính trị: Đứng trước diễn biến của tình hình, có khả năng phân tích và kết luận chính xác đúng, sai từ đó có thái độ đúng đắn với sự việc đó.

+ Tinh nhuệ về tổ chức: Tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

+ Tinh nhuệ về kỹ chiến thuật: Phải giỏi sử dụng các loại binh khí kỹ thuật hiện có, biết sử dụng trang bị vũ khí hiện đại. Giỏi các cách đánh, vận dụng mưu trí sáng tạo các hình thức chiến thuật. Giỏi vận động nhân dân và bảo vệ nhân dân.

- *Xây dựng Quân đội, Công an từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại*

Hiện đại hóa là một tất yếu, nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội, công an đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

+ Từng bước hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật cho Quân đội, Công an. Ưu tiên xây dựng một số quân, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại: Hải quân, Phòng không - Không quân, Tác chiến điện tử, Trinh sát kỹ thuật, Cảnh sát biển, Tình báo, Cơ yếu, An ninh, Cảnh sát cơ động, kỹ thuật nghiệp vụ, an ninh mạng và đấu tranh phòng, chống tội phạm công nghệ cao.

+ Xây dựng rèn luyện đội ngũ cán bộ, chiến sỹ quân đội, công an có bản lĩnh trí tuệ và năng lực hành động, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại.

+ Nghiên cứu phát triển nghệ thuật quân sự, khoa học quân sự hiện đại, phát triển công nghiệp quốc phòng hiện đại, có kỹ thuật nghiệp vụ an ninh tiên tiến, bảo đảm cho quân đội, công an làm chủ công nghệ cao, vũ khí trang bị hiện đại hoạt động trong mọi điều kiện, tình huống đạt hiệu quả cao.

Những nội dung trên là cả một quá trình phấn đấu lâu dài mới đạt được, hiện nay ta phải thực hiện bước đi: "từng bước" nghĩa là phải dần dần bằng khả năng của nền kinh tế và trình độ khoa học của đất nước. Quá trình hiện đại hóa quân đội, công an phải gắn với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, với từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng, sản xuất mới, kết hợp phục hồi sửa chữa cải tiến vũ khí trang bị hiện có và mua một số vũ khí hiện đại để trang bị cho một số quân, binh chủng trọng yếu.

5.2.2.2. *Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu*

Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng ngày càng cao sẵn sàng bổ sung cho Lực lượng thường trực theo kế hoạch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

5.2.2.3. Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển

+ Dân quân tự vệ được xây dựng rộng khắp ở tất cả thôn, xóm, bản làng, nông trường, công trường, doanh nghiệp, gắn với địa bàn, cơ quan, tổ chức trên các vùng, miền, trên biển.

+ Tổ chức, biên chế của Dân quân tự vệ phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội và thuận tiện cho lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý của từng địa phương, cơ quan, tổ chức.

+ Chú trọng xây dựng cả số lượng và chất lượng, lấy chất lượng làm chính, nhưng có trọng điểm. Huấn luyện phải thiết thực hiệu quả.

+ Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân quân tự vệ. Thực hiện tốt các chính sách đối với dân quân tự vệ.

5.3. Một số biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

- Tổ chức các đơn vị phải gọn, mạnh, cơ động; có sức chiến đấu cao. Có số lượng phù hợp, chất lượng tốt; phù hợp với tình hình cụ thể ở từng địa phương, khu vực và thế trận cả nước.

- Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự, khoa học công an.

- Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang nhân dân.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt.

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam vững mạnh, toàn diện và hiện đại làm nòng cốt bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là yêu cầu cấp thiết, tất yếu khách quan. Để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước. Không ngừng hợp tác quốc tế, nghiên cứu, ứng dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để sản xuất kết hợp với mua sắm vũ khí, trang bị hiện đại. Đổi mới cơ cấu, tổ chức, biên chế, nội dung chương trình huấn luyện, quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Duy trì nghiêm các chế độ quy định về trực ban, canh gác, trực sẵn sàng chiến đấu để kịp thời xử lý tốt mọi tình huống, không để bị động bất ngờ.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Đặc điểm và các quan điểm, nguyên tắc xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân?
2. Phương hướng, biện pháp xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới?

Chương 6

KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Sau khi học xong, người học nắm được những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, nội dung và các giải pháp cơ bản kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.

Về kỹ năng: Giúp cho người học hình thành phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng các kiến thức của bài học vào thực tiễn để góp phần kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại trên các cương vị sau này.

Về thái độ: Hình thành tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm cao cho người học trong việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại để góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B. NỘI DUNG

Dựng nước đi đôi với giữ nước là tất yếu khách quan, là quy luật trường tồn của lịch sử Dân tộc ta. Ngày nay, quy luật đó được biểu hiện tập trung ở việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn Dân và toàn Quân ta thực hiện mục tiêu “xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹. Để đạt được mục tiêu có tính thiên niên kỷ đó, đòi hỏi chúng ta cần nghiên cứu, quán triệt, vận dụng và thực hiện tốt sự kết hợp một cách khoa học, chặt chẽ, thống nhất, hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh đi đôi với mở rộng đối ngoại. Đây là yêu cầu tất yếu khách quan, là quy luật phát triển của nước ta trong xu thế hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay.

6.1. Một số khái niệm cơ bản

¹Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 57.

6.1.1. Phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự hoàn thiện cơ cấu, thể chế kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm công bằng xã hội.

- Sự tăng lên của nền kinh tế quốc gia được đo lường bằng chỉ số GDP (GNP) và GDP/người (GNP/người).

- Thể chế kinh tế ngày càng được hoàn thiện cả về luật, các quy tắc và cơ chế, tổ chức điều hành nền kinh tế.

- Cơ cấu kinh tế biến đổi theo hướng tiến bộ về tỷ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ thì tăng lên, nông nghiệp thì giảm xuống.

- Thu nhập của người lao động, chất lượng cuộc sống trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường,... văn hóa ngày càng được nâng cao hơn và công bằng xã hội ngày càng được bảo đảm.

6.1.2. Phát triển xã hội

Phát triển xã hội là quá trình làm cho con người được sống trong những điều kiện ngày càng đầy đủ về vật chất và tinh thần trong một môi trường tự nhiên và xã hội trong sạch, lành mạnh, an toàn; làm cho con người có đủ sức khỏe, tri thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để sống, lao động và hoàn thiện mình, xứng đáng là con người trong các quá trình lịch sử của một quốc gia dân tộc và của toàn nhân loại.

- Là quá trình làm gia tăng, đáp ứng ngày càng cao hơn về điều kiện vật chất và tinh thần cho con người. Làm cho con người được sống trong môi trường tự nhiên và xã hội trong sạch, lành mạnh, an toàn.

- Làm cho con người có đủ sức khỏe, tri thức, kỹ năng và thái độ để sống, lao động và hoàn thiện mình đáp ứng yêu cầu phát triển của quốc gia và thế giới.

- Là quá trình thực hiện bình đẳng, công bằng, tiến bộ xã hội, hướng đến người dân, phát triển cộng đồng.

6.1.3. Đối ngoại

Đối ngoại là toàn bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương châm, phương hướng chỉ đạo, hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, của toàn dân và của cá nhân khi tham gia hoạt động quốc tế nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, xây dựng và phát triển đất nước, nâng cao vị thế của quốc gia dân tộc mình trên trường quốc tế.

- Chủ thể của hoạt động đối ngoại: Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong xã hội và toàn thể nhân dân.

- Mục đích: là nhằm xây dựng phát triển đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc

- Nội dung của hoạt động đối ngoại là tổng thể các hoạt động quốc tế bao gồm: xây dựng mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc, phương châm, lãnh đạo, chỉ đạo và tham gia hoạt động quốc tế trên mọi lĩnh vực.

6.1.4. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Là hoạt động tích cực, chủ động của nhà nước và nhân dân trong việc gắn kết chặt chẽ hoạt động phát triển kinh tế, xã hội đi đôi với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong một chính thể thống nhất, trên phạm vi cả nước cũng như từng bộ ngành, địa phương để thúc đẩy nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường sức mạnh

tổng hợp của quốc gia nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

- Chủ thể thực hiện kết hợp là Đảng, Nhà nước, nhân dân.
- Nội dung kết hợp: phát triển kinh tế, xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại .
 - Phạm vi: Từng địa phương, bộ ngành, trên cả nước.
 - Mục đích: Thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến lược.
 - Yêu cầu: Thúc đẩy từng lĩnh vực phát triển, tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước.
 - Tính chất: Chủ động, tích cực.
 - Phương châm: Khoa học, chặt chẽ, thống nhất, hài hòa.

6.2. Cơ sở của việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại

6.2.1. Cơ sở lý luận

6.2.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Kinh tế là yếu tố suy cho đến cùng quyết định đến quốc phòng, an ninh và chiến tranh, về vấn đề này Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Không có gì phụ thuộc vào kinh tế tiên quyết hơn là chính quân đội và hạm đội”¹; “Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế,...”². Ngược lại, quốc phòng, an ninh cũng có tác động trở lại với kinh tế theo chiều hướng tích cực và tiêu cực. Quốc phòng, an ninh vững mạnh sẽ tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội. Mặt khác, hoạt động quốc phòng, an ninh tiêu tốn của cải, vật chất và ảnh hưởng đến các nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội. V.I. Lênin đánh giá hoạt động quốc phòng là tiêu dùng “mất đi”, không quay vào tái sản xuất xã hội. Do đó, sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng của xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế. Hoạt động quốc phòng, an ninh còn ảnh hưởng đến đường lối phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế. Hoạt động quốc phòng, an ninh còn có thể dẫn đến huỷ hoại môi trường sinh thái, để lại hậu quả nặng nề cho kinh tế, nhất là khi chiến tranh xảy ra.

Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I. Lênin đã khẳng định: Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả, chính nghĩa và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, sự nghiệp đó phải được quan tâm, chấn bị chu đáo và kiên quyết. V.I. Lênin đã đưa ra nhiều biện pháp để bảo vệ Tổ quốc như: củng cố chính quyền Xô Viết các cấp, bài trừ nội phản, tiêu diệt bọn bạch vệ; đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, vận dụng đường lối đối ngoại khôn khéo, kiên định về nguyên tắc, mèn dẻo về sách lược, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; hết sức chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới. Như vậy, V.I. Lênin là người đầu tiên đưa ra quan điểm và chỉ đạo thực hiện việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong điều kiện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Xô Viết.

6.2.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Trên cơ sở nắm vững và vận dụng sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin với truyền thống của dân tộc vào điều kiện thực tiễn cách mạng nước ta, tư tưởng Hồ Chí

¹ C.Mác, PhĂngghen, *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 1994, tr. 235.

Minh về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại được thể hiện thông qua các bài viết, các buổi nói chuyện và thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Người.

Trong bài viết: “Câu hỏi và trả lời” ngày 23 tháng Chạp năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng nhiệm vụ chiến đấu hy sinh bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ trực tiếp của các chiến sỹ ngoài chiến trường, còn đồng bào ở hậu phương tăng gia sản xuất, xây dựng, phát triển kinh tế cũng là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đến năm 1952, Người chỉ rõ: “Trong các chiến dịch thu được nhiều chiến lợi phẩm (thuốc, đạn, lương thực, súng ống). Bộ đội biết quý trọng nó, tiết kiệm nó mà đánh lại giặc như thế cũng là tăng gia sản xuất”.

Trong mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh, Người coi việc xây dựng kinh tế có vai trò quyết định. Trong bài “Gửi các nhà nông” năm 1945, Người khẳng định: “Hiện nay chúng ta có 2 việc quan trọng nhất: Cứu đói ở Bắc và kháng chiến ở Nam. “Thực túc binh cường” cây nhiều thì khỏi đói. Kinh tế có mạnh mới có điều kiện làm cho quốc phòng, an ninh mạnh. Người nói: “Thực hành kế hoạch sản xuất và tiết kiệm là bồi dưỡng và tích trữ lực lượng dồi dào để kháng chiến lâu dài, để chuyển sang tổng phản công, đưa kháng chiến đến thắng lợi”. Kinh tế và quốc phòng tuy là hai lĩnh vực khác nhau, mỗi lĩnh vực đều có những đặc điểm riêng, những quy luật hoạt động riêng, nhưng xét về bản chất, mục đích của nó Người chỉ ra “hai công việc” ấy đều có cái chung, cái thống nhất. Cũng trong bài “Gửi các nhà nông” năm 1945, Người đã viết: “Vi cùu quốc, các chiến sỹ đấu tranh ở ngoài mặt trận, vì kiến quốc nhà nông phấn đấu ngoài đồng ruộng. Chiến sỹ ra sức giữ gìn đất nước. Nhà nông ra sức giúp đỡ chiến sỹ. Hai bên công việc khác nhau nhưng thật ra là hợp tác. Cho nên hai bên đều có công với dân tộc, đều là anh hùng”.

Tư tưởng về ngoại giao của Hồ Chí Minh bao hàm những nguyên lý, nội dung, phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao. Người xác định mục đích của ngoại giao là “phải luôn luôn vì lợi ích của dân tộc mà phục vụ”¹. Người nhấn mạnh ngoại giao độc lập tự chủ, tự lực tự cường phải gắn liền với đoàn kết và hợp tác quốc tế, theo đó Việt Nam sẵn sàng “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”². Người hết sức coi trọng tình hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng có chung biên giới; mở rộng bang giao với các nước trong khu vực và trên thế giới; xử lý tốt quan hệ với các nước lớn để phục vụ lợi ích cách mạng. Trong phương pháp, Người xác định ngoại giao phải là một mặt trận, một binh chủng hợp thành của cách mạng Việt Nam, kết hợp nhuần nhuyễn “vừa đánh vừa đàm”, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn.

Thực hành gắn kết trên các lĩnh vực hoạt động đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng công nghiệp không chỉ sản xuất ra sản phẩm để phục vụ dân sinh mà còn phải phục vụ cho cả quốc phòng và trong hoàn cảnh chiến tranh thì nhiệm vụ sản xuất phục vụ quốc phòng được đặt lên hàng đầu. Trong bài “Nhiệm vụ chính trong giai đoạn mới”, Người viết nhân dịp Ngày Lao động Quốc tế 01/5/1954, trong đó yêu cầu công nghiệp phải “chế nhiều vũ khí, dụng cụ, sản phẩm để đánh giặc và cung cấp cho nhân dân”, Người nhấn mạnh phải “hợp tác với chuyên môn để cải thiện kỹ thuật và điều kiện sản xuất, bảo vệ nhà máy, phá kinh tế địch bằng mọi cách”.

6.2.1.3. Quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại

¹ Bác Hồ nói chuyện tại Hội nghị ngoại giao 1964. Hồ sơ lưu trữ Bộ Ngoại giao Việt Nam.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, tập I, tr. 153.

Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại là hệ thống các quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong kết hợp xây dựng phát triển kinh tế, xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh và mở rộng đối ngoại nhằm thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quan điểm là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng Việt Nam trong từng giai đoạn khác nhau. Đây là kết quả của quá trình từng bước nhận thức đúng đắn về vai trò, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại trong suốt sự nghiệp lãnh đạo cách mạng từ khi ra đời cho đến nay của Đảng ta.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (01/2021) xác định rõ: “Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể”¹. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 của Đảng xác định: “Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.”². Đây là quan điểm thể hiện sự phát triển trong quá trình nhận thức thực tiễn, đúc kết lý luận từ thực tiễn và đáp ứng yêu cầu đòi hỏi từ thực tiễn của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

6.2.2. Cơ sở thực tiễn

Nhìn vào tiến trình phát triển của các quốc gia trên thế giới chúng ta thấy, dù là nước lớn hay nước nhỏ, kinh tế phát triển hay chưa phát triển, dù chế độ chính trị như thế nào thì mỗi quốc gia cũng đều chăm lo thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Tuy nhiên, các nước khác nhau, với chế độ chính trị - xã hội khác nhau, điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì sự kết hợp đó cũng có sự khác nhau về mục đích, nội dung, phương thức và kết quả. Ngay trong một nước, tùy thuộc vào nhận thức, yêu cầu, mục tiêu và hoàn cảnh thực tiễn mà trong mỗi giai đoạn phát triển khác nhau, có sự kết hợp khác nhau.

6.2.2.1. Thực tiễn kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại của các triều đại phong kiến Việt Nam

Trong các triều đại phong kiến Việt Nam, tiêu biểu là các triều đại nhà Đinh, Lý, Trần, Lê... luôn lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm trọng, đề ra kế sách giữ nước với tư tưởng: nước lấy dân làm gốc; dân giàu, nước mạnh; “quốc phu, binh cường, nội yên, ngoại tĩnh”; thực hiện khoan thư súc dân làm kẽ sâu rẽ bền gốc, chăm lo xây dựng

¹ Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, tập I, tr. 156.

²Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, tập I, tr. 216.

khối đại đoàn kết dân tộc để yên dân mà vẹn đất. Thực hiện kế sách “ngụ binh ư nông”, “động vi binh, tĩnh vi dân” để vừa phát triển kinh tế, vừa tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc.

Trong xây dựng, phát triển kinh tế, đã sử dụng nhiều chính sách như khai hoang lập ấp ở những nơi xung yếu để phục binh săn, phá thế giặc dữ từ xa; phát triển nghề thủ công để vừa sản xuất ra các công cụ sản xuất, vừa sản xuất ra các vũ khí, phương tiện phục vụ cho toàn dân đánh giặc; chăm lo mua mang đường sá, đào sông ngòi, kênh rạch, xây đắp đê điều để vừa phát triển kinh tế, vừa tạo thế trận đánh giặc, cơ động lực lượng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Trong bảo vệ biên cương, lãnh thổ thì luôn linh hoạt, mềm dẻo để xây dựng hòa hiếu với các nước láng giềng. Khi có tranh chấp, xâm lấn thì luôn lấy đàm phán, tranh biện bằng phương pháp hòa bình làm trọng, cương quyết bảo vệ biên cương đến cùng, thực hiện nguyên tắc toàn vẹn lãnh thổ quốc gia lên trên hết.

Với bên ngoài, thực hiện tinh thần đề cao hoà hiếu, giữ vững tự chủ, trọng tình nghĩa, khoan dung; kết hợp chặt chẽ giữa “lễ và binh”; “đánh và đàm”, “công và giao”, lấy nhân nghĩa thu phục nhân tâm, bang giao hòa hiếu để ngăn chặn chiến tranh, giữ vững độc lập, chủ quyền đất nước.

Trong chiến tranh, sự kết hợp được thực hiện trong quá trình vừa đánh giặc, vừa chăm lo phát triển kinh tế; vừa bảo vệ kinh tế của mình, vừa biết đánh vào kinh tế của địch; đánh địch trên tất cả các mặt trận kinh tế, quân sự, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, binh vận vv. Với những kế sách như “thanh dã”; “vừa đánh, vừa đàm”; “cầu hòa” vv. Đây là những phương sách được các triều đại phong kiến Việt Nam thực hiện sáng tạo, linh hoạt để giữ nước.

6.2.2.2. Thực tiễn kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, do nắm vững quy luật và biết kế thừa kinh nghiệm của lịch sử nên đã thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh một cách nhất quán với những chủ trương sáng tạo, phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) Đảng ta đề ra chủ trương vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, “Vừa chiến đấu, vừa tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; vừa thực hiện phát triển kinh tế ở địa phương vừa tiến hành chiến tranh nhân dân rộng khắp; xây dựng làng kháng chiến, địch đến thì đánh, địch lui ta lại tăng gia sản xuất”.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975), chúng ta phải tập trung cao độ cho nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và giải phóng miền Nam, nên việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động và thiết thực, đã tạo được sức mạnh tổng hợp đánh thắng giặc Mĩ xâm lược và để lại nhiều bài học quý giá cho thời kì sau. Sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh đã được Đảng ta chỉ đạo thực hiện ở mỗi miền với nội dung và hình thức thích hợp. Ở miền Bắc, để bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và xây dựng hậu phương lớn cho miền Nam đánh giặc, Đại hội lần thứ III của Đảng đã đề ra chủ trương : “Trong xây dựng kinh tế, phải thâu suốt nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, cũng như trong củng cố quốc phòng phải khéo sắp xếp cho ăn khớp với công cuộc xây dựng kinh tế”¹. Theo tinh thần đó, miền Bắc đã xây dựng, phát triển chế độ xã hội mới, nền kinh tế, văn hoá

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.535.

mới, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân ; đồng thời kết hợp chặt chẽ với chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mĩ xâm lược. Các phong trào “ba sẵn sàng”, “ba đảm đang”, “tất cả cho tiền tuyến”, “thúc không thiêu một cân, quân không thiêu một người”, “xe chưa qua, nhà không tiếc” vv đã huy động to lớn sức người, sức của chi viện cho Miền nam đánh giặc. Ở miền Nam, Đảng chỉ đạo quân và dân ta kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với củng cố mở rộng hậu phương, xây dựng căn cứ địa miền Nam vững mạnh. Đây chính là một điều kiện cơ bản bảo đảm cho cách mạng nước ta đi đến thắng lợi.

6.2.2.3. Thực tiễn kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại từ khi thống nhất đất nước đến nay

Thời kì cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1975 đến nay), kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại được Đảng ta khẳng định là một nội dung quan trọng trong đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và được triển khai trên quy mô rộng lớn, toàn diện, ngày càng được nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn. Từ năm 1986 đến nay, với tư duy mới về kinh tế và quốc phòng, an ninh, việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương, bộ, ban ngành có bước chuyển biến cả trong nhận thức và tổ chức thực hiện, đã thu được nhiều kết quả quan trọng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, kinh tế của đất nước ta từng bước phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, an sinh xã hội đảm bảo, con người ngày càng được bảo vệ và chăm lo phát triển toàn diện, vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao được trên trường quốc tế. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 trong 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc. Tính đến nay (5/2021), Việt Nam đã ký kết 18 hiệp định thương mại FTA song phương và đa phương, có quan hệ thương mại tự do với 54 nước trên thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích quan trọng đã đạt được trong sự kết hợp, còn những hạn chế: “Sự gắn kết giữa phát triển kinh tế-xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa thực sự chặt chẽ, hiệu quả. Nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức kinh tế về mục tiêu, nhiệm vụ kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh chưa đầy đủ, sâu sắc; còn biểu hiện chủ quan, thiêu cảnh giác, nặng về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, nhẹ về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Việc cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh còn chậm, chưa toàn diện, có lĩnh vực còn bất cập, chưa đủ mạnh”¹

Nhờ chính sách nhất quán về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại chúng ta đã phát huy được mọi tiềm năng cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thời bình, cùng với phát triển kinh tế là chăm lo củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh, thế trận quốc phòng an ninh. Nhờ vậy, khi đất nước bị xâm lược chúng ta đã động viên được “cả nước đồng lòng, toàn dân đánh giặc”; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù. Sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, Tài liệu sử dụng tại đại hội Đảng bộ cấp huyện, tỉnh và tương đương*, Hà Nội, tr. 116.

củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại là tất yếu, là đòi hỏi khách quan của sự phát triển trong bối cảnh xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Để đáp ứng những yêu cầu đó, các ngành, các cấp, các địa phương phải nâng cao nhận thức, quán triệt sâu rộng, triển khai đồng bộ, thực hiện tích cực và hiệu quả.

6.3. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay

6.3. 1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế- xã hội

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030, Đảng ta xác định mục tiêu tổng quát là: “Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao”¹. Như vậy, trong mục tiêu chiến lược được Đảng ta xác định đã bao quát toàn diện các lĩnh vực của đất nước, trong đó nổi lên ba vấn đề lớn là: tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm giải quyết hài hòa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mỗi lĩnh vực cần kết hợp chặt chẽ với các lĩnh vực khác và đạt được mục tiêu cụ thể sau.

Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Chủ động, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố nguy cơ gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được thể hiện ngay trong việc hoạch định mục tiêu phát triển quốc gia, trong huy động nguồn lực, trong lựa chọn và thực hiện các giải pháp chiến lược.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, tập I, tr. 218.

6.3.2. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong phát triển các vùng lãnh thổ

Các vùng lãnh thổ khác nhau, có sự khác nhau về đặc điểm và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại. Việc kết hợp các hoạt động trên đòi hỏi cần được thực hiện một cách hài hòa, khoa học phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền và mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của mỗi lĩnh vực. Song việc kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở các vùng lãnh thổ, cũng như ở địa bàn mỗi tỉnh, thành phố trên cả nước phải được thể hiện những nội dung chủ yếu sau.

Một là, kết hợp trong xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng, cũng như trên địa bàn từng tỉnh, thành phố.

Hai là, kết hợp trong quá trình chuyên dịch cơ cấu kinh tế vùng, cơ cấu kinh tế địa phương với xây dựng các khu vực phòng thủ then chốt, các cụm chiến đấu liên hoàn, các xã phường chiến đấu trên địa bàn của các tỉnh, thành phố, huyện, quận.

Ba là, kết hợp trong quá trình phân công lại lao động của vùng, phân bố lại dân cư với tổ chức xây dựng và điều chỉnh, sắp xếp bố trí lại lực lượng quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn, lãnh thổ cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm ở đâu có đất, có biển, đảo là ở đó có dân và có lực lượng quốc phòng, an ninh để bảo vệ cơ sở, bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, kết hợp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình quốc phòng, quân sự, phòng thủ dân sự, thiết bị chiến trường... Bảo đảm tính "lưỡng dụng" trong mỗi công trình được xây dựng.

Năm là, kết hợp xây dựng các cơ sở, kinh tế vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần, kĩ thuật và hậu phương vững chắc cho mỗi vùng và ở các địa phương để sẵn sàng đối phó khi có chiến tranh xâm lược.

6.3.2.1. Đối với các vùng kinh tế trọng điểm

Hiện nay, nước ta xác định 4 vùng kinh tế trọng điểm với 24 tỉnh thành phố gồm: Bắc bộ (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc); Trung bộ (Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định); Nam bộ (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Tiền Giang); Đồng bằng sông Cửu Long (Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau). Các vùng kinh tế trọng điểm nói trên đều là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, du lịch, nơi tập trung các nguồn lực lớn làm nòng cốt cho phát triển kinh tế, xã hội của từng vùng miền và cho cả nước.

- *Đặc điểm của các vùng kinh tế trọng điểm.*

Về kinh tế, xã hội. Các vùng kinh tế trọng điểm là nơi có mật độ dân cư và tính chất đô thị hoá cao, gắn liền với các khu công nghiệp lớn, đặc khu kinh tế, các liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài. Đây cũng là nơi tập trung các đầu mối giao thông quan trọng, các sân bay, bến cảng, kho tàng, dịch vụ...

Về quốc phòng, an ninh. Mỗi vùng kinh tế trọng điểm thường nằm trong các khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt của đất nước, nơi có nhiều đối tượng, mục tiêu quan trọng phải bảo vệ; đồng thời cũng là nơi có khả năng là hướng tiến công chiến lược chủ yếu trong chiến tranh xâm lược của địch; hoặc đã và đang là địa bàn

trọng điểm để địch thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ với nước ta.

Về đối ngoại. Các vùng kinh tế trọng điểm là nơi tập trung thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam thông qua các dự án kinh tế. Nơi hợp tác phát triển với các nước và tổ chức nước ngoài về phát triển văn hóa, xã hội, môi trường vv. Nơi thu hút khách quốc tế đến thăm quan, nghỉ dưỡng, du lịch, trao đổi hợp tác về giáo dục, khoa học, công nghệ. Đồng thời cũng là nơi các đối tượng phạm tội nước ngoài chạy trốn, ẩn nấp, chống phá. Nơi các tổ chức gián điệp, phản động hoạt động để xây dựng các cơ sở, căn cứ và lực lượng để chống phá ta.

- *Nội dung, giải pháp kết hợp cùn tập trung vào các vấn đề sau.*

Trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn quy mô trung bình, bố trí phân tán, trải đều trên diện rộng, không nên xây dựng tập trung thành những siêu đô thị lớn, để thuận lợi cho quản lí, giữ gìn an ninh chính trị trong thời bình và hạn chế hậu quả tiến công hoả lực của địch khi có chiến tranh.

Phải kết hợp chặt chẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với kết cấu hạ tầng của nền quốc phòng toàn dân. Gắn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình phòng thủ, các thiết bị chiến trường, các công trình phòng thủ dân sự... Vé lâu dài, ở các thành phố, đô thị, các khu kinh tế tập trung, cần có quy hoạch từng bước xây dựng hệ thống "công trình ngầm lưỡng dụng". Phải bảo vệ, bảo tồn các địa hình, địa vật, các khu vực có giá trị về phòng thủ, khi bố trí các cơ sở sản xuất, các công trình kinh tế, phê duyệt dự án đầu tư nước ngoài. Khắc phục tình trạng chỉ chú ý quan tâm đến lợi thế, hiệu quả kinh tế trước mắt mà quên đi nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và ngược lại khi bố trí các khu vực phòng thủ, các công trình quốc phòng, chỉ chú ý đến các yếu tố bảo đảm quốc phòng, an ninh mà không tính đến đến lợi ích kinh tế.

Trong quá trình xây dựng các khu công nghiệp tập trung, đặc khu kinh tế phải có sự gắn kết với quy hoạch xây dựng lực lượng quốc phòng- an ninh, các tổ chức chính trị, đoàn thể ngay trong các tổ chức kinh tế đó. Lựa chọn đối tác đầu tư, bố trí xen kẽ, tạo thế đan cài lợi ích giữa các nhà đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp, đặc khu kinh tế, khu chế xuất.

Việc xây dựng, phát triển kinh tế ở các vùng kinh tế trọng điểm phải nhằm đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh thời bình và cả cho việc chuẩn bị đáp ứng nhu cầu chi viện cho các chiến trường khi chiến tranh xảy ra. Kết hợp phát triển kinh tế tại chỗ với xây dựng căn cứ hậu phương của từng vùng kinh tế trọng điểm để sẵn sàng chủ động di dời, sơ tán đến nơi an toàn khi có tình huống chiến tranh xâm lược.

6.3.2.2. Đối với vùng núi biên giới

- *Đặc điểm của vùng núi biên giới.*

Vùng núi biên giới của nước ta có chiều dài hơn 4.550km, tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Cămpuchia. Đây là địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc ít người, mật độ dân số thấp (trung bình khoảng 20 - 40 người/km²). Vùng núi biên giới có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Trước đây các vùng này đã từng là căn cứ địa kháng chiến, hậu phương chiến lược của cả nước. Ngày nay, trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, các vùng núi biên giới vẫn là vùng chiến lược trọng yếu. Trong khi đó, ở đây dân trí thấp, còn nhiều khó khăn, yếu kém về kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại nên dễ bị kẻ thù lợi dụng để lôi kéo,

kích động đồng bào, thực hiện âm mưu chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, nhiều nơi tình hình rất phức tạp. Vì vậy, trước mắt cũng như lâu dài, việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh ở vùng núi biên giới là cực kì quan trọng.

- *Nội dung, giải pháp kết hợp*

Phải quan tâm đầu tư phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh ở các vùng cửa khẩu, các vùng giáp biên giới với các nước.

Phải tổ chức tốt việc định canh, định cư tại chỗ và có chính sách phù hợp để động viên, điều chỉnh dân số từ các nơi khác đến vùng núi biên giới.

Tập trung xây dựng các xã trọng điểm về kinh tế và quốc phòng, an ninh. Trước hết, cần tập trung xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở, mở mới và nâng cấp các tuyến đường dọc, ngang, các tuyến đường vành đai kinh tế.

Thực hiện tốt chương trình xoá đói, giảm nghèo, chương trình 135 về phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã nghèo.

Đối với những nơi có địa thế quan trọng, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, cần kết hợp mọi nguồn lực, mọi lực lượng của cả Trung ương và địa phương để cùng lo, cùng làm.

Đặc biệt với các địa bàn chiến lược trọng yếu dọc sát biên giới, cần có chính sách động viên và sử dụng lực lượng vũ trang, lực lượng quân đội làm nòng cốt xây dựng các khu kinh tế quốc phòng, hoặc các khu quốc phòng - kinh tế, nhằm tạo thế và lực mới cho phát triển kinh tế xã hội và tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh.

6.3.2.3. Đối với vùng biển, đảo

- *Đặc điểm của vùng biển, đảo của nước ta hiện nay.*

Nước ta có vùng biển vừa dài vừa rộng, với diện tích hơn 1 triệu km² (gấp hơn 3 lần diện tích đất liền). Vùng biển, đảo nước ta có nhiều tiềm năng về kinh tế, là cửa ngõ thông thương giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, có khả năng phát triển một số ngành mũi nhọn của đất nước trong tương lai. Vùng biển, đảo của ta hiện nay đang có nhiều tranh chấp rất phức tạp, chứa đựng nguy cơ đe doạ chủ quyền quốc gia, lợi ích dân tộc và rất dễ bùng nổ xung đột. Vì vậy, việc quan tâm thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại trên vùng biển, đảo là đòi hỏi bức bách và rất quan trọng cả trước mắt cũng như lâu dài, nhằm nhanh chóng tạo ra thế và lực đủ sức bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

- *Mục tiêu xây dựng vùng biển, đảo của nước ta hiện nay.*

Nghị quyết TW8, khóa XII của Đảng về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định: Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn; kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tham gia chủ động và có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực về biển và đại dương.

- *Nội dung, giải pháp kết hợp cân bằng vào các vấn đề sau.*

Phát triển kinh tế biển và ven biển. Phát triển các ngành kinh tế biển du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Phát triển đồng bộ, từng bước hình thành khu kinh tế, khu

công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển. Phát triển các vùng biển dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai. Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển.

Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ theo hướng hiện đại, ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng thực thi pháp luật trên biển; xử lý tốt các tình huống trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển. Tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế, tranh thủ tối đa các nguồn lực, sự hỗ trợ quốc tế để nâng cao năng lực quản lý, khai thác biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo.

6.3.3. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

6.3.3.1. Kết hợp trong công nghiệp, thương mại và dịch vụ

- Vị trí vai trò của ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

Công nghiệp, thương mại và dịch vụ là chuỗi, là những lĩnh vực kinh tế quan trọng của quốc gia, cung cấp máy móc, nguyên nhiên liệu cho các ngành kinh tế khác và cho chính nó cũng như cho công nghiệp quốc phòng; sản xuất sản phẩm tiêu dùng cho xã hội, phục vụ xuất khẩu; sản xuất ra vũ khí, trang thiết bị quân sự đáp ứng nhu cầu của hoạt động quốc phòng, an ninh; đáp ứng nhu cầu của xã hội và phát triển kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại đất nước hiện nay.

- Mục tiêu phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

Đến năm 2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực ASEAN về công nghiệp, trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại.

Phát triển ngành thương mại, nhất là thương mại điện tử, thương mại biên giới phái khu vực khoáng cách giữa các thành phố lớn và các địa phương về mức độ phát triển thương mại. Xây dựng thị trường thương mại lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững. Mở rộng thị trường tiêu thụ cho hàng hóa Việt Nam trong và ngoài nước, đẩy mạnh giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới. Đưa thương mại Việt Nam đến năm 2025 trở thành quốc gia có thị trường thương mại, nhất là thương mại điện tử phát triển thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á.

“Phát triển khu vực dịch vụ trở thành khu vực chủ chốt, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao, ngang bằng với nhóm các quốc gia phát triển trong ASEAN-4, phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế”¹.

- Nội dung, giải pháp cơ bản.

Kết hợp ngay từ khâu quy hoạch bố trí các đơn vị, cơ sở của ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Bố trí một cách hợp lý trên các vùng lãnh thổ, quan tâm đến

¹ Quyết định số 531/QĐ-TTg, ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế kém phát triển, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Đầu tư, phát triển các ngành: Cơ khí, luyện kim, điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, dầu khí, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác, thương mại và thị trường trong nước; xuất nhập khẩu, thương mại biên giới, đóng tàu vừa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, vừa đảm bảo phục vụ quốc phòng, an ninh khi có yêu cầu.

Mở rộng liên doanh, liên kết giữa ngành công nghiệp nước ta (bao gồm cả công nghiệp quốc phòng) với công nghiệp của các nước tiên tiến trên thế giới, ưu tiên những ngành, lĩnh vực có tính lưỡng dụng cao.

Phát triển hệ thống phòng không công nghiệp và phát triển lực lượng tự vệ để bảo vệ các nhà máy, xí nghiệp trong cả thời bình và thời chiến. Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc gia phục vụ thời chiến; thực hiện dự trù chiến lược các nguyên, nhiên, vật liệu quý hiếm cho sản xuất quân sự.

Các cơ sở công nghiệp trong thời bình, ngoài việc đầu tư, sản xuất phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, sẵn sàng sản xuất hàng quốc phòng, an ninh và chuyển giao công nghệ phục vụ công nghiệp quốc phòng khi có yêu cầu.

Phát triển hệ thống thương mại, dịch vụ đa dạng, chú trọng khu vực biên giới, miền núi, các vùng biển, hải đảo đảm cho sản xuất, kinh doanh, tạo điều kiện cho nhân dân ổn định cuộc sống. Hệ thống dịch vụ của từng địa phương có thể chuyển thành một bộ phận hệ thống hậu cần, kỹ thuật tại chỗ khi chuyển vào các trạng thái quốc phòng.

6.3.3.2. Kết hợp trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp

- Vị trí vai trò của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

Hiện nay nước ta vẫn còn gần 70% dân số ở nông thôn, vùng núi, vùng biển đảo làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp. Phần lớn lực lượng của cải huy động cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là từ khu vực này.

- Mục tiêu chung.

Xây dựng nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong thời kỳ mới.

- Nội dung, giải pháp cơ bản.

Kết hợp phải nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đất, rừng, biển, đảo và lực lượng lao động để phát triển đa dạng ngành trong nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao phục vụ tiêu dùng trong nước, xuất khẩu và có lượng dự trữ dồi dào về mọi mặt cho quốc phòng, an ninh.

Kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp phải gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội như xoá đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ, đền ơn đáp nghĩa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới văn minh và hiện đại. Bảo đảm an ninh lương thực và an ninh nông thôn, góp phần tạo thế trận phòng thủ, "thế trận lòng dân" vững chắc.

Phải kết hợp gắn việc động viên đưa dân ra lập nghiệp ở các đảo để xây dựng các làng, xã, huyện đảo vững mạnh với chú trọng đầu tư xây dựng phát triển các hợp tác xã, các đội tàu thuyền đánh cá xa bờ, xây dựng lực lượng tự vệ, lực lượng dân quân

biển, đảo; phối hợp chặt chẽ với lực lượng Hải quân và Cảnh sát biển để bảo vệ biển, đảo.

Phải đẩy mạnh phát triển rừng rừng gắn với công tác định canh định cư, xây dựng các cơ sở chính trị vững chắc ở các vùng rừng núi biên giới nước ta, đặc biệt là ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

6.3.3.3. Kết hợp trong giao thông vận tải

- Vị trí, vai trò của giao thông vận tải

Giao thông vận tải trong thời bình, giúp cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, bình thường; đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân, giúp cho sinh hoạt thuận tiện; nhân tố quan trọng phân bổ sản xuất, dịch vụ và dân cư; thúc đẩy hoạt động kinh tế, văn hóa ở các vùng núi xa xôi phát triển; cung cấp tính thông nhất của nền kinh tế; giao lưu kinh tế và thúc đẩy quan hệ ngoại giao với các nước láng giềng cũng như trong khu vực. Trong thời chiến, giao thông vận tải giúp tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh; đảm bảo sự chi viện liên tục, nối liền giữa các vùng, các khu vực trên cả nước trong chiến tranh.

- Mục tiêu của giao thông vận tải

Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ cả đường bộ, đường sắt, đường không, đường sông, đường thuỷ nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá, mở rộng giao lưu với bên ngoài trong thời bình và đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong thời chiến.

- Nội dung, giải pháp cơ bản

Trong xây dựng các mạng đường bộ, cần chú trọng mở rộng, nâng cấp các tuyến trực đường Bắc - Nam với tuyến đường trực dọc Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh. Từ các tuyến đường này phải phát triển các tuyến đường ngang, nối liền giữa các tuyến trực dọc với nhau và phát triển đến các huyện, xã trong cả nước, nhất là đến các xã vùng cao, vùng sâu, miền núi biên giới, xây dựng các tuyến đường vành đai biên giới.

Trong thiết kế, thi công các công trình giao thông vận tải, đặc biệt là các tuyến vận tải chiến lược, phải tính đến cả nhu cầu hoạt động thời bình và thời chiến, nhất là cho các phương tiện cơ động của lực lượng vũ trang có trọng tải và lưu lượng vận chuyển lớn, liên tục. Ở đầu nút giao thông, những nơi dự kiến địch có thể đánh phá trong chiến tranh, phải có kế hoạch làm nhiều đường vòng tránh. Bên cạnh các cây cầu lớn qua sông, phải làm sẵn những bến phà, bến vượt ngầm. Ở những đoạn đường có địa hình cho phép thì làm đường hầm xuyên núi, cải tạo các hang động sẵn có dọc hai bên đường làm kho trạm, nơi trú quân khi cần thiết.

Phải thiết kế, xây dựng lại hệ thống đường ống dẫn dầu Bắc - Nam, chôn sâu bí mật, có đường vòng tránh trên từng cung đoạn, bảo đảm hoạt động an toàn cả thời bình và thời chiến.

Ở các vùng đồng bằng ven biển, đi đôi với phát triển hệ thống đường bộ, cần chú trọng cải tạo, phát triển đường sông, đường biển, xây dựng các cảng sông, cảng biển, bảo đảm đi lại, bốc dỡ thuận tiện.

Việc mở rộng nâng cấp sân bay phải chú ý cả sân bay ở tuyến sau, ở sâu trong nội địa, sân bay giả chiến và có kế hoạch sử dụng cả đường cao tốc làm đường băng cất hạ cánh máy bay khi cần thiết trong chiến tranh.

Trong một số tuyến đường xuyên Á, sau này được xây dựng qua Việt Nam, ở những nơi cửa khẩu, nơi tiếp giáp các nước bạn phải có kế hoạch xây dựng các khu vực phòng thủ kiên cố, vững chắc, đề phòng khả năng địch sử dụng các tuyến đường này khi tiến công xâm lược nước ta với quy mô lớn.

Xây dựng kế hoạch động viên giao thông vận tải cho thời chiến, chống chia cắt trong mọi tình huống.

6.3.3.4. Kết hợp trong thông tin và truyền thông

- Vị trí vai trò, mục tiêu của thông tin và truyền thông

Thông tin và truyền thông là công cụ hàng đầu để thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ, hình thành xã hội thông tin, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Là yếu tố có tính chiến lược góp phần tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, tăng năng suất hiệu suất lao động, thúc đẩy các ngành các lĩnh vực khác phát triển. Có vai trò cực kỳ quan trọng trong xây dựng tinh cảm, niềm tin, định hướng nhận thức, hành động đối với mọi đối tượng trong xã hội. Có tác động cả tích cực và tiêu cực đối với hoạt động xây dựng phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại trong thời đại hiện nay.

Xây dựng hệ thống thông tin và truyền thông kịp thời, chính xác, bí mật, an toàn, hiệu quả, ổn định, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và mở rộng đối ngoại trong thời bình và đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Nội dung, giải pháp cơ bản

Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc dân sự kết hợp chặt chẽ với hệ thống thông tin liên lạc của các đơn vị lực lượng vũ trang, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh; kết hợp giữa phương tiện thông tin liên lạc hiện đại và thô sơ để bảo đảm thông tin kịp thời, chính xác, bí mật, an toàn, vững chắc phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng trong mọi tình huống; có giải pháp an ninh mạng, an toàn thông tin số cho hệ thống thông tin và có các biện pháp chống tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng.

Hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các luật về thông tin, truyền thông, bảo đảm an ninh mạng trong mọi tình huống. Xây dựng hệ thống thông tin mạng an toàn, hiệu quả, lành mạnh phục vụ tốt việc định hướng trong phát triển kinh tế, xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại hiện nay.

Bộ, ngành, địa phương tăng cường tuyên truyền, phổ biến các nội dung, hình thức kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, xã hội và kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh trên các thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại. Đấu tranh với các thế lực thù địch trên mặt trận văn hóa, thông tin, tuyên truyền, nhất là trên các trang mạng xã hội hiện nay.

6.3.3.5. Kết hợp trong xây dựng

- Mục tiêu kết hợp trong xây dựng

Xây dựng quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hài hòa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội gắn với xây dựng, bố trí các căn cứ, công trình quốc phòng, an ninh của đất nước đáp ứng yêu cầu của công cuộc bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Nội dung, giải pháp cơ bản

Kết hợp chặt chẽ với quốc phòng trong xây dựng, chế tạo vật liệu xây dựng lưỡng dụng, nhà ở và công sở, kiến trúc, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây

dựng nông thôn, hạ tầng kỹ thuật đô thị vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội vừa đảm bảo phục vụ quốc phòng, an ninh khi có yêu cầu.

Khi xây dựng các công trình dân sự phải đảm bảo tính lưỡng dụng, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng ở địa bàn trọng điểm về quốc phòng; việc kết hợp phải được thực hiện từ khảo sát, quy hoạch, kế hoạch, lấy ý kiến, thẩm định và phê duyệt dự án; không xây dựng các công trình xâm phạm không lưu, các địa hình có giá trị về quân sự, quốc phòng hoặc làm ảnh hưởng, cản trở đến các phương án tác chiến.

Trong xây dựng cần ưu tiên nghiên cứu, chế tạo phát triển những vật liệu lưỡng dụng đáp ứng yêu cầu quốc phòng để phục vụ các công trình phòng thủ, công sự trận địa của lực lượng vũ trang; xây dựng và cải tạo các hang động tự nhiên phục vụ dân sinh gắn với phục vụ quốc phòng khi có tình huống.

6.3.3.6. Kết hợp trong đầu tư, quản lý kinh tế

- Mục tiêu kết hợp trong đầu tư, quản lý kinh tế

Xây dựng cơ chế, chính sách và điều hành quản lý nền kinh tế hiệu quả đồng thời xây dựng, thu hút, phân bổ nguồn vốn nhà nước và các nguồn vốn khác đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

- Nội dung, giải pháp cơ bản

Việc xây dựng cơ chế, chính sách và điều hành quản lý nền kinh tế chung và một số lĩnh vực cụ thể, chính sách đầu tư trong nước, đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài đồng bộ, hiệu quả, minh bạch.

Xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghệ cao và các loại hình khu kinh tế khác phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới.

Quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ phi chính phủ nước ngoài; đầu thầu; thành lập, phát triển doanh nghiệp và khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

6.3.3.7. Kết hợp trong giáo dục và lao động thương binh xã hội

- Mục tiêu của ngành giáo dục và lao động thương binh xã hội

Giáo dục đào tạo con người Việt nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu về nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, giảm thiểu sự cách biệt về kinh tế và văn hóa giữa các tầng lớp dân cư và vùng miền, đảm bảo tốt chế độ, chính sách đối với thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng.

- Nội dung, giải pháp cơ bản cần kết hợp trong giáo dục và lao động thương binh xã hội

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và sẵn sàng phục vụ quốc phòng, trọng tâm là cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật giỏi ở các ngành nghề sẵn sàng phục vụ quốc phòng.

Việc quản lý phát triển lực lượng lao động, tạo việc làm phải đi đôi với bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Đào tạo, dạy nghề phải gắn với chính sách thương binh, liệt sĩ, người có công và bảo trợ, an sinh xã hội đối với các đối tượng yếu thế, khó khăn vv.

Coi trọng giáo dục bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài của đất nước, đáp ứng cả sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế xã hội, cả quốc phòng, an ninh. Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, đặc biệt là trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc gia.

6.3.3.8. Kết hợp trong khoa học và công nghệ

- Mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của đất nước

Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh đưa nước ta đến năm 2030 hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Nội dung, giải pháp cơ bản cần kết hợp trong khoa học và công nghệ

Phải phối hợp chặt chẽ và toàn diện hoạt động giữa các ngành khoa học và công nghệ then chốt của cả nước với các ngành khoa học của quốc phòng, an ninh trong việc hoạch định chiến lược nghiên cứu phát triển và quản lý sử dụng phục vụ cho cả xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đê tài khoa học, dự án công nghệ và sản xuất các sản phẩm có ý nghĩa vừa phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vừa phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, có chính sách đầu tư thoả đáng cho lĩnh vực nghiên cứu khoa học quân sự, khoa học xã hội nhân văn quân sự, khoa học kỹ thuật quân sự.

Đẩy mạnh các hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân, trí tuệ nhân tạo, phục vụ dân sinh, và phải gắn với các ngành khoa học và công nghệ của quốc phòng.

Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ quân sự và công nghiệp quốc phòng phục vụ cho nền kinh tế quốc dân và ngược lại. Kết nối tăng cường sức mạnh cho nền kinh tế, khuyến khích liên doanh, liên kết với các tổ chức trong nước và nước ngoài, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, học tập kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực này.

6.3.3.9. Kết hợp trong y tế

- Mục tiêu của ngành y tế

Nâng cao sức khoẻ cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Nội dung, giải pháp cơ bản cần kết hợp trong y tế

Phối hợp chặt chẽ giữa y tế dân sự với y tế quân sự trong nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực, trong khám chữa bệnh.

Xây dựng mô hình quân - dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Cấp tỉnh, huyện ngoài các bệnh viện được bố trí theo cụm dân cư, phải tổ chức các đội y tế cơ động theo kế hoạch tác chiến, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân

dân trong thời bình, đồng thời sẵn sàng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng khi có tình huống.

6.3.3.10. Kết hợp trong quản lý tài nguyên và môi trường

- Mục tiêu trong quản lý tài nguyên và môi trường

“Đến năm 2050, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững tài nguyên; bảo đảm chất lượng môi trường sống và cân bằng sinh thái, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về môi trường tương đương với mức hiện nay của các nước công nghiệp phát triển trong khu vực”¹ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

- Nội dung, yêu cầu kết hợp trong quản lý tài nguyên và môi trường

Việc quản lý, sử dụng đất đai; khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên rừng; quản lý tài nguyên, môi trường, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và thềm lục địa; hoạt động khai thác thủy văn, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sa mạc hóa; đo đạc bản đồ, viễn thám, phân giới cắm mốc; khắc phục, xử lý chất độc da cam/dioxin, bom, mìn, vật liệu nổ tồn dư sau chiến tranh phải bảo đảm các yêu cầu quốc phòng, an ninh.

6.3.4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

- Mục tiêu của sự kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay. Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc là xuất phát từ mục tiêu, lực lượng và phương thức bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, nhằm chuẩn bị điều kiện về kinh tế, xã hội và quốc tế thuận lợi cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc trong bất cứ hoàn cảnh nào.

- Nội dung, giải pháp cơ bản kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Tổ chức biên chế và bố trí lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và nhu cầu phòng thủ đất nước. Xây dựng thế trận quốc phòng gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bố trí điều chỉnh dân cư, phát triển các ngành nghề trên từng vùng miền và trên toàn bộ lãnh thổ của đất nước.

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật trong huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang.

Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của quân đội, công an cho phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng, phát triển các khu kinh tế quốc phòng, các khu quốc phòng kinh tế trên các địa bàn miền núi biên giới, giúp đỡ nhân dân địa phương ổn định sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn. Tận dụng khả năng của công nghiệp quốc phòng trong thời bình để sản xuất hàng hoá dân sự phục vụ dân sinh và xuất khẩu. Thành lập các tổ, đội công tác trên từng lĩnh vực đưa về giúp đỡ các xã vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng cũ phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh...

Phát huy tốt vai trò tham mưu của các cơ quan quân sự, công an các cấp trong việc thẩm định, đánh giá các dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư có vốn nước ngoài.

6.3.5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại

¹ Nghị quyết số 24, Hội nghị lần thứ 7, BCHTW Khóa XI.

- Vị trí vai trò của hoạt động đối ngoại

Đối ngoại thông qua các hoạt động ngoại giao song phương, ngoại giao đa phương, công tác biên giới lãnh thổ, công tác về người Việt Nam ở nước ngoài, đấu tranh đối ngoại của Hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội và nhân dân góp phần tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, khai thác ngoại lực, tăng cường nội lực để góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

- Nội dung, giải pháp cơ bản cần kết hợp trong hoạt động đối ngoại.

Sự kết hợp kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại phải được thực hiện ở tất cả các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; từ trong quy hoạch tổng thể đến các bước triển khai, theo sự chỉ đạo và quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước.

Kết hợp chặt chẽ giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và đối ngoại quốc phòng an ninh, tạo thành sức mạnh tổng hợp của ngoại giao Việt Nam nhằm tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nâng cao vị thế quốc tế của đất nước, góp phần đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa ngoại giao nhà nước với hoạt động đối ngoại của Đảng, Quốc hội và nhân dân; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa và tư tưởng; giữa đối ngoại Trung ương với địa phương để phát huy sức mạnh tổng hợp của đối ngoại Việt Nam trên trường quốc tế, kịp thời phát hiện và ứng phó hiệu quả với những tác động đa chiều các diễn biến của đối ngoại với quốc phòng, an ninh và phát triển của đất nước.

Chủ động, tích cực tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế và khu vực, đặc biệt là ASEAN và Liên Hợp quốc, tham gia giải quyết các thách thức toàn cầu, phát huy ảnh hưởng quốc tế để phục vụ cho phát triển về quốc phòng, an ninh của Việt Nam.

Giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ, lãnh hải trên cơ sở luật pháp quốc tế, kết hợp chặt chẽ các biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng, an ninh trong việc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

6.4. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở Việt Nam hiện nay

6.4.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp phải thường xuyên nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, kịp thời đề ra những quyết định lãnh đạo ngành, địa phương mình, thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại một cách đúng đắn.

Gắn chủ trương lãnh đạo với tăng cường kiểm tra việc thực hiện của chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế thực hiện chủ trương đường lối về kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Tổ chức tốt việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời để bổ sung chủ trương và chỉ đạo thực tiễn thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở ngành, địa phương thuộc phạm vi lãnh đạo của các cấp ủy đảng.

Đối mới nâng cao quy trình, phương pháp quản lí, điều hành của chính quyền các cấp từ khâu lập quy hoạch, kế hoạch, năm tình hình, thu thập xử lý thông tin, định hướng hoạt động, tổ chức hướng dẫn chỉ đạo cấp dưới và kiểm tra ở mọi khâu, mọi bước của quá trình thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở ngành, địa phương mình.

6.4.2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại cho các đối tượng

Đối tượng bồi dưỡng. Phải phổ cập kiến thức quốc phòng, an ninh cho toàn dân nhưng trước hết phải tập trung vào đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp, các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

Nội dung bồi dưỡng. Phải căn cứ vào đối tượng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra để chọn lựa nội dung, chương trình bồi dưỡng cho phù hợp và thiết thực nhằm nâng cao cả kiến thức, kinh nghiệm và năng lực thực tiễn sát với cương vị đảm nhiệm với từng loại đối tượng và quân chúng nhân dân.

Hình thức bồi dưỡng. Phải kết hợp bồi dưỡng tại trường với tại chức, kết hợp lý thuyết với thực hành. Thông qua sinh hoạt chính trị, qua các cuộc diễn tập thực nghiệm, thực tế ở các bộ, ngành, địa phương cơ sở để nâng cao hoàn thiện sự hiểu biết và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ và của toàn dân, toàn quân về kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

6.4.3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thời kì mới

Hiện nay, nước ta đã và đang xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại đến năm 2030. Thực tiễn cho thấy, sự vận dụng tính quy luật kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và quán triệt quan điểm kết hợp của Đảng đã đề ra còn nhiều mâu thuẫn, bất cập do thiếu định hướng chiến lược cơ bản cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Vì vậy, muốn kết hợp ngay từ đầu và trong suốt quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một cách cơ bản, thống nhất trên phạm vi cả nước và từng địa phương, phải tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược tổng thể quốc gia về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Coi đó là một trong những mắt, khâu quan trọng hàng đầu để chỉ đạo, quản lí nhà nước, về kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh một cách có hiệu lực, hiệu quả.

Trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch chiến lược tổng thể về kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thời kì mới, phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương từ khâu khảo sát, đánh giá các nguồn lực (cả bên trong và bên ngoài). Trên cơ sở đó xác định mục tiêu, phương hướng phát triển và đề ra các chính sách đúng đắn, như : chính sách khai thác các nguồn lực; chính sách đầu tư và phân bổ đầu tư; chính sách điều động nhân lực, bố trí dân cư; chính sách ưu đãi khoa học và công nghệ lưỡng dụng....

6.4.4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong tình hình mới

Mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta có liên quan đến kết hợp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, kết hợp phát triển kinh tế, xã hội

với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại đều phải được thể chế hóa thành luật pháp, pháp lệnh, nghị định, văn bản dưới luật một cách đồng bộ, thống nhất để quản lý và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu lực và hiệu quả trong cả nước.

Đảng và Nhà nước phải có chính sách khai thác các nguồn lực và vốn đầu tư cả trong và ngoài nước để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ; nhất là đối với các công trình trọng điểm, ở những địa bàn chiến lược trọng yếu như miền núi biên giới và hải đảo.

Việc xác lập cơ chế chính sách, bảo đảm ngân sách cho kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh cần được xây dựng theo quan điểm quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, các đoàn thể xã hội đều phải có nghĩa vụ chăm lo cho sự nghiệp xây dựng đất nước cũng như sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Việc phân bổ ngân sách đầu tư cho kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố phòng, an ninh và đối ngoại phải theo hướng tập trung cho những mục tiêu chủ yếu, những công trình có tính lưỡng dụng cao đáp ứng cả cho phát triển kinh tế xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh cả trước mắt và lâu dài.

Phải có chính sách khuyến khích lợi ích vật chất và tinh thần đối với các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư (cả trong và ngoài nước) có các đề tài khoa học, các dự án công nghệ sản xuất, xây dựng có ý nghĩa lưỡng dụng cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kì mới.

6.4.5. Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp

Căn cứ vào Nghị định Số 164/2018/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về Công tác quốc phòng ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ và các địa phương. Cần nghiên cứu bổ sung mở rộng thêm chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh nói chung và về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội gắn với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh nói riêng trong thời kì mới.

Kết hợp chặt chẽ giữa chấn chỉnh, kiện toàn tổ chức với chăm lo bồi dưỡng nâng cao năng lực và trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ chuyên trách làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ngang tầm với nhiệm vụ trong thời kì mới.

Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại là một tất yếu khách quan, một nội dung quan trọng trong đường lối phát triển đất nước của Đảng ta. Việc kết hợp được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và có sự phối hợp của các ngành, các cấp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện tốt việc kết hợp, cần quán triệt và thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó phải quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam cho toàn dân, nhất là cho học sinh, sinh viên - những người quyết định tương lai của đất nước. Quá trình kết hợp phải được triển khai có kế hoạch, có cơ chế chính sách cụ thể, chặt chẽ, đồng bộ.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Khái niệm, cơ sở của sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay ?
2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay ?
3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay ?

Chương 7

NHỮNG VĂN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Sau khi học xong, người học nắm được những kiến thức cơ bản về truyền thống, những giữ nước bài học giữ nước, nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta, nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

Về kỹ năng: Giúp cho người học hình thành phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng nội dung của bài học vào thực tiễn công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng tổ chức thể trạng chiến tranh nhân dân trên các cương vị công tác sau này.

Về thái độ: Bởi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, góp phần hình thành tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm cho người học trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

B. NỘI DUNG

Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật tồn tại, phát triển của dân tộc Việt Nam. Trong suốt mấy nghìn năm lịch sử, Nhân dân ta phải liên tục đấu tranh chống kẻ thù xâm lược để giành và giữ nền độc lập dân tộc. Với ý thức tự tôn, tự hào dân tộc, lòng yêu nước, chí kiên cường, với tư duy quân sự xuất sắc và cách đánh mưu trí, sáng tạo, cha ông ta đã đánh thắng tất cả kẻ thù xâm lược, tạo nên truyền thống, khí phách hào hùng của dân tộc và để lại những tư tưởng, nghệ thuật đánh giặc độc đáo.

Từ khi có Đảng lãnh đạo, những trang sử hào hùng của Dân tộc tiếp tục được ghi thêm những thắng lợi vĩ đại, những chiến công hiển hách trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Từ thực tiễn chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, đã hình thành nên nghệ thuật quân sự Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật quân sự Việt Nam không ngừng phát triển. Tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, học tập tư tưởng quân sự, nghệ thuật quân sự độc đáo đặc sắc Việt Nam, vận dụng những bài học nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn phát triển mới.

7.1. Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta

7.1.1. Những truyền thống và bài học giữ nước được hình thành từ buổi đầu dựng nước

Nước ta là một nước nhỏ, ra đời sau so với các nước phương bắc. Nước ta có vị trí địa lý chiến lược, nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, là cửa ngõ của bán đảo Đông Dương, có tài nguyên giàu có và phong phú. Cho nên, ngay từ khi lập nước, lịch sử dân tộc Việt Nam bắt đầu thời đại dựng nước đi đôi với giữ nước. Trong suốt chiều dài lịch sử giữ nước đánh đuổi kẻ thù xâm lược và chinh phục thiên nhiên xây dựng đất nước, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc dần được hun đúc và hình thành, những bài học giữ nước dần được đúc kết và truyền lại cho đời sau. Những truyền thống đoàn kết, yêu nước, thương nòi, tự hào tự tôn dân tộc, tương thân tương ái, đồng cam cộng khổ, tinh thần đấu tranh bất khuất, không cam chịu làm nô lệ... đã hình thành từ rất sớm và ngấm vào máu mỗi người dân Việt.

Những bài học giữ nước: an dân, “khoan thư sức dân”, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc; thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông” - kết hợp kinh tế với quốc phòng, sẵn sàng động viên chiến tranh khi có họa xâm lăng; chăm lo phòng bό, phòng bị đất nước trong thời bình, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, không để đất nước bị bất ngờ; xây dựng đất nước cường thịnh về mọi mặt để làm thế ngăn ngừa từ trước, từ xa họa xâm lăng; ngoại giao hòa bình trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; vua tôi đồng lòng, “phụ tử chi binh”, “nội yên, ngoại tĩnh”; sớm khẳng định độc lập, chủ quyền đối với cương vực lãnh thổ quốc gia để làm cơ sở pháp lý đấu tranh ngăn chặn mưu đồ xâm lược của các thế lực ngoại bang. Những truyền thống và bài học giữ nước đó vẫn còn nguyên giá trị, là cơ sở để quy tụ sức mạnh, đề ra phương sách bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

7.1.2. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc

7.1.2.1. Địa lí

Về vị trí địa lý, nước Nam giữ vị trí chiến lược trong khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là Đông Dương. Ở vùng đất có vị trí địa - chính trị, kinh tế nên nước ta luôn bị các thế lực đi chinh phục nhòm ngó, đe dọa, xâm lược. Vì vậy, dân tộc ta luôn có ý thức đề phòng, chuẩn bị mọi mặt để giữ nước từ sớm, từ xa. Thực tiễn lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải đứng lên chống lại thế lực xâm lược lớn. Quá trình đấu tranh giữ nước đã tôi luyện, hun đúc ý chí, tinh thần dân tộc, đúc kết kinh nghiệm, bài học nghệ thuật đánh giặc đặc sắc của dân tộc ta.

Về địa hình và khí hậu. Nước ta, với địa hình hơn $\frac{3}{4}$ là đồi núi, ao hồ kênh rạch, địa hình dốc thoai từ tây sang đông, chiều dọc dài, chiều ngang hẹp tạo nên địa thế đa dạng và hiểm trở. Nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng nóng, mưa nhiều, độ ẩm cao, thủy triều lên xuống trong ngày và có độ chênh cao, thời tiết khắc nghiệt. Trong quá trình giữ nước, cha ông ta đã dựa vào và khai thác triệt để các yếu tố về địa thế, địa hình, khí hậu thời tiết tạo nên “thiên thời”, “địa lợi” để đánh giặc. Sử dụng sức nhàn được chuẩn bị trước, đánh giặc từ xa đến không thông thuộc địa hình, không quen với khí hậu thời tiết – “dĩ dật đãi lao”. Dòn địch, buộc địch vào chỗ bất lợi để đánh.

7.1.2.2. Kinh tế

Nền kinh tế nông nghiệp, trồng trồòng trot, chăn nuôi, đánh bắt trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt buộc con người phải năng động, dũng cảm, cần cù, thông minh, dựa vào nhau để bảo vệ thành quả lao động, bảo vệ cơ sở ruộng đất, cùng nhau xây hệ thống đê điều, tưới tiêu đã được kiến tạo qua nhiều thế hệ. Mỗi thành viên đều phải gắn bó với làng bản, quê hương, chung lưng đấu cật cùng chống thiên tai, cùng chống địch họa. Quá trình đó, nhân dân ta đã tích trữ lương lực, kinh tế để phòng bị khi thiên tai, đây cũng là nguồn tích trữ bảo đảm về kinh tế để phòng địch họa.

Trong quá trình phát triển, dân tộc ta sớm nhận thức được quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước nên có nhiều tư tưởng, chủ trương và chính sách tiến bộ như “phú quốc, binh cường”, “nông binh bất phân”, “quân dân bất biệt”, “ngụ binh ư nông”, “khai hoang lập ấp nơi xung yếu”... để kết hợp xây dựng và chuẩn bị về kinh tế, đi đôi với củng cố quốc phòng làm nền tảng cho các cuộc đấu tranh chống xâm lược. Khi đất nước hòa bình thì vừa phát triển kinh tế đất nước, chăm lo nâng cao đời sống nhân dân vừa tích trữ lương thực, đúc rèn khí giới để phòng bị đất nước. Khi đất nước xảy ra chiến tranh, thì “vua tôi đồng lòng” vừa biết chăm lo giữ gìn bảo vệ kinh tế, vừa biết “chọn địch” - đánh vào kinh tế của địch, làm cho địch tung bước sa lầy và thất bại.

7.1.2.3. Chính trị, văn hóa – xã hội

Về chính trị. Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền được hình thành rất sớm trong lịch sử nước ta, cha ông ta luôn quan tâm xây dựng chính quyền vững mạnh mọi mặt, xác định chủ quyền lãnh thổ, tổ chức ra quân đội, đề ra các luật lệ, phép tắc để quản lý bảo vệ và xây dựng đất nước. Các nhà nước phong kiến Việt Nam có tư tưởng và chính sách tiến bộ, luôn gắn lợi ích quốc gia dân tộc với lợi ích của giai cấp cầm quyền và lợi ích của nhân dân; chăm lo bồi dưỡng sức dân, trọng dân, thân dân, tin dân, thực hiện nhiều chính sách như “khoan thư sức dân”, “việc nhân nghĩa cốt ở an dân” “tĩnh vi dân”, cứu nước gắn với cứu dân … tạo nên yếu tố “nhân hòa”, “vua tôi đồng lòng”, “tướng sỹ một lòng phụ tử”, “thù nhà nợ nước” là cơ sở động viên toàn dân xây dựng đất nước, đánh giặc giữ nước.

Về văn hóa – xã hội. Dân tộc Việt Nam ra đời, phát triển gắn với nền văn minh lúa nước và nghề đánh cá. Đây là cơ sở hình thành cộng đồng các dân tộc Việt Nam sống đan xen, đoàn kết, tương trợ, gắn bó với nhau. Là cơ sở tạo nên truyền thống văn hóa với ý thức độc lập, tự chủ, tự tôn, tự hào dân tộc, hình thành luân lý, đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “thương người như thể thương thân”, “nước mắt nhà tan”… của người Việt Nam. Đây là cơ sở để tập hợp lực lượng, phát huy sức mạnh của nhân dân trong dựng nước và giữ nước với các kệ sách “Trăm họ là binh, cử quốc nghênh địch, toàn dân giữ nước”, “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, … trên nền tảng toàn dân đánh giặc với nghệ thuật “lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn”. Với ý thức dân tộc, tinh thần độc lập, tự chủ, dân ta sớm đã có ý thức tự đảm đương sự nghiệp giữ làng, giữ nước, vì quyền sống của giống nòi, của gia đình và bản thân, nên tinh thần sẵn sàng hy sinh chiến đấu đã thâm sâu vào mọi cộng đồng dân cư từ kinh kỳ đến làng xã. Văn hóa đó trở thành sức mạnh nội sinh, động lực được các triều đại phong kiến Việt Nam phát huy, xây dựng, vận dụng để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

7.1.3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược

7.1.3.1. Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên

Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên mà sử sách ghi lại là cuộc kháng chiến chống quân Tần. Năm 221 trước Công nguyên, nước Tần tiêu diệt 6 nước, kết thúc cục diện "thất hùng" thời Chiến Quốc, thống nhất Trung Quốc. Sau khi lên ngôi, năm 218 trước Công nguyên, Tần Thủy Hoàng sai hiệu úy Đồ Thư chỉ huy 50 vạn quân chia làm 5 đạo tiến xuống phương Nam xâm lược. Dưới sự lãnh đạo của vua Hùng và Thục Phán, nhân dân ta đã tiến hành cuộc kháng chiến giữ nước vô cùng kiên cường, anh dũng kéo dài liên tục 6 năm (214 đến 208 trước Công nguyên) và giành được thắng lợi. Thắng lợi trong chống quân Tần xâm lược, mở đầu lịch sử hào hùng, tạo nên khí phách kiên cường, bất khuất của dân tộc ta trong lịch sử giữ nước.

Sau cuộc kháng chiến chống quân Tần là cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc do An Dương Vương lãnh đạo chống chiến tranh xâm lược của Triệu Đà, từ năm 184 đến 179 trước công nguyên, nhưng cuối cùng bị thất bại. Từ đây, đất nước ta rơi vào thảm họa hơn một nghìn năm bị phong kiến Trung Hoa đô hộ (thời kì Bắc thuộc). Thất bại trong chống quân Triệu xâm lược đã để lại bài học vô cùng sâu sắc về tinh thần cảnh giác, phòng bị đất nước, hoạt động bang giao, bảo đảm bí mật an ninh quốc gia...trong giữ nước.

7.1.3.2. Những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược từ thế kỉ II trước Công nguyên đến đầu thế kỉ X

Trong hơn một nghìn năm (từ năm 179 trước công nguyên đến năm 938), nước ta liên tục bị các triều đại phong kiến phương Bắc từ nhà Triệu, nhà Hán, nhà Lương...đến nhà Tùy, nhà Đường đô hộ. Trong thời gian này, nhân dân ta đã nêu cao tinh thần bất khuất, kiên cường và bền bỉ, đấu tranh bảo tồn cuộc sống, giữ gìn, phát huy tinh hoa của nền văn hoá dân tộc và quyết đứng lên đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 40 đã giành được độc lập. Nền độc lập dân tộc được khôi phục và giữ vững trong ba năm.

Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (Triệu Thị Trinh) năm 248.

Mùa xuân năm 542, phong trào yêu nước của người Việt lại bùng lên mạnh mẽ, rầm rộ. Dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Lý Bôn, anh hùng hào kiệt bốn phương cùng toàn dân vùng lên lật đổ chính quyền của nhà Lương. Sau đó, nghĩa quân liên tiếp đánh thắng hai cuộc phản công của kẻ thù. Đầu năm 544 Lý Bôn lên ngôi Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.

Khởi nghĩa của Lý Tự Tiên và Đinh Kiến năm 687.

Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đé) năm 722.

Khởi nghĩa của Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương) năm 766 đến 791.

Khởi nghĩa chống Đường của Dương Thanh năm 819 – 820.

Kháng chiến chống Nam Hán của Dương Đình Nghệ năm 930 – 931.

Kháng chiến chống quân Nam Hán do Ngô Quyền lãnh đạo năm 938.

Trước hành động phản bội của Kiều Công Tiễn và hoạ xâm lăng của quân Nam Hán, Ngô Quyền là một danh tướng của Dương Đình Nghệ đã kịp thời diệt thù trong đê ránh tay đánh giặc ngoài; Ông lãnh đạo quân dân lợi dụng địa hình, thời tiết bố trí trận địa mai phục; kết hợp quân thuỷ bộ, quân chủ lực và quân địa phương trong chiến đấu tiêu diệt địch. Ngô Quyền chủ trương đậm tan lực lượng chủ lực địch, đè bẹp ý chí xâm lược của nhà Nam Hán bằng đòn quân sự quyết định. Với quyết tâm chiến lược đó, ông chủ động chọn cửa sông Bạch Đằng làm trận địa quyết chiến chiến lược (bằng các bãi cọc bờ trí sẵn), đẩy địch vào thế hoàn toàn bất ngờ, bị động. Trận quyết chiến trên sông Bạch Đằng (938), Ngô Quyền cùng quân và dân ta đã nhấn chìm toàn bộ đoàn thuyền của quân Nam Hán, khiến Hoàng Thao phải bỏ mạng, vua Nam Hán phải bãibinh, chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, đất nước ta mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỉ nguyên của độc lập, tự chủ.

7.1.3.3. Các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII

- Kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất năm 981 của nhà Tiền Lê

Thời nhà Đinh, công cuộc xây dựng đất nước đang được xúc tiến thì năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị ám hại. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước thừa dịp âm mưu lật đổ và thôn tính. Lúc bấy giờ, ở phương bắc, nhà Tống là một triều đại cường thịnh. Nhân dịp suy yếu của nhà Đinh, nhà Tống quyết định phát động cuộc chiến tranh xâm lược Đại Cồ Việt. Trong khi vua Đinh còn trẻ, chưa đủ khả năng và uy tín tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến, vì sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, triều thần và quân sĩ đã suy tôn Lê Hoàn, người đang giữ chức thập đạo tướng quân lên làm vua. Lê Hoàn lên ngôi, lập nên triều đại nhà Tiền Lê và đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tống giành thắng lợi.

- Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1075 - 1077) của nhà Lý

Tuy bị đại bại trong lần xâm lược năm 981, nhà Tống vẫn chưa chịu từ bỏ tham vọng xâm lược nước ta. Khoảng giữa thế kỉ XI, khi triều đình nhà Tống gấp rút chuẩn bị tích trữ lương thảo, biên Ung Châu, Khâm Châu và Liêm Châu thành những căn cứ quân sự – hậu cần làm bàn đạp tiến công Đại Việt, thì nhà Lý, với tư duy quân sự – chính trị tổng hợp, đã chủ trương thực hiện rất táo bạo chiến lược “tiên phát chế nhân” đánh sang đất Tống nhằm tiêu diệt các căn cứ xuất phát tiến công xâm lược của kẻ thù, rồi mới rút về phòng thủ đất nước trên chiến tuyến sông Nhu Nguyệt. Khi thời cơ đến, triều đình kiên quyết chuyển từ phòng ngự sang phản công, thực hành trận quyết chiến chiến lược đánh thẳng vào trại giặc, khiến chúng không kịp chống đỡ. Trận phản công Nhu Nguyệt (tháng 3/1077), quân và dân Đại Việt đã quét sạch quân xâm lược Tống ra khỏi biên cương của Tổ quốc.

- Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên - Mông của nhà Trần ở thế kỉ XIII

Từ năm 1225, nhà Trần thay thế nhà Lý đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo công cuộc dựng nước và giữ nước (1225 - 1400), đã lãnh đạo Nhân dân ta ba lần kháng chiến chống quân Nguyên - Mông giành thắng lợi vẻ vang, bổ sung những nét đặc sắc vào nền nghệ thuật quân sự Việt Nam. Cuộc kháng chiến lần thứ nhất vào năm 1258, quân và dân ta đã đánh thắng 3 vạn quân Nguyên - Mông. Cuộc kháng chiến lần thứ hai vào năm 1285, quân và dân ta đã đánh thắng 60 vạn quân Nguyên - Mông. Cuộc kháng chiến lần thứ ba vào năm 1287 - 1288, quân và dân ta đã đánh thắng 50 vạn quân Nguyên - Mông. Trong vòng 30 năm (1258 - 1288), dân tộc ta phải liên tiếp ba lần đứng lên chống xâm lược. Kháng chiến chống quân Nguyên - Mông không chỉ là cuộc đọ sức quyết liệt giữa một đế quốc mạnh nhất thế giới lúc đó với một dân tộc nhỏ bé nhưng kiên quyết đứng lên chống xâm lược để bảo vệ đất nước, mà còn là cuộc đấu tranh gay gắt về tài trí giữa hai nền nghệ thuật quân sự của Đại Việt và quân xâm lược Nguyên - Mông.

Nhà Trần đã huy động và tổ chức toàn dân đánh giặc, xây dựng lực lượng vũ trang nhiều thứ quân, xây dựng căn cứ địa chiến lược và hậu phương chiến lược của cuộc kháng chiến. Trước một đối thủ rất mạnh là đế quốc Nguyên - Mông, Nhà Trần chủ trương tạm rút khỏi kinh thành để bảo toàn lực lượng, thực hiện kế “thanh dã” – tổ chức cho dân chúng làm “vườn không nhà trống” gắn liền với chủ trương đánh du kích nhỏ lẻ rộng khắp, cả nước cùng đánh giặc tiêu hao sinh lực giặc, chuyển hóa dần so sánh lực lượng có lợi để tiến tới tổng phản công chiến lược. Những đội kỵ binh Mông Cổ “bách chiến bách thắng” khi sang đến chiến trường Đại Việt tuy chiếm thành Thăng Long không mấy khó khăn, nhưng lập tức rơi vào một cuộc chiến tranh hoàn toàn khác lạ, lâm vào tình thế đánh chẳng được đánh, yên chẳng được yên, muôn cướp bóc lương ăn cũng không có, nên mau chóng mất hết nhuệ khí và sức lực, bị quân dân Nhà Trần phản công, chúng nhận kết cục thảm bại.

- Cuộc kháng chiến chống Minh do Hồ Quý Ly lãnh đạo

Vào cuối thế kỉ XIV, triều đại nhà Trần từng bước suy tàn, Hồ Quý Ly là một quý tộc có thanh thế đã phế truất vua Trần, lập ra vương triều mới, triều đại nhà Hồ. Tháng 5/1406, dưới chiêu bài “phù Trần diệt Hò”, nhà Minh đã đưa quân xâm lược nước ta. Trong tác chiến, nhà Hồ quá thiên về phòng thủ, coi đó là phương thức cơ bản, dẫn đến sai lầm về chỉ đạo chiến lược. Mặt khác, không phát động được được toàn dân đánh giặc, tổ chức phản công chiến lược không đúng thời cơ, bị tổn thất nặng, nên bị thất bại. Đất nước ta một lần nữa bị phong kiến phương Bắc đô hộ.

- Khởi nghĩa Lam Sơn và chiến tranh giải phóng dân tộc do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo (1418 – 1427)

Mặc dù chiếm được Đại Việt, nhưng giặc Minh không khuất phục được dân tộc ta, các cuộc khởi nghĩa của các tầng lớp nhân dân yêu nước vẫn liên tiếp nổ ra, tiêu biểu là khởi nghĩa Lam Sơn. Sau 10 năm (1418 – 1427) chiến đấu bền bỉ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành chiến tranh giải phóng, hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, quét sạch kẻ thù ra khỏi bờ cõi. Thắng lợi vĩ đại đó chứng tỏ nghệ thuật quân sự trong khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng của ông cha ta đã đạt đến đỉnh cao và để lại nhiều bài học lịch sử quý giá. Bài học lấy dân làm gốc; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ cứu nước với nhiệm vụ cứu dân; kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ; chiến tranh chính nghĩa, “Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, xây dựng quân đội “tướng sĩ đồng lòng”, “đội quân nhân nghĩa”…

- Khởi nghĩa Tây Sơn và các cuộc kháng chiến chống quân Xiêm 1784 - 1785, kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh 1788 – 1789

Sau khi đánh thắng giặc Minh xâm lược, Lê Lợi lên ngôi, lập nên triều Hậu Lê (triều Lê Sơ), đây là giai đoạn hưng thịnh nhất của phong kiến Việt Nam. Nhưng thời gian hưng thịnh của đất nước không kéo dài, từ năm 1553 đến năm 1788 xảy ra cuộc nội chiến triền miên giữa các thế lực, mà điển hình nhất là vua Lê - chúa Trịnh. Trong thời gian đó, có nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra như khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu, khởi nghĩa Tây Sơn. Quân Tây Sơn tiến công vào Gia Định, hang ổ cuối cùng của nhà Nguyễn. Nhà Nguyễn phải sống lưu vong nhờ sự giúp đỡ của vua Xiêm (Thái Lan). Năm 1784, nhà Tây Sơn tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và tiến công ra Bắc, xoá bỏ giới tuyến sông Gianh, chấm dứt toàn bộ thế chế "vua Lê, chúa Trịnh". Năm 1788, trước nguy cơ xâm lược của 29 vạn quân Mãn Thanh, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Quang Trung và thực hiện cuộc hành quân thần tốc tiêu diệt 29 vạn quân xâm lược vào mùa xuân Kỉ Dậu 1789.

Tiếp theo là triều đại của Nguyễn Ánh (Gia Long), Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... và Bảo Đại là ông vua cuối cùng của nhà nước phong kiến Việt Nam.

7.1.4. Nội dung nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta

7.1.4.1. Tư tưởng chỉ đạo tác chiến

Tư tưởng chỉ đạo tác chiến là quan điểm, đường lối cơ bản có tính định hướng cho hành động tác chiến của lực lượng vũ trang. Tư tưởng chỉ đạo tác chiến trong giữ nước của cha ông ta là tiến công. Đây là quy luật giữ nước thắng lợi, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến tranh giữ nước của cha ông ta. Tư tưởng chỉ đạo tác chiến tiến công được cha ông ta thực hiện hết sức linh hoạt, mềm dẻo, sáng tạo, phù hợp với tình thế tương quan lực lượng giữa ta và địch, với bối cảnh cuộc chiến, trong từng giai đoạn khác nhau, với các kẻ thù khác nhau.

Trong tư duy quân sự - quốc phòng, cha ông ta chủ động giữ nước từ thời bình, từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy, với tư tưởng “Thái bình tu trí lực” xây dựng và chuẩn bị đất nước về mọi mặt để sẵn sàng đánh giặc giữ nước. Khi đất nước bị xâm lược, giải phóng và bảo vệ đất nước là nhiệm vụ quan trọng, là mục tiêu cao nhất của các triều đại phong kiến trong chiến tranh giữ nước. Do đó, ông cha ta luôn nắm vững tư tưởng tiến công, coi đó như một quy luật để giành thắng lợi trong suốt quá trình chiến tranh. Khi tiến công thì thực hiện phương pháp tích cực chủ động tiến công, tiến công liên tục mọi lúc mọi nơi, từ nhỏ đến lớn, từ cục bộ đến toàn bộ để quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi.

Tư tưởng tiến công được xem như sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và tiến hành chiến tranh giữ nước. Tư tưởng đó thể hiện rất rõ trong đánh giá đúng kẻ thù, chủ động đề ra kế sách đánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng kháng chiến, tìm mọi biện pháp làm cho địch suy yếu, tạo ra thế và thời cơ có lợi để tiến hành phản công, tiến công. Tư tưởng tiến công được biểu hiện qua thực tiễn các cuộc kháng chiến và chiến tranh giải phóng của Dân tộc sau.

Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938 do Ngô Quyền lãnh đạo. Biết được âm mưu của quân Nam Hán xâm lược nước ta, Ngô Quyền với quyết tâm chiến lược đập tan lực lượng chủ lực địch, đe bẹp ý chí xâm lược của nhà Nam Hán bằng đòn quân sự quyết định. Ông đã họp các tướng lĩnh để đánh giá địch ta, bàn kế chống giặc, chuẩn bị thế trận cọc, kết hợp quân thuỷ bộ, quân chủ lực và quân địa phương trong chiến đấu sẵn sàng tiêu diệt địch. Khi quân Nam Hán kéo từ biển vào, Ngô Quyền đã dùng mưu điệu đánh vào trận địa cọc, lợi dụng thủy triều, nắm chắc thời cơ phản công giành thắng lợi. Quân Nam Hán thất bại hoàn toàn, từ bỏ ý định xâm lược nước ta.

Kháng chiến chống Tống lần I (năm 981), Lê Hoàn biết được quân Tống tiến công Ta theo 3 đường (Lạng Sơn – Cao Bằng – sông Bạch Đằng), Ông đã chủ động tổ chức trận địa chặn đánh địch ở Bình Lỗ (Đông Anh), Bạch Đằng Giang, xây thành luỹ kiên cố ở Ngân Sơn (Cao Bằng), để chặn đánh địch.

Kháng chiến chống Tống lần II (1075 - 1077) của nhà Lý, tư tưởng chiến lược tiến công biểu hiện tập trung ở tư tưởng chiến lược “tiên phát chế nhân”, ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra để chặn thế mạnh của chúng, chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động, rồi mới rút về phòng thủ đất nước trên chiến tuyến sông Như Nguyệt. Khi thời cơ đến, tổ chức phản công chiến lược đánh thắng vào sào huyệt quân giặc, khiến chúng không thể chống đỡ.

Ba lần kháng chiến chống đế quốc Nguyên - Mông của quân dân Nhà Trần ở thế kỷ XIII, tư tưởng tiến công được thể hiện ở hội nghị Bình Than, Diên Hồng, lời thề Sát thát; qua tư duy chiến lược và phương thức tác chiến chiến lược, chủ trương tạm lui quân trước thế giặc mạnh để bảo toàn lực lượng, kết hợp với kế thanh dã và chiến tranh du kích tiêu hao sinh lực giặc, chuyên hoá dần so sánh lực lượng có lợi để tiến tới tổng phản công.

Khởi nghĩa Lam Sơn, từ một cuộc khởi nghĩa phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc; chủ động và kết hợp tiến công địch trên mọi mặt trận quân sự, chính trị, binh vận, ngoại giao; tích cực, chủ động tiến công địch từ nhỏ đến lớn, từ cục bộ đến toàn bộ.

Đến thời Nguyễn Huệ, tư tưởng chủ động tiến công địch để giải phóng Thăng Long lại được phát triển lên một tầm cao mới. Với cách đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ và mãnh liệt, giải quyết chiến tranh nhanh gọn trong một đợt tổng giao chiến, Ông đã chủ động tiến công địch khi chúng còn rất mạnh (29 vạn quân Thanh và bè lũ bán nước Lê Chiêu Thống) nhưng chúng lại rất chủ quan, kiêu ngạo, thiếu phòng bị (quân Thanh và bè lũ bán nước đang chuẩn bị đón tết Kỉ Dậu năm 1789), do đó, đã giành thắng lợi trọn vẹn.

Lịch sử đã khẳng định, tư tưởng quân sự của dân tộc ta là tư tưởng tiến công. Nét đặc sắc nhất có tính đặc thù của tư tưởng này thể hiện ở chỗ được thực hiện nhất quán, xuyên suốt chiều dài lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Theo tổng kết, dân tộc ta đã tiến hành 14 cuộc chiến tranh chống xâm lược do Nhà nước Phong kiến Đại Việt tổ chức

lãnh đạo, trong đó giành thắng lợi 11 cuộc, có 3 cuộc thất bại. Điểm chung đáng chú ý là, các cuộc chiến tranh mà ta giành thắng lợi đều thể hiện rõ việc thực hiện tư tưởng tiến công, còn đối với các cuộc thất bại thì tư tưởng này gần như không được thực hiện, mà thay vào đó là tư tưởng phòng thủ, phòng ngự. Chẳng hạn như cuộc chiến tranh chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ ở đầu thế kỷ XV và cuộc chiến tranh của nhà Nguyễn chống thực dân Pháp xâm lược ở giữa thế kỷ XIX là những dẫn chứng điển hình. Khi đó, xét về tương quan so sánh lực lượng, nhà Hồ và nhà Nguyễn không hề kém địch, thậm chí có mặt còn hơn, nhưng kết cục đã bị thất bại. Sự thất bại đó còn có nguyên nhân khác, nhưng không thể phủ nhận là họ đã không thực hiện tư tưởng tiến công.

7.1.4.2. Mưu kế đánh giặc

Mưu sinh ra “thế”, kế sinh ra “thời”. Trong lịch sử đánh giặc giữ nước, cha ông ta luôn đề ra và thực hiện mưu, kế gắn liền với nhau. Mưu là để lừa địch, đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở, chỗ ít phòng bị, làm cho địch bị động, lúng túng đối phó. Kế là để điều địch theo ý định của ta. Lừa địch nhằm làm cho địch bộc lộ điểm yếu, bộc lộ sơ hở, mất cảnh giác,.. chủ quan khinh địch đồng thời che giấu điểm yếu, ý định tác chiến, lực lượng, thế trận của ta. Điều địch là dẫn dụ địch theo kế hoạch được chuẩn bị trước, làm cho địch rơi vào thế trận bất lợi, lực lượng bị phân tán chia cắt, sa vào trận địa ta đã chuẩn bị sẵn, đẩy địch vào thế bị động, buộc phải đánh theo cách đánh của ta. Bản chất của mưu kế là lừa địch, điều địch theo ý định của mình.

Trong lịch sử chống giặc xâm lược, nghi binh lừa địch là một mưu kế chính đã được ông cha ta vận dụng rất linh hoạt, sáng tạo. Nghi binh lừa địch là dùng mọi biện pháp để địch không biết đâu là ý định thật của ta, đi đến phán đoán lầm, hành động sai, bộc lộ sơ hở, tạo điều kiện thuận lợi cho ta đánh địch ở nơi và vào lúc đã chọn. Sách “Binh thư yếu lược” trong mục “Dùng cách lừa dối” chỉ rõ: “Điều cốt yếu để đánh được địch, không phải chỉ dùng sức mạnh để chống, còn phải dùng thuật để lừa. Hoặc dùng cách lừa của ta để lừa nó hoặc nhân cách lừa của nó mà lừa nó, lừa bằng tinh, lừa bằng lợi, lừa bằng vung, lừa bằng khôn, cũng lừa bằng sự lẩn lộn hư thực, lấy sự lừa của nó để làm cho nó bị lừa, nó lừa thì ta biết”.

Trong đánh giặc giữ nước, cha ông ta luôn đi sâu đánh giá địch ta, yếu tố địa hình, thời tiết và các yếu tố liên quan; tập trung giải đáp những vấn đề cơ bản: Tập trung tiêu diệt địch ở đâu, lúc nào là có lợi nhất? Và như vậy, phải lừa địch bằng cách gì, dụ địch, điều địch như thế nào? Vậy hãm, kìm địch, chia cắt ở đâu? Địch sẽ phản ứng thế nào, ta tiếp tục đánh địch ở đâu, bằng lực lượng nào... Trần Quốc Tuấn: Địch cậy trường trận, ta dựa vào đoán binh. Dùng đoán (binh) chế trường (trận) là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó đến như lừa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như cách tăm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kẽ sâu rẽ bền gốc; đó là thượng sách giữ nước vậy. Nguyễn Trãi: “Tri bỉ tri kỷ năng nhược năng cường” biết địch biết ta, biết mạnh biết yếu, phải lấy xưa mà nghiệm nay, phải tạo thời cơ và lập thế trận để vận dụng cách đánh đúng đắn. Được thời và có thế thì mất biến thành còn, hóa nhỏ thành lớn; mất thời và không thế, thì mạnh hóa ra yếu, yên lại nên nguy, sự thay đổi ấy chỉ ở trong khoảng bàn tay. Quang Trung: Người khéo thắng là ở chỗ rất mềm dẻo, chứ không phải lấy mạnh để yếu, lấy nhiều hiếp ít.

Kế sách đánh giặc của ông cha rất sáng tạo, linh hoạt, mềm dẻo, khôn khéo và có nhiều tiền bộ “biết tiến, biết thoái, biết công, biết thủ”, biết tránh chỗ mạnh, khoét sâu điểm yếu của địch để từng bước đẩy địch vào thế yếu. Cha ông ta biến cả nước

thành chiến trường, thực hiện toàn dân đánh giặc, kết hợp các cách đánh, các lực lượng cùng đánh, “Toàn dân vi binh, cử quốc nghênh địch”, tạo ra một “thiên la, địa võng” để diệt địch. Cha ông ta kết hợp chặt chẽ quân triều đình, quân địa phương và dân binh, thổ binh các làng xã cùng đánh địch. Cha ông ta biết kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với binh vận, ngoại giao, tạo thế mạnh cho ta, biết phá thế mạnh của giặc, trong đó tiến công quân sự luôn giữ vai trò quyết định.

Thực tiễn đánh giặc giữ nước, cha ông ta có nhiều đúc kết thể hiện sự sáng tạo và tiên bộ như: “lấy nhân nghĩa để thắng hung tàn”, “lấy chí nhân để thay cường bạo”; “lấy ít địch nhiều thường dùng mai phục”; “mưu phạt công tâm”; “bè đũa bè tùng chiếc, đánh rắn đánh dập nát đầu”, “lấy đoàn binh chế trường trận”, “đánh mà muôn lấy được phải đánh vào chỗ giặc không giữ”, “dĩ dật đài lao” lấy sung sức mạnh khỏe để đối phó với mệt mỏi của địch; “tránh cái thế hăng hái lúc ban mai, đánh cái khí tàn lui lúc chiều tà”. Thời nhà Trần, trước một đối thủ rất mạnh là đế quốc Nguyên – Mông gồm những kỵ binh dạn dày chinh chiến, nhà Trần không thể áp dụng chiến lược “tiên phát chế nhân” theo kiểu đánh trước sang đất địch như nhà Lý, cũng không thể thực hiện phương châm bảo vệ từ xa bằng một hệ thống chiến luỹ phòng thủ như phòng tuyến sông Cầu, mà buộc phải có tính toán chiến lược mới dựa trên sự đổi mới tư duy quân sự. Đó chính là cơ sở thực tiễn hình thành nghệ thuật chỉ đạo rút lui chiến lược bảo toàn lực lượng, xoay chuyển tình thế để phản kích của quân đội nhà Trần. Đây là một bước phát triển mang tính cách mạng trong tư duy quân sự Việt Nam, vì với các nhà nước phong kiến đương thời, mắt kinh đô gần như đồng nghĩa với mắt nước; song với người Việt, kinh đô tạm mắt vào tay giặc nhưng cuộc kháng chiến mới chỉ bắt đầu. Chủ trương tạm rút khỏi kinh thành để bảo toàn lực lượng gắn liền với chủ trương đánh du kích nhỏ lẻ rộng khắp tiêu hao sinh lực địch và đặc biệt, gắn với kế thanh dã – tổ chức cho dân chúng làm “vườn không nhà trống”, cũng như kế sách tạo một mặt trận liên thông để cả nước cùng đánh giặc. Những đội kỵ binh Mông Cổ bách chiến bách thắng khi sang đến chiến trường Đại Việt tuy chiếm thành Thăng Long không mấy khó khăn, nhưng lập tức rơi vào một cuộc chiến tranh hoàn toàn khác lạ, lâm vào tình thế đánh chẳng được đánh, yên chẳng được yên, muốn cướp bóc lương ăn cũng không có, nên mau chóng mất hết nhuệ khí và sức lực. Kết cục thảm bại đến với chúng là tất yếu.

7.1.4.3. Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc

Toàn dân đánh giặc là truyền thống, nghệ thuật đánh giặc độc đáo sáng tạo của dân tộc ta, được thể hiện cả trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng. Cơ sở hình thành, phát triển của nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc là xuất phát từ mục đích, tính chất của các cuộc chiến tranh của dân tộc ta là cuộc chiến tranh yêu nước, chính nghĩa để bảo vệ Tổ quốc hoặc chiến tranh giải phóng dân tộc. Xuất phát từ truyền thống văn hóa của dân tộc với ý thức tự tôn, tự hào dân tộc, tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đoàn kết, yêu nước, thương nòi, ý thức tự đảm đương sự nghiệp giữ làng, giữ nước, vì quyền sống của giống nòi. Xuất phát từ việc nhận thức đúng đắn vai trò của nhân dân của các nhà yêu nước phong kiến Việt Nam, với chính sách trọng dân, an dân, thân dân, vì dân... như “Phúc chu thủy tín dân do thủy”; “yên dân để vẹn đất”; “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân...”; “khoan thư sức dân...”, tư tưởng cốt lõi là “dĩ dân vi bản”, “dĩ dân” gắn với “vị dân”...

Nội dung nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, biểu hiện ở: lực lượng đánh giặc là lực lượng toàn dân “Trăm họ là binh”, “toàn dân vi binh”, cả nước chung sức, trên dưới một lòng, toàn dân đánh giặc, đánh giặc rộng khắp,

có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, kết hợp chặt chẽ quân triều đình, quân các phủ, lộ và dân binh, thổ binh các làng xã cùng đánh. “Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ pháp phói. Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào”; thế trận đánh giặc rộng khắp trên cả nước, mọi làng bản thôn xóm. Thực hiện cả nước chiến trường, mỗi thôn xóm bản làng đều trở thành trận địa, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân liên hoàn, vững chắc, tạo ra một “thiên la, địa vong” để diệt giặc. Thế trận đó làm cho quân địch bị dàn mỏng, bị sa lầy, luôn sa vào thế bị động. Địch đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu, lúc nào cũng có nguy cơ bị tiêu diệt. “Cả nước gop sức chiến đấu nên giặc phải bó tay”; phát huy sự sáng tạo của nhân dân để tạo ra các cách đánh giặc độc đáo, hiệu quả. Sử dụng các loại phương tiện, vũ khí, nhiều thứ quân với nhiều cách đánh, nhiều hình thức tác chiến tiến công, tập kích, phục kích... Đồng thời tập trung lực lượng, sức mạnh cho các trận quyết chiến chiến lược giành thắng lợi quyết định trong chiến tranh như Sông Cầu, Bạch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử

7.1.4.4. Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh

Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh là nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự, truyền thống giữ nước của dân tộc Việt Nam. Là sản phẩm của lấy thế thắng lực, thể hiện tinh thần tự cường của dân tộc, sự sáng tạo, xuất sắc, mưu trí, dũng cảm dám đánh, biết đánh và biết thắng trong đánh giặc giữ nước của cha ông ta.

Cơ sở hình thành, phát triển của nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh của cha ông ta: xuất phát từ thực tiễn dân tộc ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược có quân số, trang bị lớn hơn ta gấp nhiều lần; xuất phát từ yếu tố chính trị và truyền thống văn hóa của dân tộc với thúc tự tôn, tự hào dân tộc, tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đoàn kết, yêu nước, ý chí căm thù giặc và tinh thần dũng cảm đấu tranh kiên cường bất khuất của dân tộc ta; xuất phát từ việc cha ông ta nắm vững qui luật cơ bản của chiến tranh “mạnh thắng, yếu thua”, biết đánh giá đúng địch ta, biết kết hợp và phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi” với yếu tố “nhân hòa”, kết hợp mưu, kế, lực, thế, thời tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh giặc giữ nước.

Nội dung của nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh, biểu hiện: Trong các cuộc chiến tranh ông cha ta luôn chủ động đánh địch, buộc địch phải đánh theo ý định và cách đánh của mình. Đánh địch ở trận địa đã chuẩn bị trước và tổ chức cho toàn dân đánh giặc. Đánh địch vào lúc chúng suy yếu, mất nhuệ khí, vỡ thế trận “tránh cái thế hăng hái lúc ban mai, đánh cái khí tàn lụi lúc chiều tà; kết hợp chặt chẽ thế, thời, lực với các yếu tố có lợi về địa lý, khí tượng, thủy văn... để nâng cao sức mạnh chiến đấu, chiến thắng quân xâm lược. Tổ chức sử dụng lực lượng hợp lý, đạt hiệu quả cao “Sức dùng có nửa. Công được gấp đôi”; tổ chức đánh giặc bằng nhiều hình thức, cách đánh độc đáo sáng tạo như: “dĩ đoàn chê trường”, “dùng đoàn binh chê trường trận”, “Địch cậy trường trận, ta dựa vào đoàn binh, lấy đoàn chê trường là việc thường của binh pháp”, tức là lấy yếu đánh mạnh, lấy nhỏ đánh lớn, “Bậc nhân giả lấy yếu trị mạnh, bậc nghĩa giả lấy ít địch nhiều”, “quân cốt tinh, không cốt đồng” quân mạnh hay yếu không cứ ở nhiều, “tránh chố thực, đánh chố hư, tránh nơi vững chắc đánh nơi sơ hở”, “Lấy yếu chống mạnh thường đánh bất ngờ, lấy ít địch nhiều thường dùng mai phục”, “Người khéo thắng là thắng ở chố mềm dẻo, chứ không phải lấy mạnh đè yếu, lấy nhiều hiếp ít”.

7.1.4.5. Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận

Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận là truyền thống, kinh nghiệm giành thắng lợi trong các cuộc chiến tranh của dân tộc ta. Trong chống giặc ngoại xâm, ông cha ta nhận thức sâu sắc vị trí của từng mặt trận và kết hợp chặt chẽ các mặt trận nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù.

Mặt trận chính trị nhằm cỗ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân, quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, là cơ sở để tạo ra sức mạnh quân sự.

Mặt trận quân sự là mặt trận quyết liệt nhất, thực hiện tiêu diệt sinh lực, phá huỷ phương tiện chiến tranh của địch, quyết định thắng lợi trực tiếp của chiến tranh, tạo đà, tạo thế cho các mặt trận khác phát triển.

Mặt trận ngoại giao có vị trí rất quan trọng, đề cao tính chính nghĩa của nhân dân ta, phân hoá, cô lập kẻ thù, tạo thế có lợi cho cuộc chiến. Mặt khác, mặt trận ngoại giao kết hợp với mặt trận quân sự, chính trị tạo ra thế có lợi để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt. Diễn hình: Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã mở "Hội thề Đông Quan", cấp ngựa, thuyền, lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắt chiến tranh.

Mặt trận binh vận để vận động làm tan dã hàng ngũ của giặc, góp phần quan trọng để hạn chế thấp nhất tổn thất của nhân dân ta trong chiến tranh.

7.1.4.6. Nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn

Trong chống xâm lược và chiến tranh giải phóng dân tộc, ông cha ta đã tổ chức và tiến hành các trận đánh quyết định để giải phóng đất nước, kết thúc chiến tranh. Những trận đánh lớn tiêu biểu như: Trận Bạch Đằng năm 938, Ngô Quyền chống quân Nam Hán; Trận Như Nguyệt tháng 3 năm 1077, Nhà Lý chống Tống; Trận Đông Bộ Đầu (1258), Chương Dương - Thăng Long (1285) và Bạch Đằng (1288), Nhà Trần chống quân Nguyên - Mông; ... trận quyết chiến chiến lược giải phóng Thăng Long trong mùa xuân Kỉ Dậu 1789 của Quang Trung – Nguyễn Huệ.

Nội dung nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn, biểu hiện trên những vấn đề cơ bản sau. Thứ nhất, đánh giá đúng kẻ thù, xác định rõ điểm mạnh yếu của địch và tương quan lực lượng giữa ta và địch, chủ động để ra kế sách đánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng. Thứ hai, tạo thế lập thời, chia cắt địch, làm cho địch suy yếu, khôn khéo sáng tạo lợi dụng các yếu tố điều kiện tự nhiên để chuẩn bị thế trận quyết chiến chiến lược. Thứ ba, tổ chức huy động nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng hợp, sức mạnh toàn dân để đánh giặc. Thứ tư, xác định, lựa chọn đúng thời điểm mở đầu; vận dụng tốt các yếu tố thế, thời, lực trong chiến tranh, quyết đánh quyết thắng.

7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

7.2.1. Khái niệm nghệ thuật quân sự Việt Nam

Nghệ thuật quân sự Việt Nam là nghệ thuật tạo ra và sử dụng sáng tạo, hiệu quả cả lực, thế và thời để giành thắng lợi trong chiến tranh và đấu tranh vũ trang. Nghệ thuật quân sự Việt Nam luôn coi trọng yếu tố thế và mưu trên nền tảng chiến tranh nhân dân rộng khắp với tư tưởng chủ động tiến công để chuyển hóa tương quan lực lượng, giành thắng lợi từng phần và kết thúc chiến tranh.

Nghệ thuật quân sự Việt Nam gồm ba bộ phận hợp thành: Chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Ba bộ phận của nghệ thuật quân sự là một thể thống nhất có quan hệ biện chứng chặt chẽ, thúc đẩy nhau phát triển, trong đó chiến lược quân sự đóng vai trò chủ đạo. Nghệ thuật quân sự Việt Nam là hệ thống lý luận và thực tiễn nhằm chỉ đạo quá trình chuẩn bị và tiến hành chiến tranh giữ nước giành thắng lợi. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Thành phần gồm hệ thống lý luận, hệ thống thực tiễn với ba bộ phận cấu thành là chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật.
- Mục đích: Chỉ đạo quá trình chuẩn bị và quá trình tổ chức tiến hành chiến tranh, đấu tranh vũ trang giành thắng lợi
- Đặc trưng: Giữ nước, bảo vệ Tổ quốc.

7.2.2. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

7.2.2.1. Truyền thống đánh giặc của tổ tiên

Trải qua mấy nghìn năm chống giặc ngoại xâm, nghệ thuật quân sự của ông cha đã hình thành và không ngừng phát triển, đó là những bài học vô giá cho các thế hệ sau. Nhiều tác phẩm với những tư tưởng quân sự kiệt xuất như: “Binh thư yếu lược”, “Vạn Kiếp Tông bí truyền thư” của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, “Bình Ngô sách” của Nguyễn Trãi, “Hồ Trưởng khu cõi” của Lộc Khê Hầu Đào Duy Tú; những trận đánh điển hình như: Như Nguyệt, Chi Lăng, Bạch Đằng, Tây Kết, Ngọc Hồi, Đồng Đa... đã để lại những kinh nghiệm quý giá. Kinh nghiệm truyền thống đó là cơ sở để toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân ta kế thừa, vận dụng, phát triển trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ và trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7.2.2.2. Chủ nghĩa Mác- Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Học thuyết chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và những quan điểm, tư tưởng, kinh nghiệm được đúc rút, tổng kết từ các cuộc chiến tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin. Đây là cơ sở lý luận nền tảng để Đảng ta vận dụng, định ra đường lối quân sự trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng ở Việt Nam.

7.2.2.3. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự tiếp thu, kế thừa truyền thống đánh giặc của tổ tiên, vận dụng lí luận Mác - Lênin về quân sự, kinh nghiệm của các nước trên thế giới vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, là cơ sở cho sự hình thành và phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã biên soạn nhiều tài liệu quân sự như “Chiến thuật du kích”, “Kinh nghiệm du kích Tàu”, “Kinh nghiệm du kích Nga”, “Phép dùng binh của ông Tôn Tử”,... viết về phát triển nguyên tắc chiến đấu tiên công, chiến đấu phòng ngự... qua các thời kì đấu tranh cách mạng và Người còn trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo, giảng dạy. Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đề ra phương châm chỉ đạo chiến tranh, phương thức tác chiến chiến lược, nắm bắt đúng thời cơ, đưa chiến tranh Việt Nam kết thúc thắng lợi.

7.2.2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

7.2.2.1. Chiến lược quân sự

“Chiến lược quân sự là tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh (xung đột vũ trang) thắng lợi; Chiến lược quân sự là bộ phận hợp thành (quan trọng nhất) có tác dụng chủ đạo trong nghệ thuật quân sự”¹. Chiến lược quân sự được biểu hiện trên những nội dung chủ yếu của sau.

¹ Bộ quốc phòng, *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 213.

- Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến

Đây là nội dung quan trọng hàng đầu của chiến tranh cách mạng và chiến lược quân sự. Là cơ sở để xây dựng các tiềm lực, lực lượng và thế trận quốc phòng; định hướng nghiên cứu về nghệ thuật quân sự; tổ chức xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang. Nhiệm vụ của chiến lược quân sự phải xác định chính xác kẻ thù và đối tượng tác chiến để xác định đối sách và phương thức đối phó hiệu quả nhất. Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến là phải chỉ ra chính xác kẻ thù nào có âm mưu xâm lược, lật đổ chế độ, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ nước ta, và phải chỉ rõ lực lượng nào, quân đội nào tiến hành chiến tranh, chống phá cách mạng nước ta, là đối tượng tác chiến của quân và dân ta.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lúc đó xuất hiện nhiều kẻ thù: quân đội Anh, Tưởng, Nhật và Pháp. Tất cả kẻ thù trên đều cùng chung một mục đích là tiêu diệt nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ. Trong tình thế đó, Hồ Chí Minh khẳng định: “Không nên cùng một lúc đánh tay 5, tay 6 với lũ cướp nước và bán nước. Đấm bằng cả hai tay một lúc là không mạnh”¹. Từ đó, Đảng ta xác định kẻ thù nguy hiểm, trực tiếp của cách mạng Việt Nam là thực dân phản động Pháp, đối tượng tác chiến của quân và dân ta là quân đội Pháp xâm lược. Đây là tư duy chính xác, khoa học của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời điểm lịch sử “ngàn cân treo sợi tóc”.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, khi đế quốc Mĩ không chịu ký Hiệp định Geneva, tạo cơ áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, ngay từ tháng 9/ 1954, Đảng ta đã nhận định, đế quốc Mĩ đang dần trở thành kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia. Đây là sự phán đoán chính xác trong xác định kẻ thù của cách mạng nói chung, của chiến lược quân sự nói riêng.

Hiện nay, việc phân loại đối tượng là một vấn đề hết sức khó khăn, đòi hỏi phải có sự quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về đối tác đối tượng và phải phân tích toàn diện, khoa học, khách quan trên cơ sở đánh giá chính xác cục diện chính trị, xã hội thế giới, khu vực với tầm nhìn chiến lược sâu sắc. Trong nghiên cứu phân loại đối tượng cần tập trung vào một số nước lớn, có tiềm lực mạnh, có khả năng chi phối đến tình hình quốc phòng, an ninh nước ta. Trong đó cần chú ý đến ba dạng đối tượng cơ bản: đối tượng đối lập về ý thức hệ có âm mưu tập trung xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đối tượng vì lợi ích dân tộc hẹp hòi đang có tham vọng về chủ quyền lãnh thổ nước ta; đối tượng có thể bị chuyển hóa bởi sự thao túng của nước lớn có âm mưu chống phá ta.

- Đánh giá đúng kẻ thù

Là tiến hành nghiên cứu, điều tra để nắm bắt chính xác, kịp thời tình hình địch cả điểm mạnh, điểm yếu về lực lượng, tinh thần, trình độ, vũ khí trang bị, âm mưu thủ đoạn, sức mạnh của địch trên tất cả các lĩnh vực. Đánh giá đúng kẻ thù là nội dung quan trọng của chiến lược quân sự làm cơ sở để xác định phương châm, phương thức tác chiến phù hợp, hiệu quả. Là điều kiện để xác định thời điểm mở đầu và kết thúc chiến tranh. Muốn đánh thắng, trước hết phải đánh giá đúng địch, ta. Trong “Binh thư yếu lược” của Trần Quốc Tuấn có viết “Biết mình biết người, trăm đánh trăm thắng. Nuôi khí lực của dân, định tâm chí của quân, đó gọi là biết mình. Xét tình hình quân địch, đó gọi là biết người”. Trong cuốn “Phép dùng binh của ông Tôn Tử”, Hồ Chí Minh nhắc câu nói nổi tiếng của Tôn Tử: “Tri bỉ tri kỷ, bách chiến bất bại” (biết địch biết ta, trăm trận không thua).

¹Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990, tr. 90-91.

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích, đánh giá đúng mạnh, yếu của kẻ thù. Đánh giá so sánh lực lượng địch, ta trên quan điểm chiến tranh nhân dân, theo phương pháp khoa học biện chứng, không dừng lại ở hiện tượng mà nhìn sâu vào bản chất, nhìn toàn diện, không đánh giá địch, ta một cách tĩnh mà đặt nó trong quá trình đang vận động. Chính vì vậy, trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp, so sánh địch ta có chênh lệch lớn nên có người cho là "châu chấu đá voi". Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn khẳng định: "Ta nhất định thắng, địch nhất định thua". Người phân tích: Địch như mặt trời vào lúc hoàng hôn, hống hách lăm nhưng đã gần tắt nghỉ, lực lượng ta ngày càng mạnh thêm như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiền không có thoái", "Thế địch như lửa, thế ta như nước, nước nhất định thắng lửa". Hồ Chí Minh tiên đoán: "Nay tuy châu chấu đá voi nhưng mai voi sẽ lòi ruột ra"¹. Đối với đế quốc Mĩ, dù có quân đông, súng tốt, tiền nhiều, nhưng chúng có điểm yếu căn bản là đi xâm lược, bị nhân dân thế giới và ngay cả nhân dân nước Mĩ phản đối, Đảng ta đã đánh giá đúng kẻ thù, đưa ra nhận định: Mĩ là siêu cường kinh tế, siêu cường quân sự nhưng sức mạnh của Mĩ ở chiến trường Đông Dương là sức mạnh có giới hạn; "Mĩ giàu nhưng không mạnh"², đây là một tư duy chính xác, khoa học vượt trên mọi tư duy của thời đại trong thời điểm lịch sử. Từ những nhận định trên của Đảng ta, chiến lược quân sự Việt Nam đã tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân ta quyết tâm đánh Mĩ và biết thắng Mĩ.

Việc đánh giá đúng sức mạnh, khả năng của kẻ thù và so sánh đúng tương quan lực lượng sẽ giúp ta tổ chức lực lượng. Tập trung lực lượng giành ưu thế trong từng khu vực từng chiến dịch và trong suốt cuộc chiến tranh. Hình thành cách đánh đúng, sáng tạo, hiệu quả cao. Trong kháng chiến chống Mĩ, khi Mĩ đưa máy chục vạn quân viễn chinh vào miền Nam với khối lượng phương tiện chiến tranh khổng lồ, lớn hơn ta nhiều lần nhưng quân và dân ta vẫn ở thế tiến công, quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ. Với chủ trương: Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám địch, bám sát thắt lưng địch mà đánh; tìm Mĩ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt, bắt Mĩ ăn cháo ở đĩa bằng đũa. Quân và dân ta đã lẩn lướt làm phá sản các chiến lược: "Trả đũa ô ạt" – 1954 đến 1960; "Chiến tranh đặc biệt" – 1961 đến 1965; "Chiến tranh cục bộ" – 1965 đến 1968; "Việt Nam hóa chiến tranh" – 1969 đến 1972 và giành đại thắng Mùa xuân 1975.

- Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc

Đây là nghệ thuật xác định thời cơ thuận lợi để mở đầu, phát động chiến tranh, và thời cơ để dồn sức, quyết chiến chiến lược để đánh thắng địch, kết thúc chiến tranh. Để mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc phải nắm chắc yêu cầu của hoàn cảnh lịch sử; đánh giá và so sánh chính xác tương quan lực lượng địch, ta; chuẩn bị được đầy đủ các yếu tố đảm bảo cho chiến tranh chắc thắng. Đó là kết quả của quá trình tạo lực, tạo thế để lập thời. Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc là một vấn đề mang tính nghệ thuật cao trong chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta, nhằm giành thắng lợi trọn vẹn nhất nhưng hạn chế tổn thất đến mức thấp nhất.

Khi bàn về thời, thế, Nguyễn Trãi đã chỉ ra: "Được thời và có thế thì mát biển thành cùn, hóa nhỏ thành lớn; mất thời và không thế, thì mạnh hóa ra yếu, yên lại nên nguy, sự thay đổi ấy chỉ ở trong khoảng bàn tay". Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm việc

¹Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 6, tr. 164.

²Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh thuộc Bộ Chính trị (1995), Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 13.

tạo lực, tạo thế, tạo thời cơ, phát hiện nắm vững thời cơ cách mạng, chiến tranh. Thời cơ là thời thế, là thời điểm có lợi nhất để chuyển biến tình hình, để tiến công đối phương. Người rất coi trọng vấn đề tạo thời cơ và tranh thủ thời cơ. Người luôn nhấn mạnh phải biết đánh và biết không đánh nếu thời cơ chưa lợi, nếu chưa thật chắc thắng, không mạo hiểm, phiêu lưu. Tư tưởng đó được biểu hiện rõ trong bài thơ Học đánh cờ: “Lạc nước, hai xe đành bỏ phí. Gặp thời, một tốt cũng thành công”¹.

Ngày 9/3/1945, Nhật làm đảo chính, gạt Pháp khỏi Đông Dương. Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Sau khi Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh (15/8/1945). Quân Nhật ở Việt Nam hoang mang, mất sức chiến đấu. Trong hoàn cảnh đó, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi tổng khởi nghĩa: “Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Trung ương Đảng nhận định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới”. Mục tiêu của ta là “giành quyền độc lập hoàn toàn”. “Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!” Cách mạng Tháng Tám năm 1945 diễn ra và giành thắng lợi.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chúng ta mở đầu chiến tranh đều vào những thời điểm đáp ứng mọi điều kiện của hoàn cảnh lịch sử, do đó có sức lôi cuốn toàn dân tộc và có sức thuyết phục trên trường quốc tế mạnh mẽ. Kết thúc chiến tranh tại các thời điểm thế và lực cách mạng đều mạnh, có đủ điều kiện để quyết định kết thúc chiến tranh, tự quyết định vận mệnh của đất nước, mà không phụ thuộc vào những yếu tố tác động khách quan.

Trong kháng chiến chống Pháp, mở đầu chiến tranh vào ngày 19/12/1946 và chọn thời điểm kết thúc sau khi giành thắng lợi ở chiến dịch Điện Biên Phủ, bằng hiệp định Gio-ne-vơ tháng 7 năm 1954. Trước đó, ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta. Khi ấy, Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa mới được thành lập, quốc tế chưa thừa nhận, ta phải đối phó với nạn đói, giặc dốt, bọn Việt gian và giặc ngoại xâm. Vận mệnh của nước ta lúc này như “ngàn cân treo sợi tóc”, thời cơ phát động chiến tranh chưa tới. Đến tháng 12 năm 1946, khi thế và lực của ta đã đủ mạnh, có sức lôi cuốn toàn dân tộc và có sức thuyết phục trên trường quốc tế mạnh mẽ và đây là thời điểm ta không thể lùi được nữa sau các hành động thiêng chí nhằm ngăn ngừa, không để chiến tranh xảy ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “... Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa...”², mở đầu cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trong kháng chiến chống Mỹ, chiến thắng lịch sử “Điện Biên Phủ trên không” của quân và dân ta buộc Mỹ ngồi vào đàm phán và ký vào bản Hiệp định Pari tháng 1 năm 1973, chấm dứt chiến tranh, kéo cờ rút khỏi Việt Nam. Khi Mỹ chấp nhận rút quân, lực lượng Ngụy quyền yếu thế, Đảng ta ra quyết tâm: Giải phóng Miền Nam càng sớm càng tốt. Nếu không sớm giải phóng Miền Nam thì khi quân Mỹ rút khỏi Việt Nam thì sẽ có một “lực lượng khác” nhảy vào thay chân Mỹ, giống như trước đây Mỹ nhảy vào thay chân Pháp.

- Xác định đúng đắn phương châm tiến hành chiến tranh

Đây là yêu cầu tiên quyết của việc hoạch định đường lối chiến tranh, để lãnh đạo chiến tranh giành thắng lợi của Đảng ta. Phương châm tiến hành chiến tranh là một nội dung cơ bản trong đường lối kháng chiến, chiến tranh của Đảng ta. Là tư tưởng cơ bản chỉ đạo mọi hoạt động tác chiến xuyên suốt quá trình chiến tranh. Đảng

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 3, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 325.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 480.

ta đã xác định chính xác, đúng đắn phương châm tiến hành chiến tranh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ là: tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện. Để chống lại kẻ thù xâm lược của có sức mạnh hơn ta nhiều lần về kinh tế, quân sự, khoa học, công nghệ, Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện trên trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao..., trong đó, mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định.

Dánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính. “Trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh”, Đảng và Bác chủ trương đánh lâu dài, lấy thời gian làm lực lượng “Trường kỳ kháng chiến”, “Vừa kháng chiến vừa kiến quốc” để có thời gian chuẩn bị mọi mặt và chuyển dần từ thế yếu lên thế mạnh. Như lời Bác nói: “giặc Pháp có “vỏ quýt dày”, ta phải có thời gian để mài “móng tay nhọn” rồi mới xé toang xác chúng ra”⁽¹⁾. Thắng lợi và trường kỳ đi đôi với nhau “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi!”. Muốn ăn quả tốt phải trồng cây to. Trường kỳ kháng chiến không đồng nghĩa với kéo dài vô thời hạn, mà phải biết lựa chọn thời điểm có lợi nhất để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt. Dựa vào sức mình là chính, “tự lực cánh sinh”, “đem sức ta mà giải phóng cho ta”.

- Đề ra phương thức tiến hành chiến tranh chính xác

Phương thức tiến hành chiến tranh là tổng thể các hình thức và phương pháp đấu tranh với đối phương và kết hợp chúng với nhau nhằm giành thắng lợi trong chiến tranh. Phương thức đấu tranh bao gồm đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, đấu tranh kinh tế, đấu tranh ngoại giao, đấu tranh văn hóa – tư tưởng, trong đó đấu tranh vũ trang kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị giữ vai trò quyết định nhất. Cơ sở để đề ra phương thức chiến tranh đúng đắn là phải đánh giá đúng đắn địch ta về mọi mặt, tương quan lực lượng giữa ta và địch, trình độ phát triển của khoa học và nghệ thuật quân sự, truyền thông văn hóa của dân tộc, mục đích và tính chất của cuộc chiến tranh của ta. Đây là yếu cầu quan trọng trong hoạch định đường lối chiến tranh của Đảng ta.

Trong lãnh đạo tiến hành hai cuộc chiến tranh chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng ta đã đề ra chính xác phương thức tiến hành chiến tranh là chiến tranh nhân dân. Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công địch bằng hai lực lượng chính trị, quân sự; bằng ba mũi giáp công quân sự, chính trị, binh vận; trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, làm cho địch bị động, lúng túng trong đối phó, dẫn đến sai lầm về chiến lược, sa lầy về chiến thuật và thất bại.

7.2.2.2. Nghệ thuật chiến dịch

“Nghệ thuật chiến dịch là lí luận và thực tiễn chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt động tác chiến tương đương. Nghệ thuật chiến dịch bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự, khâu nối liền giữa chiến lược quân sự và chiến thuật”². Chiến dịch được hình thành trong kháng chiến chống Pháp, được đánh dấu bằng chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông 1947. Trong kháng chiến chống Pháp, ta đã tiến hành hơn 40 chiến dịch ở các quy mô khác nhau và hơn 50 chiến dịch trong kháng chiến chống Mĩ. Nghệ thuật chiến dịch bao gồm những nội dung cơ bản sau.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 165.

² Bộ quốc phòng, *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.153.

Loại hình chiến dịch. Là hình thức tổ chức thực hành tác chiến chiến dịch của lực lượng vũ trang. Đây là nội dung quan trọng của nghệ thuật chiến dịch, là cơ sở để tổ chức chuẩn bị lực lượng, xây dựng thế trận, xác định cách đánh chiến dịch. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các lực lượng vũ trang và Quân đội ta đã tiến hành các loại hình chiến dịch gồm: chiến dịch tiến công như: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, Chiến dịch Tiến công Tây Nguyên, Chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975; chiến dịch phản công như: Chiến dịch Phản công Việt Bắc năm 1947, Chiến dịch Phản công đường số 9 - Nam Lào năm 1971; chiến dịch phòng ngự như Chiến dịch Phòng ngự Quảng Trị năm 1972; chiến dịch phòng không như: Chiến dịch Phòng không Hà Nội, 1972; chiến dịch tiến công tổng hợp như: Chiến dịch Tiến công tổng hợp Khu 8.

Quy mô chiến dịch. Quy mô chiến dịch là độ lớn về phạm vi, lực lượng, vũ khí trang bị và trình độ tác chiến chiến dịch. Cơ sở để xác định quy mô chiến dịch phải xuất phát từ yêu cầu của chiến lược quân sự, tình hình địch, tình hình ta, phạm vi tác chiến, đặc điểm của khu vực tác. Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, quy mô chiến dịch được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, quy mô chiến dịch của ta còn rất nhỏ bé, lực lượng tham gia từ 1 đến 3 trung đoàn, vũ khí, trang bị chiến đấu thô sơ. Đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng tham gia đã lên tới 5 đại đoàn cùng nhiều lực lượng khác. Trong kháng chiến chống Mĩ, giai đoạn đầu lực lượng chỉ có từ 1 đến 2 trung đoàn, sau đó phát triển đến sư đoàn. Đến cuối cuộc kháng chiến, đặc biệt là chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng bộ binh là 5 quân đoàn và nhiều binh chủng, quân chủng khác, phối hợp chặt chẽ với nổi dậy của quần chúng. Địa bàn: Phát triển từ rừng núi – trung du sau diễn ra trên tất cả các vùng. Trong hai cuộc kháng chiến, ở những giai đoạn đầu, các chiến dịch diễn ra chủ yếu ở địa hình rừng núi, nhưng giai đoạn cuối đã diễn ra trên tất cả địa hình để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Cách đánh chiến dịch. Đây là nội dung trung tâm của nghệ thuật chiến dịch, quyết định đến việc xác định khu vực, chuẩn bị lực lượng và vũ khí trang bị, tổ chức thực hành tác chiến và kết cục của chiến dịch. Cơ sở cơ bản để xác định cách đánh chiến dịch đúng đắn là đánh giá chính xác và toàn diện đối tượng tác chiến của chiến dịch, đặc điểm địa hình và không gian tác chiến chiến dịch, khả năng và lực lượng, vũ khí trang bị của ta, trình độ chỉ đạo tác chiến chiến dịch. Cách đánh chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ của ta là cách đánh của chiến tranh nhân dân phát triển cao, vận dụng cách đánh của nhiều lực lượng, kết hợp nhiều phương thức quy mô tác chiến (đánh du kích, đánh vận động, đánh trận địa, đánh phân tán và đánh tập trung hiệp đồng binh chủng), trong đó tác chiến hiệp đồng ngày càng giữ vai trò chủ yếu. Cách đánh chiến dịch gồm các nội dung cơ bản sau: chọn loại hình chiến dịch đúng; đề ra mục đích chiến dịch đúng; xác định phương châm chiến dịch đúng; nghệ thuật lựa chọn địa bàn, khu vực (hướng) tác chiến chủ yếu; nghệ thuật chọn khu vực (hướng) tác chiến chủ yếu; nghệ thuật chuẩn bị thế trận chiến dịch; nghệ thuật tập trung ưu thế lực lượng bảo đảm đánh chắc thắng trận mở màn chiến dịch; nghệ thuật xử trí chính xác các tình huống trong tác chiến chiến dịch; nghệ thuật kết hợp tiến công với nổi dậy; nghệ thuật vận dụng cách đánh chiến dịch. Trong hai cuộc kháng chiến, chiến dịch đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do chiến lược đề ra, tạo sự chuyển hóa chiến lược to lớn góp phần quyết định giành thắng lợi của chiến tranh.

7.2.2.3. Chiến thuật

“Chiến thuật là lí luận và thực tiễn về tổ chức và thực hành chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn LLVT, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự Việt Nam”¹. Chiến thuật hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội ta. Sự phát triển đó là kết quả của sự chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận chiến đấu của bộ đội ta trước một đối tượng địch, địa hình cụ thể. Nội dung của chiến thuật được thể hiện:

- *Vận dụng các hình thức chiến thuật vào các trận chiến đấu*

Các hình thức chiến thuật được vận dụng trong các trận chiến đấu bao gồm: tập kích, phục kích, truy kích, vận động tiến công, công kiên, đánh địch đổ bộ đường không, đánh địch đổ bộ đường biển, đánh địch phòng ngự...

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, lực lượng, vũ khí, trang bị của ta còn hạn chế, do đó, tư tưởng tác chiến của bộ đội ta là “quán triệt tư tưởng tiến công, triệt để dùng du kích chiến, vận động chiến để tiêu diệt địch”. Các trận chiến đấu ở giai đoạn này chủ yếu diễn ra ở quy mô trung đội, đại đội, tiểu đoàn, lấy đánh địch ngoài công sự là phổ biến. Chiến thuật thường vận dụng là tập kích, phục kích, vận động tiến công trong đó, phục kích có lợi hơn tập kích.

Các giai đoạn sau của hai cuộc kháng chiến, bộ đội ta đã trưởng thành, không những đánh giỏi vận động chiến (đánh địch ngoài công sự), mà từng bước vận dụng công kiên chiến (đánh địch trong công sự).

Giai đoạn cuối của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ do yêu cầu của chiến lược, chiến dịch, phải đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của địch để giữ vững vùng giải phóng, chiến thuật phòng ngự xuất hiện. Chiến thuật phòng ngự được vận dụng như phòng ngự đồi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ, phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự Thượng Đức năm 1974... Ngoài ra, các đơn vị còn vận dụng các hình thức chiến thuật truy kích, đánh địch đổ bộ đường không, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

- *Quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu*

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến, lực lượng tham gia các trận chiến đấu chủ yếu trong biên chế và được tăng cường một số hỏa lực như súng cối 82mm, ĐKZ... Các giai đoạn sau, quy mô lực lượng tham gia các trận chiến đấu ngày càng lớn, đã có nhiều trận đánh hiệp đồng binh chủng giữa bộ binh, xe tăng, pháo binh, phòng không... Hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ ngày càng nhiều.

- *Cách đánh*

Là nội dung quan trọng nhất của lí luận chiến thuật. Mỗi binh chủng, mỗi hình thức chiến thuật đều có những cách đánh cụ thể, phù hợp với đối tượng và địa hình. Nội dung cách đánh trong từng hình thức chiến thuật phát triển từ cách đánh của lực lượng bộ binh là chủ yếu đến cách đánh hiệp đồng binh chủng.

Cách đánh của ta thể hiện tính tích cực, chủ động tiến công, bám thắt lưng địch, chia địch ra mà đánh, trói địch lại mà diệt. Kết hợp chặt chẽ giữa hành động tiến công và phòng ngự của ba thứ quân để hoàn thành nhiệm vụ của cấp trên giao.

7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay

Nghệ thuật quân sự Việt Nam đã hình thành, phát triển trong quá trình dựng và giữ nước của dân tộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng

¹Bộ quốc phòng, *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.217.

Việt Nam, nghệ thuật quân sự ngày càng phát triển, đó là nghệ thuật chiến tranh nhân dân, nghệ thuật lấy nhở đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh...Những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vẫn còn giữ nguyên giá trị để chúng ta tiếp tục nghiên cứu và vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới.

7.3.1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công

Trong lịch sử chiến tranh giữ nước, nghệ thuật quân sự của cha ông ta trước đây luôn nhấn mạnh tư tưởng tích cực, chủ động tiến công địch. Ngày nay, với sức mạnh của cả nước đánh giặc dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật quân sự của ta càng có điều kiện phát huy mặt mạnh của mình, khoét sâu chỗ yếu của địch để “kiên quyết không ngừng thế tiến công”, tiến công địch vào đúng thời cơ, địa điểm thích hợp.

Trên cơ sở đánh giá đúng mạnh, yếu của địch và ta, chúng ta phải biết phát huy sức mạnh của mọi lực lượng, vận dụng linh hoạt mọi hình thức và quy mô tác chiến, mọi cách đánh, mới có thể tiến công địch một cách liên tục mọi lúc, mọi nơi. Tiến công trên mặt trận quân sự, chính trị, binh vận, ngoại giao... thực hiện “mưu phạt công tâm”, đánh vào lòng người, góp phần thay đổi cục diện chiến tranh.

Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công, trong hòa bình chúng ta tập trung xây dựng phát triển kinh tế, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại..., xây dựng đất nước cường thịnh, có kế sách ngăn ngừa chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa, sẵn sàng đánh bại chiến tranh xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7.3.2. Nghệ thuật toàn dân đánh giặc

Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc chỉ đạo mọi hoạt động tác chiến của quân và dân ta. Đây là kinh nghiệm, truyền thống đồng thời là đường lối chính trị của ta. Thực hiện toàn dân đánh giặc là để phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp đánh phân tán với đánh tập trung, đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn, phát huy được uy lực của mọi vũ khí từ thô sơ đến hiện đại, làm cho lực lượng địch bị phân tán, khiến chúng đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu và luôn bị động đối phó; trên cơ sở đó, thực hiện những đòn đánh quyết định, tạo sự thay đổi trên chiến trường có lợi cho ta.

7.3.3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp

Nghệ thuật quân sự Việt Nam biết kết hợp chặt chẽ các yếu tố lực lượng, thế trận, thời cơ đồng thời còn phải biết đánh giá đúng và triệt để khai thác các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hoà”. Đó là nghệ thuật nắm bắt và phát huy sức mạnh của thời đại, phát huy tiềm năng, thế mạnh của đất nước, con người Việt Nam, trong đó, cần đặc biệt chú trọng “nhân hoà”. Chỉ có kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu và các yếu tố khác ta mới tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh thắng kẻ thù có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh khi chúng xâm lược nước ta.

7.3.4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung lực lượng ưu thế cần thiết để đánh địch

Trong lịch sử ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược lớn hơn nhiều lần. Đứng trước thực tế đó, ông cha ta đã sáng tạo ra nghệ thuật “lấy ít đánh nhiều”, nhưng biết tập trung ưu thế lực lượng trong những thời điểm quan trọng để đánh thắng quân xâm lược.

Ngày nay, vận dụng tư tưởng lấy ít đánh nhiều, ta phải phát huy năng lực, sở trường đánh giặc của toàn dân, của các thứ quân, của mọi lực lượng phuơng tiện, hạn chế điểm mạnh, khoét sâu điểm yếu của địch tạo ra sức mạnh tổng hợp hơn địch để đánh thắng địch.

7.3.5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu

Mục đích chung nhất của mọi hoạt động tác chiến để bảo vệ Tổ quốc là tiêu diệt lực lượng địch, bảo vệ ta. Đi đôi với tiêu hao, tiêu diệt lực lượng địch, phải bảo vệ vững chắc mục tiêu của ta, là vấn đề có tính quy luật trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Muốn giành thắng lợi chúng ta phải kết hợp đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt lớn quân địch. Đánh tiêu hao rộng rãi bằng chiến tranh nhân dân địa phương, tạo điều kiện cho tác chiến tập trung của các đơn vị bộ đội chủ lực thực hiện đánh lớn, tiêu diệt lớn quân địch.

Nghệ thuật quân sự Việt Nam là kho tàng lý luận và thực tiễn quý báu, được đúc kết qua hàng nghìn năm đấu tranh giữ nước, thể hiện tinh thần dũng cảm, ý chí kiên cường, mưu trí, sáng tạo trong đấu tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh giữ nước của dân tộc ta. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta ?
2. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam ?
3. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo ?
4. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới ?

Chương 8

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Sau khi học, người học nắm được những nội dung cơ bản về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới.

Về kỹ năng: Giúp cho người học hình thành phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn để góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới.

Về thái độ: Bồi dưỡng, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm cho học sinh, sinh viên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong bối cảnh hiện nay.

B. NỘI DUNG

Việt Nam là một quốc gia ven biển, có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia, có bờ biển dài 3.260 km, vùng biển rộng trên 1 triệu km² chiếm khoảng 30% diện tích Biển Đông, có gần 3000 đảo bờ và hai quần đảo xa

bờ là Hoàng Sa và Trường Sa. Biển, đảo, biên giới quốc gia Việt Nam là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, là nội dung cực kỳ thiêng liêng của Dân tộc Việt Nam. Đây là cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết và có vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây cũng là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh, là tuyến phòng thủ của đất nước, tạo khoảng không gian cần thiết giúp kiểm soát trên lãnh thổ quốc gia.

Hiện nay, công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia đang đặt ra rất nhiều thách thức to lớn. Trên Biển Đông, các nước lớn đang cạnh tranh quyết liệt, tranh chấp chủ quyền biển, đảo đang xảy ra hết sức phức tạp. Trên biên giới, vấn đề bảo vệ chủ quyền, xây dựng và quản lý biên giới gặp rất nhiều khó khăn. Xây dựng và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển giới, biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc là vấn đề chiến lược, mang tính cấp bách, then chốt hiện nay. Công cuộc này đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải không ngừng nêu cao cảnh giác, xây dựng đất nước vững mạnh về mọi mặt, tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại để chủ động bảo vệ vững chắc biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

8.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia

8.1.1. Một số khái niệm cơ bản

8.1.1.1. Quốc gia

“Quốc gia là thực thể pháp lý bao gồm ba yếu tố cấu thành: lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng. Quốc gia là chủ thể căn bản nhất của luật quốc tế. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng cơ bản, quan trọng nhất của quốc gia”¹.

- Quốc gia là một chính thể, một chủ thể, tồn tại độc lập trên thực tiễn.
- Thành phần cơ bản của quốc gia bao gồm: lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng. Trong đó, lãnh thổ là yếu tố tiền vật chất, tiên quyết cấu thành quốc gia. Dân cư là cộng đồng người dân sinh sống lâu dài trên lãnh thổ, có địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ đối với quốc gia. Quyền lực công cộng là loại quyền lực chung của cộng đồng xã hội - nhà nước.
- Quốc gia là thực thể đang tham gia quan hệ pháp Luật Quốc tế, độc lập về ý chí, không chịu sự tác động của các chủ thể khác, được hưởng quyền và nghĩa vụ pháp lý quốc tế. Có khả năng gánh vác những trách nhiệm pháp lý quốc tế do những hành vi mà chủ thể đó gây ra.
- Chủ quyền quốc gia là quyền làm chủ đối với quốc gia, là thuộc tính chính trị - pháp lý không thể tách rời khỏi quốc gia, bảo đảm sự độc lập của quốc gia và không chịu sự tác động của quốc gia khác. Chủ quyền cơ bản của quốc gia gồm quyền bất khả xâm phạm lãnh thổ, quyền tự quyết định những công việc của quốc gia, quyền độc lập trong quan hệ đối ngoại.

8.1.1.2. Biển đông

Biển Đông là biển nửa kín, nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương qua các eo biển. Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km², chiều dài theo trục Bắc - Nam khoảng 1.600 hải lý (tương đương 2.963 km), chiều rộng theo trục Đông - Tây khoảng 900 hải lý (tương đương 1.667 km), độ sâu trung bình 1.140 mét, vị trí sâu nhất 5.016 mét; được bao bọc bởi 9 quốc gia gồm: Trung Quốc (bao gồm cả Đài Loan), Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Brunây và Philippines. Biển Đông có 2 vịnh lớn là Vịnh Bắc Bộ và Vịnh Thái Lan và có hai quần đảo lớn là Hoàng

¹Từ điển bách khoa Việt Nam (2003), NXB từ điển bách khoa, Hà Nội, tr. 609.

Sa và Trường Sa.

Do có vị trí và đặc điểm địa lý hết sức quan trọng, Biển Đông có giá trị vô cùng to lớn về địa chính trị, địa kinh tế và địa quân sự.

Về địa chính trị. Biển Đông có giá trị chiến lược đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia xung quanh và cả khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đối với các quốc gia có ý đồ “bá quyền”, muốn đứng chân ở châu Á - Thái Bình Dương nhất thiết phải khống chế biển Đông, bởi chiếm cứ được biển Đông có ý nghĩa rất quan trọng đối với kiểm soát Tây Thái Bình Dương nói riêng và khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung. Hơn nữa, biển Đông là mắt xích kinh tế quan trọng nối liền từ Nhật Bản, Hàn Quốc, ven biển Trung Quốc đến các nước ASEAN và sang Ấn Độ Dương với các tuyến đường biển quan trọng nhất thế giới. Vì vậy, các nước lớn như Mỹ, Nga, Nhật Bản, Ấn Độ... đều muốn duy trì quyền tự do đi lại và sự hiện diện trên biển Đông để giành lợi thế địa chiến lược.

Về địa kinh tế. Biển Đông nằm trên đường hàng hải quan trọng nối liền Đông - Tây. Mật độ giao thông hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai trên thế giới với hơn 1/3 lượng hàng hóa trao đổi trên thế giới đi qua vùng biển này. Mỗi ngày có từ 150 - 200 tàu thương mại các loại qua biển Đông, trong đó có khoảng 50% tàu có trọng tải trên 5.000 tấn, hơn 10% là tàu có trọng tải từ 30.000 tấn trở lên. Trong khu vực Đông Nam Á có 536 cảng biển, trong đó có hai cảng vào loại lớn, hiện đại nhất thế giới là Singapore và Hồng Kông. Những năm gần đây hoạt động thương mại và công nghiệp hàng hải ngày càng gia tăng ở khu vực. Hàng hóa qua biển Đông chủ yếu là các nguyên vật liệu quan trọng như dầu thô, ga tự nhiên hóa lỏng, sắt, than... các nước vùng Đông Bắc Á đặc biệt là các nền kinh tế hàng đầu thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc lệ thuộc lớn vào nguồn dầu lửa vận chuyển qua biển Đông để phát triển.

Biển Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn lợi phong phú, đặc biệt là dầu khí, hải sản và du lịch. Về dầu khí, sản lượng khai thác có thể đạt khoảng 18,5 triệu tấn/năm, duy trì liên tục trong vòng 15 - 20 năm tới. Các khu vực có tiềm năng dầu khí còn lại chưa khai thác là khu vực thềm lục địa ngoài cửa vịnh Bắc Bộ và bờ biển miền Trung, khu vực bãi Tư Chính. Bên cạnh trữ lượng dầu mỏ và khí đốt dồi dào, Biển Đông còn có nhiều khoáng sản... là những nguyên liệu có giá trị trong công nghiệp và một trữ lượng lớn băng cháy (nguồn năng lượng mới có thể thay thế dầu khí trong tương lai). Về nguồn lợi hải sản, biển Đông có nhiều cá và sinh vật nhuyễn thể có giá trị cao, cung cấp nguồn sống cho ngư dân các nước ven biển. Trong khu vực có các nước đánh bắt và nuôi trồng hải sản đứng hàng đầu thế giới như Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam, Indonesia và Philippines. Trong đó, Trung Quốc là nước đánh bắt cá lớn nhất thế giới (khoảng 4,38 triệu tấn/năm), Thái Lan đứng thứ 10 trên thế giới (với khoảng 1,5 - 2 triệu tấn/năm), cả khu vực đánh bắt khoảng 7 - 8% tổng sản lượng đánh bắt cá trên toàn thế giới.

Giá trị về quân sự. Với 16 tuyến đường hàng hải, 12 tuyến đường hàng không quốc tế từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, đây là khu vực ác ngữ lối ra vào lục địa châu Á. Trong thời bình, Biển Đông là tuyến đường thương mại lý tưởng; trong thời chiến, là con đường chiến lược, vận chuyển lực lượng, vũ khí trang bị phục vụ chiến tranh. Trên thực tế, Biển Đông là con đường vận chuyển lực lượng, trang bị hậu cần kỹ thuật từ biển Ấn Độ và Vịnh Ả-rập, bảo đảm cho hoạt động của lực lượng Mỹ tại Đông Á. Đặc biệt eo biển Malacca là điểm có vai trò hết sức trọng yếu đối với an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương vì hầu hết hàng hóa của các nước Đông Nam Á và Bắc Á phải đi qua eo biển này.

Các đảo và quần đảo trong Biển Đông cũng có ý nghĩa phòng thủ chiến lược quan trọng đối với nhiều nước, đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Năm ở trung tâm Biển Đông, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhất là quần đảo Trường Sa, có giá trị quân sự đặc biệt, có thể dùng để kiểm soát các tuyến hàng hải qua lại biển Đông và đặt các trạm ra đa, trạm thông tin, xây dựng các trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho tàu bè... Các nhà chiến lược phương Tây cho rằng, quốc gia nào kiểm soát được quần đảo Trường Sa sẽ không chế được cả Biển Đông.

Ngày nay khi giao thương phát triển, đặc biệt là trên biển, sự phụ thuộc của các quốc gia vào các tuyến đường biển đi qua Biển Đông ngày một lớn hơn. Chính vì thế, nếu Biển Đông bị một hoặc một nhóm quốc gia liên minh nào không chế sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích an ninh, chính trị và sự thịnh vượng của khu vực, trong đó có Việt Nam.

8.1.1.3. Biển Việt Nam (Vùng biển Việt Nam)

“Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982”¹. Vùng biển Việt Nam bao gồm: Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, mỗi vùng đều có chế độ pháp lý khác nhau.

Đường cơ sở là đường gãy khúc nối liền các điểm được lựa chọn tại ngân nước thủy chiều thấp nhất dọc theo bờ biển và các đảo gần bờ do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định và công bố. Đường cơ sở được dùng để tính chiều rộng của lãnh hải.

Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam. Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như trên lãnh thổ đất liền.

Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam. Nhà nước thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải và vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982. Tàu thuyền của tất cả các quốc gia được hưởng quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam. Đối với tàu quân sự nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam, thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Các phương tiện bay nước ngoài không được vào vùng trời ở trên lãnh hải Việt Nam, trừ trường hợp được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam hoặc thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Nhà nước có chủ quyền đối với mọi loại hiện vật khảo cổ, lịch sử trong lãnh hải Việt Nam.

Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất

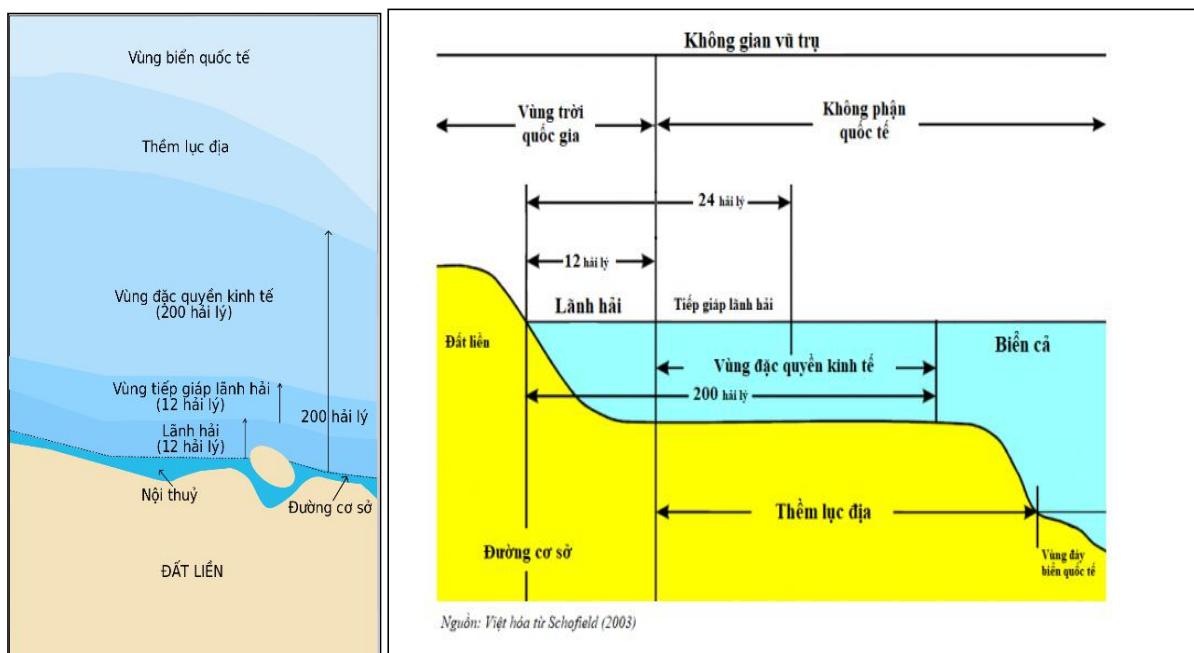
¹Luật Biển Việt Nam (2012), Điều 3, khoản 1.

dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế; quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển; các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế. Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, hàng không; quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phuong hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam. Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt các thiết bị và công trình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan. Nhà nước thực hiện kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và trừng trị hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Trong vùng đặc quyền kinh tế, Nhà nước thực hiện: Quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế; Quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển; Các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế. Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, hàng không; quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phuong hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam. Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt các thiết bị và công trình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan.

Thềm lục địa là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa. Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này cách đường cơ sở chưa đủ 200 hải lý thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài không quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không quá 100 hải lý tính từ đường đằng sâu 2.500 mét. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền đối với thềm lục địa về thăm dò, khai thác tài nguyên. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền đối với thềm lục địa về thăm dò, khai

thác tài nguyên có tính chất đặc quyền, không ai có quyền tiến hành hoạt động thăm dò thềm lục địa hoặc khai thác tài nguyên của thềm lục địa nếu không có sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam. Nhà nước có quyền khai thác lòng đất dưới đáy biển, cho phép và quy định việc khoan nhằm bất kỳ mục đích nào ở thềm lục địa. Nhà nước tôn trọng quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp khác của các quốc gia khác ở thềm lục địa Việt Nam theo quy định của Luật này và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phong hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam. Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt thiết bị và công trình ở thềm lục địa của Việt Nam trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam.



Sơ đồ vùng biển Việt Nam

8.1.1.4. Đảo Việt Nam

Trong vùng biển nước ta có hơn 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ và hai quần đảo lớn là Hoàng Sa và Trường Sa, khoảng 1.000 bãi đá ngầm. Đảo của Việt Nam được chia thành hệ thống các đảo ven bờ và hệ thống các đảo xa bờ. Hệ thống đảo ven bờ có khoảng 2.800 đảo, phân bố tập trung nhất ở vùng biển các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang. Có 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển, với 125 huyện ven biển và 12 huyện đảo.

- Đảo, quần đảo

Đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước.

Quần đảo là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau.

Đảo, quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam là bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam.

- *Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của đảo, quần đảo*

Đảo thích hợp cho đời sống con người hoặc cho một đời sống kinh tế riêng thì có nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Đảo đá không thích hợp cho đời sống con người hoặc cho một đời sống kinh tế riêng thì không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Việc xác định nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của các đảo, quần đảo được xác định theo Luật Biển Việt Nam. Các bộ phận này của đảo và quần đảo có giá trị pháp lý như các bộ phận của vùng biển Việt Nam, được quy định bởi Luật Biển Việt Nam và được thể hiện bằng hải đồ, bản kê toạ độ địa lý do Chính phủ công bố.

- *Chế độ pháp lý của đảo, quần đảo*

Nhà nước thực hiện chủ quyền trên đảo, quần đảo của Việt Nam. Chế độ pháp lý đối với vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của các đảo, quần đảo được thực hiện theo quy định của Luật Biển Việt Nam có giá trị pháp lý như các bộ phận của vùng biển Việt Nam, được quy định bởi Luật Biển Việt Nam.

8.1.1.5. Quản lý bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng pháp luật của Nhà nước với quá trình kinh tế xã hội, các hoạt động trên biển, đảo nhằm duy trì và phát triển các mối quan hệ, các hoạt động đó trong trật tự, theo đúng định hướng của Nhà nước trong việc thăm dò, khai thác các tiềm năng của biển, thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa của quốc gia phù hợp với luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực.

Quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia trên biển còn là bảo vệ các quyền quốc gia về biển phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định mà nước ta đã ký kết với các nước có liên quan. Đó là quyền của quốc gia về bảo tồn, quản lý, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên của biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng trời, các đảo và quần đảo.

8.1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia

8.1.2.1. Mục tiêu

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII chỉ rõ mục tiêu bảo vệ chủ quyền biển, đảo: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”¹.

8.1.2.2. Phương châm

Tình hình Biển Đông đang diễn biến phức tạp, khó lường. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, Đảng ta xác định: “Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải

¹Đảng Cộng sản (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 336.

quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế”¹, “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển.”². Phương châm bảo vệ chủ quyền biển, đảo là thực hiện vừa hợp tác, vừa đấu tranh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực, lấy đấu tranh bằng biện pháp hòa bình là chủ yếu.

8.1.2.3. Phương thức

Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định: “Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống”³. Phương thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia là sử dụng sức mạnh tổng hợp của đất nước về mọi mặt cả chính trị, kinh tế, quân sự, an ninh, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Trong đó lấy đấu tranh bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế là chủ yếu, lấy lực lượng vũ trang trên biển làm nòng cốt để bảo vệ an ninh, an toàn, chủ quyền biển, đảo quốc gia.

8.1.2.4. Nội dung

-Quản lý chặt chẽ, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia, dân tộc trên biển

Quản lý chủ quyền biển, đảo là hoạt động của Nhà nước nhằm duy trì trật tự và phát triển các mối quan hệ, các hoạt động trong việc thăm dò, khai thác các tiềm năng của biển, thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa của quốc gia; quyền của quốc gia về bảo tồn, quản lý, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên của biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng trời, các đảo và quần đảo phù hợp với luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực và luật pháp Việt Nam.

Bảo vệ chủ quyền biển đảo bao gồm các nội dung cơ bản: xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển, đảo; tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo; kiên trì, kiên quyết đấu tranh đối với các vi phạm chủ quyền biển, đảo của Việt Nam; phát triển kinh tế biển, đảo, gắn phát triển kinh tế với an ninh, quốc phòng; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; củng cố, tăng cường, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi, hỗ trợ cho công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo; hoàn thiện thiết chế quản lý biển, đảo; phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu quản lý và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển gắn bó mật thiết, không thể tách rời. Bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển là bảo vệ các quyền của quốc gia theo các chế độ pháp lý khác nhau, phù hợp với luật pháp quốc tế, trên các vùng biển, hải đảo của Tổ quốc. Bảo vệ quyền chủ quyền quốc gia ở vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa là bảo vệ đặc quyền của quốc gia về bảo tồn, quản lý, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên biển. Bảo vệ lợi ích kinh tế ở vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa

¹ Đảng Cộng sản (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 156.

² Đảng Cộng sản (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb, Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 157.

³ Đảng Cộng sản (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb, Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 159.

của quốc gia. Bảo vệ chủ quyền, giữ vững hòa bình và ổn định trên các vùng biển là điều kiện tiên quyết, là tiền đề cần thiết để phát triển khai thác biển và từng bước tiến ra biển một cách vững chắc để bảo vệ lợi ích quốc gia trên biển, đảo. Để bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển, trước hết phải tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển, làm chủ biển một cách vững chắc, để tạo thuận lợi phát triển kinh tế biển, đảo nhanh, bền vững trong tình hình mới.

- Bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và văn hóa trên biển, đảo

An ninh, trật tự, an toàn xã hội là nhu cầu và điều kiện thiết yếu để tồn tại và hoạt động của con người ở mọi môi trường địa lý. Biển, đảo là môi trường có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, là môi trường mở, có sự giao lưu quốc tế, nên đòi hỏi về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội lại càng cao. Diễn biến của tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên biển rất phức tạp, đặc biệt là phải tiến hành trong điều kiện quy chế pháp lý không đồng nhất giữa các vùng nước khác nhau trên biển. Bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên biển, đảo không chỉ mang tính chất đối nội mà còn mang tính chất đối ngoại; là sự thể hiện năng lực làm chủ vùng biển quốc gia của nước ven biển trước cộng đồng thế giới và khu vực. Biển là môi trường các luồng văn hóa độc hại dễ dàng từ đó xâm nhập đất liền; do đó bảo vệ an ninh, an toàn trên biển liên quan với bảo vệ văn hóa. “Xây dựng, củng cố đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo”¹.

Nội dung chủ yếu của bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và văn hóa trên biển, đảo và vùng ven biển là bảo vệ an ninh quốc gia trên mọi lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh; ngăn chặn kịp thời người và phương tiện xâm nhập đất liền để tiến hành các hoạt động phá hoại, gây rối, gián điệp, truyền bá văn hóa đồi trụy và thực hiện các hành vi tội phạm khác; bảo vệ lao động sản xuất, tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân trên biển và ven biển; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên biển và ven biển; bảo vệ môi trường, xử lý các vụ ô nhiễm môi trường; phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai; thực hiện tìm kiếm, cứu nạn; phòng ngừa và chế ngự các xung đột vì tranh giành lợi ích giữa các tổ chức và cá nhân trong sử dụng và khai thác. Phòng chống nạn buôn lậu, cướp biển, đánh bắt cá bất hợp pháp, sử dụng chất nổ, kích điện và chất độc để khai thác hải sản, phá hoại môi trường sinh thái biển.

Để bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và văn hóa trên biển, đảo cần phát huy vai trò và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân trong việc xác lập và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là ngư dân trong bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và văn hóa trên biển, đảo. Xây dựng và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của các lực lượng vũ trang trên biển trong việc bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và văn hóa trên biển, đảo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thực thi Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, các thỏa thuận pháp lý trong khu vực.

- Bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới trên hướng biển

Chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị và thành quả của đất nước luôn gắn bó chặt chẽ, biện chứng với nhau. Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập I, tr. 158.

nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới trên hướng biển là bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, hoạt động của nhân dân gắn với bảo vệ chế độ chính trị và thành quả cách mạng của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước trên hướng biển.

Hiện nay, sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa đang đứng trước những thách thức mới, tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn định, khó lường. Tình hình tranh chấp trên biển, nhất là hoạt động của nước lớn mở rộng các đảo đã chiếm đóng trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam ngày một gia tăng, âm mưu độc chiếm Biển Đông vẫn hiện hữu, đe dọa trực tiếp đến chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia. Nhiệm vụ phát triển kinh tế, tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển những năm còn nhiều khó khăn, thách thức. Mật độ dân cư, ngư dân trên biển, đảo và quần đảo còn mỏng, phương tiện, tàu thuyền công suất lớn còn ít; cơ sở hạ tầng kinh tế – xã hội các vùng ven biển, trên biển và trên các đảo chưa hoàn thiện; khả năng bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên biển còn nhiều hạn chế, v.v. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo đòi hỏi phải tăng cường bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới trên hướng biển.

Bảo vệ Đảng trên hướng biển là thường xuyên xây dựng và tăng cường vai trò lãnh đạo trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng các lực lượng vũ trang trên biển vững chắc, đáp ứng yêu cầu bảo vệ biển, đảo trong tình hình mới. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế biển với tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển. Thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Thường xuyên xây dựng các tổ chức đảng trên hướng biển trong sạch, vững mạnh.

Bảo vệ Nhà nước trên hướng biển là bảo vệ các cơ quan của Nhà nước trong thực thi quyền làm chủ của đất nước trên hướng biển. Bảo vệ vai trò quản lý, thực thi pháp luật của các lực lượng, tổ chức của Nhà nước nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, an ninh, trật tự an toàn, lợi ích của quốc gia, của công dân Việt Nam trên hướng biển. Bảo vệ quan hệ hợp tác quốc tế trên hướng biển của Việt Nam.

Bảo vệ nhân dân trên hướng biển bao gồm bảo vệ công cuộc lao động sản xuất, tính mạng và tài sản của nhân dân ở trên biển và ven biển. Phòng, chống khắc phục thảm họa thiên tai, sự cố môi trường, biến đổi khí hậu và các rủi ro khác cho nhân dân trên hướng biển. Bảo vệ lợi ích và quyền công dân của nhân dân trên biển, đảo đã được các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước thừa nhận. Bảo vệ môi trường sống, bảo đảm cho nhân dân trên hướng biển được sống trong môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa - xã hội trong sạch, lành mạnh.

Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp đổi mới trên hướng biển là bảo vệ bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội do nhân dân làm chủ, phát huy đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, thực hiện chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Bảo vệ nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, sự phát triển toàn diện của con người. Bảo vệ sự bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển của các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam. Bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do dân, của nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo. Bảo vệ mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa luôn gắn liền với bảo vệ thành quả cách mạng, thành quả của sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bảo vệ sự nghiệp đổi mới là bảo vệ những thành tựu về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, khoa học và công nghệ ... Bảo vệ cơ sở hạ tầng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, khoa học - công nghệ của đất nước trên hướng biển.

Những nội dung quản lý, bảo vệ biển, đảo trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, đan xen vào nhau, hình thành một chỉnh thể thống nhất. Các hoạt động kinh tế trên biển, tự nó đã là biểu hiện của quyền làm chủ và bảo vệ lợi ích quốc gia ở trên biển. Đây là biểu hiện làm chủ một cách hòa bình, thường xuyên nhất và hợp pháp nhất của quốc gia. Song, các hoạt động kinh tế chỉ có thể tiến hành được ở những nơi chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia được bảo vệ vững chắc. Tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển lại là điều kiện tiên quyết và tiền đề cần thiết để tiến hành các hoạt động kinh tế trên biển; đồng thời cũng nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân trên hướng biển.

8.2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia

8.2.1. Một số khái niệm

8.2.1.1. Biên giới quốc gia

Biên giới quốc gia là ranh giới phân định lãnh thổ quốc gia này với lãnh thổ quốc gia khác hoặc với các vùng quốc gia có quyền chủ quyền trên biển. Biên giới quốc gia là hàng rào pháp lý được vạch ra theo tâm của trái đất qua các cột mốc quốc gia để giới hạn vùng đất, vùng nước, vùng trời và lòng đất thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia. Biên giới quốc gia có hai đặc trưng cơ bản: biên giới quốc gia là giới hạn lãnh thổ của một quốc gia; biên giới quốc gia xác định chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia đối với lãnh thổ (vùng đất, vùng nước, vùng trời, lòng đất).

8.2.1.2. Biên giới quốc gia Việt Nam

“Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”¹.

Biên giới quốc gia của Việt Nam được xác định bằng hệ thống các mốc quốc giới trên thực địa, được đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ và thể hiện bằng mặt thẳng đứng theo lãnh thổ Việt Nam. Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất.

Biên giới quốc gia trên đất liền là phân định lãnh thổ trên bề mặt đất liền của vùng đất quốc gia. Trong thực tế, biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập dựa vào các yếu tố địa hình (núi, sông, suối, hồ nước, thung lũng...); thiên văn (theo kinh tuyến, vĩ tuyến); hình học (đường lõi liền các điểm quy ước). Biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập trên cơ sở thoả thuận giữa các quốc gia có lãnh thổ tiếp giáp với nhau và được thể hiện bằng các điều ước hoạch định biên giới giữa các quốc gia liên quan. Việt Nam có đường biên giới quốc gia trên đất liền dài 4.550 km tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào và Campuchia ở phía Tây.

Biên giới quốc gia trên biển là phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của lãnh hải. Biên giới quốc gia trên biển của quốc gia quần đảo là đường biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia với biển cả. Đối với các đảo của một quốc gia nằm ngoài phạm vi lãnh hải của quốc gia, biên giới quốc gia trên biển là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải bao quanh đảo.

¹Luật Biên giới quốc gia(2003), Điều 1.

Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam, được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Biên giới quốc gia trên không là biên giới phân định vùng trời giữa các quốc gia liền kề hoặc các vùng trời quốc tế, được xác định bởi mặt thăng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên trên vùng trời. Trong điều kiện khoa học và công nghệ phát triển, việc xác lập biên giới quốc gia trên không có ý nghĩa ngày càng quan trọng trong việc thực hiện chủ quyền đối với vùng trời quốc gia. Đến nay chưa có quốc gia nào quy định độ cao cụ thể của biên giới quốc gia trên không.

Biên giới quốc gia trong lòng đất là phân định lãnh thổ quốc gia trong lòng đất phía dưới vùng đất quốc gia, nội thuỷ và lanh hải, được xác định bởi mặt thăng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. Độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất được xác định bằng độ sâu mà kỹ thuật khoan có thể thực hiện. Đến nay, chưa có quốc gia nào quy định độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất.

Khu vực biên giới là vùng lãnh thổ tiếp giáp biên giới quốc gia có quy chế, quy định đặc biệt do Chính phủ ban hành nhằm bảo vệ an toàn biên giới. Khu vực biên giới Việt Nam bao gồm: Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền; khu vực biên giới quốc gia Việt Nam trên biển được tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo; khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới Việt Nam trở vào.

8.2.2. Quan điểm của Đảng về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia

“Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, của cả hệ thống chính trị và cả nước; dựa vào dân, lấy dân làm gốc, nhân dân làm chủ thể, “mỗi người dân biên giới là một cột mốc sống”; lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt; Bộ đội Biên phòng là lực lượng chuyên trách, lực lượng chiến đấu đầu tiên, bám trụ đến cùng để bảo vệ và giữ vững biên giới quốc gia”¹.

8.2.3. Nguyên tắc xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia

“Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, thường xuyên trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và chỉ huy của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, luật pháp và các điều ước quốc tế về biên giới quốc gia mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập”².

8.2.4. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia

8.2.4.1. Xây dựng công trình biên giới

Công trình biên giới được ưu tiên đầu tư xây dựng theo kế hoạch, bao gồm công trình để cố định đường biên giới và công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. Công trình để cố định đường biên giới quốc gia do các Bộ, ngành,

¹Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 28-9-2018 của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia”.

²Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 28-9-2018 của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia”.

Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập kế hoạch trình Chính phủ quyết định.Công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia do Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch trình Chính phủ quyết định.

8.2.4.2. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới

Việc đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới được thực hiện theo chủ trương, chiến lược và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng giai đoạn để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh.

Hàng năm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới quốc gia trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình lập kế hoạch đầu tư xây dựng thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới trình Chính phủ.

8.2.4.3. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở khu vực biên giới vững mạnh

Hệ thống chính trị cơ sở ở khu vực biên giới phải thường xuyên được củng cố, xây dựng vững mạnh theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; bảo đảm thực hiện tốt các chức năng lãnh đạo, quản lý, xây dựng khu vực biên giới và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

Đội ngũ cán bộ cơ sở ở khu vực biên giới được tuyển chọn, bồi dưỡng đào tạo nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là dân tộc ít người và cán bộ ở miền xuôi lên công tác lâu dài ở khu vực biên giới.

Bộ Nội vụ, Uỷ ban Dân tộc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất kế hoạch xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở từng khu vực biên giới trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

8.2.4.4. Bố trí dân cư ở khu vực biên giới

Bố trí dân cư ở khu vực biên giới được quy hoạch phù hợp với quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, tính chất và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, từng địa phương; huy động, sử dụng lao động hợp lý để tạo ra của cải vật chất, hàng hoá phục vụ tiêu dùng, xuất khẩu và đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới.

Nhà nước có chính sách phù hợp để nhân dân định cư ổn định ở khu vực biên giới; khuyến khích những cán bộ công tác lâu dài, người tình nguyện đến định cư ở khu vực biên giới, đặc biệt là nơi khó khăn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới quốc gia nghiên cứu xây dựng quy hoạch, bố trí dân cư ở khu vực biên giới trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

8.2.4.5. Xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia

Bộ đội Biên phòng được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững mạnh về chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững

pháp luật và công tác đối ngoại nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trong mọi tình huống.

Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và hoạt động của Bộ đội biên phòng. Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng trực tiếp quản lý, chỉ huy, xây dựng Bộ đội biên phòng để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

8.2.4.6. Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới

Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới nhằm bảo đảm sự bất khả xâm phạm biên giới quốc gia, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng.

Biên giới quốc gia, mốc quốc giới, khu vực biên giới được quản lý, bảo vệ theo quy định của Luật Biên giới quốc gia, Nghị định, các nghị định về quy chế khu vực biên giới, quy chế cửa khẩu, Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật khác và Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

8.3. Giải pháp cơ bản trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới

8.3.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia

Tăng cường sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Trung ương Đảng, các cấp ủy đảng địa phương vùng biển, đảo và biên giới và sự quản lý của Nhà nước, của chính quyền địa phương đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới là nhân tố quyết định bảo đảm sự ổn định lâu dài của vùng biển, đảo và biên giới quốc gia.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng về các vấn đề đối nội, đối ngoại, quan hệ biên giới, đàm phán giải quyết các vấn đề về biển, đảo, biên giới, xây dựng khu vực biển giới vững mạnh toàn diện. Các cấp ủy đảng địa phương có biển, đảo, biên giới lãnh đạo, chỉ đạo các vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền địa phương. Tăng cường và nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, kết hợp chặt chẽ thế và lực giữa an ninh trên biển, đảo, biên giới với an ninh quốc gia; giữa an ninh trên biển, đảo, biên giới với quốc phòng; giữa an ninh trên biển, đảo, biên giới với xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường quản lý Nhà nước về biển, đảo, biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, biên giới trong mọi điều kiện hoàn cảnh. Củng cố và phát huy vai trò quản lý thống nhất của Nhà nước đối với biển, đảo, biên giới quốc gia. Đồng thời phân cấp trách nhiệm cho địa phương có biển, đảo, biên giới trong nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ biển, đảo, biên giới, an ninh trật tự trên lãnh thổ của địa phương, phù hợp với các hiệp định, hiệp ước về biển giới, lãnh thổ.

8.3.2. Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia cho mọi đối tượng

Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nhân dân về chủ quyền biển, đảo, biên giới là biện pháp quan trọng làm cho quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với mọi người dân, biến những

quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước thành sức mạnh hành động của cả dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi nhân dân được giác ngộ, nhất là thế hệ trẻ thấu suốt mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ biển, đảo, biên giới; ý thức về biển, đảo, biên giới của cả dân tộc được thức tỉnh sẽ tạo thành sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho nhân dân, trước hết cần làm cho mọi người dân nhận rõ về tình hình phức tạp trên Biển Đông hiện nay và những năm tới. Tuyên truyền về quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước trong giải quyết vấn đề biển, đảo, biên giới cũng như chủ trương tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế gắn với nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo, biên giới. Giáo dục nâng cao trách nhiệm của người dân trong khai thác biển, đảo làm giàu cho quê hương, đất nước, đồng thời góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới của Tổ quốc.

8.3.3. *Tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia*

Để đáp ứng yêu cầu bảo vệ biển, đảo, biên giới của Tổ quốc phải bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh. Thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang từng bước được trang bị hiện đại, trước hết là cho lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển, Không quân, Bộ đội Biên phòng, lực lượng an ninh, tình báo.

Đối với quân đội, tăng cường sức mạnh chiến đấu trên biển, trước hết tăng cường sức mạnh chiến đấu của Hải quân, Không quân, Cảnh sát biển và những đơn vị binh chủng hợp thành thuộc các quân khu, quân đoàn ở vùng ven biển, hải đảo và quần đảo.

8.3.4. *Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố bảo an ninh, quốc phòng trên biển, đảo, biên giới quốc gia.*

Phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc bảo đảm an ninh, quốc phòng trên biển, đảo, biên giới quốc là yêu cầu chiến lược để phát triển kinh tế gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển giới, biển, đảo của đất nước trong tình hình hiện nay. Đây là hai nội dung có quan hệ biện chứng, thực hiện tốt nội dung này là yêu cầu, điều kiện để thực hiện tốt nội dung kia.

Thực hiện thắng lợi Chiến lược biển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 sẽ tạo ra nền tảng vật chất không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, chăm lo phát triển vùng ven biển, hải đảo, biên giới bảo đảm công bằng xã hội nhằm giữ yên lòng dân, củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế phát triển, xã hội ổn định thì sức mạnh quốc phòng, an ninh được tăng cường. Đất nước có điều kiện đầu tư cho lực lượng vũ trang những trang bị kỹ thuật hiện đại, nhất là lực lượng Hải quân, Phòng không – không quân, Bộ đội Biên phòng là những quân chủng sử dụng nhiều vũ khí trang bị kỹ thuật cao trong tác chiến. Kinh tế xã hội vùng ven biển, hải đảo, biên giới phát triển là nguồn lực bảo đảm vững chắc cho lực lượng vũ trang trên hướng biển và biên giới về mọi mặt, không chỉ về cơ sở vật chất hậu cần kỹ thuật, lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược, mà còn cung cấp cho lực lượng vũ trang những con người toàn diện, có phẩm chất chính trị, đạo đức và trình độ năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo, biên giới của Tổ quốc.

8.3.5. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh đối với các vi phạm chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia của Việt Nam

“Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”¹, Kiên quyết, kiên trì là phương châm bảo vệ Tổ quốc, là nguyên tắc chỉ đạo hành động trong bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội của các cấp, các ngành, các địa phương trong cả nước khi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại... kiên quyết nhưng phải kiên trì; kiên quyết và kiên trì có quan hệ chặt chẽ với nhau trong giải quyết mọi sự việc về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Kiên quyết là ý chí của toàn dân tộc quyết tâm bảo vệ từng tấc đất, vùng biển, vùng trời thiêng liêng của Tổ quốc. Thể hiện sự “bất khả xâm phạm” toàn vẹn lãnh thổ về địa lý, lịch sử, văn hóa và chế độ xã hội chủ nghĩa, đồng thời “cảnh báo”, “răn đe”, và ngăn chặn những âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Kiên trì dựa vào sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc, luật pháp quốc tế để đấu tranh bảo vệ chủ quyền của đất nước thông qua các biện pháp ngoại giao. Kiên trì về thời gian trong đấu tranh với đối phương, không vì thời gian kéo dài mà “nóng vội” chấp nhận những điều làm phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Kiên trì tuyên truyền, giáo dục, cải tạo những người đã sai phạm trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hay làm đường, lạc lối trở thành tội phạm hoặc tệ nạn xã hội để giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đòi hỏi phải: Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại, trong từng chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo. Khắc phục triệt để những sơ hở, thiếu sót trong việc kết hợp kinh tế và quốc phòng, an ninh tại các địa bàn nhất là địa bàn chiến lược.

8.3.6. Mở rộng liên kết, hợp tác quốc tế trên cơ sở tuân thủ nghiêm chỉnh luật pháp, các quy định, điều ước của quốc tế và Việt Nam nhằm xây dựng, bảo vệ vững chắc biển, đảo, biên giới quốc gia

Trước những diễn biến phức tạp trên Biển Đông thời gian vừa qua, hoạt động đối ngoại có vai trò hết sức quan trọng, góp phần to lớn bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia, giữ vững hòa bình và ổn định trên biển và biên giới.

Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định: “Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế”². Đó là sử dụng các biện pháp phi vũ trang để đấu tranh, coi đó là phương thức chủ yếu để bảo vệ Tổ quốc, đồng thời luôn đề cao cảnh giác.

Quán triệt quan điểm của Đảng về đối ngoại trong bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới cần kiên trì chủ trương nhất quán là mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 157.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 157.

quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng, tranh chấp bằng thương lượng hòa bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt, bành trướng.

Hoạt động đối ngoại phục vụ mục tiêu bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới phải ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi nguy cơ phá vỡ hòa bình, ổn định trong khu vực; ngăn chặn và làm thất bại ý đồ, hành động của nước ngoài nhằm biến vùng không tranh chấp thành những khu vực tranh chấp trên vùng biển và thềm lục địa của nước ta.

Tích cực tuyên truyền đối ngoại bằng các hình thức đa dạng, phong phú làm cho thế giới ngày càng hiểu rõ hơn về lịch sử, đất nước, con người Việt Nam, về đường lối đối ngoại và cơ sở pháp lý, lịch sử của Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển, đảo, biên giới.

Tăng cường hợp tác quốc tế và hoạt động đối ngoại với các nước có chung biên giới và các nước ASEAN để củng cố phát triển quan hệ láng giềng hữu nghị, thực hiện chính sách mở cửa, hợp tác hữu nghị, mở rộng hợp tác đa phương, giao lưu hợp tác biên giới, hợp tác liên doanh, phát triển kinh tế biển, kinh tế biên giới trên các lĩnh vực dầu khí, hải sản, khoáng sản, lâm sản, du lịch, bảo vệ môi trường, kết hợp với hoạt động ngoại giao, quốc phòng.

Trên từng tuyến biên giới cần chú trọng vận dụng các hình thức, nội dung phù hợp. Đối với tuyến biên giới phía Bắc, cần giữ vững ổn định, thực hiện phương châm “vừa hợp tác vừa đấu tranh” để giữ vững chủ quyền biên giới, bảo vệ chủ quyền đi đôi với tăng cường quan hệ hữu nghị, thực hiện phương châm “mềm mà chặt”. Trong phát triển kinh tế cần chú ý khai thác lợi thế của ta đối với thị trường Trung Quốc. Đối với các tuyến biên giới phía Tây và Tây Nam, cần giữ vững ổn định đẩy mạnh hợp tác với Lào. Tập trung phát triển kinh tế, quan hệ buôn bán bảo đảm hàng hóa Việt Nam chiếm ưu thế thị trường Lào và Campuchia. Đối với vùng biển, đảo tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở đánh bắt, chế biến, hoạt động xa bờ, kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Đầu tư xây dựng các đảo, quần đảo có dân sinh sống và các lực lượng phòng thủ thành cơ sở kinh tế quốc phòng vững mạnh, tăng cường sức mạnh kinh tế và phòng thủ từ xa. Đối với các nước ASEAN, có chính sách ưu đãi để thu hút các công ty đa quốc gia vào làm ăn với Việt Nam, nhất là các dự án trên biển, thông qua lợi ích kinh tế để ràng buộc họ với ta, tạo đối trọng trong quan hệ đối tác, quan hệ khu vực và quốc tế.

Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới của Tổ quốc hiện nay đang đứng trước những khó khăn, thách thức to lớn. Song, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta luôn chung sức, đồng lòng, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp, quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Nâng cao tinh thần cảnh giác, theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình mọi mặt của thế giới, khu vực, trên Biển Đông, trong nước. Dự báo chính xác tình huống, chuẩn bị đầy đủ cả thể và lực để ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Mục tiêu, phương châm, phương thức xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam ?
2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam ?
3. Nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển giới quốc gia Việt Nam ?
4. Các giải pháp cơ bản xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia Việt Nam ?

Chương 9

XÂY DỰNG LỰC LUỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LUỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN QUỐC PHÒNG

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Học xong bài học, người học nắm được những nội dung cơ bản về xây dựng Lực lượng Dân quân tự vệ, Lực lượng Dự bị động viên và động viên quốc phòng trong tình hình hiện nay.

Về kỹ năng: Giúp cho người học hình thành phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn để góp phần xây dựng Lực lượng Dân quân tự vệ, Lực lượng Dự bị động viên và động viên quốc phòng trong tình hình hiện nay.

Về thái độ: Bồi dưỡng, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm cho học sinh, sinh viên trong công tác xây dựng Lực lượng Dân quân tự vệ, Lực lượng Dự bị động viên và động viên quốc phòng trên các cương vị sau này.

B. NỘI DUNG

Xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ, Lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng nhằm góp phần xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc. Là nội dung quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc nhằm xây dựng và chuẩn bị sẵn về mọi nguồn lực, khả năng của đất nước để thực hiện phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm từ xa, thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế và đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời

kỳ mới. Trong bối cảnh hiện nay, công cuộc bảo vệ Tổ quốc đang đặt ra nhiều khó khăn, thách thức to lớn. Công cuộc đó đòi hỏi công tác quốc phòng, an ninh phải chuẩn bị đầy đủ về lực lượng, vật chất, vũ khí, trang bị, phương tiện và kế hoạch phương án để tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu trong thời bình và thời chiến. Do đó, làm tốt công tác xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ, Lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, mọi cấp, mọi ngành và các tầng lớp nhân dân nhằm góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bất kỳ hoàn cảnh nào, kỳ tình huống nào.

9.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

9.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

9.1.1.1. Khái niệm

“Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác; là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của Nhà nước ở địa phương, cơ sở; sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm”.¹ Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Thành phần: dân quân và tự vệ, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, ở cơ quan gọi là tự vệ.

- Tính chất: lực lượng bán vũ trang, gắn liền với sản xuất và công tác ở cơ sở.

- Chức năng - nhiệm vụ: bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của Nhà nước ở địa phương, cơ sở. Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

9.1.1.2. Vị trí vai trò

Đánh giá về vai trò dân quân tự vệ, trong thư khen ngợi dân quân tự vệ và du kích toàn quốc ngày 27-5-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Dân quân tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ thù nào dù hung bạo đến đâu hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã”. Trong công cuộc cách mạng hiện nay, Dân quân tự vệ là một lực lượng chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời bình, dân quân tự vệ là lực lượng trực tiếp xây dựng, phát triển kinh tế ở địa phương và trên cả nước, trực tiếp xây dựng các cơ quan, tổ chức vững mạnh. Là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước ở cơ sở. Là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, phối hợp với các lực lượng khác đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, phòng chống các tệ nạn xã hội, tội phạm, thiên tai, địch họa.

Trong thời chiến, dân quân tự vệ làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, chiến

¹Luật Quốc phòng (2018), Điều 27, khoản 1.

đấu, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng, phương tiện của địch, căng kéo, kìm chân, buộc địch phải sa lầy tại địa phương. Vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, các thủ đoạn chiến đấu, tạo thế, tạo lực cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương chiến đấu, tham gia phục vụ chiến đấu giữ vững thế trận chiến tranh nhân dân.

9.1.1.3. *Nhiệm vụ*

- Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan, tổ chức.

- Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập.

- Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã hội.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

9.1.2. *Nội dung xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ*

9.1.2.1. *Xây dựng Lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển*

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, xác định: “Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển”¹.

Vững mạnh. Xây dựng dân quân tự vệ có chất lượng cao trên mọi mặt, cả về chính trị tư tưởng, tổ chức, trình độ chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ, biên chế trang bị hợp lí, thống nhất, có kỉ luật nghiêm, cơ động nhanh sẵn sàng chiến đấu tốt. Tuyển chọn đưa vào đội ngũ dân quân tự vệ những công dân có lí lịch rõ ràng, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chấp hành đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các quy định ở địa phương, có sức khoẻ phù hợp. Mỗi tổ chức dân quân tự vệ phải luôn vững vàng, sẵn sàng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng ở hầu hết các làng, bản, xóm, ấp, xã, phường, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế của Việt Nam trên các vùng, miền, trên biển. Ở đâu có tổ chức Đảng, chính quyền và có dân, đều phải tổ chức dân quân tự vệ, kể cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

9.1.2.2. *Tổ chức, biên chế, trang bị vũ khí của lực lượng Dân quân tự vệ*

¹ Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, tập I, tr. 158.

Tổ chức, biên chế, vũ khí, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn với địa bàn và nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, tổ chức; thuận tiện cho lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, cơ quan, tổ chức. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quy mô, tổ chức, biên chế đơn vị Dân quân tự vệ; quyết định cấp xã trọng điểm về quốc phòng.

- Về tổ chức

Thành phần. Dân quân tự vệ tại được tổ chức bao gồm: Dân quân tự vệ tại chỗ là lực lượng làm nhiệm vụ ở thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu và ở cơ quan, tổ chức; Dân quân tự vệ cơ động là lực lượng làm nhiệm vụ trên các địa bàn theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Dân quân thường trực là lực lượng làm nhiệm vụ tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng; Dân quân tự vệ biển là lực lượng làm nhiệm vụ trên các hải đảo, vùng biển Việt Nam; Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế là lực lượng làm nhiệm vụ về phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế.

Quy mô. Thôn tổ chức tổ, tiểu đội hoặc trung đội dân quân tại chỗ. Cấp xã tổ chức trung đội dân quân cơ động. Cấp xã ven biển, đảo tổ chức trung đội dân quân cơ động và tiểu đội hoặc trung đội dân quân biển. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp xã tổ chức khẩu đội cối, tổ hoặc tiểu đội dân quân trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; cấp xã trọng điểm về quốc phòng tổ chức tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực. Cơ quan, tổ chức tổ chức tiểu đội, trung đội, đại đội hoặc tiểu đoàn tự vệ. Cơ quan, tổ chức có phuơng tiện hoạt động trên biển tổ chức tiểu đội, trung đội, hải đội hoặc hải đoàn tự vệ. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp huyện tổ chức trung đội hoặc đại đội Dân quân tự vệ cơ động, trung đội Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực; cấp tỉnh tổ chức đại đội Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh; cấp tỉnh ven biển tổ chức hải đội dân quân thường trực.

Hệ thống chỉ huy. Dân quân tự vệ được chỉ huy thống nhất từ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam; Tư lệnh quân khu, Tư lệnh quân chủng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Cảnh sát biển, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh binh chủng, Tư lệnh binh đoàn; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện; Người đứng đầu doanh nghiệp quân đội có tổ chức tự vệ; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Tiểu đoàn trưởng, Hải đoàn trưởng, Đại đội trưởng, Hải đội trưởng, Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Thuyền trưởng, Khẩu đội trưởng đơn vị Dân quân tự vệ đến Thôn đội trưởng.

Mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ. Thực hiện mở rộng lực lượng dân quân tự vệ trong trường hợp khi thực hiện lệnh động viên cục bộ, tổng động viên; khi ban bố tình trạng khẩn cấp do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm hoặc tình hình đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Về biên chế

Biên chế Dân quân tự vệ được thống nhất trong toàn quốc. Số lượng cán bộ, chiến sĩ từng đơn vị do Bộ quốc phòng quy định.

Ban chỉ huy quân sự cấp xã: chỉ huy trưởng là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan dự bị. Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh được gọi vào

phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; chính trị viên do Bí thư cấp ủy cấp xã đảm nhiệm; chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã đảm nhiệm; phó Chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; chính trị viên là Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp ủy cùng cấp; phó Chỉ huy trưởng; chính trị viên phó.

- *Về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cho Dân quân tự vệ*

Dân quân tự vệ được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

9.1.2.3. Huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chương trình, nội dung, danh mục vật chất cho huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ.

Trong thời bình, thời gian huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật hằng năm được quy định như sau: Dân quân tự vệ năm thứ nhất là 15 ngày, trừ dân quân thường trực; Dân quân tự vệ từ năm thứ hai trở đi là 12 ngày đối với Dân quân tự vệ cơ động, Dân quân tự vệ biển, Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; 07 ngày đối với Dân quân tự vệ tại chỗ; Dân quân thường trực là 60 ngày.

Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh, Dân quân tự vệ được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tình hình của địa phương, cơ quan, tổ chức.

9.1.2.4. Một số biện pháp cơ bản xây dựng dân quân tự vệ

- Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân quân tự vệ.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ.

Dân quân tự vệ là lực lượng chiến đấu tại chỗ ở địa phương, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân ở cơ sở, là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

9.2.1. Khái niệm, vị trí vai trò, nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên

9.2.1.1. Khái niệm

“Lực lượng dự bị động viên bao gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được đăng ký, quản lý và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Mục đích: bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân Việt Nam.
- Thành phần: gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị.
- Nội dung công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên: đăng ký, quản lý, sắp xếp đủ quân số và phương tiện theo kế hoạch; giáo dục, huấn luyện, diễn tập, kiểm tra dự bị động viên.

9.2.1.2. Vị trí, vai trò của công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

- Vị trí của công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

Công tác xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên giữ vị trí rất quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; là một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, bảo đảm nhân lực, vật lực để bổ sung và mở rộng lực lượng thường trực của Quân đội khi chuyển đất nước sang trạng thái chiến tranh.

- Vai trò của công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

Trong thời bình, xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân và thế trận chiến tranh nhân dân làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu trên các địa bàn trong khu vực phòng thủ, bảo đảm sự vững chắc của thế trận quốc phòng ở địa phương, cơ sở. Phối hợp chặt chẽ với dân quân tự vệ, công an và các lực lượng trên địa bàn để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

Khi chiến tranh xảy ra, xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu để bổ sung nhanh chóng, tăng cường sức mạnh chiến đấu cho Lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên là biểu hiện quan trọng nhất về sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng, giảm lực lượng thường trực của Quân đội trong thời bình nhưng vẫn duy trì được sức mạnh quân sự của Nhà nước.

9.2.1.3. Nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ và sự chỉ huy, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có trình độ chiến đấu cao và được quản lý chặt chẽ.

¹Luật dự bị động viên (2019), Điều 2, khoản 1.

- Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân.
- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.
- Xây dựng, huy động đơn vị dự bị động viên bảo đảm đủ quân số, phương tiện kỹ thuật dự bị; đúng tiêu chuẩn, thời gian; bảo đảm bí mật, an toàn theo quy định của pháp luật và kế hoạch được phê duyệt.
- Ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

9.2.2. Nội dung xây dựng Lực lượng dự bị động viên

9.2.2.1. Đăng ký, quản lý Lực lượng dự bị động viên

- Đăng ký, quản lý quân nhân dự bị

Yêu cầu. Đăng ký, quản lý phải chính xác theo chuyên môn nghiệp vụ quân sự, độ tuổi, loại sức khỏe, hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hóa, trình độ nhận thức về chính trị, trình độ chuyên môn kỹ thuật và nghiệp vụ vv. Trình tự và thủ tục đăng ký, quản lý quân nhân dự bị thực hiện theo qui định của pháp luật.

Đăng ký quân nhân dự bị. Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân cư trú tại địa phương. Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị tại nơi cư trú.

Quản lý quân nhân dự bị. Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện quản lý quân nhân dự bị cư trú tại địa phương. Ban chỉ huy quân sự cấp huyện phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức trên địa bàn.

- Đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị

+ Yêu cầu đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị.

Phải đăng ký, quản lý chính xác thường xuyên cả số lượng, chất lượng, tình trạng kỹ thuật, phân loại từng phương tiện kỹ thuật để xếp vào kế hoạch. Phải luôn theo dõi những thay đổi của từng phương tiện kỹ thuật để kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp. Chế độ đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thực hiện theo qui định của pháp luật.

+ Trách nhiệm đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị.

Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện hàng không dân dụng, phương tiện hàng hải, phương tiện thủy nội địa của Bộ Giao thông vận tải và cơ quan đăng ký tàu công vụ thủy sản, tàu kiểm ngư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm định kỳ hàng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho Bộ Quốc phòng để đăng ký, quản lý.

Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cơ quan quản lý phương tiện thông tin liên lạc, thiết bị vật tư y tế ở địa phương có trách nhiệm định kỳ hàng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của chủ phương tiện để đăng ký, quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức định kỳ hàng năm báo cáo, cung cấp thông tin về phương tiện kỹ thuật dự bị không thuộc trách nhiệm đăng ký quản lý của các bộ và địa phương như trên cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của chủ phương tiện hoặc nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở để đăng ký, quản lý.

9.2.2.2. Tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên

Tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên là việc tổ chức sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị thành từng đơn vị dự bị động viên theo kế hoạch để quản lí, huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu của Lực lượng dự bị động viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị, đã được lựa chọn và sắp xếp trong kế hoạch sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội được tổ chức thành các đơn vị dự bị động viên. Lực lượng dự bị động viên được tổ chức theo biên chế thống nhất của Quân đội với thành phần tương ứng với lực lượng thường trực của các quân chủng, binh chủng thuộc lực lượng bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương. Đơn vị dự bị động viên phải duy trì đủ quân số quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, có số lượng dự phòng từ 10% đến 15% và dự trữ vũ khí, trang bị kỹ thuật theo phân cấp. Tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên theo các loại hình gồm: đơn vị biên chế thiểu, đơn vị biên chế khung thường trực, đơn vị không có khung thường trực, đơn vị biên chế đủ, đơn vị chuyên môn thời chiến và đơn vị xây dựng mới.

9.2.2.3. Sắp xếp lực lượng dự bị động viên vào các đơn vị dự bị động viên

- Đối với quân nhân dự bị

Sắp xếp quân nhân dự bị đủ tiêu chuẩn về sức khỏe, có chuyên nghiệp quân sự đúng với chức danh biên chế; gắn địa bàn tuyển quân với địa bàn động viên; trường hợp thiểu thì sắp xếp quân nhân dự bị có chuyên nghiệp quân sự gần đúng với chức danh biên chế. Sắp xếp quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được thực hiện theo thứ tự quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hạng một trước, trường hợp thiểu thì sắp xếp binh sĩ dự bị hạng hai. Sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên thuộc đơn vị bộ đội chủ lực trước, đơn vị bộ đội địa phương sau.

Độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên trong thời bình. Độ tuổi sĩ quan dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Độ tuổi quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được quy định như sau: sắp xếp vào đơn vị chiến đấu đối với nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị không quá 40 tuổi, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 35 tuổi. Sắp xếp vào đơn vị bảo đảm chiến đấu đối với nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 45 tuổi, nữ quân nhân dự bị không quá 40 tuổi.

- Đối với phương tiện kỹ thuật

Phương tiện kỹ thuật dự bị được sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên có tính năng đúng yêu cầu sử dụng trong biên chế của từng đơn vị Quân đội nhân dân. Trường hợp không có thì sắp xếp phương tiện kỹ thuật dự bị có tính năng tương tự.

9.2.2.4. Huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên

- Xác định chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên

Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên hàng năm cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Căn cứ vào Quyết định hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền.

- Huy động quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị phục vụ huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu

Việc gọi quân nhân dự bị huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động có thời hạn phương tiện kỹ thuật dự bị đã xếp trong đơn vị dự bị động viên thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phục vụ huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều động số lượng, thời hạn phương tiện kỹ thuật dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên phục vụ huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc điều động từng phương tiện kỹ thuật dự bị.

- Tổ chức huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên.

Việc huấn luyện đơn vị dự bị động viên thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh thực hiện tại cơ sở huấn luyện dự bị động viên cấp tỉnh. Các đơn vị dự bị động viên khác, thực hiện huấn luyện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Huấn luyện phải toàn diện về các nội dung chính trị, quân sự, chuyên môn nghiệp vụ theo qui định cho từng đối tượng, bảo đảm đúng đủ thời gian. Tiến hành huấn luyện theo phương châm: cơ bản, thiết thực, hiệu quả, chất lượng. Có thể huấn luyện tập trung tại các đơn vị dự bị động viên hoặc phân tán tại các địa phương, cơ sở. Phương pháp huấn luyện phải khoa học, hiệu quả, sát thực tiễn, sát đối tượng.

Điển tập lực lượng dự bị động viên được tiến hành sau mỗi khóa huấn luyện. Diễn tập nhằm rèn luyện, nâng cao trình độ, khả năng tổ chức, chỉ huy, hiệp đồng, phối hợp giữa các lực lượng dự bị động viên. Nâng cao khả năng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dự bị động viên khi có tình huống khẩn cấp xảy ra, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng động viên trong tình hình mới. Tổ chức diễn tập phải được tiến hành theo đúng kế hoạch được phê duyệt. Diễn tập phải bảo đảm an toàn, tiết kiệm, và thực hiện tốt mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

Cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng ở các cấp có trách nhiệm giúp cấp ủy đảng, người chỉ huy kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên thuộc phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn ở cấp của mình theo đúng kế hoạch và quy định.

9.2.3. Một số biện pháp xây dựng Lực lượng dự bị động viên

- Thường xuyên quán triệt, giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về các quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước và về vị trí vai trò, nhiệm vụ, nội dung xây dựng Lực lượng dự bị động viên.
- Thực hiện nghiêm cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện.
- Thường xuyên củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng cơ quan và đội ngũ làm công tác xây dựng Lực lượng dự bị động viên.
- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Lực lượng dự bị động viên.

Xây dựng Lực lượng dự bị động viên là nội dung chiến lược trong công tác quốc phòng của Đảng ta nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Là trách nhiệm, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân, của cả hệ thống chính trị.

9.3. Động viên quốc phòng

9.3.1. Khái niệm

“Động viên quốc phòng là tổng thể các hoạt động và biện pháp huy động mọi nguồn lực của đất nước hoặc một số địa phương phục vụ cho quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Mục đích động viên quốc phòng: huy động mọi nguồn lực của đất nước phục vụ cho quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.
- Phương thức động viên quốc phòng: tổng thể các hoạt động, các biện pháp.
- Nội dung động viên quốc phòng: huy động mọi nguồn lực về con người, tài chính, vật chất của đất nước.

9.3.2. Nguyên tắc động viên quốc phòng.

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước và điều hành thống nhất của Thủ tướng Chính phủ; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tộc
- Cân đối nguồn lực phát triển kinh tế xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, chủ động tổ chức, chuẩn bị chu đáo, toàn diện; phát huy kịp thời, nhanh chóng, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả mọi nguồn lực trong xã hội để bảo đảm cho đất nước trong thời bình, thời chiến.
- Động viên quốc phòng phải đáp ứng nhu cầu bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng và phù hợp với khả năng của các bộ, ngành trung ương, địa phương trong từng giai đoạn; thường xuyên điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình.
- Việc huy động, trưng mua, trưng dụng tài sản của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình bảo đảm cho động viên quốc phòng được thực hiện theo quy định của Luật trưng mua, trưng dụng tài sản.

9.3.3. Nhiệm vụ động viên quốc phòng

¹Luật Quốc phòng (2018), Điều 11, khoản 1.

- Động viên mọi nguồn lực của nền kinh tế quốc dân bảo đảm cho quốc phòng.
- Động viên bảo đảm nhu cầu quốc phòng năm đầu chiến tranh.
- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên; xây dựng và mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ.
- Động viên công nghiệp.
- Chuyển tổ chức, hoạt động của các Bộ, ngành trung ương, địa phương từ thời bình sang thời chiến.
- Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

9.3.4. Biện pháp thực hiện động viên quốc phòng

9.3.4.1. Thi hành lệnh tổng động viên, động viên cục bộ

- Tổng động viên là biện pháp huy động mọi nguồn lực của đất nước để chống chiến tranh xâm lược. Động viên cục bộ là biện pháp huy động mọi nguồn lực của một hoặc một số địa phương trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

- Khi có lệnh động viên cục bộ hoặc lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ quốc phòng ban hành lệnh động viên và lệnh chuyển bô, ngành, địa phương vào các trạng thái quốc phòng, các đơn vị Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ vào các trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

- Bộ, ngành trung ương, địa phương, đơn vị Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ khi nhận được lệnh, quyết định, chỉ thị phải tổ chức thực hiện nhiệm vụ động viên quốc phòng.

9.3.4.2. Truyền lệnh động viên quốc phòng

- Lệnh tổng động viên, lệnh động viên cục bộ của Chủ tịch nước, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, lệnh động viên và lệnh chuyển bô, ngành, địa phương thực hiện và khi kết thúc các trạng thái quốc phòng của Bộ trưởng Bộ quốc phòng được truyền qua hệ thống thông báo, báo động của Bộ quốc phòng.

- Lệnh tổng động viên, lệnh động viên cục bộ của Chủ tịch nước được các phương tiện thông tin đại chúng thông báo.

- Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các cơ quan truyền thanh, truyền hình, thông tấn, báo chí và các cơ quan chức năng khác thuộc quyền thực hiện thông báo lệnh theo quy định.

9.3.4.3. Hoạt động của bộ, ngành trung ương, địa phương trong các trạng thái quốc phòng

- Trạng thái thường xuyên

+ Tổ chức hệ thống trực để nắm tình hình về an ninh quốc gia; xử trí các tình huống theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, báo cáo lãnh đạo và cơ quan cấp trên; bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt.

+ Tổ chức xây dựng kế hoạch, kiểm tra, huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng động viên quốc phòng theo kế hoạch.

+ Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch động viên quốc phòng cho phù hợp với tình hình.

- Trạng thái có tình huống

+ Cả nước hoặc từng khu vực chuẩn bị thi hành lệnh động viên của Chủ tịch nước, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, và lệnh động viên của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

+ Bộ, ngành trung ương, địa phương bổ sung lực lượng, phương tiện để nắm tình hình; phát hiện và xử trí các tình huống theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đồng thời báo cáo lên cấp trên; tăng cường mạng thông tin liên lạc đảm bảo cho chỉ huy, hiệp đồng, thông báo, báo động.

+ Rà soát điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, kiện toàn số lượng, tổ chức, biên chế vũ khí trang bị cho Dân quân tự vệ; tổ chức lực lượng phòng không nhân dân sẵn sàng chiến đấu theo kế hoạch.

+ Chuẩn bị điều kiện để chuyển hoạt động của xã hội, nền kinh tế quốc dân sang bảo đảm cho nhu cầu quốc phòng, nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

+ Chuẩn bị điều kiện để khi có lệnh chuyển vào trạng thái khẩn cấp về quốc phòng, sơ tán, phân tán một số cơ quan, tổ chức, các cơ sở kinh tế then chốt và Nhân dân trong vùng bị uy hiếp ra khu vực an toàn theo kế hoạch.

- *Trạng thái khẩn cấp về quốc phòng*

+ Cả nước hoặc từng khu vực tổ chức thi hành quyết định ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, lệnh động viên cục bộ của Chủ tịch nước, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

+ Thành lập sở chỉ huy để thống nhất chỉ đạo, điều hành chuyển trạng thái quốc phòng và xử trí các tình huống theo kế hoạch.

+ Tiến hành động viên theo kế hoạch; triển khai lực lượng sẵn sàng chiến đấu theo phương án tác chiến; sơ tán, phân tán một số cơ quan, tổ chức, cơ sở kinh tế chủ chốt và Nhân dân nằm trong vùng bị uy hiếp theo kế hoạch.

+ Một bộ phận của nền kinh tế quốc dân chuyển sang bảo đảm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và nhiệm vụ quốc phòng theo kế hoạch; tiếp tục mở rộng, cấp phát vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất hậu cần cho lực lượng dân quân tự vệ; tổ chức thành các lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu theo phương án tác chiến của khu vực phòng thủ.

+ Chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để khi Chủ tịch nước công bố quyết định tình trạng chiến tranh, di chuyển các cơ quan chủ chốt của chính quyền theo phương án tác chiến trong khu vực phòng thủ.

- *Trạng thái thời chiến*

+ Cả nước hoặc từng khu vực tổ chức thực hiện lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng và nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

+ Bộ, ngành trung ương, địa phương tổ chức theo dõi, tổng hợp diễn biến tình hình; xử trí các tình huống để bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; sẵn sàng chiến đấu theo phương án tác chiến.

+ *Thực hiện động viên theo kế hoạch*

+ Di chuyển các cơ quan chủ chốt của chính quyền theo phương án tác chiến của khu vực phòng thủ, tổ chức bộ phận ở lại địa phương để lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng đánh địch bảo vệ địa bàn.

+ Lực lượng dân quân tự vệ sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu theo kế hoạch.

+ Nền kinh tế quốc dân chuyển sang thời chiến, bảo đảm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và đáp ứng các nhu cầu của quốc phòng.

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng nhằm góp phần xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tăng cường lực

lượng, tiềm lực quốc phòng của đất nước. Là nội dung chiến lược trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận thế trận chiến tranh nhân dân đáp ứng với yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Để thực hiện xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh rộng khắp, xây dựng Lực lượng dự bị động viên hùng hậu và làm tốt công tác động viên quốc phòng, đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phải quán triệt nghiêm túc, đầy đủ các quan điểm đường lối của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nguyên tắc, nhiệm vụ, kế hoạch, chỉ tiêu, nội dung, yêu cầu về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và động viên quốc phòng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Vai trò vị trí, nguyên tắc, nhiệm vụ nội dung và biện pháp xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ ?
2. Vai trò vị trí, nguyên tắc xây dựng và huy động, nội dung, biện pháp xây dựng Lực lượng dự bị động viên ?
3. Nguyên tắc, nhiệm vụ, hệ thống và nội dung kế hoạch động viên quốc phòng ?

Chương 10

XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Học xong bài học, người học nắm được những nhận thức, nội dung, phương pháp cơ bản về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Về kỹ năng: Giúp cho người học hình thành phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn để góp phần xây dựng có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương nơi học tập, công tác.

Về tư tưởng: Bồi dưỡng, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm cho học sinh, sinh viên trong việc sẵn sàng tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương.

B. NỘI DUNG

Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu của toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là trách nhiệm của cả Hệ thống chính trị và của toàn thể nhân dân, trong đó lực lượng Công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc chính là hình thức tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân tự giác tham gia bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới nêu rõ: “Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là cơ sở rất quan trọng để xây dựng “thế trận lòng dân”, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”¹.

Để phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng vận động được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia có chiều sâu, hiệu quả, thiết thực đòi hỏi phải không ngừng tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm cho đông đảo quần chúng nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc. Phát huy đầy đủ vai trò của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, nhất là lực lượng Công an nhân dân trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn cho toàn dân thực hiện phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đây là yêu cầu, nội dung có tính chất quyết định để thực hiện thắng lợi cuộc vận động toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay.

10.1. Nhận thức cơ bản về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

10.1.1. Quan điểm về quần chúng Nhân dân và vai trò của quần chúng Nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc

10.1.1.1 Một số quan điểm về quần chúng Nhân dân

Quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo, là nền tảng cho một Đất nước, là gốc rễ của một dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, dưới các góc độ khác nhau, các quan điểm về quần chúng nhân dân có sự khác nhau về chất.

¹ Chỉ thị 09/CT/TW Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới.

- Quan điểm phi Mác về quần chúng nhân dân

Các tư tưởng duy tâm, tôn giáo cho rằng mọi sự thay đổi trong xã hội là do ý chí của đấng tối cao “thượng đế”, “chúa trời”, “mệnh trời”, được cá nhân thực hiện. Triết học duy tâm cho rằng lịch sử nhân loại là lịch sử của các bậc vua chúa, anh hùng hào kiệt, thiên tài lỗi lạc; lịch sử do lực lượng siêu nhiên gọi là “thượng đế”, “chúa trời”, “mệnh trời”, “tinh thần tuyệt đối” sáng tạo, vua là thiên tử, thay trời trị dân, quần chúng nhân dân chỉ là “lực lượng tiêu cực”, là “phiến diện”, là “công cụ” mà các vĩ nhân cần đến để đạt mục đích của mình.

Các chế độ quân chủ từ sản hiện đại nêu vấn đề “Dân chủ”, “Lấy dân làm gốc”, nhưng khác nhau về bản chất. Theo đó, mọi quyền lực, mọi chi phối các hoạt động trong xã hội gần như tuyệt đối tập trung trong tay nhà vua hay nữ hoàng. Quyền lực và ngôi vị được kế thừa theo nguyên tắc cha truyền con nối.

- Quan điểm của cha ông ta về quần chúng nhân dân

Trong suốt chiều dài lịch sử, của cha ông ta từ thời vua Hùng đến Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lê Lợi, Quang Trung,... đều dựa vào dân, khẳng định dân là gốc, quy tụ sức mạnh của toàn dân để dựng nước và giữ nước với những tư tưởng: “Khoan thư sức dân để làm kẽ sâu rẽ bền gốc”, “Chở thuyền và lật thuyền cũng là dân”... Tuy nhiên, những tư tưởng này mới nhìn dân, yêu dân như những đối tượng bị cai trị, chưa thấy hết đầy đủ vai trò của quần chúng nhân dân. Vai trò quyết định thuộc về “đảng minh quân”, do những “ông vua sáng” cai trị, quần chúng nhân dân chỉ là “bầy tôi hiền”, chỉ biết phụng sự mà thôi “quân xử thân tử, thân bất tử bất trung”.

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lenin về quần chúng nhân dân

Lần đầu tiên trong lịch sử, với thế giới quan và phương pháp luận cách mạng, khoa học, chủ nghĩa Mác – Lênin đã luận giải đúng đắn về quần chúng Nhân dân và vai trò của quần chúng Nhân dân. Quần chúng nhân dân là đông đảo những người lao động bao gồm các tầng lớp, giai cấp mà hoạt động của họ sẽ làm biến đổi lịch sử. Họ là những người lao động sản xuất cải biến xã hội trong các hình thái kinh tế xã hội có giai cấp đối kháng, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng: “Hoạt động lịch sử càng lớn lao thì do đó, quần chúng, mà hoạt động lịch sử đó là sự nghiệp của mình, cũng sẽ lớn lên theo”¹, “Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiền phong của mình tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”². Chủ nghĩa Mác-Lênin đã phát hiện và khẳng định vai trò của quần chúng Nhân dân là người quyết định sự phát triển của xã hội, chính Nhân dân lao động là người làm nên lịch sử. Đây là một chuyển biến cách mạng trong nhận thức về lịch sử, là cơ sở lý luận khoa học để các chính Đảng của giai cấp vô sản xây dựng, chuẩn bị lực lượng tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Quần chúng nhân dân là một phạm trù lịch sử, vận động biến đổi theo sự phát triển của lịch sử xã hội. Quần chúng nhân dân là bộ phận có cùng chung lợi ích căn bản, bao gồm những thành phần, những tầng lớp và những giai cấp, liên kết lại thành tập thể dưới sự lãnh đạo của một cá nhân, tổ chức hay đảng phái nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của một thời đại nhất định. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau: Quần chúng nhân dân là những người lao động sản xuất ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần, đóng vai trò là hạt nhân cơ bản của quần

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t. 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 123.

² V.I.Lênin, *Toàn tập*, t. 39, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1979, tr. 251.

chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân là những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị áp bức, bóc lột, đối kháng với nhân dân. Quần chúng nhân dân là những giai cấp, những tầng lớp xã hội thúc đẩy xã hội phát triển thông qua hoạt động của mình. Quần chúng nhân dân là đối tượng bị lãnh đạo bởi một cá nhân, tổ chức hay đảng phái.

Quần chúng nhân dân không cố định mà thay đổi theo sự phát triển của xã hội. Quần chúng nhân dân có khi dùng để chỉ dân, người dân hay nhân dân. Các khái niệm đó có thể được dùng thay thế cho nhau.

- Quan điểm Hồ Chí Minh và Đảng ta về quần chúng nhân dân

Ké thừa tư tưởng của ông cha ta và chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng Nhân dân, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng luôn nêu cao tư tưởng cách mạng là của dân, do dân và vì dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi nhân dân là cội rễ của quyền lực “Gốc có vững, cây mới bền/Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”¹. Không chỉ dừng lại ở tư tưởng “thân dân”, Hồ Chí Minh còn cho rằng nhân dân là chủ nhân của đất nước “Trong bầu trời, không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của dân”², “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Trong tác phẩm Dân vận, Người viết: “Nước ta là một nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ trung ương đến xã đều do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”³.

Đảng Cộng Sản Việt Nam do chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng. Từ khi ra đời đến nay, Đảng luôn luôn khẳng định và phát huy đúng đắn, đầy đủ vai trò cách mạng của quần chúng nhân dân. Đảng ta luôn quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, luôn phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trên mọi lĩnh vực. Dưới ngọn cờ của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhân dân ta đã đồng lòng hợp sức làm nên nhiều chiến công vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

10.1.1.2. Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc

Công cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh Tổ quốc diễn ra trên mọi lĩnh vực, mọi địa bàn, cả trong và ngoài nước. Là cuộc chiến đấu thường xuyên, liên tục, gay go, quyết liệt, phức tạp và lâu dài, khó khăn. Bọn gián điệp, phản động và các loại tội phạm sử dụng mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để chống phá an ninh Tổ quốc và để che giấu hoạt động của mình. Chúng luôn tìm cách trà trộn trong Quần chúng nhân dân, lợi dụng, lôi kéo, mê hoặc kẻ cả không ché Quần chúng nhân dân để đạt được mục đích của mình.

Đánh giá về vai trò của Quần chúng nhân dân đối với công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “...phải dựa vào dân, không được xa rời dân. Nếu không thế thì sẽ thất bại. Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn”⁴. Trong

¹ Vũ Kỳ, Bác Hồ viết Di chúc, Nxb Sự thật, Hà Nội 1989, tr. 7.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 276.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 698.

⁴ Hồ Chí Minh (1951), *Bài huấn thị với học viên lớp Trung cấp khoá 2, Trường Công an Trung cấp*, năm 1951.

bảo vệ an ninh Tổ quốc, khi nào ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của Quân chủng nhân dân được xây dựng và phát huy thì Quân chủng nhân dân có những vai trò sau.

- Quân chủng nhân dân là lực lượng quyết định sự thành công trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Quân chủng nhân dân có khả năng phát hiện, quản lý, giáo dục, cải tạo, đấu tranh các loại tội phạm để thu hẹp dần đối tượng phạm tội.

- Quân chủng nhân dân có khả năng phát hiện, khắc phục dần những nguyên nhân, sơ hở, thiếu sót mà địch và bọn tội phạm có thể lợi dụng.

10.1.2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

10.1.2.1. Khái niệm phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Mục đích: bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân.

- Biện pháp: phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm.

- Lực lượng: đông đảo nhân dân, Công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt.

- Hình thức: hoạt động tự giác, có tổ chức.

10.1.2.2. Vị trí, tác dụng, của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta tiến hành nhiều cuộc vận động quần chúng khác nhau để tiến hành giải quyết những nhiệm vụ khác nhau. Trong đó có cuộc vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Giữa các phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có mối quan hệ khăng khít, tác động hỗ trợ lẫn nhau; các phong trào hành động cách mạng khác nhau của nhân dân giải quyết nhiệm vụ phát triển kinh tế văn hóa xã hội là nền tảng vững chắc để phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động và duy trì thường xuyên, mạnh mẽ. Ngược lại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được nâng cao góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh kịp thời với bọn tội phạm, ổn định được tình hình an ninh trật tự, là điều kiện thuận lợi để phát triển phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân đạt kết quả tốt.

- Vị trí của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Trước đây cũng như trong giai đoạn cách mạng hiện nay, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc giữ vai trò quan trọng không thể thiếu được đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng nói chung và sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự nói riêng. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí chiến lược, là một trong những biện pháp công tác cơ bản của lực lượng Công an nhân dân, là nền tảng cơ bản trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Nhân dân lao động có khả năng to lớn, là người làm nên lịch sử. Từ trước đến nay Đảng ta luôn luôn khẳng định: Cách mạng là sự nghiệp của toàn dân, đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội cũng là sự nghiệp của toàn dân. Mọi vấn đề an ninh trật tự xảy ra khi giải quyết đều phải dựa vào nhân dân. Để tập hợp, tổ chức, huy động toàn dân tham gia Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, Thủ

tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định lấy ngày 19 tháng 8 hằng năm là "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" gắn với phong trào thi đua "vì an ninh Tổ quốc".

Thực tiễn cho thấy phong trào hành động cách mạng của nhân dân như phong trào "Ba không", "Ngũ gia liên bảo", "Thập gia liên bảo" trong thời kì chống Pháp; phong trào "Bảo vệ trị an", "Bảo mật phòng gian" trong những năm chống Mỹ cứu nước và hiện nay là phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã thực sự góp phần quan trọng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức vận động nhân dân ở mức độ cao, đã trở thành ý thức tự giác cao độ của đông đảo quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự tổ chức vận động hướng dẫn nghiệp vụ của lực lượng công an nhân dân.

- Tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Đối với công tác công an, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có tác dụng trực tiếp trong phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, ngăn ngừa làm giảm tai nạn, đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội và các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc còn giúp lực lượng công an có điều kiện để triển khai sâu rộng các mặt công tác nghiệp vụ. Những tin tức tài liệu đa dạng, phong phú thu được từ quần chúng nhân dân cung cấp là cơ sở để lực lượng công an nhân dân đấu tranh, trấn áp bọn tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là động lực quan trọng để nâng cao ý thức tự giác của hàng chục triệu người tham gia vào công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc ở từng đường phố, từng thôn, xóm, phường, xã, cơ quan, xí nghiệp tạo thành thế chủ động trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh trấn áp tội phạm tạo thành một thế trận an toàn về an ninh trật tự.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức cơ bản để tập hợp thu hút đông đảo quần chúng phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thực chất là hình thức hoạt động có tổ chức, do đông đảo quần chúng nhân dân lao động tham gia; là điều kiện cơ bản để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự. Sức mạnh, khả năng sáng tạo của quần chúng nhân dân là hết sức to lớn, song sức mạnh và khả năng đó chỉ được phát huy khi quần chúng nhân dân được tổ chức thành phong trào hành động cách mạng cụ thể. Chính bằng phong trào và thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, quần chúng nhân dân mới có điều kiện tham gia vào công việc xây dựng, quản lý nền an ninh trật tự nhiều hơn, tốt hơn và trực tiếp hơn. Vì vậy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức cơ bản để tập hợp, thu hút đông đảo nhân dân, phát huy quyền làm chủ của họ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự.

10.1.2.3. Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

- Đối tượng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc mang tính xã hội sâu sắc, bởi đối tượng vận động tham gia là tất cả mọi tầng lớp Nhân dân trong xã hội. Với trình độ hiểu biết về đường lối, chính sách, pháp luật, kiến thức xã hội, đặc điểm tâm lý, lối sống sinh hoạt của từng tầng lớp nhân dân khác nhau, có tác động và ảnh hưởng lớn đến phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc của từng địa phương.

- Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở các địa bàn, lĩnh vực khác nhau có sự khác nhau

Mỗi địa phương khác nhau, có những đặc điểm về vị trí địa lý, phong tục tập quán, điều kiện hoàn cảnh kinh tế - xã hội, dân trí và tình hình hoạt động của bọn tội phạm khác nhau. Do vậy, cách thức tổ chức vận động Nhân dân, nội dung phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cũng có những điểm khác nhau để phù hợp tình hình mỗi nơi, mỗi địa điểm. Khi xây dựng kế hoạch thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phải có sự khác nhau và phù hợp với từng địa bàn nông thôn, thành phố, thị xã, miền núi, miền biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào theo tôn giáo.

- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng và Nhà nước, gắn liền với việc thực hiện các chính sách của địa phương

Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có liên quan đến việc thực hiện các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, như: Chính sách dân vận, chính sách xoá đói giảm nghèo, chính sách với người có công với cách mạng, và các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, vận động nhân dân tham gia có hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng gia đình văn hóa. Vì vậy, quá trình tổ chức vận động phải chú trọng gắn nghĩa vụ và quyền lợi, ý thức tự giác với trách nhiệm của người dân, tạo mọi điều kiện để nâng cao đời sống tinh thần của họ. Thường xuyên trang bị kiến thức về chính trị, pháp luật nhằm nâng cao cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn hoạt động của tội phạm cho quần chúng nhân dân.

10.2. Nội dung, biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

10.2.1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Để góp phần phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, chủ động khắc phục, đẩy lùi nguy cơ, đấu tranh làm thất bại hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, trong giai đoạn hiện nay công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cần tập trung vào những nội dung cơ bản sau đây.

10.2.1.1. Giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần cảnh giác cách mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân tham gia phòng ngừa, đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ hội nhập ngày càng sâu rộng với quốc tế, đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển đất nước. Công cuộc bảo vệ Tổ quốc nói chung, sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc nói riêng đang đặt ra nhiều khó khăn, thách thức to lớn. Sự chống phá của các thế lực thù địch, các đối tượng gián điệp, phản động và các loại tội phạm với phương châm ngày càng toàn diện quyết liệt, đến cùng; với phương thức ngày càng tinh vi, xảo quyệt, thâm độc; với đối tượng ngày càng đa dạng. Do đó, thực hiện Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cần thường xuyên giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần cảnh giác cách mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân tham gia phòng ngừa, đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch. Đây là nội dung quan trọng hàng đầu, là cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động của Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Nội dung cần tập trung giáo dục về chống chiến tranh tâm lí phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch; bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh xã hội, bảo vệ bí mật quốc gia;

chống địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo, lợi dụng dân chủ, nhân quyền để gây mất ổn định chính trị; giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân, ổn định chính trị, bảo vệ nội bộ, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

10.2.1.2. Tổ chức, hướng dẫn quần chúng tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn tội phạm, tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là phong trào tự giác, có tổ chức của đông đảo quần chúng Nhân dân trong tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đây là phong trào có kế hoạch được xác định rõ về mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp, đối tượng, lực lượng cụ thể. Phong trào được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp, với sự tổ chức, hướng dẫn của lực lượng chuyên trách là Công an nhân dân. Vì vậy, hiệu quả của Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phụ thuộc có tính quyết định vào việc tổ chức, hướng dẫn quần chúng tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn tội phạm, tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của lực lượng Công an nhân dân, nhất là lực lượng Công an ở cơ sở.

Để hoạt động tổ chức, hướng dẫn quần chúng tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn tội phạm, tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm có hiệu quả, đòi hỏi phải được tiến hành bằng những biện pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng Quần chúng nhân dân, với phong tục tập quán, văn hóa ở các vùng miền và đặc điểm tình hình tội phạm ở từng địa phương. Nội dung cần tập trung tổ chức, hướng dẫn cần thực hiện những vấn đề cơ bản sau.

- Vận động Nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố giác, đấu tranh chống các loại tội phạm, góp phần giữ vững ổn định an ninh trật tự tại địa bàn.
- Vận động Nhân dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hóa những người cần phải giáo dục tại cộng đồng dân cư.
 - Vận động Nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn trật tự an ninh.
 - Hướng dẫn và vận động Nhân dân bài trừ tệ nạn xã hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu, đấu tranh bài trừ văn hóa phẩm độc hại.
 - Chỉ đạo, hướng dẫn, bồi dưỡng cho Quần chúng nhân dân về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, trình tự, quy định...trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.
 - Xây dựng cơ quan đơn vị, cụm dân cư và từng gia đình an toàn, đoàn kết, xây dựng nếp sống văn hóa trong cộng đồng dân cư, giữ vững đạo đức trong sáng lành mạnh, giữ gìn thuần phong mỹ tục, truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, bảo vệ môi trường sống.

10.2.1.3. Xây dựng và mở rộng liên kết, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào ở địa phương

- Kết hợp lòng ghép phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các cuộc vận động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương như cuộc vận động xoá đói giảm nghèo, vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa mới...

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết liên tịch, thông tư liên ngành, các quy chế phối hợp hoạt động giữa Công an xã với Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, các cơ quan, trường học đóng trên địa bàn.

- Thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, kịp thời đề xuất lòng ghép nội

dung, yêu cầu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp, nhằm phát huy vai trò của quần chúng trong việc bảo vệ an ninh - trật tự.

10.2.1.4. Vận động quần chúng tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh

- Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để rèn luyện, thử thách xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước ở cơ sở.

- Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng cho tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở, lực lượng Công an, kịp thời phát hiện đề nghị đưa ra khỏi tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng công an, những người không đủ tiêu chuẩn về đạo đức và năng lực công tác; đồng thời đề nghị bổ sung những nhân tố tích cực, ưu tú xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc vào cấp ủy chính quyền cơ sở, để xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng công an trong sạch vững mạnh.

Các nội dung trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Khi thực hiện những nội dung trên phải căn cứ vào tình hình, điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng nơi, đặc biệt phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh ở từng địa phương, từng cơ sở để đề ra nội dung công tác cho thích hợp, có hiệu quả.

10.2.2. Biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

10.2.2.1. Nắm tình hình, xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

- Nắm tình hình

+ Mục đích: Để điều tra nghiên cứu nắm vững tình hình mọi mặt liên quan đến an ninh trật tự, làm cơ sở để định ra nội dung, hình thức, biện pháp tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Nội dung nắm tình hình bao gồm:

Vị trí địa lý, đặc điểm địa bàn về phân bố dân cư, phong tục tập quán, nghề nghiệp truyền thống, vấn đề tôn giáo, dân tộc có liên quan đến công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn.

Tình hình quần chúng chấp hành đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương.

Tình hình các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức động viên quần chúng tham gia phong trào.

Tình hình diễn biến của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn qua từng thời kì.

Những sơ hở thiếu sót của ta trong việc thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước mà kẻ xấu có thể lợi dụng.

+ Phương pháp nắm tình hình:

Nghiên cứu khai thác các tài liệu sẵn có để nắm tình hình địa bàn.

Đi sát cơ sở tiếp xúc gấp gõ, thu thập ý kiến của các tổ chức, các tầng lớp dân cư khác nhau.

Trực tiếp điều tra khảo sát mọi hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng nhân dân địa phương.

Ngoài ra còn phải chú ý kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ khác để nắm tình hình.

- *Xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*

Căn cứ chỉ thị nghị quyết của cấp ủy Đảng và tình hình thực tế ở địa phương để chủ động xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

+ Nội dung của kế hoạch thể hiện những vấn đề cơ bản như sau:

Đánh giá tổng quát tình hình an ninh trật tự của quần chúng Nhân dân trong thời gian đã qua và xác định sự cần thiết phải tiến hành vận động xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong thời gian tới.

Xác định mục đích, yêu cầu cụ thể phải đạt được của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Xác định nội dung cụ thể của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và hình thức, biện pháp để thực hiện nội dung cụ thể đó.

Xác định cách thức, tổ chức thực hiện kế hoạch.

+ Phương pháp xây dựng kế hoạch:

Trên cơ sở nội dung kế hoạch được xác định, tiến hành việc dự thảo kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh ninh Tổ quốc, bảo đảm đủ về nội dung, đúng về thể thức văn bản nhà nước quy định.

Tiến hành gửi bản dự thảo kế hoạch đến tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến, nhằm phát huy trí tuệ của tập thể, nâng cao tinh thần làm chủ, tính năng động sáng tạo của từng người trong xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh ninh tổ quốc.

Tiếp thu ý kiến đóng góp của tập thể, tiến hành nghiên cứu, bổ xung hoàn chỉnh bản kế hoạch trình chủ tịch UBND xã, phường phê duyệt và tổ chức thực hiện.

10.2.2.2. *Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng thực hiện bảo vệ an ninh trật tự*

- *Tuyên truyền, giáo dục quần chúng Nhân dân*

+ Mục đích: Tuyên truyền, giáo dục Nhân dân trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí rất quan trọng, làm cho họ nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng, vai trò trách nhiệm, quyền lợi, từ đó tích cực tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

+ Nội dung tuyên truyền, giáo dục:

Tuyên truyền để Nhân dân nhận thức rõ về âm mưu, phương thức thủ đoạn hoạt động thâm độc, nham hiểm của các thế lực thù địch và các loại tội phạm. Tuyên truyền giáo dục Nhân dân hiểu về đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các quy định, phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương nghĩa vụ và quyền lợi của công dân đối với việc bảo vệ an ninh trật tự.

Ngoài những nội dung trên, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc mà lựa chọn, xác định theo những nội dung khác để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân cho thích hợp.

+ Hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục:

Triết đế khai thác sử dụng phương tiện thông tin đại chúng và các loại hình văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, áp phích khẩu hiệu, biểu ngữ... để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân đạt hiệu quả.

Thông qua các hình thức sinh hoạt, hội họp của các tổ chức chính trị- xã hội, thông qua hệ thống giáo dục các cấp ở địa phương để tuyên truyền giáo dục quần chúng.

Sử dụng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên để tuyên truyền giáo dục quần chúng theo từng chuyên đề có liên quan trong từng thời gian thích hợp.

Thường xuyên tiếp xúc, gặp gỡ trực tiếp quần chúng để tọa đàm, trao đổi, giải thích những vấn đề về bảo vệ an ninh trật tự.

Nâng cao nhận thức cho cán bộ trong Đảng, trong chính quyền, cán bộ lãnh đạo các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, sau đó tuyên truyền giáo dục sâu rộng ra trong nhân dân.

Kết hợp tuyên truyền giáo dục rộng rãi với tuyên truyền giáo dục cá biệt bằng lời lẽ đơn giản và thực tế sinh động. Kết hợp chặt chẽ giữa việc tuyên truyền giáo dục quần chúng thực hiện nội dung nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự với việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và với phong trào lao động sản xuất, xây dựng đời sống hằng ngày của quần chúng Nhân dân ở địa phương.

Các nội dung công tác cụ thể, phương pháp tuyên truyền giáo dục quần chúng Nhân dân trên đây có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau và trong từng nội dung của phương pháp đó cũng có ưu điểm, nhược điểm khác nhau, vì vậy phải tùy tình hình cụ thể ở từng nơi, từng lúc để vận dụng linh hoạt, có hiệu quả.

- *Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh – trật tự*

+ Mục đích: Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, chỉ cho họ biết cách phòng ngừa, chủ động phát hiện và giúp đỡ các cơ quan chức năng để đấu tranh có hiệu quả những hoạt động phá hoại của các thế lực phản động, hoạt động của các loại tội phạm; phòng ngừa các tai nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội.

+ Nội dung hướng dẫn quần chúng bao gồm:

Hướng dẫn quần chúng bảo vệ và thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và thực hiện các quy định về công tác bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương

Hướng dẫn quần chúng Nhân dân phòng ngừa tội phạm, tham gia hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân; quản lý, giáo dục các đối tượng cần phải quản lý giáo dục ở địa phương.

Hướng dẫn quần chúng Nhân dân phát hiện tố giác với công an, chính quyền, địa phương những người, sự việc, hiện tượng nghi vấn xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Tích cực tham gia đấu tranh góp phần làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, bọn phản động và các loại tội phạm khác.

Hướng dẫn quần chúng nhân dân lên án, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, các lề thói hủ tục lạc hậu trong đời sống kinh tế xã hội, phòng ngừa và làm giảm các tệ nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

Hướng dẫn quần chúng nhân dân tham gia xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cách mạng, tham gia góp ý kiến xây dựng lực lượng công an, dân quân tự vệ trong sạch vững mạnh.

+ Phương pháp hướng dẫn. Đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ việc bảo vệ những lợi ích cá nhân trước mắt đến lợi ích lâu dài của tập thể; từ việc bảo vệ lợi ích kinh tế đơn thuần đến bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, từ việc bí mật tổ giác và cung cấp tài liệu, tin tức về hoạt động của bọn tội phạm đến công tác đấu tranh trực diện với chúng một cách có tổ chức.

10.2.2.3. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân bảo vệ an ninh trật tự

Để huy động được sức mạnh của toàn dân tham gia nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn phường, cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa bàn. Nội dung phối hợp cần tập trung vào các vấn đề sau.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn phường, các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng tự quản.

- Phối hợp với các lực lượng, cơ quan đơn vị, tổ chức đoàn thể quần chúng để tuyên truyền, vận động, giáo dục, hướng dẫn giác ngộ cho người dân nắm vững những yêu cầu của công tác bảo vệ an ninh – trật tự trên địa bàn, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự.

- Phối hợp các cơ quan đơn vị, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong việc chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các mục tiêu yêu cầu đề ra trong các tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

10.2.2.4. Xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Xây dựng cá nhân và các tổ chức quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để thúc đẩy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến tổ chức vận động Nhân dân. Lực lượng quần chúng nòng cốt vừa là hạt nhân lãnh đạo phong trào, vừa là cầu nối giữa lực lượng công an với Nhân dân, vừa là người đi đầu, trực tiếp hướng dẫn Nhân dân thực hiện các quy định về an ninh trật tự. Vì vậy, việc xây dựng lực lượng quần chúng nòng cốt ở cơ sở để duy trì, phát triển và đẩy mạnh phong trào, đây là một nội dung rất quan trọng không thể thiếu.

- Các tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở thường gồm 3 loại hình.

+ Loại tổ chức quần chúng có chức năng tư vấn. Tương ứng với loại hình này là Hội đồng an ninh trật tự ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) thành phần gồm Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ, Trưởng Công an, Bí thư Đoàn thanh niên, Chủ tịch Hội cựu chiến binh, Chủ tịch Hội phụ nữ... đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý điều hành của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn. Ở cơ quan, doanh nghiệp thành phần gồm, Bí thư Đảng ủy, Thủ trưởng cơ quan, Trưởng phòng (tổ trưởng) bảo vệ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ. Hội đồng an ninh trật tự có nhiệm vụ giúp (tư vấn) cho cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp đề ra chủ trương, quyết định biện pháp và chỉ đạo công tác an ninh trật tự chung trong xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp.

+ Loại có chức năng quản lý điều hành: Tương ứng với loại hình này là Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố (ở nông thôn: ban an ninh trật tự được thành lập ở thôn, ấp, bản, làng; ở cơ quan, doanh nghiệp lớn ban an ninh trật tự được thành lập ở phân xưởng, xí nghiệp, công ty... (nếu cơ quan doanh nghiệp nhỏ và thôn nhỏ có nơi không cần thiết phải thành lập Ban an ninh trật tự); ở thành phố, thị xã Ban bảo vệ dân phố được thành lập theo các khu phố, cụm dân cư).

Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố là các lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và thực hiện một số biện pháp phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm quản lý, điều hành và phối hợp với công an ninh xã, phường, thị trấn, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ các tổ an ninh Nhân dân, An ninh công nhân, đội dân phòng tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

+ Loại có chức năng thực hành: Tương ứng với loại hình này là các Tổ an ninh Nhân dân, an ninh công nhân, đội dân phòng, đội thanh niên xung kích an ninh có nhiệm vụ trực tiếp thực thi các nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở các cơ sở.

Tổ an ninh Nhân dân được cơ cấu ở các thôn, xóm, tổ dân phố. Như vậy, một thôn, xóm, khu phố có thể có nhiều Tổ an ninh Nhân dân, căn cứ đặc điểm thực tế, số lượng dân cư, mối quan hệ ràng buộc của quần chúng ở khu tập thể, khu dân cư để hình thành Tổ an ninh nhân dân cho phù hợp (hiện nay hầu hết các địa phương đều đang duy trì hoạt động của Tổ an ninh Nhân dân, tuy nhiên cũng có địa phương gọi là Tổ tự quản, Tổ liên gia an toàn, nhiều nơi lại vừa có Tổ an ninh Nhân dân, vừa có Tổ tự quản... nên thống nhất gọi là Tổ an ninh nhân dân là đúng nghĩa nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ là tổ chức của Nhân dân làm công tác an ninh trật tự, phù hợp với quy định trước đây của Bộ trưởng Bộ công an về chức năng, nhiệm vụ của Tổ an ninh Nhân dân).

Tổ an ninh công nhân được cơ cấu ở các tổ, đội sản xuất, phân xưởng, phòng, ban trong cơ quan, doanh nghiệp, riêng ở các phân xưởng, phòng, ban lớn có thể có nhiều Tổ an ninh công nhân tùy thuộc phạm vi, quy mô, tính chất công việc chuyên môn và yêu cầu thực tế nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh trật tự.

Đội dân phòng là tổ chức chuyên môn của quần chúng được lập ra có nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy hoặt huy động cho các hoạt động đột xuất về an ninh trật tự.

Các đội thanh niên xung kích an ninh, đội thiếu niên sao đỏ là tổ chức của Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên lập ra để thu hút thanh, thiếu niên vào hoạt động bảo vệ an ninh trật tự, như vậy nó cũng là tổ chức của quần chúng trực tiếp tham gia bảo vệ an ninh trật tự cần được duy trì hoạt động. Các Đội dân phòng, thanh niên xung kích an ninh, hình thành theo thôn, xóm, khu phố, cụm dân cư hoặc cơ cấu theo tổ chức Đoàn thanh niên (chi đoàn, phân đoàn) tùy theo tính chất nhiệm vụ công tác an ninh trật tự ở cơ sở.

- Nội dung, yêu cầu xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự.

+ Cần phải lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn và uy tín với quần chúng và điều kiện đảm nhiệm các mặt công tác về an ninh trật tự ở cơ sở.

+ Lựa chọn người có khả năng tổ chức, điều hành các hoạt động có liên quan đến an ninh trật tự, bản thân có ý thức tự giác, tự nguyện và trách nhiệm cao trong việc

thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành các thủ tục báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định giao nhiệm vụ cho họ.

+ Bồi dưỡng, hướng dẫn để đội ngũ cán bộ cơ sở nắm vững chức năng nhiệm vụ, quyền hạn lề lối làm việc, mối quan hệ và phân công đảm nhiệm công việc cụ thể để cán bộ cơ sở có kế hoạch thực hiện.

+ Thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn trong từng thời gian và nhiệm vụ đặt ra trong việc giữ gìn trật tự. Hướng dẫn để họ biết cách tổ chức hoạt động quần chúng của địa bàn dân cư.

+ Nắm vững những diễn biến hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở có kế hoạch thăm hỏi động viên kịp thời đối với cán bộ tốt có năng lực, đồng thời uốn nắn các lêch lạc của cán bộ cơ sở; tạo điều kiện về vật chất và tinh thần, việc làm, đời sống, quan hệ sinh hoạt trong phạm vi điều kiện cho phép, để đội ngũ cán bộ nòng cốt ở cơ sở yên tâm phấn khởi công tác, tích cực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở.

- *Phương pháp xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt được tiến hành như sau.*

+ Xác định hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng. Căn cứ tình hình đặc điểm của địa bàn, yêu cầu của công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm ở từng nơi, từng lúc; căn cứ điều kiện khả năng nhận thức cũng như khả năng đảm nhiệm những phần việc cụ thể của quần chúng và nhu cầu nguyện vọng, lợi ích chính đáng của quần chúng để định ra hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng một cách khoa học và hợp lý.

+ Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng được xây dựng.

Mỗi loại hình tổ chức quần chúng khác nhau có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau. Sau khi đã xác định được hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng, phải xác định một cách cụ thể rõ ràng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng, có như vậy mới phát huy được vai trò của tổ chức, tạo điều kiện để tổ chức hoạt động nhịp nhàng, có hiệu quả, không bị mất phương hướng hoặc trùng đâm, chồng chéo, trì trệ.

Chỉ khi nào và ở nơi nào có yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự đòi hỏi cần phải xây dựng hình thức tổ chức quần chúng nào đó thì mới xây dựng. Nếu không có nhu cầu, nhiệm vụ chưa xuất hiện thì chưa cần phải vội vàng thành lập tổ chức quần chúng, bởi vì thành lập tổ chức mà chưa có chức năng nhiệm vụ thì tổ chức đó sẽ không tồn tại được và dẫn đến tan rã.

Căn cứ vào pháp luật của nhà nước, chế độ nội quy, quy định của đơn vị, địa phương và yêu cầu của tình hình nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự đặt ra để xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

+ Đề xuất cấp ủy, chính quyền ra quyết định thành lập tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

Sau khi xác định rõ sự cần thiết phải thành lập các tổ chức quần chúng, loại hình tổ chức quần chúng và chức năng nhiệm vụ quyền hạn của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đó, với sự hỗ trợ của lãnh đạo chủ chốt ở địa phương. Công an cấp cơ sở báo cáo, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương và làm thủ tục trình Chủ tịch, Phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn ra quyết định thành lập tổ chức.

Đây là thủ tục cần thiết để đảm bảo tính hợp pháp của loại hình tổ chức quần chúng theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời nâng cao vai trò, vị trí của tổ chức quần chúng, nâng cao trách nhiệm nghĩa vụ của những người tham gia tổ chức cũng như những người khác có liên quan đến hình thức tổ chức quần chúng.

Tuyển chọn những thành viên tham gia tổ chức quần chúng và bồi dưỡng, tập huấn cho các thành viên trong tổ chức quần chúng.

Căn cứ tình hình nắm được về quần chúng, căn cứ vào tiêu chuẩn quy định, tiến hành tuyển chọn, thu nạp các thành viên tham gia tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đảm bảo đủ về số lượng, đáp ứng về chất lượng. Yêu cầu các thành viên tham gia các tổ chức quần chúng phải là những người có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, hăng hái, tự nguyện tự giác và được quần chúng tín nhiệm.

Tiến hành giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn cho các thành viên nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ chính sách, lề lối phương pháp hoạt động của tổ chức; phương pháp xử lý các tình huống về an ninh trật tự xảy ra; việc sử dụng các phương tiện cần thiết để bảo vệ an ninh trật tự và các kiến thức cần thiết khác có liên quan đến bảo vệ an ninh trật tự để tổ chức quần chúng triển khai hoạt động tự quản, tự phòng, tự bảo vệ an ninh trật tự có hiệu quả.

Việc xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là đảm bảo quyền làm chủ quần chúng, đồng thời tạo lập lực lượng nòng cốt cho phong trào, do đó cần có kế hoạch xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng đa dạng nhưng phải tránh tình trạng hình thức máy móc, chạy theo số lượng, thành lập tổ thức quần chúng không có tác dụng thiết thực. Trong quá trình xây dựng các tổ chức quần chúng phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân từ yêu cầu công tác phong ngừa đấu tranh chống tội phạm ở từng địa phương đơn vị. Đồng thời phải phát huy dân chủ, tổ chức thảo luận công khai lấy ý kiến của nhân dân về sự cần thiết phải xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng; về loại hình tổ chức quần chúng, về các hình thức, thành viên tham gia cũng như về chính sách, khuyến khích vật chất, tinh thần đối với các thành viên tham gia tổ chức quần chúng.

Để động viên tích cực các thành viên trong tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự, căn cứ điều kiện hoàn cảnh cụ thể của địa phương, cấp ủy, chính quyền có chế độ chính sách khuyến khích vật chất, tinh thần hợp lý, kịp thời, theo chế độ chung của Nhà nước, của địa phương và nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân.

10.2.2.5. Xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến làm cơ sở để tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc

Điển hình tiên tiến là những cá nhân, đơn vị, cơ sở đạt được thành tích xuất sắc nổi trội, có đặc thù chung phổ biến giúp các cá nhân, đơn vị khác học tập, noi theo. Nhân điển hình tiên tiến là việc tổ chức học tập, phát triển những nhân tố tích cực của phong trào toàn dân thành phố biến rộng khắp. Xây dựng và nhân điển hình tiên tiến là việc phổ biến kinh nghiệm điển hình, động viên thúc đẩy phong trào lên một bước mới có chất lượng cao hơn, đồng đều hơn. Để nhân rộng điển hình tiên tiến cần làm tốt các công việc cụ thể sau đây:

- *Lựa chọn điển hình tiên tiến.*

+ Căn cứ đặc điểm tình hình địa phương, đơn vị; căn cứ vào kết quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và nhiệm vụ duy trì và phát triển phong trào ở địa phương.

+ Việc phát hiện, lựa chọn điển hình tiên tiến được tiến hành thông qua công tác kiểm tra hoạt động của phong trào, thông qua công tác tổ chức cho các cơ sở, đơn vị, quần chúng nhân dân bình chọn hoặc cơ quan chức năng ngay từ đầu có kế hoạch chủ động lựa chọn, cho đăng kí, sau đó tập trung bồi dưỡng một số cá nhân, tập thể đó trở thành điển hình tiên tiến của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Tổ chức bồi dưỡng, rút kinh nghiệm điển hình tiên tiến. lực lượng công an chủ trì phối hợp với bộ phận chức năng tổ chức hướng dẫn cá nhân, đơn vị tiên tiến liên hệ kiểm điểm, đánh giá kết quả, rút ra những bài học kinh nghiệm và xây dựng hoàn thiện báo cáo điển hình tiên tiến trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến.

+ Phương pháp. Tiến hành bằng cách tổ chức cho các cá nhân đơn vị, địa phương có phong trào ở mức trung bình hoặc yếu kém trực tiếp xúc, gắp gỡ, tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, để áp dụng các kinh nghiệm đó vào phong trào ở địa phương, đơn vị mình.

+ Mở hội nghị nhân điển hình tiên tiến: tổ chức kí kết giao ước thi đua về xây dựng điển hình, tạo thành phong trào thi đua học tập, đuổi kịp và vượt các điển hình tiên tiến.

+ Kết hợp sử dụng, phát huy ưu thế của các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hóa nghệ thuật như: Đài phát thanh, truyền hình, tranh ảnh, sách báo... để phổ biến kinh nghiệm của điển hình tiên tiến.

10.2.2.6. Lồng ghép nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương

Để thúc đẩy được phong trào và duy trì phong trào được thường xuyên, tránh được sự suy thoái của phong trào sau một thời gian hoạt động, thì việc kết hợp và lồng ghép nội dung của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương với các phong trào khác là một hình thức tốt để duy trì và thúc đẩy phong trào. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được kết hợp, lồng ghép với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương như sau.

- Lồng ghép trong phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước.

- Lồng ghép những nội dung giáo dục đối với những người cần giáo dục trong bảo vệ an ninh Tổ quốc tại xã, phường, thị trấn làm thành một nội dung của phong trào xây dựng làng văn hóa, khu phố văn hóa.

- Trong phong trào sinh viên thanh lịch của nhà trường cần lồng ghép với phong trào chấp hành Luật Giao thông, lấy đây làm một nội dung tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá một sinh viên thanh lịch...

- Lồng ghép Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong các phong trào khác của Đoàn thanh niên và các phong trào của sinh viên trong nhà trường để thu hút sinh viên tham gia có hiệu quả.

Để lồng ghép được nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường hoặc của Đoàn thanh niên nhà trường. Cơ quan công an cơ sở (phường, xã, thị trấn) là chủ thể tiến hành phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, cần phải có kế hoạch, chủ động kết hợp với nhà trường và Đoàn thanh niên của các trường đóng trên địa bàn đưa các nội dung cần thiết phù hợp vào từng phong trào, từng thời điểm thích hợp, tham gia xây dựng các tiêu chuẩn để đánh giá sự hoạt động, tích cực hoặc thiếu tích cực của từng sinh viên.

10.3. Trách nhiệm của sinh viên tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

10.3.1. Nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh trật tự của Tổ quốc, tự giác chấp hành quy định, tích cực tham gia phong trào bảo đảm an ninh trật tự của nhà trường và địa phương

- Công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm giữ gìn an ninh trật tự là cuộc đấu tranh gay go và phức tạp cần phải huy động sức mạnh của tất cả mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội. Đối với sinh viên đang được học tập, rèn luyện trong nhà trường trước hết phải có nhận thức đúng đắn, chấp hành đầy đủ các nội quy, quy định của nhà trường, địa phương và pháp luật nhà nước. Xác định sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc là trách nhiệm của mọi công dân Việt Nam trong đó có học sinh, sinh viên, lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt.

- Là thanh niên Việt Nam nói chung, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh nói riêng phải gương mẫu, tích cực tham gia các phong trào giữ gìn an ninh trật tự của địa phương hoặc ở trong nhà trường. Nhằm phát huy các mặt tích cực, hạn chế những tồn tại nhược điểm của sinh viên, đóng góp tích cực cho công tác bảo vệ an ninh trật tự của địa phương và các trào lưu khác của nhà trường, mỗi cá nhân cần phải học tập, rèn luyện tốt, tu dưỡng phẩm chất đạo đức của người sinh viên, tích cực tham gia các phong trào của địa phương.

- Không xem, đọc, lưu truyền các văn hóa phẩm độc hại, đồi trụy, không nghe, không bình luận các luận điểm tuyên truyền xuyên tạc nói xấu Nhà nước xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch, không truy cập các trang Website có nội dung không lành mạnh, phản động. Không tự ý thành lập, tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, các tổ chức có tính chất chính trị trái pháp luật Việt Nam.

- Phát hiện và đề nghị với thầy, cô giáo, chính quyền địa phương và các cơ quan Công an nơi cư trú, học tập để có biện pháp ngăn chặn các hành vi hoạt động tệ nạn xã hội, các hành vi xâm hại đến an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Đối với sinh viên lưu trú trong ký túc xá phải giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường, không được sử dụng một cách bừa bãi, làm hư hỏng mất mát tài sản và trang thiết bị trong ký túc xá. Chấp hành tốt nội quy của ký túc xá, không tàng trữ vũ khí, chất độc, chất nổ, chất dễ cháy, hóa chất độc hại hoặc hàng cấm khác trong ký túc xá.

- Đối với sinh viên tạm trú trong các khu vực dân cư phải thực hiện đầy đủ các quy định về khai báo tạm trú theo quy định của pháp luật. Chấp hành tốt các quy định của địa phương nơi cư trú như: vệ sinh mỹ quan, trật tự đô thị, bảo vệ môi trường. Tích cực tham gia các phong trào giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn như: phòng chống các âm mưu thù đoạn của các thế lực thù địch, phản động lôi kéo học sinh, sinh viên vào các hoạt động chống đối Nhà nước; phòng ngừa các hoạt động của bọn tội phạm hình sự xâm phạm đến tính mạng và tài sản của sinh viên; ngăn ngừa, đấu tranh với các trường hợp sử dụng các chất ma tuý trong học sinh, sinh viên.

10.3.2. Luôn nêu cao ý thức tự giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hiện tượng xã hội tiêu cực

- Phát hiện các hành vi tuyên truyền, phát tán các văn hóa phẩm đồi trụy, các tài liệu phản động báo cáo ngay với Ban giám hiệu nhà trường, với thầy cô giáo chủ nhiệm hoặc cơ quan công an để thu giữ.

- Phát hiện ngăn chặn các vụ đánh nhau, gây rối trật tự an ninh công cộng báo cáo với Nhà trường, các cơ quan quản lý có thẩm quyền nơi gần nhất để có biện pháp ngăn chặn, bắt giữ các đối tượng vi phạm.

- Phát hiện các hành vi vi phạm về trật tự an toàn xã hội như: chất cháy, chất nổ, vũ khí thô sơ đến trường báo cáo cho Nhà trường để nhà trường kịp thời xử lý.

- Thường xuyên giúp đỡ các bạn gặp khó khăn về điều kiện học tập, động viên các bạn vượt khó để học tập tốt.

Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là cơ sở rất quan trọng để xây dựng thế trận lòng dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Việc duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả của Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, trong đó lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt. Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức, biện pháp cơ bản, quan trọng để đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước trong tình hình mới.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc ?
2. Phương pháp tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở ?
3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương, nơi cư trú ?

Chương 11

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Sau khi học xong, người học nắm được những kiến thức cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đối tượng đấu tranh và quan điểm của Đảng trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Về kỹ năng: Giúp cho người học hình thành phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn để xác định, phân biệt được các đối tượng, trên cơ sở đó tham gia đấu tranh có hiệu quả đối với các âm mưu hành động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của các thế lực thù địch và tội phạm.

Về tư tưởng: Bồi dưỡng, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm cho học sinh, sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

B. NỘI DUNG

An ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội là trang thái đất nước bình yên, ổn định, an toàn, phát triển trên tất cả các lĩnh vực. An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là nhu cầu, mong muốn của mọi con người, mọi quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong tình hình hiện nay, các nguy cơ, thách thức, các mối đe dọa luôn tiềm ẩn, đan xen, tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên mọi lĩnh vực, từ cả bên trong và bên ngoài, cả chủ quan và khách quan. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội đang trở thành vấn đề hết sức cấp bách, thường xuyên, liên tục của mỗi nước. Đối với nước ta hiện nay, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội đang đặt rất nhiều khó khăn, thách thức đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân, kết hợp sức mạnh của đất nước với sự ủng hộ, giúp đỡ, hợp tác quốc tế. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội phải được tiến hành một cách chủ động, từ sớm, từ xa và là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, mọi tổ chức và toàn dân.

Nghiên cứu nắm vững những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội là yêu cầu cấp thiết đối với mọi tầng lớp nhân dân, nhất là học sinh, sinh viên nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm để góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Qua đó, xây dựng môi trường an toàn, ổn định để phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

11.1. Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia

11.1.1. Một số khái niệm cơ bản

“An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”¹. An ninh quốc gia gồm an ninh trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại ... trong đó an ninh chính trị là cốt lõi, xuyên suốt.

“Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia là những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ do pháp luật quy định”².

“Bảo vệ an ninh quốc gia là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia”³. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Mục đích: nhằm giữ vững an ninh quốc gia.
- Chủ thể: hệ thống các tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân, trong đó lực lượng An ninh nhân dân giữ vai trò nòng cốt.
- Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia là tiến hành phòng ngừa, phát hiện ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

¹Luật An ninh quốc gia(2004), Điều 3, Khoản 1.

²Luật An ninh quốc gia(2004), Điều 3, Khoản 8.

³Luật An ninh quốc gia (2004), Điều 3, Khoản 2.

“Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia là những hành vi xâm hại chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Mục đích xâm phạm: là chống phá an ninh quốc gia.
- Nội dung: xâm phạm an ninh trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Nhà nước Việt nam.
- Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia là các thế lực thù địch, phản động, tội phạm.

11.1.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

- Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.
- Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hóa, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.
- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, nguy cơ đe doạ an ninh quốc gia.

11.1.3. Nguyên tắc hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt.
- Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh, quốc phòng và đối ngoại.
- Chủ động phòng ngừa, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

11.1.4. Nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia

Bảo vệ an ninh quốc gia là nội dung đặc biệt quan trọng của mỗi quốc gia dân tộc. An ninh quốc gia bao gồm: An ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh quân sự, an ninh biên giới, biển, đảo, an ninh đối ngoại, an ninh tư tưởng - văn hóa, an ninh xã hội, an ninh thông tin, an ninh kết nối, an ninh mạng, an ninh doanh nghiệp, an ninh tài chính - tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh dân cư, an ninh dân số, an ninh cơ sở dữ liệu, an ninh môi trường, an ninh con người. Trong đó, bảo vệ an ninh chính trị là cốt lõi xuyên suốt, bảo vệ an ninh về kinh tế là nền tảng, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội và cơ sở bảo đảm an ninh ở các lĩnh vực khác, bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa là nền tảng tinh thần của chế độ, xã hội. Tuy nhiên, trong bối

¹Luật An ninh quốc gia(2004), Điều 3, Khoản 3.

cảnh hiện nay ở nước ta, cần tập trung bảo vệ an ninh trên một số lĩnh vực cơ bản, trọng yếu sau.

11.1.4.1. Bảo vệ an ninh chính trị

Mục tiêu của bảo vệ an ninh chính trị là đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động xâm hại tới sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là nhiệm vụ trọng yếu của các tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, đoàn thể xã hội và mọi công dân.

Nội dung bảo vệ an ninh chính trị là bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhà nước và xã hội; bảo vệ sự ổn định chính trị, sự vững mạnh của chế độ nhà nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an toàn các cơ quan thuộc hệ thống chính trị bao gồm các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các lực lượng vũ trang, đoàn thể cách mạng, trọng tâm là các cơ quan đầu não, cơ quan hoạch định chính sách, cơ quan sức mạnh của Nhà nước; bảo vệ lãnh tụ, đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên. Trong bảo vệ phải đặc biệt chú trọng bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, phòng, chống có hiệu quả hoạt động thâm nhập nội gián và suy thoái nội bộ; bảo vệ việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không để xảy ra tình trạng biến dạng, chêch hướng trong quá trình tổ chức thực hiện; bảo vệ bí mật nhà nước.

11.1.4.2. Bảo vệ an ninh kinh tế

Mục tiêu của bảo vệ an ninh kinh tế là tiến hành các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch và các loại tội phạm kinh tế gây thiệt hại và làm chêch hướng phát triển của nền kinh tế quốc dân, bảo vệ sự ổn định và phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nội dung bảo vệ an ninh kinh tế là bảo vệ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế. Bảo đảm quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam phải nhanh, bền vững và đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững độc lập, chủ quyền, không để rơi vào tình trạng lệ thuộc vào nước ngoài về kinh tế; bảo vệ sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế, nhất là trong sự phát triển các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế trọng điểm. Không để xảy ra tình trạng rối loạn, khủng hoảng kinh tế hoặc tình trạng vô chính phủ trong quản lý kinh tế có thể dẫn đến khủng hoảng chính trị; bảo vệ bí mật nhà nước trên lĩnh vực kinh tế. Tiến hành phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh xử lý các hành vi làm lộ, lọt bí mật nhà nước của kinh tế đối ngoại nhất là trong hoạt động ký kết hợp đồng kinh tế với đối tác nước ngoài, lĩnh vực tài nguyên môi trường, lĩnh vực khoa học và công nghệ, lĩnh vực tài chính ngân hàng, thị trường chứng khoán; bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế, bảo vệ an toàn nội bộ, đội ngũ cán bộ trong các cơ quan kinh tế, đội ngũ cán bộ, tri thức có trình độ cao, các chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực kinh tế, đội ngũ cán bộ quản lý, tham mưu, hoạch định chính sách kinh tế; tổ chức đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại kinh tế của các thế lực thù địch, tội phạm kinh tế.

11.1.4.3. Bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa

Mục tiêu bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giá trị của CN Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc Việt nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển công nghệ thông tin như hiện nay, bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa là nội dung cực kỳ quan trọng của an ninh quốc gia, là vấn đề hết sức cấp thiết, khó khăn, phức tạp.

Nội dung bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trước sự tấn công của các thế lực thù địch nhất là của các học giả tư sản, của chủ nghĩa xét lại hiện đại, đối tượng cơ hội chính trị. Ngăn ngừa nguy cơ chênh hướng phát triển đi lên xã hội chủ nghĩa; bảo vệ truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới; đấu tranh có hiệu quả với hoạt động phá hoại tư tưởng - văn hóa, sự xâm nhập tác động của các trào lưu văn hóa phản động, độc hại, sự xâm lăng văn hóa, nhất là hoạt động tuyên truyền kích động lợi dụng “dân chủ”, “nhân quyền”. Đấu tranh ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, sự xuống cấp về tư tưởng văn hóa, lối sống đòi truy; bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, chống chia rẽ dân tộc, khuynh hướng ly khai, tự trị, chủ nghĩa cực đoan, nhất là ở các vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh như Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông, hoạt động văn hóa nghệ thuật góp phần bảo vệ vững chắc an ninh trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

11.1.4.4. Bảo vệ an ninh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Mục tiêu là bảo vệ sự ổn định, vững mạnh, hiệu quả của quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước. Phòng, chống, đấu tranh với các âm mưu, hoạt động chống phá, gây nguy hại đối với hệ thống các quan điểm, đường lối, chiến lược, chính sách, cơ sở vật chất, vũ khí trang bị, đội ngũ, thông tin trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Bảo vệ an ninh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại là nhằm đảm bảo về các nguồn lực trực tiếp để bảo vệ an ninh quốc gia.

Nội dung của bảo vệ an ninh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại là: bảo vệ bản chất giai cấp của lực lượng vũ trang cách mạng, bảo đảm lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân của lực lượng vũ trang. Đấu tranh có hiệu quả với hoạt động thâm nhập nội bộ lực lượng vũ trang của các thế lực thù địch, tội phạm khác, phòng chống âm mưu hoạt động phi chính trị hóa lực lượng vũ trang; bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật của sự nghiệp an ninh, quốc phòng, đối ngoại; bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, đối ngoại, nhất là các chủ trương, chính sách, đối sách bí mật, vũ khí, khí tài mới, các kế hoạch phong án về quốc phòng, an ninh; bảo vệ an ninh chính trị nội bộ trong lực lượng vũ trang và cơ quan đối ngoại, nhất là đội ngũ cán bộ cốt cán, cán bộ nắm giữ bí mật nhà nước trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

11.1.4.5. Bảo vệ an ninh lãnh thổ

Mục tiêu bảo vệ an ninh lãnh thổ là đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của quốc gia dân tộc, là nội dung bảo vệ quan trọng nhất của đất nước, nghĩa vụ cao cả của mọi người dân. “Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị”¹.

¹Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Điều 11.

Nội dung bảo vệ an ninh lãnh thổ là: Có kế hoạch chiến lược trong phát triển kinh tế xã hội gắn với an ninh quốc gia tại tuyến biên giới, biển, đảo. Xây dựng vùng biển giới và biển, đảo vững về chính trị, giàu mạnh về kinh tế, đặc biệt xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân tại biên giới, biển đảo; chủ động giải quyết các tranh chấp về lãnh thổ trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau bằng phương pháp hòa bình, tránh đối đầu, không để xảy ra xung đột biên giới, biển, đảo; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới, biển, đảo, nhất là an ninh chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường phối hợp với lực lượng an ninh Cảnh sát nước bạn trong đấu tranh phòng chống tội phạm tại khu vực biên giới, trên biển; tăng cường tiềm lực, trang bị cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia biên giới, biển, đảo vững mạnh. Xây dựng quy chế phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa lực lượng công an với Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển trong bảo vệ an ninh biên giới lãnh thổ. Trong điều kiện và tình hình hiện nay, bảo vệ an ninh lãnh thổ cần phải chủ động đổi mới với những nguy cơ từ bên ngoài âm mưu xâm hại tới chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ trên đất liền, trên biển, đảo.

11.1.4.6. Bảo vệ an ninh dân tộc

Mục tiêu của bảo vệ an ninh dân tộc là bảo vệ khối đại đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, ngăn ngừa và đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá, gây mất ổn định đất nước.

Nội dung bảo vệ an ninh dân tộc là: Bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc; sự đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam; ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc để làm việc trái pháp luật, kích động gây chia rẽ giữa các dân tộc, xâm hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, chống phá đất nước.

11.1.4.7. Bảo vệ an ninh tôn giáo

Mục tiêu của bảo vệ an ninh tôn giáo là bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, sự bình đẳng trước pháp luật các tôn giáo. Phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại các âm mưu và hành động lợi dụng vấn đề tôn giáo để chia rẽ phái khối đại đoàn kết toàn dân, vi phạm pháp luật, chống phá đất nước của các thế lực phản động, thù địch.

Nội dung bảo vệ an ninh tôn giáo gồm: bảo đảm sự đúng đắn, hiệu quả của các quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tôn giáo; bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo của công dân, bảo đảm các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật; bảo đảm sự đoàn kết giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các tôn giáo, giữa cộng đồng dân cư theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo; phòng ngừa, đấu tranh với các âm mưu và hành động mê tín dị đoan, vi phạm pháp luật, lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam của các đối tượng và lực lượng phản động.

11.1.4.8. Bảo vệ an ninh thông tin

Mục tiêu của bảo vệ an ninh thông tin là bảo đảm sự an toàn, chính xác và bí mật của thông tin trong quá trình xác lập, chuyển tải, thu nhận, xử lý và lưu giữ tin của Đảng, Nhà nước, các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Nội dung bảo vệ an ninh thông tin bao gồm: Bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực thông tin; bảo vệ tổ chức, đội ngũ cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý và hoạt động thông tin của Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang; phòng chống các hoạt động mua chuộc, móc nối, lôi kéo của các thế lực thù địch và tội phạm; bảo vệ bí mật nhà nước được lưu giữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống thông tin; phòng, chống lộ, mất bí mật nhà nước qua hệ thống thông tin; quản lý nhà nước về an ninh thông tin, kiểm soát an ninh đối với toàn bộ hệ thống thông tin; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và tội phạm sử dụng hệ thống thông tin xâm phạm an ninh quốc gia; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các hoạt động phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, bảo đảm hoạt động an toàn cho hệ thống thông tin của Đảng, Nhà nước trong mọi điều kiện; sử dụng hệ thống thông tin đấu tranh, làm thất bại âm mưu, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các thế lực thù địch, phòng chống tội phạm.

11.2. Những vấn đề cơ bản về bảo đảm trật tự an toàn xã hội

11.2.1. Một số khái niệm

11.2.1.1. Trật tự an toàn xã hội

“Trật tự an toàn xã hội là trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Trạng thái xã hội bình yên, ổn định, kỷ cương, trật tự. Không có sự rối loạn, mất ổn định của xã hội.
- Cơ chế để bảo đảm trật tự an toàn xã hội là các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định.
- Trật tự xã hội là kết quả của việc các chủ thể xã hội điều chỉnh hành vi, tuân thủ các thiết chế xã hội.

11.2.1.2. Bảo đảm trật tự an toàn xã hội

“Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội”². Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Mục đích bảo đảm trật tự an toàn xã hội là duy trì xã hội bình yên, ổn định, trật tự, kỷ cương, an toàn.
- Biện pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội.
- Chủ thể: hệ thống các tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân, trong đó lực lượng cảnh sát nhân dân là nòng cốt.

11.2.2. Nguyên tắc bảo đảm trật tự an toàn xã hội

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc.

¹Từ điển bách khoa Công an nhân dân (2005), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

²Luật Công an nhân dân (2005), Điều 2, Khoản 2.

- Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn xã hội với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội.

11.2.3. Nội dung bảo đảm trật tự an toàn xã hội

11.2.3.1. Phòng chống tội phạm (trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh)

Phòng, chống tội phạm là việc tiến hành các biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm; phát hiện để ngăn chặn kịp thời các hành vi phạm tội, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại do tội phạm gây ra cho xã hội; điều tra khám phá tội phạm và người phạm tội để đưa ra xử lý trước pháp luật đảm bảo đúng người, đúng tội; giáo dục, cải tạo người phạm tội giúp họ nhận thức được lỗi lầm và cố gắng cải tạo tốt, có thể tái hòa nhập cộng đồng xã hội, trở thành người lương thiện, sống có ích cho xã hội.

Công tác phòng chống tội phạm trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội bao gồm: phòng, chống các loại tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội xâm phạm quyền sở hữu, các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội xâm phạm môi trường; các tội phạm về ma túy; các tội xâm phạm an toàn công cộng; các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính; các tội phạm về tham nhũng; các tội phạm khác về chức vụ; các tội xâm phạm hoạt động tư pháp.

Để phòng, chống tội phạm có hiệu quả đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, trong đó công an nhân dân là lực lượng chuyên trách. Thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm.

11.2.3.2. Giữ gìn trật tự công cộng

Trật tự công cộng là trạng thái xã hội có trật tự, ổn định, an toàn trên cơ sở mọi người tuân thủ các quy tắc, quy phạm pháp lý xác định ở những nơi công cộng. Trật tự công cộng là một mặt của trật tự an toàn xã hội. Các yếu tố bảo đảm trật tự công cộng bao gồm: những quy định chung về trật tự, yên tĩnh, vệ sinh, nếp sống văn minh; sự thưa nhau và tuân thủ những phong tục tập quán chung, quy tắc, quy định của pháp luật nơi công cộng; sự kiểm soát, duy trì trật tự của các lực lượng chức năng nơi công cộng. Các yếu tố này tương hỗ lẫn nhau nhằm bảo đảm các hoạt động lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi, vui chơi của mọi người nơi công cộng được ổn định, trật tự, an toàn và tôn trọng lẫn nhau.

Để giữ gìn trật tự công cộng phải nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục công dân chấp hành một cách tự giác, nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước, của tập thể, của cơ quan tổ chức và khu dân cư nơi công cộng. Chủ trọng xây dựng đời sống văn hóa, phát huy những giá trị tốt đẹp của phong tục tập quán truyền thống. Mặt khác, phải nâng cao hiệu lực quản lý hành chính nhà nước về trật tự công cộng, đồng thời đấu tranh xử lý nghiêm minh đối với những hành vi phạm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng.

11.2.3.3. Phòng chống tệ nạn xã hội

Tệ nạn xã hội là những hiện tượng xã hội có tính phổ biến, lan truyền, biểu hiện bằng những hành vi lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng. Tệ nạn xã hội hiện nay đang trở thành một vấn nạn nổi cộm, nhất là tệ nạn mại dâm, ma túy, cờ bạc, mê tín dị đoan. Tệ nạn xã hội là cơ sở xã hội của tình trạng phạm tội, là một trong những nguồn gốc phát sinh tội phạm. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, xuất hiện một số tệ nạn xã hội mới du nhập từ bên ngoài vào, nhiều tệ nạn xã hội đã xâm nhập vào mọi tầng lớp xã hội, mọi vùng miền khác nhau, mọi lứa tuổi, nhất là thanh thiếu niên. Tệ nạn xã hội ở nước ta nảy sinh do văn hóa truyền thống bị xói mòn, lối sống thực dụng và sự xuống cấp của đạo đức xã hội ở một bộ phận dân cư nhưng không bị xã hội lên án.

Phòng chống tệ nạn xã hội là nhiệm vụ của toàn xã hội, phải được tiến hành thường xuyên liên tục, và bằng hệ thống các biện pháp như: tuyên truyền giáo dục, hành chính, kinh tế, pháp luật vv. Huy động sự tham gia của mọi lực lượng, mọi ngành, mọi cấp, của cả cộng đồng trong đó lực lượng Công an giữ vai trò nòng cốt, xung kích.

11.2.3.4. Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông

Trật tự, an toàn giao thông là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông, vận tải công cộng mà mọi người phải tuân theo khi tham gia giao thông, nhờ đó đảm bảo cho hoạt động giao thông thông suốt, có trật tự, an toàn, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông gây thiệt hại về người và tài sản. Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông không phải là nhiệm vụ của riêng các lực lượng chức năng (cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông công chính...) mà là trách nhiệm của tất cả mọi người khi tham gia giao thông. Đó là việc nắm vững và tuân thủ nghiêm túc Luật giao thông, mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông phải được xử lý nghiêm khắc, những thiếu sót, yếu kém là nguyên nhân, điều kiện gây ra các vụ tai nạn giao thông phải được khắc phục nhanh chóng.

11.2.3.5. Bảo vệ môi trường

Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước, dân tộc và nhân loại. Bảo vệ môi trường là tập hợp những biện pháp giữ cho môi trường trong sạch, sử dụng hoặc phục hồi một cách hợp lí sinh giới (vi sinh vật, thực vật, động vật) và môi sinh (đất, lòng đất, nước, không khí, khí hậu...), đảm bảo sự cân bằng sinh thái... nhằm tạo ra một không gian tối ưu cho cuộc sống của con người.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cùng với sự hội nhập kinh tế toàn cầu của Việt Nam, bảo vệ môi trường ở nước ta đang đặt ra rất nhiều khó khăn, thách thức to lớn. Môi trường đất, nước, không khí ngày càng ô nhiễm trầm trọng, cảnh quan thiên nhiên, công trình văn hóa ...ngày càng xuống cấp do ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của người dân chưa cao, sự buông lỏng trong quản lý và hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường của các lực lượng chức năng còn thấp v.v. Bảo vệ môi trường đã và đang trở thành vấn đề hết sức cấp thiết, sống còn đối với sức khỏe con người, sự phát triển bền vững của đất nước và nhân loại. Đòi hỏi sự vào cuộc với trách nhiệm cao nhất của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và mỗi người dân.

11.2.3.6. Phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai

Tai nạn lao động, dịch bệnh và thiên tai đang dần trở thành những mối hiểm họa đe dọa to lớn đối với sức khỏe, cuộc sống, hạnh phúc của mỗi người và đối với sự ổn định, phát triển của đất nước. Nguyên nhân của tai nạn lao động, dịch bệnh, thiên tai có cả khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là do con người. Phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai là tiến hành các biện pháp nhằm hạn chế thấp nhất những thiệt hại do tai nạn, dịch bệnh, thiên tai xảy ra. Để phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai hiệu quả cần phải hoàn thiện các quy định về an toàn cháy nổ, an toàn lao động, chăm sóc bảo vệ sức khỏe, phòng chống tác hại của thiên tai. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để mỗi người dân, cơ quan, tổ chức nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai. Mặt khác Nhà nước cần có chiến lược, kế hoạch để phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai. Xây dựng hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm các quy định trong phòng ngừa tai nạn lao động và phòng chống dịch bệnh, thiên tai.

11.3. Những vấn đề cơ bản về nhận diện đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội

11.3.1. Dự báo tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội

11.3.1.1. Dự báo tình hình an ninh quốc gia

Trong những năm tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng đang bị đe doạ bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt. Do tác động của đại dịch Covid-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Các nước điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng. Tại Đông Nam Á, môi trường an ninh, tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác, nhất là an ninh mạng, ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe doạ nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta.

Các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, đặc biệt là thâm nhập phá hoại nội bộ, tác động chuyển hóa từ trong nội bộ. Các đối tượng này thường xuyên tuyên truyền, kích động, lôi kéo các phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất trong nội bộ cơ quan đảng, tổ chức bộ máy nhà nước, gây mâu thuẫn, thù hận trong nội bộ nhân dân, âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đặc biệt là đối với lực lượng vũ trang, chúng tuyên truyền xuyên tạc, kích động gây mâu thuẫn chia rẽ lực lượng Công an, Quân đội; đòi “phi chính trị hóa lực lượng vũ trang”; xóa bỏ nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội và Công an, đặc biệt kích động, xuyên tạc mối quan hệ Công an với nhân dân.

11.3.1.2 Dự báo tình hình về trật tự an toàn xã hội

Với sự phát triển kinh tế thị trường và quá trình mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế làm cho tình hình trật tự, an toàn xã hội có nhiều diễn biến phức tạp. Một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng, xuất hiện nhiều loại tội phạm mới phi truyền thống như tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có tính chất quốc tế, tội phạm khủng bố, tội phạm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm môi trường, tội phạm hình sự đặc biệt nguy hiểm, cướp của, giết người, chống người thi hành công vụ, đâm thuê chém mướn, bảo kê nhà hàng và các hành vi phạm tội khác có tính chất côn đồ, hung hăng gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Tính chất của tội phạm ngày càng nguy hiểm, manh động. Phuong thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có liên kết của tội phạm hình sự - kinh tế - ma túy ngày càng chặt chẽ, hình thành các đường dây hoạt động phạm tội liên tỉnh, xuyên quốc gia.Đối tượng phạm tội, đặc biệt là phạm tội về trật tự xã hội phần lớn là số không có nghề nghiệp ổn định và có xu hướng trẻ hóa. Hậu quả của tội phạm không những gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân, Nhà nước mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Song bên cạnh đó thì diễn biến của tệ nạn xã hội trên các địa bàn ngày càng phức tạp, đặc biệt là tệ nạn nghiện ma túy, tệ nạn mại dâm, tệ nạn cờ bạc, trong đó đánh bạc công nghệ cao hiện nay diễn biến ngày một tinh vi và phức tạp.

Trước diễn biến ngày càng phức tạp của nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội, vấn đề đặt ra là phải làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và ngăn chặn kịp thời những loại tội phạm và tệ nạn xã hội để bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

11.3.2. Quan điểm, căn cứ xác định đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội

11.3.2.1. Quan điểm

Đảng ta luôn khẳng định, Việt Nam “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” và “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hoá, đa phuong hoá trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”¹.

Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác. Bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng của chúng ta.

11.3.2.2. Căn cứ

Căn cứ vào những âm mưu, hành động gây chiến tranh xâm lược; “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ chế độ; xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, dân tộc của Việt Nam bằng phuong thức vũ trang hoặc phi vũ trang, cả từ bên ngoài và bên trong. Đối tượng của cách mạng Việt Nam được xác định là, những thế lực có âm mưu và hành động chống phá nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

11.3.3. Đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội

11.3.3.1. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia

¹ Nghị quyết Hội nghị Trung ương Tám khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”.

- Những đối tượng đối lập về ý thức hệ, có âm mưu và hành động nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch nói chung. Về bản chất, các thế lực này hoàn toàn đối lập về ý thức, tư tưởng, họ muốn xóa bỏ nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng ta là chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phủ nhận đường lối, quan điểm của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng; lịch sử truyền thống, nền văn hóa dân tộc.

- Đối tượng thuộc các lực lượng dân tộc hẹp hòi, có ý đồ bành trướng, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ. Tuy cùng có ý thức hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cùng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh để bảo vệ xã hội xã hội chủ nghĩa, nhưng do lợi ích dân tộc hẹp hòi, họ có chủ trương và hành động xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền lãnh thổ của nước ta, ở cấp độ cao hơn có thể dẫn đến xung đột vũ trang và chiến tranh biên giới trên biển, trên bộ và trên không.

- Một số nước có thể bị các nước lớn thao túng, có âm mưu và hành động chống phá nước ta. Trong điều kiện bình thường, họ là những đối tác tốt nhưng trong điều kiện phức tạp, có thể bị kích động, lôi kéo, thao túng, can thiệp, chống lại chúng ta. Trong đó, có thể có một số nước vốn có quan hệ hữu nghị truyền thống cũng trở thành đối tượng.

- Trong tình hình hiện nay, cần tập trung đấu tranh với các tổ chức gián điệp, phản động, các phần tử cơ hội chính trị, thoái hóa biến chất, lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, hội nhập mở cửa, đầu tư hợp tác, thăm thân, du lịch... để gây dựng cơ sở bí mật, thu thập thông tin tình báo để chống phá Đảng, Nhà nước ta.

11.3.3.2. Đối tượng xâm phạm trật tự an toàn xã hội

Đối tượng xâm phạm trật tự an toàn xã hội là những người có hành vi phạm tội gây thiệt hại đến tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân, đến tính mạng sức khỏe và danh dự phẩm giá của con người, đến trật tự an toàn xã hội nhưng không có mục đích chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Tội phạm xuyên quốc gia
- Tội phạm có tính chất quốc tế
- Tội phạm khủng bố
- Tội phạm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng
- Tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em
- Tội phạm sử dụng công nghệ cao
- Tội phạm hình sự

Đây là các loại tội phạm mà chúng ta phải làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và ngăn chặn kịp thời để bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, hiện nay cần tập trung đấu tranh với các đối tượng sau: Bọn tội phạm kinh tế, nhất là bọn tham nhũng, bọn buôn lậu, bọn sản xuất hàng giả và tiêu thụ tiền giả; bọn tội phạm về ma tuý; bọn tội phạm hình sự, tập trung vào bọn hoạt động có tổ chức, bọn lưu manh chuyên nghiệp, sử dụng bạo lực, tội phạm có quan hệ với nước ngoài.

11.4. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội

11.4.1. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nhân dân làm chủ, Công an là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội

Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch, phản động và số đối tượng cơ hội chính trị tiếp tục hoạt động chống phá công khai, quyết liệt, thâm độc và xảo quyệt hơn. Trước tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường, sự khó khăn của tình hình kinh tế - xã hội, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ sẽ diễn biến ngày càng phức tạp, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội đứng trước nhiều thách thức mới, nguy hiểm. An ninh tài chính, tiền tệ, đầu tư; an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa, tư tưởng; an ninh trong tôn giáo, dân tộc và an ninh xã hội tiềm ẩn những yếu tố có thể gây mất ổn định về an ninh, trật tự. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, nhất là tội phạm mạng, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm khủng bố đe dọa trực tiếp đến an ninh quốc gia của nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin, lộ, lọt bí mật nhà nước ngày càng nghiêm trọng v.v. Để bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội cần phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, quyền làm chủ của nhân dân và vai trò nòng cốt của Công an nhân dân. Đây quan điểm quan trọng hàng đầu, có tính nguyên tắc, quyết định tới sự thành công của công cuộc bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội hiện nay ở nước ta.

Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, của toàn dân, trong đó lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt, phối hợp chặt chẽ với Quân đội nhân dân và các cấp, các ngành trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Đây là quan điểm, tư tưởng cơ bản, xuyên suốt, là vấn đề có tính nguyên tắc, là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh. Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội nhằm tạo sự thống nhất về chính trị, tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân, là nhân tố cốt lõi bảo đảm ổn định chính trị, xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, phương thức đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nhà nước thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của mọi tổ chức, mọi lực lượng, nhất là cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục và thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở. Làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc về công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Chú trọng thực hiện tốt công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho các tầng lớp nhân dân; đồng thời tích cực tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, giúp nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống, xóa đói, giảm nghèo; qua đó, góp phần tăng cường "thế trận lòng dân" vững chắc. Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, huy động cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tham gia cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, an ninh, trật tự ngay từ cơ sở.

Phát huy vai trò nòng cốt trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, lực lượng Công an nhân dân phải thấu suốt tư duy mới của Đảng về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình

huống. Chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Lực lượng Công an phải tập trung giải quyết những khâu cơ bản, quan trọng nhất trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phải tổ chức hướng dẫn các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

11.4.2. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là quy luật phát triển của cách mạng nước ta, là hai nhiệm vụ chiến lược của đất nước ta hiện nay. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là khách quan, tất yếu, thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo tiền đề, điều kiện cho nhau, cùng hướng tới một mục tiêu chung là độc lập, chủ quyền của đất nước, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Có bảo vệ vững chắc Tổ quốc mới tạo ra được môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước. Ngược lại, có xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao sức mạnh tổng hợp, thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân mới có nguồn lực để đầu tư củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước; mới củng cố, tăng cường được sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc; tạo được sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế ... Đây là những yếu tố có vai trò và ý nghĩa quyết định đối với việc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện tốt việc kết hợp xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, cần quan tâm đến một số vấn đề sau đây: Quan tâm xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, kết hợp với bảo vệ Đảng, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội; chăm lo xây dựng đội ngũ đảng viên xứng đáng là người lãnh đạo, là “đài tivi” trung thành của nhân dân. Mặt khác, phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, tăng cường cải cách hành chính trong bộ máy Nhà nước.

Quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước vừa có đức, vừa có tài, vừa “hồng”, vừa “chuyên”, nhất là phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp, tác phong công tác, xứng đáng là “công bộc” của dân. Đầy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, nhất là trong bộ máy Đảng và Nhà nước, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm trong sạch bộ máy, trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên để không ngừng củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành cần có những chủ trương, chính sách để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, nhất là ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng cao, biên giới, hải đảo. Quan tâm giải quyết tốt những vấn đề xã hội, nhất là những vấn đề bức xúc, nổi cộm, xây dựng và phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước. Có đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân, nhằm huy động sức mạnh của nhân dân cả trong nước và ngoài nước trong kết hợp xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

11.4.3. Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm trật tự an toàn xã hội

An ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội là hai thành phần cấu thành trật tự xã hội. Đây là hai nội dung của một thể thống nhất trong chức năng quản lý nền trật tự xã hội và có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó an ninh quốc gia là nội dung cơ bản nhất, quyết định nhất. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia là bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo ra một trong những điều kiện cơ bản nhất để xây dựng đất nước ổn định, phát triển vững mạnh. An ninh quốc gia được bảo vệ vững chắc sẽ tạo điều kiện cơ bản thuận lợi để bảo vệ tốt trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn xã hội được giữ vững sẽ tạo điều kiện cho an ninh quốc gia càng được củng cố vững chắc, hiệu lực quản lý của Nhà nước được tăng cường, quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm, cuộc sống của mọi người được yên vui, hạnh phúc.

Trật tự, an toàn xã hội cùng với an ninh quốc gia tạo nên sự ổn định, phát triển bền vững của đất nước, là hàng rào an toàn trước những nguy cơ tấn công từ mọi phía, bằng mọi thủ đoạn của các thế lực thù địch với Việt Nam, đồng thời góp phần củng cố vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Giữ cho xã hội được an toàn, có trật tự, kỷ cương cũng có nghĩa là tạo được môi trường hòa bình, ổn định, an toàn để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Một khía cạnh khác, trật tự an toàn xã hội nếu bị vi phạm nghiêm trọng hoặc giải quyết không khéo léo cũng sẽ gây ảnh hưởng xấu, thậm chí có khi chuyển thành vấn đề chống đối về mặt chính trị, ảnh hưởng xấu về an ninh quốc gia.

11.5. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội

11.5.1. Vận động mọi người cùng tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội:

Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại các điều:

Điều 11: Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị;

Điều 44: Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất;

Điều 45: Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân;

Điều 46: Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Luật an ninh quốc gia năm 2004:

Điều 8. Trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia: Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật;

Điều 9. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia: Nhà nước bảo vệ, giữ bí mật cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia có thành tích thì được khen thưởng, bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia

Tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Tố cáo hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, hành vi lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Phát hiện, kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia.

Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia cho chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia nơi gần nhất.

Thực hiện yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

Luật Hình sự năm 2017:

Điều 4. Trách nhiệm phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm

Cơ quan Công an, Viện Kiểm sát Nhân dân, Tòa án Nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng.

Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình.

Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

Luật Thanh niên năm 2020:

Điều 12. Trách nhiệm đối với Tổ quốc

Phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc; xung kích, sáng tạo, đi đầu trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; đảm nhận công việc khó khăn, gian khổ, cấp bách khi Tổ quốc yêu cầu.

Đấu tranh với các âm mưu, hoạt động gây phuơng hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

Điều 13. Trách nhiệm đối với Nhà nước và xã hội

Gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân

Tham gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia.

Chủ động đề xuất ý tưởng, sáng kiến trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật; tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

Xây dựng các mô hình sản xuất, kinh doanh tạo việc làm; tham gia bảo vệ môi trường và các hoạt động vì lợi ích của cộng đồng, xã hội.

Tích cực tham gia hoạt động chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

Điều 14. Trách nhiệm đối với gia đình

Chăm lo hạnh phúc gia đình; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Kính trọng, hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ và tôn trọng các thành viên khác trong gia đình; chăm sóc, giáo dục con em trong gia đình.

Tích cực phòng, chống bạo lực gia đình, xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình.

Điều 15. Trách nhiệm đối với bản thân

Rèn luyện đạo đức, nhân cách, lối sống văn hóa, ứng xử văn minh; có trách nhiệm công dân, ý thức chấp hành pháp luật; phòng, chống tiêu cực, tệ nạn xã hội, hành vi trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Tích cực học tập, nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng; tiếp cận, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

Chủ động tìm hiểu về thị trường lao động; lựa chọn nghề nghiệp, việc làm phù hợp; rèn luyện ý thức trách nhiệm, kỷ luật lao động và tác phong chuyên nghiệp; sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động.

Rèn luyện, bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần; trang bị kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, phòng, chống bệnh tật; không lạm dụng rượu, bia; hạn chế sử dụng thuốc lá; không sử dụng ma túy, chất gây nghiện và chất kích thích khác mà pháp luật cấm; phòng, chống tác hại từ không gian mạng.

Tích cực tham gia các hoạt động, phong trào văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh; bảo vệ, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

11.5.2. Không ngừng nâng cao nhận thức, nâng cao cảnh giác, tích cực tham gia đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các đối tượng, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội

Học sinh, sinh viên phải không ngừng học tập nghiên cứu, nắm vững các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nắm chắc mọi âm mưu, thủ đoạn, hành động chống phá của các đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Nêu cao tinh thần cảnh giác, không để bị lôi kéo, kích động, đồng thời tích cực đấu tranh có hiệu quả với các hành vi sai trái, tiêu cực trong xã hội.

Phát hiện những tổ chức, người có hành vi tuyên truyền, lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động trái quy định của pháp luật nhằm chống đối lại Đảng, Nhà nước để báo cáo với lãnh đạo nhà trường, chính quyền và các cơ quan bảo vệ pháp luật, có ý thức bảo vệ bí mật nhà nước.

Tham gia xây dựng nếp sống văn minh trật tự ngay trong trường học, kí túc xá, khu vực dân cư mà mình sinh sống, bảo vệ môi trường, giúp đỡ các cơ quan chuyên trách trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tham gia các hoạt động xã hội để góp phần bảo đảm an ninh, trật tự xã hội như: chấp hành nghiêm chỉnh Luật giao thông đường bộ, giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng, phòng chống cháy nổ, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường v.v.

Bản thân luôn nhận thức được sự nguy hại của các tệ nạn xã hội để không mắc phải và tuyên truyền vận động cho nhiều người khác thấy được sự nguy hại của các tệ nạn xã hội nhất là tệ nạn nghiện ma túy, cờ bạc, mại dâm. Phát hiện những địa điểm tổ chức, đối tượng tham gia các tệ nạn xã hội để báo cáo với lãnh đạo nhà trường, chính quyền địa phương, các cơ quan bảo vệ pháp luật mà trực tiếp là lực lượng công an nhân dân để có biện pháp đấu tranh kịp thời, hiệu quả.

Tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; phát hiện tố giác kịp thời các đối tượng, băng nhóm tổ chức tội phạm để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có biện pháp giải quyết.

Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên và là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước. Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, lâu dài, phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố nhạy cảm không thể một phút lơ là. Vì vậy, để bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội phải dựa vào sức mạnh của toàn dân, của cả dân tộc, của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Trong tình hình hiện nay, yêu cầu cấp bách là phải huy động và phát huy cho được sức mạnh tổng hợp từ mọi nguồn lực cả bên trong và bên ngoài; đoàn kết, tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức quốc tế và nhân dân tiến bộ, dân chủ trên thế giới; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh truyền thống và hiện đại trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phát huy cao nhất vai trò làm chủ của quần chúng nhân dân, lực lượng chuyên trách trong đấu tranh với các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc môi trường hòa bình, ổn định, phát triển của đất và cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia Việt Nam hiện nay ?
2. Quan điểm xác định đối tác, đối tượng của Đảng ta ?
3. Nội dung đảm bảo trật tự an toàn xã hội hiện nay ?
4. Quan điểm của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội?

PHẦN HAI: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Chương 1

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LUỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Sau khi học xong, học sinh, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch và mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, phương châm, giải pháp trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.

Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên có phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn để đấu tranh làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực địch chống phá cách mạng Việt Nam hiện nay.

Về thái độ: Xây dựng cho người học có bản lĩnh chính trị vững vàng, lập trường tư tưởng kiên định, tinh thần đấu tranh không khoan nhượng với các biểu hiện sai trái, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong xã hội và các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.

B. NỘI DUNG

Ban đầu “Diễn biến hòa bình” chỉ được sử dụng như một biện pháp hỗ trợ cho các chiến lược “ngăn chặn”, “phản ứng linh hoạt”... của chủ nghĩa đế quốc để chống phá chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng thế giới. Sau này, “diễn biến hòa bình” đã trở thành chiến lược cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động âm mưu lật đổ chế độ chính trị – xã hội các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến lược “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc đã góp phần quyết định làm sụp đổ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

Hiện nay chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang ra sức thực hiện “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ chống phá quyết liệt các nước xã hội chủ nghĩa còn lại trong đó Việt Nam là một trọng điểm. Vì vậy chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1.1. Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

1.1.1. Khái niệm

1.1.1.1. Chiến lược “diễn biến hòa bình”

“Diễn biến hòa bình” là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong bằng các biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau:

- Chủ thể thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” hiện nay không chỉ là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, có cả các nước theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, bành trướng và bá quyền, các phần tử cơ hội, bất mãn trong nước.

- Mục tiêu của “diễn biến hòa bình” là lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa.

- Biện pháp, sử dụng các biện pháp chủ yếu là phi quân sự để làm suy yếu từ bên trong, kích động mâu thuẫn, hình thành các tổ chức chính trị đối lập, tạo nên quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tập trung chống phá các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Triệt để tận dụng các sai sót, khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trên các lĩnh vực của đời sống xã hội để khoét sâu mâu thuẫn, kích động tư tưởng chống đối, xây dựng lực lượng phản động từ bên trong vv.

¹Bộ Quốc phòng, Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự (2005), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 303.

- Hình thức, kết hợp các hình thức “mưa dầm thấm lâu”, mềm, ngầm, sâu, và nấp dưới các chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, tôn giáo để chống phá từ bên trong.

- Bản chất, là một chiến lược phản động mang tính toàn cầu.

1.1.1.2. *Bạo loạn lật đổ*

Bạo loạn lật đổ là hành động chống phá bằng bạo lực có tổ chức do lực lượng phản động hay lực lượng li khai, đối lập trong nước hoặc cấu kết với nước ngoài tiến hành gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc lật đổ chính quyền ở địa phương hay trung ương¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau:

- Chủ thể thực hiện bạo loạn lật đổ là lực lượng phản động, ly khai, đối lập trong nước, bọn bất mãn, tiêu cực đối với xã hội.

- Mục tiêu là, gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, lật đổ chính quyền ở địa phương hay trung ương.

- Biện pháp, kích động người dân hiếu kỳ, tiêu cực ..biểu tình, tấn công bằng bạo lực có tổ chức dưới sự chỉ đạo của những tổ chức phản động ở trong và ngoài nước.

- Hình thức, sử dụng các hình thức bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang, bạo loạn chính trị kết hợp với bạo loạn vũ trang.

- Bản chất, thủ đoạn phản động.

1.1.2. *Mối quan hệ giữa chiến lược “diễn biến hòa bình” và bạo loạn lật đổ*

Chiến lược “diễn biến hòa bình” tạo ra những điều kiện làm cho xã hội suy yếu, khủng hoảng từ đó hình thành tư tưởng bất mãn, tiêu cực, chống đối và tạo nên quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” từ bên trong. Đây là điều kiện, cơ sở để các tổ chức phản động, đối lập tập hợp lực lượng và kích động tiến hành bạo loạn lật đổ.

Bạo loạn lật đổ tạo nên quá trình làm rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã, làm suy yếu các tổ chức trong hệ thống chính trị, gây ra tình trạng xã hội rối ren, làm cho các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh, đối ngoại, dân tộc tôn giáo... ngày càng khủng hoảng. Đây là điều kiện để chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch mượn cớ, nấp dưới các chiêu bài tự do, dân chủ nhân quyền, tôn giáo để can thiệp, chống phá và đẩy mạnh quá trình “diễn biến hòa bình” tiến tới lật đổ chính quyền và chế độ chính trị xã hội.

Chiến lược “diễn biến hòa bình” và bạo loạn lật đổ có mối quan hệ tác động, hỗ trợ, bổ sung cho nhau.Bạo loạn lật đổ là thủ đoạn nhằm bổ sung, hỗ trợ, hoàn thiện cho chiến lược “diễn biến hòa bình”. Ngược lại, “diễn biến hòa bình” tạo ra điều kiện để thúc đẩy nhanh quá trình tiến hành bạo loạn lật đổ của các lực lượng phản động, đối lập.Trên thực tiễn, bạo loạn lật đổ là một thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động gắn liền với chiến lược “diễn biến hòa bình” để thực hiện mục tiêu xoá bỏ chủ nghĩa xã hội.

1.1.3. *Quá trình hình thành, phát triển của chiến lược “diễn biến hòa bình”*

Chiến lược “diễn biến hòa bình” ra đời, phát triển cùng với sự điều chỉnh phương thức, thủ đoạn chiến lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế để chống phá các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến lược “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau.

¹ Bộ Quốc phòng, Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự(2005), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 63.

1.1.3.1. Giai đoạn từ 1945 – 1980, hình thành, phát triển và hoàn thiện chiến lược “diễn biến hòa bình”

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, trước sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng thế giới cùng với sự lớn mạnh của Liên Xô và sự ra đời của hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới, chủ nghĩa đế quốc đã thay đổi phương thức để chống phá phong trào cách mạng và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa.

Ngày 22 tháng 12 năm 1946, G. F. Kennan đại diện lâm thời của Mỹ tại Liên Xô trình nên chính phủ Mĩ một bức điện 8.000 từ về kế hoạch chống Liên Xô toàn diện hơn bao gồm: Bao vây quân sự, phong tỏa kinh tế; lật đổ chính trị; thậm chí dùng vũ lực can thiệp. Cũng trong thời gian này, giám đốc CIA (cơ quan tình báo Mĩ) tuyên bố: Mục tiêu là phải gieo rắc ở Liên Xô sự hỗn loạn và phải bắt đầu bằng chiến tranh tâm lí thay giá trị của Liên Xô bằng đồ rởm và tìm mọi cách ủng hộ và nâng đỡ đám gọi là “nghệ sĩ” để họ truyền bá bạo lực, đồi trụy, chủ nghĩa vô liêm sỉ, phản bội vào Liên Xô. Tóm lại, mọi thứ vô đạo đức. Từ đó chiến tranh tâm lí chống Liên Xô được nâng lên hàng quốc sách ở Mĩ, gọi là chiến tranh tâm lí tổng lực. Đây là sự khởi đầu của chiến lược “diễn biến hòa bình”.

Ngày 12 tháng 3 năm 1947, Tổng thống Mỹ Harry S. Truman khởi xướng chiến lược “Ngăn chặn” sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản. Chiến lược này coi trọng dùng thủ đoạn quân sự đe dọa, bao vây, can thiệp vũ trang, cùng với tiến hành chiến tranh để “ngăn chặn” ảnh hưởng của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Tháng 4 năm 1948, Quốc hội Mĩ chính thức phê chuẩn Kế hoạch Marshall, tăng viện trợ để khích lệ lực lượng dân chủ, cài cắm gián điệp vào các đảng cộng sản để phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa và ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Tây Âu, hướng họ phụ thuộc vào Mĩ. Trong hai năm 1949 – 1950 Mĩ đã chi 50 triệu đô la cho hoạt động chiến tranh tâm lí chống Liên Xô. Năm 1949 Mĩ lập Ủy ban châu Âu tự do có đài phát thanh riêng. Như vậy, cho đến đầu thập kỷ 50, với chủ nghĩa H. S. Truman ý tưởng “diễn biến hòa bình” đã được bổ sung cho chiến lược tiến công quân sự của Mĩ chống Liên Xô.

Từ năm 1953, Dwight D. Eisenhower nhận chức tổng thống và 1956 lại trúng cử nhiệm kỳ II đến năm 1961, chính phủ Mĩ đã đề ra chiến lược quân sự “trả đũa ô at”. Dwight D. Eisenhower đưa vào sức mạnh răn đe của vũ khí hạt nhân để thực hiện “ngăn chặn” chủ nghĩa cộng sản. Mĩ đã đưa quân đi khắp thế giới, can thiệp vào nội bộ chính trị các nước trong thế giới thứ ba. Trong đó chúng coi chiến trường Việt Nam là mục tiêu chính để phá hoại chủ nghĩa xã hội và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc (GPDT). Song song với chiến lược trả đũa ô at, học thuyết “ngăn chặn phi vũ trang” của G. F. Kennan được tán dương và hưởng ứng, bổ xung bởi các học giả của tập đoàn thống trị Mĩ, xuất hiện ý tưởng “hòa bình giải phóng” của John F. Dulles. Như vậy, ý tưởng “diễn biến hòa bình” được bổ sung và trở thành biện pháp của chiến lược “ngăn chặn” của đế quốc Mĩ.

Đến tháng 12 năm 1957, Tổng thống Dwight D. Eisenhower đã tuyên bố “Mĩ sẽ giành thắng lợi bằng hòa bình” và mục đích của chiến lược để làm suy yếu và lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa. “diễn biến hòa bình” đã trở thành chiến lược và cùng với chiến lược tiến công quân sự để chống phá, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa trên toàn cầu. Tháng 01/1961, John F. Kennedy thay Dwight D. Eisenhower và đã đưa ra chiến lược “phản ứng linh hoạt” cùng chiến lược “hòa bình”, thực hiện chính sách “mũi tên và cành Ôliu”. Từ đây, “diễn biến hòa bình” đã bước đầu trở thành chiến lược cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và luôn đi cùng sức mạnh quân sự. Tháng 12/1963, John F.

Kennedy bị ám sát, Phó Tổng thống Lyndon B. Johnson thay thế, kiêm nhiệm tới năm 1969, Lyndon B. Johnson thúc đẩy chạy đua vũ trang, triệt để dùng sức mạnh quân sự đi kèm với những hoạt động phá hoại bằng chính trị mà điển hình là: các vụ bạo loạn ở cộng hòa dân chủ Đức (1953), Ba Lan, Hungary (1956) Tiệp khắc (1968). Do lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có Liên bang Xô viết lớn mạnh, chúng lấy chiến lược “phản ứng linh hoạt” thay cho chiến lược “trả đũa ô ạt” và tìm kiếm những biện pháp mới đi song song cùng các hoạt động quân sự hòng chống phá hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1968 đến năm 1972 Richard Nixon trúng cử tổng thống trong bối cảnh so sánh lực lượng Mĩ – Xô đã thay đổi nhất là lực lượng hạt nhân chiến lược đang ở thế cân bằng, thất bại trong chiến trường Trung đông, Việt Nam. Richard Nixon thực hiện chiến lược quân sự “răn đe thực tế” mà mục đích cơ bản là ngăn chặn phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa đang diễn ra trên toàn thế giới. Cũng trong thời gian này Mĩ thực hiện chính sách ngoại giao “cây gậy và củ cà rốt” tuy vẫn coi trọng răn đe vũ khí hạt nhân nhưng đã chủ trương tăng cường tiếp xúc, hoà hoãn với các nước xã hội chủ nghĩa, tiến hành thảm tháu tư tưởng văn hoá, gieo rắc hạt giống chống phá từ bên trong... thúc đẩy tiến trình “diễn biến hòa bình” đối với các nước xã hội chủ nghĩa. Chính Richard Nixon đã nêu ra chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa là dùng đối thoại thay cho đối đầu. Đàm phán trên thế mạnh là thủ đoạn của Richard Nixon để thực hiện “diễn biến hòa bình”.

1.1.3.2. Giai đoạn từ năm 1980 đến nay, đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” làm sụp đổ hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới

Bước vào thập kỷ 80, chủ nghĩa Tư bản đạt được ổn định và có bước phát triển. Nhiều nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng, thực hiện đường lối cải tổ, cải cách sai lầm, càng dẫn đến khủng hoảng trầm trọng. Lợi dụng cơ hội đó, chủ nghĩa đế quốc hoàn chỉnh chiến lược “diễn biến hòa bình” và ráo riết thực hiện nhằm làm sụp đổ Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cùng các nước xã hội chủ nghĩa khác. Có thể lấy năm 1988, Richard Nixon xuất bản cuốn sách “1999, chiến thắng không cần chiến tranh” làm mốc cho sự hoàn chỉnh chiến lược “diễn biến hòa bình”.

Thất bại trong chiến lược sử dụng sức mạnh quân sự mà điển hình là ở Việt Nam, giữa những năm 80, Tổng thống Mỹ Ronald Reagan bắt đầu điều chỉnh chiến lược toàn cầu từ “răn đe thực tế bằng quân sự” sang chiến lược “diễn biến hòa bình” đối với các nước xã hội chủ nghĩa mà khởi nguồn là chính sách ngoại giao của cựu ngoại trưởng Mĩ Henry Alfred Kissinger. Cùng với sự chống phá điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc và những sai lầm trong thực hiện công cuộc cải tổ chính trị và cải cách kinh tế mà kết quả của nó là sự tan rã của các nước xã hội chủ nghĩa ở đông Âu và Liên Xô, sự thoái trào của hệ thống các nước chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Hiện nay, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục ra sức sử dụng chiến lược “diễn biến hòa bình” để thực hiện âm mưu xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Từng bước làm xói mòn tư tưởng, đạo đức, lối sống và niềm tin cộng sản của thế hệ trẻ để thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “tự suy yếu”, dẫn đến sụp đổ, tan rã chênh lệch độ xã hội chủ nghĩa từ bên trong.

1.2. Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

1.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “diễn biến hòa bình” đối với cách mạng Việt Nam

1.2.1.1. Âm mưu của chiến lược “diễn biến hòa bình” đối với cách mạng Việt Nam

Chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực thù địch luôn coi Việt Nam là một trong điểm trong chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đưa Việt Nam đi theo con đường của chủ nghĩa đế quốc.

Sau khi thất bại về quân sự trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chúng đã chuyển sang chiến lược mới như “bao vây cấm vận kinh tế”, “cô lập về ngoại giao” kết hợp với “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá Việt Nam. Từ năm 1975 – 1994, lợi dụng thời kì nước ta gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội do hậu quả của chiến tranh để lại và sự biến động chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, các thế lực thù địch càng ráo riết đẩy mạnh “diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam.

Từ năm 1995 đến nay, trước những thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, các thế lực thù địch lại tiếp tục điều chỉnh phương thức chống phá cách mạng nước ta. Thông qua việc xoá bỏ “cấm vận kinh tế” và bình thường hóa quan hệ ngoại giao để chuyển sang thủ đoạn mới, đẩy mạnh hoạt động xâm nhập, dính líu, can dự... để chống phá.

1.2.1.2. Thủ đoạn của chiến lược “diễn biến hòa bình” đối với cách mạng Việt Nam

Để đạt được mục tiêu lật đổ chế độ chính trị và đưa Việt Nam đi theo quỹ đạo của các nước đế quốc, các thế lực thù địch không từ bỏ bất kì thủ đoạn chống phá nào, bằng cả các biện pháp vũ trang và phi vũ trang. Thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tập trung chống phá nước ta trên các lĩnh vực chủ yếu sau.

- Chống phá về kinh tế

Mục tiêu, đây là thủ đoạn chống phá trọng yếu, mũi nhọn của chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm làm cho nền kinh tế nước ta khủng hoảng, kiệt quệ. Làm chuyển hóa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, dần theo quỹ đạo kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa dẫn đến lệ thuộc và chuyển hóa về chế độ chính trị.

Thủ đoạn, khích lệ thành phần kinh tế tư nhân phát triển, từng bước làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước, lấn dần sang các lĩnh vực liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia để chống phá và thao túng; lợi dụng sự giúp đỡ, viện trợ kinh tế, đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ cho Việt Nam để đặt ra các điều kiện và gây sức ép về chính trị, từng bước chuyển hóa Việt Nam theo con đường tư bản chủ nghĩa; lợi dụng những thiếu sót, sai lầm trong quản lý kinh tế và các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng để thổi phồng yếu kém, hạ bệ vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước vv.

- Chống phá về chính trị

Mục tiêu, là lĩnh vực chống phá hàng đầu, được coi là linh hồn của chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm kích động đòi thực hiện chế độ “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”, “tự do hóa” mọi mặt đời sống xã hội, từng bước xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thủ đoạn, Chúng tập hợp, nuôi dưỡng các tổ chức, phản tử phản động trong nước và ngoài nước, lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” để chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tận dụng những sơ hở trong đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước ta để phủ

nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước; tuyên truyền hạ bệ, bôi nhọ, phủ nhận giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới ở Việt Nam; xuyên tạc con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam v.v.

- Chống phá về tư tưởng - văn hóa

Mục tiêu, Là thủ đoạn chống phá trọng điểm nhằm xoá bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phi chính trị hóa lực lượng vũ trang, phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng và các truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta.

Thủ đoạn, ra sức truyền bá tư tưởng tư sản vào các tầng lớp nhân dân; lợi dụng xu thế mở rộng hợp tác quốc tế, du nhập những sản phẩm văn hóa đồi trụy, lối sống phuông Tây, để kích động lối sống tư bản trong thanh niên; lợi dụng các phương tiện thông tin truyền thông, các trang mạng xã hội để tuyên truyền, gieo rắc lối sống thực dụng, sống gấp, vô cảm, chạy theo đồng tiền, bạo lực trong các tầng lớp xã hội, nhất là thanh thiếu niên; từng bước làm phai mờ bản sắc văn hóa và các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

- Chống phá về lĩnh vực tôn giáo - dân tộc

Mục tiêu, Đây được coi là ngòi nổ của chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm chia rẽ, kích động các mâu thuẫn từ đó tạo lập các tổ chức đối lập, ly khai, phản động trong các dân tộc, các tôn giáo để phá vỡ khối đại đoàn kết của dân tộc ta.

Thủ đoạn, Chúng lợi dụng những khó khăn ở những vùng đồng bào dân tộc ít người, những tồn tại và mâu thuẫn do lịch sử để lại, trình độ dân trí của một bộ phận đồng bào còn thấp và những yếu kém, khuyết điểm trong thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo của một bộ phận cán bộ để kích động tư tưởng đòi li khai, tự quyết dân tộc; lợi dụng chính sách tự do tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta để truyền đạo trái phép, thành lập các tổ chức tôn giáo để “tôn giáo hóa” các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa nhằm lôi kéo đồng bào, dùng thần quyền và giáo lý tôn giáo để khống chế, kích động quần chúng chống lại chính quyền; tuyên truyền tố cáo, bịa đặt sai sự thật về tình hình tôn giáo, dân tộc để thực hiện quốc tế hóa vấn đề dân tộc, tôn giáo hòng can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

- Chống phá trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Mục tiêu, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và phi chính trị hóa đối với lực lượng vũ trang, làm cho lực lượng vũ trang xa rời mục tiêu chiến đấu, phai nhạt bản chất giai cấp cách mạng dẫn đến bị vô hiệu hóa.

Thủ đoạn, Các thế lực thù địch lợi dụng xu thế mở rộng, hợp tác quốc tế, thực hiện xâm nhập, tăng cường hoạt động tình báo thu thập bí mật quốc gia; cài cắm các phần tử gián điệp chui sâu, leo cao để chống phá trong các tổ chức vũ trang; mua chuộc lôi kéo các thành phần cơ hội thoái hóa biến chất để thu thập thông tin, chia rẽ nội bộ, làm mất uy tín đối với lực lượng vũ trang nhân dân; lợi dụng các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng trong xã hội để tuyên truyền gây xói mòn niềm tin, dao động về tư tưởng đối với cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân; trung lập hóa Quân đội, tuyên truyền chống phá, xuyên tạc nguyên tắc, cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội, “phi chính trị, phi giai cấp hóa đối với quân đội”.

- Chống phá trên lĩnh vực đối ngoại

Mục tiêu, đây được coi là hậu thuẫn của chiến lược “diễn biến hòa bình” trong tình hình hiện nay nhằm ngăn chặn sự mở rộng hợp tác, hạ bệ y tín của Việt Nam trên trường quốc tế, lái nước ta đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Thủ đoạn, các thế lực thù địch lợi dụng chủ trương Việt Nam mở rộng hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới để tuyên truyền và hướng Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản; hạn chế sự mở rộng quan hệ hợp tác của Việt Nam đối với các nước lớn trên thế giới; tìm cách ngăn cản những dự án đầu tư quốc tế vào Việt Nam; đặc biệt coi trọng việc chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa; cài cắm xây dựng các phần tử và tổ chức gián điệp, phản động để thực hiện “kén làm tổ” chờ cơ hội chống phá.

1.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam và yêu cầu trong phòng, chống bạo loạn lật đổ

1.2.2.1. Mục tiêu của các thế lực thù địch trong thực hiện bạo loạn lật đổ chống phá cách mạng Việt Nam

Gây rối loạn làm mất ổn định chính trị - xã hội tại một số vùng nhạy cảm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ, thành lập các khu vực tự trị riêng, ly khai ra khỏi Việt Nam.

Làm suy yếu hệ thống chính trị ở địa phương, chờ cơ hội lật đổ chính quyền ở địa phương, tiến tới lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

1.2.2.2. Thủ đoạn của các thế lực thù địch trong thực hiện bạo loạn lật đổ chống phá cách mạng Việt Nam

Các thế lực thù địch chú trọng nuôi dưỡng các tổ chức phản động sống lưu vong ở nước ngoài và kết hợp với các phần tử cực đoan, bất mãn trong nước gây rối, làm mất ổn định xã hội, nhất là ở những vùng nhạy cảm, khó khăn.

Chúng tiến hành lôi kéo, mua chuộc những người dân bất mãn, tiêu cực và cưỡng ép nhân dân biểu tình, chống đối... làm chỗ dựa cho bọn phản động trà trộn vào để đập phá, kích động cướp chính quyền ở địa phương.

Kích động sự bất bình của quần chúng, dụ dỗ họ để làm chỗ dựa cho lực lượng phản động trà trộn hoạt động đập phá trụ sở, rồi uy hiếp không chế cơ quan quyền lực của địa phương.

Trong quá trình gây bạo loạn, bọn phản động tìm mọi cách để mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng và kêu gọi sự tài trợ tiền của, vũ khí ngoài nước vào để tăng sức mạnh.

1.2.2.3. Yêu cầu trong phòng chống bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

Nâng cao cảnh giác cách mạng, kịp thời phát hiện âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, dự báo đúng thủ đoạn, quy mô, địa điểm và thời gian.

Năm vững nguyên tắc xử lí trong đấu tranh chống bạo loạn lật đổ là: nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh phù hợp, không để lan rộng kéo dài.

1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta

1.3.1. Mục tiêu

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước, tạo môi trường hoà bình để đẩy mạnh sự

nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

1.3.2. *Nhiệm vụ*

Đảng Cộng sản Việt Nam khăng định kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ. Đây là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng – an ninh hiện nay, đồng thời còn là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài. Chủ động phát hiện âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với nước ta, kịp thời tiến công ngay từ đầu. Xử lí nhanh chóng, hiệu quả khi có bạo loạn xảy ra và luôn bảo vệ tốt chính trị nội bộ.

1.3.3. *Quan điểm*

- *Đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” là một cuộc đấu tranh gai cấp, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực.*

Thực chất chiến lược “diễn biến hòa bình” mà các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc. Mục tiêu của chiến lược đó là nhằm xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đưa Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản và tiến tới thủ tiêu toàn bộ các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Đây thực chất là cuộc đấu tranh giữa gai cấp công nhân, gai cấp vô sản với gai cấp tư sản. Là cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức, các dân tộc bị lợi dụng, bóc lột chống lại các nước đế quốc, các nước lớn với tư tưởng bá chủ khu vực và thế giới.

Trong xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, các vấn đề toàn cầu ngày càng gia tăng ảnh hưởng và đe dọa nghiêm trọng tới tất cả các nước trên thế giới, và đe dọa tới an ninh, ổn định, phát triển của nhân loại. Để giải quyết các vấn đề toàn cầu buộc các quốc gia phải đẩy mạnh sự hợp tác, trao đổi, liên kết trên mọi lĩnh vực. Đây chính là điều kiện để các thế lực thù địch đẩy mạnh chống phá nước ta bằng mọi thủ đoạn, trên nhiều lĩnh vực, bằng nhiều hình thức thâm độc và xảo quyệt. Do đó, cuộc đấu tranh sẽ hết sức gay go, quyết liệt và lâu dài trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

- *Chống “diễn biến hòa bình” là cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hiện nay để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam đến nay là nhất quán, với các thủ đoạn cực kỳ tinh vi, xảo quyệt mà các thế lực thù địch sử dụng với các đòn tấn công “mềm, ngầm, sâu” trên tất cả các lĩnh vực để chống phá cách mạng nước ta. Chúng kết hợp đẩy mạnh “diễn biến hòa bình” với việc khuyến khích, tạo điều kiện, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ta. Lợi dụng những thiếu sót, sơ hở, những yếu kém tồn tại trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, và tình trạng tiêu cực, thoái hóa biến chất của một bộ phận cán bộ đảng viên của ta để chống phá. Đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” hiện nay là một cuộc đấu tranh mang tính sống còn đối với chế độ xã hội và độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia của nước ta. Vì thế, Đảng ta đã xác định rõ nội dung bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay là toàn diện, coi trọng giữ vững an ninh kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”.

Các thế lực thù địch sử dụng sức mạnh tổng hợp để chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đánh vào mọi tầng lớp nhân dân lao động, mọi tổ chức chính trị – xã hội, mọi lĩnh vực. Đấu tranh chống chiến lược “diễn biến hòa bình” là một cuộc đấu tranh cam go, quyết liệt, phức tạp, lâu dài, thường xuyên. Là quá trình đấu tranh gắn liền với sự đổi mới, đẩy lùi cái tiêu cực, tồn tại, sơ hở để bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc. Sự nghiệp đó đòi hỏi phải huy động sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo công tác đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam là một bộ phận quan trọng, là nhiệm vụ thường xuyên cấp bách của công tác tư tưởng, văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam, là nhân tố quyết định làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng; góp phần quan trọng vào việc giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

1.3.4. Phương châm

- Kết hợp chặt chẽ giữa giữ vững bên trong với chủ động ngăn chặn, phòng ngừa và chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Thực chất đây là hai mặt của một vấn đề của phòng chống: xây dựng đất nước vững mạnh về mọi mặt, đồng thời cảnh giác đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù.

Giữ vững bên trong là giữ vững sự trong sạch vững mạnh, khối đoàn kết thống của mọi cán bộ đảng viên, mọi tổ chức trong hệ thống chính trị. Là quá trình xây dựng trận địa chính trị tư tưởng, thế trận lòng dân vững chắc, nâng cao khả năng “tự đề kháng” trước mọi tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, sự chống phá lôi kéo của các thế lực thù địch. Lấy sự ổn định vững mạnh bên trong vừa là mục tiêu vừa là điều kiện căn bản để ngăn ngừa, đẩy lùi “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch. Lấy ngăn ngừa, đẩy lùi là yêu cầu hàng đầu nhằm đánh bại âm mưu và thủ đoạn của địch.

Mọi cấp, mọi ngành, mọi người dân phải thấy rõ tính chất nham hiểm của chiến lược “diễn biến hòa bình”. Từ đó, phải nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của kẻ thù nhằm chống phá cách mạng nước ta.

- Chủ động, kiên quyết, khôn khéo xử lý tình huống và giải quyết hậu quả khi có bạo loạn xảy ra, giải quyết các vụ gây rối, không để phát triển thành bạo loạn.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bao giờ cũng chủ động chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, từng bước làm suy yếu từ bên trong và khi có thời cơ tiến hành lật đổ chế độ xã hội. Thực tế chứng minh, chủ động tấn công sẽ tạo thuận lợi, giành thắng lợi trong chiến tranh nói chung và trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta nói riêng.

Các thế lực thù địch luôn lợi dụng những sai lầm, thiếu sót, sơ hở và các vụ việc tiêu cực trong xã hội để lôi kéo, tập hợp lực lượng từ các phần tử cực đoan, quá khích,

quần chúng hiếu kỳ dao động để tiến hành gây rối, và tiến tới bạo loạn lật đổ. Do vậy, cần chủ động nắm tình hình, xây dựng phương án đấu tranh, giải quyết các tình huống một cách chủ động. Đấu tranh kiên quyết với những đối tượng cầm đầu kích động, tiến hành cô lập những kẻ quá khích, kiên trì tuyên truyền giáo dục đối với quần chúng nhân dân bị lôi kéo, giữ vững ổn định, không để các vụ gây rối phát triển trở thành bạo loạn lật đổ.

- Xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước vững mạnh, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước và quốc tế, kịp thời làm thát bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù đối với Việt Nam.

Trên thực tế, các thế lực thù địch thường cấu kết, hỗ trợ các lực lượng gián điệp, phản động ở cả trong và ngoài nước, lôi kéo kích động các phần tử cực đoan, chống đối ở trong nước chống phá ta bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt và thâm hiểm. Đặc biệt chúng luôn dựa vào các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo”, “tự do truyền đạo”, “tự do ngôn luận”... để khai thác những hạn chế, yếu kém, sơ hở của ta trong quá trình tổ chức quản lý điều hành đất nước. Do vậy, phải thường xuyên coi trọng xây dựng tiềm lực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt là cơ sở để tạo ra sức “đè kháng”, chủ động từ bên trong nhằm phòng chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ.

Chú trọng tuyên truyền giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân lao động hiếu rõ âm mưu, thủ đoạn cơ bản trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ mà kẻ thù sử dụng để chống phá sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Đồng thời nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức trách nhiệm, kiên quyết đấu tranh với mọi luận điệu xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội và nhân dân nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân các nước tiên bộ với công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

1.4. Giải pháp phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

1.4.1. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế

Muốn ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả, làm thát bại các âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta thì phải giữ vững sự ổn định xã hội và làm cho đất nước ngày càng vững mạnh về mọi mặt.

Tệ quan liêu, tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội được kẻ thù lợi dụng hàng đầu để khoét sâu mâu thuẫn nội bộ, kích động quần chúng nhân dân đứng lên biểu tình chống lại chính quyền địa phương, Đảng và Nhà nước ta để gây mất ổn định xã hội. Do đó, việc đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế là giải pháp hữu hiệu để giữ vững và thúc đẩy yếu tố bên trong của đất nước luôn ổn định, ngăn ngừa và phòng chống có hiệu quả đối với chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

1.4.2. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động bất ngờ

Chủ động nắm địch, phát hiện kịp thời những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Do

vậy phải giáo dục rộng rãi trong toàn xã hội để mọi người dân Việt Nam, mọi tổ chức chính trị – xã hội đều nhận thức sâu sắc âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của kẻ thù chống phá cách mạng Việt Nam.

Đấu tranh, phê phán những biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác cách mạng trong một bộ phận nhân dân, học sinh, sinh viên trước âm mưu, thủ đoạn thâm hiểm trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của kẻ thù chống phá nước ta hiện nay.

Mỗi người dân Việt Nam phải có tri thức, có bản lĩnh chính trị, có phương pháp xem xét phát hiện và báo cáo kịp thời thủ đoạn chống phá của kẻ thù cho cơ quan chức năng xử lý không để bất ngờ.

1.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

Bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, chủ nghĩa đế quốc lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố, tấn công quyết liệt vào độc lập chủ quyền của các quốc gia, dân tộc, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có nước ta.

Nêu cao tinh thần cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các thành quả cách mạng. Giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho các tầng lớp nhân dân phải mang tính toàn diện, nhưng tập trung vào: Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước; tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù chống phá đất nước ta; quan điểm, đường lối của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới; tinh thần sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc, quyết tử để Tổ quốc quyết sinh... hình thức giáo dục phải đa dạng, phù hợp với từng đối tượng.

1.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

Xây dựng cơ sở chính trị – xã hội vững mạnh sẽ bảo đảm cho chế độ xã hội luôn ổn định, phát triển. Do vậy, phải luôn luôn chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh, theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là: đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng, mọi miền đất nước; đoàn kết trong Đảng và ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, người trong nước và người đang sinh sống ở nước ngoài.

Nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở các cấp, nhất là ở cơ sở. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả, nền nếp hoạt động của các tổ chức quần chúng... Duy trì nghiêm kỷ luật của Đảng ở các cấp, xử lí kịp thời những đảng viên, tổ chức đảng có khuyết điểm, khen thưởng kịp thời những đảng viên, tổ chức Đảng và quần chúng thực hiện tốt đường lối, chủ trương Điều lệ Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên phải rộng khắp ở tất cả các làng, bản, phường, xã, thị trấn, các cơ quan, tổ chức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bảo đảm triển khai thế trận phòng thủ ở các địa phương, cơ sở. Phải chú trọng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng nhưng lấy chất lượng là chính.

Ở mỗi địa phương, phải chú trọng kết hợp phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng vũ trang ở cơ sở. Quần chúng là nền

tảng, là gốc rễ của dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Vì vậy, quần chúng cũng là đối tượng để kẻ thù lợi dụng, mua chuộc nhằm thực hiện âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ nhằm chống phá cách mạng nước ta.

1.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

Mỗi thủ đoạn, hình thức, biện pháp mà kẻ thù sử dụng trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, cần có phương thức xử lý cụ thể, hiệu quả. Khi mỗi tình huống bạo loạn xảy ra, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị, xử trí theo nguyên tắc nhanh gọn – kiên quyết – linh hoạt – đúng đối tượng – không để lan rộng, kéo dài.

Xây dựng đầy đủ các phương án, luyện tập sát với diễn biến, đặc điểm của từng địa phương, từng đơn vị, từng cấp, từng ngành. Hoạt động xử lý bạo loạn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, các ngành tham mưu, quân đội và công an.

1.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là để tạo ra cơ sở vật chất, phát triển lực lượng sản xuất và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đồng thời, là điều kiện để tăng năng suất lao động của xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động, nâng cao tiềm lực đất nước, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thế trận “lòng dân”. Đây là điều kiện, nền tảng để ngăn ngừa và phòng chống có hiệu quả đối với chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch trong tình hình hiện nay.

Những giải pháp trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm đấu tranh ngăn ngừa âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của kẻ thù sử dụng để chống phá Việt Nam hiện nay. Vì vậy trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ này, không nên coi nhẹ hoặc tuyệt đối hóa một giải pháp nào.

Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch thực chất là những hành động xâm lược phi vũ trang từ bên trong, nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết tập trung vào các nước xã hội chủ nghĩa. “diễn biến hòa bình” tạo ra quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” từ bên trong dẫn đến quá trình “đổi mới”, “cách mạng màu” làm thay đổi chế độ chính trị, nhà nước có chủ quyền. Trong những năm qua, lợi dụng đường lối đổi mới, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam, các thế lực thù địch không ngừng gia tăng các biện pháp, tiến hành các thủ đoạn dưới nhiều chiêu bài, hình thức, trên các lĩnh vực khác nhau nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Sinh viên là thế hệ chủ nhân tương lai của đất nước, đồng thời cũng là một đối tượng mà các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng, chống phá nhằm làm suy thoái về đạo đức, lối sống và phai nhạt niềm tin, lí tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, là mỗi đoàn viên, thanh niên, sinh viên cần phải nỗ lực học tập và rèn luyện để trở thành công dân tốt, cống hiến cho đất nước. Mỗi sinh viên phải thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết không để kẻ thù lợi dụng, kịp thời phát hiện và tích cực đấu tranh, ngăn ngừa, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, giữ vững sự ổn định mọi mặt của đơn vị, địa phương góp phần thực hiện thực thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội ?
- Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam ?
- Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta ?
- Những giải pháp phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay ?

Chương 2

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẦU TRanh PHÒNG CHỐNG CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Sau khi học xong, người học nắm được những kiến thức cơ bản về dân tộc, tôn giáo và các giải pháp đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam hiện nay.

Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên có phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và đấu tranh làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam hiện nay.

Về thái độ: Xây dựng cho người học có bản lĩnh chính trị vững vàng, lập trường tư tưởng kiên định, tinh thần đấu tranh không khoan nhượng với các âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam hiện nay.

B. NỘI DUNG

Việt Nam là một quốc gia có nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo nên giải quyết các vấn đề về dân tộc, tôn giáo luôn được chú trọng, quan tâm thường xuyên. Đảng ta coi giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo là mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc, tôn giáo là nội dung quan trọng để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề dân tộc, tôn giáo là những nội dung tiêu cực nảy sinh trong quan hệ giữa các dân tộc, tôn giáo trên mọi lĩnh vực cần giải quyết. Đây là những nội dung nhạy cảm, dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng chống phá để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị - xã hội, tiến hành các thủ đoạn can thiệp, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vì vậy, thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, là yêu cầu mang tính cấp thiết, lâu dài, chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay.

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.1.1. Khái niệm

“Dân tộc là cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử, tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ quốc gia, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa, đặc điểm tâm lý, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Dân tộc là một cộng đồng người ổn định của một quốc gia, được hình thành trong suốt chiều dài lịch sử tạo lập của quốc gia. Mỗi dân tộc có lãnh thổ riêng biệt, có một thể chế chính trị gắn với một nhà nước riêng. Các dân tộc có những đặc trưng khác nhau, tạo nên bản sắc khác nhau.

- Dân tộc đặc trưng bởi sự cộng đồng bền vững và chặt chẽ về lãnh thổ, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa, tâm lý, ý thức, tên gọi chung. Trong đó, đặc trưng cộng đồng kinh tế, chính trị - xã hội là đặc trưng quan trọng nhất, đặc trưng cộng đồng về ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa, đặc điểm tâm lý, ý thức tạo nên bản sắc dân tộc.

2.1.1.2. Tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới

Các tộc người trong các quốc gia, cũng như các quốc gia dân tộc trên thế giới không sống biệt lập mà luôn có quan hệ với nhau, tạo nên các mối quan hệ dân tộc.

Quan hệ dân tộc là sự gắn bó, tác động qua lại lẫn nhau giữa các tộc người trong một quốc gia dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế, diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội: lãnh thổ, chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng - an ninh, đối ngoại...

Đặc điểm quan hệ dân tộc rất đa dạng, phong phú, sinh động, tinh tế, phức tạp, diễn ra trên các lĩnh vực, phản ánh cả lịch sử và hiện tại, ở cả phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế và còn tồn tại lâu dài.

Thực trạng quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay vừa theo xu thế lớn là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển, đồng thời, cũng không kém phần phức tạp, nóng bỏng, gay gắt đã và đang bùng nổ thành các cuộc xung đột, chiến tranh ở những quy mô, phạm vi và cường độ khác nhau, tạo ra các “điểm nóng”, gây nên tình hình mất ổn định, đe doạ hoà bình, an ninh quốc gia, khu vực và quốc tế.

Các hình thức xung đột dân tộc, diễn ra rất đa dạng: xung đột mâu thuẫn quyền lực chính trị giữa các phe phái; xung đột về tranh chấp lãnh thổ, biên giới giữa các dân tộc; đối đầu, cạnh tranh quyết liệt giữa các tôn giáo hoặc giữa các giáo phái khác nhau trong cùng một tôn giáo; tranh chấp về quyền lợi kinh tế, quản lý và khai thác tài nguyên; xung đột do phân biệt chủng tộc, v.v.

Đánh giá về tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay, Đảng ta khẳng định: “Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ánh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn. Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn hợp tác, thoả hiệp, nhưng đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế gia tăng.

¹ Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển Bách khoa quân sự (2005), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr 300.

Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới”¹.

2.1.1.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

- Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc.

+ Quan điểm của Mác - Ănghen về vấn đề dân tộc

Vấn đề dân tộc là những nội dung này sinh trong quan hệ giữa các tộc người trong nội bộ quốc gia dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế, diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội tác động, ảnh hưởng xấu đến mỗi tộc người và mối quan hệ tộc người, quốc gia dân tộc đòi hỏi các nhà nước phải quan tâm giải quyết. Thực chất của vấn đề dân tộc là mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa các dân tộc, các quốc gia dân tộc, nhất là về các quyền cơ bản của các dân tộc: quyền được tồn tại với tính cách là một tộc người, dân tộc; quyền độc lập của tộc người, dân tộc; quyền dân tộc tự quyết, quyền dân tộc bình đẳng; quyền độc lập về kinh tế và những điều kiện để phát triển kinh tế lâu dài, bền vững; quyền giữ gìn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa tộc người, dân tộc.

Vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài. Do dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau; do sự khác biệt về lợi ích; do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá, tâm lí; do tàn dư tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc; do thiếu sót, hạn chế trong hoạch định, thực thi chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước cầm quyền; do sự thống trị, kích động chia rẽ của các thế lực phản động đối với các dân tộc.

Vấn đề dân tộc có vị trí chiến lược trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân. Giải quyết vấn đề dân tộc quan hệ mật thiết với vấn đề giai cấp của giai cấp công nhân, phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân lao động và của dân tộc; vừa là mục đích trước mắt vừa là nhiệm vụ lâu dài; vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thực chất giải quyết vấn đề dân tộc trong chủ nghĩa xã hội là xác lập quyền dân tộc cơ bản tạo nên những quan hệ công bằng, bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng nhau giữa các dân tộc trong quốc gia dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

+ Quan điểm của Lênin về giải quyết vấn đề dân tộc

Để giải quyết vấn đề dân tộc, V.I.Lênin đã đưa ra các nguyên tắc, giải pháp cơ bản là: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân các dân tộc.

Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng. Đây là nguyên tắc cơ bản nhất để giải quyết vấn đề dân tộc. Bình đẳng là quyền thiêng liêng của các dân tộc. Các dân tộc dù đa số hay thiểu số, trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hay thấp... đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau, không một dân tộc nào được giữ đặc quyền đặc lợi và áp bức bóc lột dân tộc khác. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó việc tích cực đấu tranh thủ tiêu sự áp bức bóc lột giai cấp, kết hợp sự phát triển tự thân của mỗi dân tộc với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc khác để mỗi dân tộc phát triển, có cuộc sống phồn vinh, ấm no, tự do, hạnh phúc có ý nghĩa cơ bản nhất.

Các dân tộc được quyền tự quyết. Đây là nguyên tắc quan trọng nhằm bảo đảm chủ quyền dân tộc được tôn trọng, là cơ sở để thực hiện bình đẳng, đoàn kết giữa các

¹Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập I, tr 105.

dân tộc. Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự quyết định, lựa chọn chế độ chính trị - xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình mà không một dân tộc nào khác có quyền can thiệp. Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự quyết định tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi. Khi xem xét và giải quyết quyền tự quyết của các dân tộc, phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân; triệt để ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các dân tộc, kích động chia rẽ, ly khai dân tộc, chống phá cách mạng.

Liên hiệp, đoàn kết công nhân các dân tộc. Đây vừa là nguyên tắc, vừa là giải pháp quan trọng nhằm tập hợp lực lượng cho công cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, để giải quyết vấn đề dân tộc. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là điều kiện tiên quyết thực hiện quyền bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc. Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc là đoàn kết lực lượng nòng cốt của phong trào đấu tranh cho tiến bộ, hòa bình và phát triển. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội là sức mạnh để phong trào dân tộc và giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Vì lợi ích của giai cấp công nhân đòi hỏi công nhân thuộc tất cả các dân tộc trong quốc gia phải tập hợp lại trong một tổ chức. Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc là thể hiện tinh thần yêu nước chân chính với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng cao cả.

Các nguyên tắc đó vừa có tính độc lập tương đối vừa quan hệ chặt chẽ, thống nhất với nhau. Trong đó, bình đẳng dân tộc là mục tiêu, là cơ sở cho quyền tự quyết dân tộc, liên hiệp đoàn kết giai cấp công nhân tất cả các dân tộc. Quyền tự quyết dân tộc là điều kiện, phương tiện thực hiện bình đẳng dân tộc, đoàn kết giai cấp công nhân tất cả các dân tộc. Liên hiệp đoàn kết giai cấp công nhân tất cả các dân tộc thể hiện lập trường, bản chất giai cấp công nhân, tạo sức mạnh để thực hiện sự đoàn kết toàn thể dân tộc quốc gia và thực hiện đầy đủ hon quyền tự quyết dân tộc.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam*

Trung thành với quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê nin, bám sát thực tiễn cách mạng, đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc là những luận điểm cơ bản toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng và những chính sách dân tộc đúng đắn, cùng toàn Đảng lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc; bảo vệ độc lập dân tộc; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, đưa cách mạng Việt Nam vững bước tiến lên. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam trên những nội dung cơ bản sau.

Vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc chỉ có thể được thực hiện gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Hồ Chí Minh khẳng định: muốn cứu nước giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản - theo hình mẫu Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Trong Cương lĩnh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ: nước ta, sau khi làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng thô địa sẽ tiến hành đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện được sự nghiệp cách mạng vẻ vang đó, Người chủ trương giáo dục nâng cao ý thức dân tộc, xóa bỏ hiềm khích giữa các dân tộc, xây dựng khối đoàn kết dân tộc để “lấy sức ta giải phóng cho ta”.

Xây dựng mối quan hệ mới, tốt đẹp giữa các dân tộc: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển đi lên con đường ấm no, hạnh phúc. Người yêu cầu: “Các cấp bộ đảng phải thi hành đúng chính sách dân tộc, thực hiện sự bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc”¹. Nước độc lập rồi thì các dân tộc phải xóa bỏ mọi hiềm khích, phải đoàn kết, phải giúp đỡ nhau để các dân tộc có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Hồ Chí Minh nói: “Đồng bào tất cả các dân tộc, không phân biệt lớn nhỏ, phải thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà để cùng nhau xây dựng Tổ quốc chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho tất cả các dân tộc được hạnh phúc, ấm no”². Để thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh yêu cầu phải lấy khối liên minh công - nông - trí thức làm nền tảng. Thực hiện đại đoàn kết rộng rãi lâu dài; mở rộng, đa dạng các hình thức tập hợp đồng bào các dân tộc; sử dụng nhiều phương thức, biện pháp khoa học phù hợp với từng dân tộc, vùng miền.

Khắc phục tàn dư tư tưởng phân biệt, kì thị dân tộc, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, chính sách dân tộc phải toàn diện, phù hợp với đặc điểm của từng dân tộc và vùng miền. Cảnh giác bài trừ các nguy cơ chia rẽ dân tộc... khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc. Chính sách dân tộc phải toàn diện, phát huy được thế mạnh của từng vùng miền, từng dân tộc. Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội phải phát triển cả công nghiệp và nông nghiệp. Nhưng ở vùng dân tộc thiểu số có lợi thế đất - rừng nên cần phát triển thế mạnh đó bằng cách phát triển lâm nghiệp, để tạo tiền đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán riêng, bởi vậy, chính sách dân tộc phải chú ý đặc điểm đó. Người nói: “Một tỉnh có đồng bào Thái, đồng bào Mèo thì tuyên truyền huấn luyện đồng bào Thái khác, đồng bào Mèo khác, phải có sự thay đổi cho thích hợp”³. Nội dung, phương pháp thực hiện chính sách dân tộc phải phù hợp: “Miền núi, đất rộng người thưa, tình hình vùng này không giống vùng khác... Vì vậy, áp dụng chủ trương với chính sách phải thật sát với tình hình mỗi nơi, tuyệt đối chớ dập khuôn, chớ máy móc, chớ nóng vội”⁴.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ là con em dân tộc thiểu số. Hồ Chí Minh khẳng định: Cán bộ là gốc của mọi công việc. Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Với vùng dân tộc thiểu số, cán bộ nhất là cán bộ sở tại cả nam và nữ càng quan trọng. Cho nên Người yêu cầu: “Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc cán bộ miền núi, có nhiều cán bộ người Kinh phải giúp đỡ anh em cán bộ địa phương tiến bộ, để anh em tự quản lý công việc địa phương chứ không phải là bao biện làm thay”⁵.

Lên án, vạch trần mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Lợi dụng những vấn đề do hoàn cảnh lịch sử, tự nhiên để lại, các thế lực thù địch không ngừng mị dân, xuyên tạc các quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta. Kích động chia rẽ dân tộc, đấu tranh đòi ly khai dân tộc. Để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh luôn chủ trương lên án, vạch trần mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá Dân tộc ta như trong Bnar tuyên ngôn độc lập năm 1945, Người viết: “...bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào

¹Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 323.

²Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 282.

³Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 118.

⁴Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 118.

⁵Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 481.

ta... Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.”.

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

2.1.2.1. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia dân tộc thống nhất gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Trong suốt chiều dài dựng nước và giữ nước, do điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử chi phối đã hình thành nên những đặc điểm cơ bản của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam như sau.

Một là, các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất

Đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, do yêu cầu khách quan của công cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch họa dân tộc ta đã phải sớm đoàn kết thống nhất. Các dân tộc ở Việt Nam đều có chung cội nguồn, chịu ảnh hưởng chung của điều kiện tự nhiên, xã hội, chung vận mệnh dân tộc, chung lợi ích cơ bản - quyền được tồn tại, phát triển. Đoàn kết thống nhất đã trở thành giá trị tinh thần truyền thống quý báu của dân tộc, là sức mạnh để dân tộc ta tiếp tục xây dựng và phát triển đất nước.

Ngay từ thủa lập nước, quốc gia Văn Lang, Âu Lạc đã do cư dân của nhiều tộc người tạo nên. Trong quá trình phát triển quốc gia dân tộc ta tiếp nhận thêm nhiều tộc người di cư đến sinh sống. Hiện nay, nước ta có 54 dân tộc cùng sinh sống, không phân biệt đa số hay thiểu số đã gắn bó lâu đời, đồng cam cộng khổ trong lao động sản xuất, chiến đấu dựng xây và bảo vệ Tổ quốc. Sự gắn kết giữa các dân tộc trong suốt chiều dài lịc sử đã bồi đắp nên truyền thống yêu nước, anh hùng, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, giàu lòng nhân ái, tôn trọng giúp đỡ lẫn nhau. Trong lịch sử dân tộc ta không có các cuộc chiến tranh dân tộc, chiến tranh tôn giáo. Trái lại, trước họa ngoại xâm, các tộc người không phân biệt miền xuôi, miền ngược, đa số và thiểu số đều đoàn kết chiến đấu để giành và giữ độc lập dân tộc. Truyền thống đó đã thâm sâu vào tâm hồn, nhân cách của con người Việt Nam, trở thành giá trị truyền thống quý báu.

Hai là, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, chủ yếu là miền núi, biên giới, hải đảo

Do điều kiện tự nhiên, lịch sử chi phối, nhiều dân tộc di cư vào Việt Nam ở các thời điểm khác nhau, tạo nên hình thái cư trú xen ghép nhau trong phạm vi của tỉnh, huyện, xã và cả các áp, bản, mường. Các dân tộc thiểu số không kể dân tộc Khơ Me, dân tộc Chăm cư trú ở cực Nam Trung Bộ, dân tộc Hoa cư trú chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, còn lại đều cư trú chủ yếu trên các địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo chiếm 2/3 diện tích đất liền của đất nước có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Hiện nay, có những tỉnh miền núi, các dân tộc thiểu số vẫn chiếm số đông trong tỉnh như: Hà Giang, Cao Bằng (trên 90%), hoặc Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu (trên 70%); cũng có những tỉnh tỷ lệ đó không cao như: Kon Tum, Gia Lai (trên 50%), Đắc Lắc (28,6%). Hình thái cư trú xen ghép giữa các dân tộc có xu hướng ngày càng phổ biến trên phạm vi cả nước.

Tình trạng cư trú xen ghép giữa các dân tộc là điều kiện thuận lợi cơ bản để tăng cường quan hệ mọi mặt giữa các dân tộc, xây dựng các cộng đồng dân tộc ngày càng gắn bó bền vững, cùng nhau tiến bộ và phát triển, sự hoà hợp dân tộc tăng lên, sự cách biệt về trình độ phát triển từng bước thu hẹp lại. Tuy nhiên, nếu không có chính sách dân tộc đúng đắn thì cũng dễ dẫn đến gia tăng sự va chạm, xích mích, mâu thuẫn giữa các tộc người.

Ba là, các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều

Theo số liệu điều tra dân số ngày 1 tháng 4 năm 2019, nước ta có 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh có hơn 82,085 triệu người, chiếm 85,32% dân số cả nước, 53 dân tộc thiểu số có hơn 14,123 triệu người chiếm 14,68% dân số cả nước. Dân số của các dân tộc thiểu số cũng chênh lệch nhau. Có sáu dân tộc có dân số từ 1 triệu trở lên gồm các dân tộc như Tày, Thái, Mường, Hmông, Khơme, Nùng; có 14 dân tộc có số dân từ dưới 1 triệu đến 100 ngàn người; 19 dân tộc có số dân dưới 100 ngàn người ; 9 dân tộc có số dân từ dưới 10 ngàn người đến 1 ngàn người; 5 dân tộc có số dân dưới 1 ngàn người là: Sila, Pupéo, Romăm, Ođu, và Brâu.

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau. Có dân tộc đã đạt trình độ phát triển cao, đời sống đã tương đối khá như dân tộc Kinh, Hoa, Tày, Mường, Thái..., nhưng cũng có dân tộc trình độ phát triển thấp, đời sống còn nhiều khó khăn như một số dân tộc ở Tây Bắc, Trorraine Sơn, Tây Nguyên...

Bốn là, mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hóa riêng, góp phần làm nên sự đa dạng, phong phú, thống nhất của văn hóa Việt Nam

Các dân tộc đều có sắc thái văn hóa về nhà cửa, ăn mặc, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và ý thức dân tộc riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của văn hóa Việt Nam. Đồng thời các dân tộc cũng có điểm chung thống nhất về văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, ý thức quốc gia dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc trưng của văn hóa các dân tộc ở Việt Nam. Do chung sống trong cùng một điều kiện tự nhiên xã hội, cùng chung vận mệnh dân tộc, nên các dân tộc ở Việt Nam đều có những giá trị văn hóa tinh thần chung, thống nhất như: tình đoàn kết, cố kết cộng đồng, lối sống thương người như thể thương thân, phẩm chất cần cù chịu khó, gan dạ, dũng cảm, giỏi chịu đựng, nhân nghĩa khoan dung, yêu chuộng hoà bình, ý thức tự hào dân tộc. Bởi thế, thống nhất trong đa dạng là nét độc đáo của văn hóa dân tộc Việt Nam.

2.1.2.2. Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

- Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

Đại hội Đại biểu toàn quốc Khóa XIII, khẳng định: “Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng dân tộc thiểu số. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc”¹.

- Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước là hệ thống các chủ trương, kế hoạch, giải pháp của Đảng và Nhà nước tác động vào tất cả các lĩnh vực đời sống của các dân tộc, các vùng dân tộc và có thể đối với từng dân tộc riêng biệt, nhằm thực hiện quyền bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc để cùng phát triển.

Chính sách dân tộc của Đảng, Nà nước ta nhằm giải quyết các vấn đề dân tộc ở Việt Nam, hướng đến phát triển cộng đồng các dân tộc ấm no, hành phúc, nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam: Khắc phục sự cách biệt về trình độ phát

¹Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập I, tr 170.

triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc; nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, kì thị, chia rẽ dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc để gây mất ổn định chính trị - xã hội, chống phá cách mạng; thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm cho tất cả các dân tộc ở Việt Nam đều phát triển, ấm no, hạnh phúc.

2. 2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.1.1. Khái niệm về tôn giáo

“Tôn giáo là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Tôn giáo là một cộng đồng xã hội, tồn tại bởi hệ thống các yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau, gồm: đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức.

- Mỗi tôn giáo khác nhau, các yếu tố cấu thành hệ thống có đặc trưng khác nhau. Mỗi tôn giáo khác nhau có niềm tin tôn giáo khác nhau, niềm tin tôn giáo là yếu tố căn bản nhất, quyết định sự ra đời, tồn tại, phát triển của tôn giáo.

2.2.1.2. Phân biệt tôn giáo với mê tín dị đoan

Tôn giáo với mê tín dị đoan đều là niềm tin của con người gửi gắm vào các đối tượng siêu hình và có tác động điều chỉnh hành vi ứng xử của con người.

Mê tín dị đoan là hiện tượng xã hội tiêu cực, niềm tin mang tính chất mê muội, cực đoan, kỳ dị vào các đối tượng siêu hình, tác động làm cho ý thức, hành vi của con người trái với lẽ phải, trái đạo đức, văn hoá cộng đồng, gây hậu quả tiêu cực trực tiếp đến đời sống vật chất, tinh thần của cá nhân, cộng đồng xã hội.

Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo được pháp luật bảo hộ, được xã hội thừa nhận. Hoạt động mê tín, dị đoan bị xã hội lên án, bị bài trừ. Những vi phạm về mê tín dị đoan sẽ bị xử lý theo qui định của pháp luật.

2.1.3. Nguồn gốc, tính chất của tôn giáo

2.1.3.1. Nguồn gốc của tôn giáo

- Nguồn gốc kinh tế - xã hội

Trong xã hội nguyên thuỷ, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối, lẻ thuộc và bất lực trước tự nhiên. Vì vậy họ đã gán cho tự nhiên những lực lượng siêu tự nhiên có sức mạnh, quyền lực to lớn, quyết định đến cuộc sống và họ phải tôn thờ.

Khi xã hội có giai cấp đối kháng, nạn áp bức, bóc lột, bất công của giai cấp thống trị đối với nhân dân lao động là nguồn gốc này sinh tôn giáo. V.I.Lênin khẳng định: “Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bóc lột để ra lòng tin vào một cuộc sống tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia, cũng giống hệt như sự bất lực của người dã man trong cuộc đấu tranh chống thiên nhiên để ra niềm tin vào thần thánh, ma quỷ, vào những phép màu”.

Hiện nay, con người vẫn chưa hoàn toàn làm chủ tự nhiên và xã hội, áp bức, bóc lột, bất công vẫn diễn ra hàng ngày. Thiên tai, dịch bệnh, ...các vấn đề toàn cầu đã và đang đe dọa trực tiếp đến cuộc sống của người dân trên thế giới. Các cuộc xung đột giai cấp, dân tộc, tôn giáo vẫn còn diễn ra. Đây chính là những điều kiện kinh tế - xã hội, là nguồn gốc để tôn giáo tồn tại.

- Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo

¹Luật tín ngưỡng tôn giáo(2016), điều 2, khoản 5.

Xa xưa, do trình độ nhận thức thấp kém, con người không lý giải được các hiện tượng bí ẩn của thế giới khách quan. Con người đã gán cho nó những sức mạnh siêu nhiên, tạo ra các biểu tượng tôn giáo. Mặt khác, trong quá trình biện chứng của nhận thức, con người nảy sinh những yếu tố suy diễn, tưởng tượng xa lạ với hiện thực khách quan, hình thành nên các biểu tượng tôn giáo. Ph.Ăngghen đã viết: “Sự nhân cách hoá các lực lượng tự nhiên làm nảy sinh ra những vị thần đầu tiên”.

Ngày nay, mặc dù khoa học kỹ thuật đã phát triển vượt bậc, tuy nhiên còn nhiều hiện tượng tự nhiên và xã hội, con người vẫn còn nhận thức mơ hồ về những vấn đề có liên quan đến đời sống, số phận của con người. Những hiện tượng may rủi, ngẫu nhiên, tâm linh vv con người vẫn chưa lý giải được một cách khoa học. Đây chính là nguồn gốc ra đời, phát triển của tôn giáo.

- Nguồn gốc tâm lí của tôn giáo

Tình cảm, cảm xúc, tâm trạng lo âu, sợ hãi, buồn chán, tuyệt vọng đã dẫn con người đến sự khuất phục, không làm chủ được bản thân là cơ sở tâm lí để hình thành tôn giáo. Mặt khác, lòng biết ơn, sự tôn kính đối với những người có công khai phá tự nhiên và chống lại các thế lực áp bức bóc lột, bất công cũng là cơ sở để tôn giáo nảy sinh.

V.I.Lênin cho rằng: “sự sợ hãi của quần chúng trước những thế lực mù quáng của thiên nhiên, của sự áp bức, bóc lột, bất công của giai cấp thống trị đang hàng ngày, hàng giờ đe doạ, đem lại cho họ sự phả sản “đột ngột”, “bất ngờ”, “ngẫu nhiên”, làm cho họ phải diệt vong, biến họ thành một người ăn xin, một kẻ bần cùng và dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại”¹.

Ngoài ra truyền thống, phong tục, tập quán, thói quen cũng là những nguyên nhân dẫn đến sự hình thành và phát triển của tôn giáo.

2.1.3.2. Tính chất của tôn giáo

- Tính lịch sử

Tôn giáo là sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử, ra đời, tồn tại, biến đổi và mất đi gắn với sự vận động, biến đổi của xã hội loài người. Trong những điều kiện lịch sử khác nhau, dân tộc khác nhau thì quan niệm về thần, thánh, về thân phận con người và con đường giải thoát sẽ khác nhau. Tính lịch sử của tôn giáo phản ánh sự biến đổi thích nghi của tôn giáo với điều kiện mới của lịch sử nhân loại, dân tộc. Tôn giáo còn tồn tại lâu dài, nhưng sẽ mất đi khi con người làm chủ hoàn toàn tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Tính quần chúng

Tôn giáo phản ánh khát vọng của quần chúng về một xã hội tự do, bình đẳng và bác ái, là nhu cầu tinh thần, niềm tin của một bộ phận đông đảo quần chúng nên được đông đảo quần chúng tin theo. Hiện nay, ở nước ta và trên thế giới có nhiều tín đồ, chúc sắc tin theo các tôn giáo lớn là biểu hiện cụ thể tính quần chúng của tôn giáo.

- Tính chính trị

Trong xã hội có đối kháng giai cấp, giai cấp thống trị sử dụng tôn giáo làm công cụ nô dịch mê hoặc, ru ngủ người lao động chấp nhận sự áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị, tôn giáo có tính chính trị. Ngày nay, tôn giáo đã và đang bị các thế lực chính trị lợi dụng tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị của mình.

- Tính đối lập với khoa học

¹V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 17, Nxb Tiến bộ, Matxcova, 1979, tr. 515.

Tôn giáo phản ánh hư ảo, sai lạc, duy tâm, thần bí thế giới hiện thực vào trong đầu óc con người nên nó đối lập với khoa học. Trong lịch sử tôn giáo đã từng sử dụng quyền lực tôn giáo để phủ nhận thành tựu, đàn áp các nhà khoa học. Tính chất đối lập với khoa học trở thành nội dung bản chất của tôn giáo, kim hâm sự phát triển xã hội.

2.2.2. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

2.2.2.1. Tình hình tôn giáo trên thế giới

Hiện nay trên thế giới có tới hơn 10.000 tôn giáo khác nhau, trong đó khoảng 150 tôn giáo có hơn 1 triệu tín đồ. Những tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay gồm có: Kitô giáo (bao gồm Công giáo, Tin Lành, Anh giáo hay Chính thống giáo); Hồi giáo; Ân Độ giáo; Phật giáo.

Các tôn giáo có xu hướng mở rộng ảnh hưởng ra toàn cầu; dân tộc hoá, bình dân hoá, mềm hoá các giới luật, lễ nghi để thích nghi, tồn tại, phát triển trong từng quốc gia dân tộc; các tôn giáo cũng gia tăng các hoạt động giao lưu, thực hiện thêm các chức năng phi tôn giáo, tích cực tham gia các hoạt động xã hội để mở rộng ảnh hưởng làm cho sinh hoạt tôn giáo đa dạng, sôi động và không kém phần phức tạp.

Nhiều tôn giáo, “hiện tượng tôn giáo lạ” ra đời, trong đó có không ít tổ chức tôn giáo là một trong những tác nhân gây xung đột tôn giáo, xung đột dân tộc gay gắt trên thế giới hiện nay. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiếp tục lợi dụng tôn giáo để chống phá, can thiệp vào các quốc gia dân tộc độc lập.

2.2.2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

Giải quyết vấn đề tôn giáo là một quá trình lâu dài gắn với quá trình phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Để giải quyết tốt vấn đề tôn giáo, cần thực hiện các vấn đề có tính nguyên tắc sau:

Một là, giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới- xã hội xã hội chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, chỉ có thể giải phóng quần chúng khỏi ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo bằng cách từng bước giải quyết nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Đó phải là kết quả của sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới một cách toàn diện. Theo đó, giải quyết vấn đề tôn giáo phải sử dụng tổng hợp các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực nhằm xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói, dốt nát. Tuyệt đối không được sử dụng mệnh lệnh hành chính cưỡng chế để tuyên chiến, xoá bỏ tôn giáo.

Hai là, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân, kiên quyết bài trừ mê tín dị đoan

Trong chủ nghĩa xã hội, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, còn tồn tại lâu dài. Bởi vậy, phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân.

Nội dung cơ bản của quyền tự do tín ngưỡng là: Bất kì ai cũng được tự do theo tôn giáo mà mình lựa chọn, tự do không theo tôn giáo, tự do chuyển đạo hoặc bỏ đạo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho mọi công dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo đều được bình đẳng trước pháp luật. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Mọi tổ chức và cá nhân đều phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công

dân. Tôn trọng gắn liền với không ngừng tạo điều kiện cho quần chúng tiến bộ mọi mặt, bài trừ mê tín dị đoan, bảo đảm cho tín đồ, chức sắc tôn giáo hoạt động theo đúng pháp luật.

Ba là, quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo

Tôn giáo có tính lịch sử, nên vai trò, ảnh hưởng của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội cũng thay đổi theo sự biến đổi của tồn tại xã hội. Bởi vậy, khi xem xét, đánh giá, giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo cần phải quán triệt quan điểm lịch sử, cụ thể, tránh giáo điều, máy móc, rập khuôn cứng nhắc. Những hoạt động tôn giáo đúng pháp luật được tôn trọng, hoạt động ích nước lợi dân được khuyến khích, hoạt động trái pháp luật, đi ngược lại lợi ích dân tộc bị xử lí theo pháp luật.

Bốn là, phân biệt rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo

Trong xã hội, sinh hoạt tôn giáo tồn tại hai loại mâu thuẫn: Mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp bóc lột và thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động, đó là mặt chính trị của tôn giáo. Mâu thuẫn không đối kháng giữa những người có tín ngưỡng khác nhau hoặc giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng, đó là mặt tư tưởng của tôn giáo. Cho nên, một mặt phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, mặt khác phải kiên quyết đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động của các thế lực lợi dụng tôn giáo.

Việc phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo nhằm: Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quần chúng nhân dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo; phát huy tinh thần yêu nước của những chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo; kiên quyết vạch trần và xử lí kịp thời theo pháp luật những phần tử lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá cách mạng.

2.2.3. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

2.2.3.1. Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo và nhiều người tin theo các tôn giáo. Hiện nay, ở nước ta có 6 tôn giáo lớn: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Hoà Hảo. Theo cuộc điều tra dân số của Tổng cục Thống kê Việt Nam, tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2019, nước ta có 13.162.339 đi theo các tôn giáo. Có người cùng lúc tham gia nhiều hành vi tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

Trong những năm gần đây các tôn giáo đẩy mạnh hoạt động nhằm phát triển tổ chức, phát huy ảnh hưởng trong đời sống tinh thần xã hội. Các giáo hội đều tăng cường hoạt động mở rộng ảnh hưởng, thu hút tín đồ; tăng cường quan hệ với các tổ chức tôn giáo thế giới. Các cơ sở tôn giáo được tu bổ, xây dựng mới khang trang đẽ; các lễ hội tôn giáo diễn ra sôi động ở nhiều nơi. Đại đa số tín đồ chức sắc tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, theo hướng “tốt đời, đẹp đạo”.

Tuy nhiên tình hình tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Vẫn còn có chức sắc, tín đồ mang tư tưởng chống đối, cực đoan, quá khích gây tổn hại đến lợi ích dân tộc; vẫn còn các hoạt động tôn giáo xen lấn với mê tín dị đoan, còn các hiện tượng tà giáo hoạt động làm mất trật tự an toàn xã hội. Nhiều nơi, tôn giáo được coi là nơi kinh doanh tâm linh, rửa tiền, nơi ẩn náu của các phần tử tiêu cực trong xã hội v.v. Người dân tham gia các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo mang tính phong trào, xu hướng đám đông vv.

Các thế lực thù địch vẫn luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng gắn vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” với cái gọi là “tự do tôn giáo” để chia rẽ

tôn giáo, dân tộc ; tài trợ, xúi giục các phần tử xấu trong các tôn giáo truyền đạo trái phép, lôi kéo các tôn giáo vào những hoạt động trái pháp luật, gây mất ổn định chính trị.

2.2.3.2. *Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay*

- *Quan điểm của Đảng về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo*

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng ta khẳng định: tôn giáo còn tồn tại lâu dài, còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; tôn giáo có những giá trị văn hóa, đạo đức tích cực phù hợp với xã hội mới; đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác tôn giáo vừa quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng sống “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

- *Chính sách của Nhà nước về giải quyết vấn đề tôn giáo*

Về chính sách tôn giáo, Đảng ta khẳng định: “Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đầu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của nhân dân”.

Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của Nhân dân; bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.

2.3. **Đấu tranh phòng, chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam**

2.3.1. *Âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam*

Chống phá cách mạng Việt Nam là âm mưu cố hữu, thuộc về bản chất và không bao giờ thay đổi của các thế lực thù địch, trong đó, vấn đề dân tộc, tôn giáo luôn bị các thế lực thù địch coi là một trọng điểm “ưu tiên”, “huyệt” nhạy cảm nhất, đặc biệt là ở cấp cơ sở. *Âm mưu chủ đạo* của chúng là sử dụng “ngòi nổ” dân tộc, tôn giáo làm nguyên cớ, cùng với việc lợi dụng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng để xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng với toàn xã hội, chuyển hóa, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thực hiện âm mưu “không đánh mà thắng”.

Mục tiêu cụ thể của việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch nhằm: Trực tiếp phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ đồng bào các dân tộc, chia rẽ đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo và giữa các đồng bào theo

các tôn giáo khác nhau. Kích động các dân tộc thiểu số, tín đồ chúc sắc tôn giáo chống lại chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; đối lập các dân tộc, các tôn giáo với sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam; vô hiệu hóa sự quản lý của Nhà nước đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, gây mất ổn định chính trị - xã hội, nhất là ở vùng dân tộc, tôn giáo. Tạo dựng các tổ chức phản động trong các dân tộc thiểu số, các tôn giáo để tiếp tục chống phá cách mạng Việt Nam.

2.3.2. Thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

Việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, với nhiều thủ đoạn vừa tinh vi, xảo quyệt vừa trắng trợn, đê hèn.

Một là, chúng lợi dụng những vấn đề lịch sử để lại, những đặc điểm tâm lý, những khó khăn trong đời sống vật chất, tinh thần của các dân tộc, các tôn giáo; những thiếu sót, sai lầm trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo để xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam, trực tiếp là quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo, hòng gây mâu thuẫn, tạo cơ can thiệp công việc nội bộ của Việt Nam.

Hai là, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, ly khai dân tộc; kích động chia rẽ quan hệ dân tộc, quan hệ lương - giáo và giữa các tôn giáo, như đòi cái gọi là “tự do tôn giáo”, “tự trị”, thành lập “Vương quốc Mông độc lập”, “nhà nước Đề Ga”, “quốc gia Kho Me Crôm”… hòng làm chia rẽ, phá hoại, suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam.

Ba là, phá hoại các cơ sở kinh tế - xã hội; mua chuộc, lôi kéo, ép buộc đồng bào các dân tộc, tôn giáo chống đối chính quyền, di cư và vượt biên trái phép, gây bất ổn chính trị - xã hội, bạo loạn, tạo các “điểm nóng” để vu khống Việt Nam đàn áp các dân tộc, các tôn giáo vi phạm “dân chủ”, “nhân quyền” để cô lập, làm suy yếu cách mạng Việt Nam...

Bốn là, chúng tìm mọi cách để xây dựng, nuôi dưỡng các tổ chức phản động người Việt Nam ở nước ngoài; tập hợp, tài trợ, chỉ đạo lực lượng phản động trong các dân tộc, các tôn giáo ở trong nước hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam như: truyền đạo trái phép để “tôn giáo hoá” các vùng dân tộc, lôi kéo, tranh giành đồng bào dân tộc, gây đối trọng với Đảng, chính quyền. Diễn hình là các vụ bạo loạn ở Tây Nguyên năm 2001, 2004, việc truyền đạo Tin Lành trái phép vào các vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc, Tây Nguyên.

Âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch rất nham hiểm. Tuy nhiên, âm mưu thủ đoạn đó của chúng có thực hiện được hay không thì không phụ thuộc hoàn toàn vào chúng, mà chủ yếu phụ thuộc vào tinh thần cảnh giác, khả năng ngăn chặn, sự chủ động tiến công của chúng ta.

2.3.3. Giải pháp đấu tranh phòng, chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

Đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo có nội dung toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Xét đến cùng, nội dung cơ bản nhất để vô hiệu hóa sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch ở cơ sở là thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế xã hội, mà trực tiếp là chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân các dân tộc, tôn giáo, củng cố xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở cơ sở, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Hiện nay, cần tập trung vào các nội dung, giải pháp sau:

2.3.3.1. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch cho toàn dân, mà trực tiếp là đồng bào các dân tộc, tôn giáo ở cơ sở

Đây là giải pháp đầu tiên, rất quan trọng nhằm nâng cao nhận thức, xây dựng tinh thần cảnh giác để làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá ta của các thế lực thù địch. Chỉ trên cơ sở nâng cao nhận thức, tư tưởng của cả hệ thống chính trị, của toàn dân mà trực tiếp là của đồng bào các dân tộc, tôn giáo về các nội dung trên, thì chúng ta mới thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, vô hiệu hoá được sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch.

Nội dung tuyên truyền giáo dục phải mang tính toàn diện, tổng hợp. Hiện nay cần tập trung vào phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, tôn giáo, chính sách dân tộc, tôn giáo cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo. Phổ biến pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để đồng bào hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn chia rẽ dân tộc, tôn giáo, lương giáo của các thế lực thù địch, để đồng bào đề cao cảnh giác không bị chúng lừa gạt lôi kéo lợi dụng. Vận động đồng bào các dân tộc, tôn giáo đạo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, thực hiện đúng chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo.

2.3.3.2. Tăng cường củng cố xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở

Đây là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao nội lực, tạo nên sức đề kháng trước mọi âm mưu thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù.

Cần tuân thủ những vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải dựa trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện đại đoàn kết phải rộng rãi, lâu dài. Mở rộng, đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Kiên quyết đấu tranh loại trừ nguy cơ phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Riêng đối với vấn đề dân tộc, tôn giáo, trước tiên cần phải thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo: Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, các tôn giáo. Chống kì thị chia rẽ dân tộc, tôn giáo, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, tự ti mặc cảm dân tộc, tôn giáo. Chủ động giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc, tôn giáo, bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia. Đây là tiền đề quan trọng để vô hiệu hóa sự chống phá của kẻ thù.

2.3.3.3. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo ở cơ sở

Đây cũng là một trong những giải pháp quan trọng, xét đến cùng có ý nghĩa nền tảng để vô hiệu hóa sự lợi dụng của kẻ thù. Khi đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao, đồng bào sẽ đoàn kết, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, thực hiện tốt quyền lợi, nghĩa vụ công dân thì không kẻ thù nào có thể lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam.

Bởi vậy, phải đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả các chương trình, dự án ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội miền núi vùng dân tộc, vùng tôn giáo tạo mọi điều kiện giúp đỡ đồng bào các dân tộc, các tôn giáo nhanh chóng xoá đói giảm nghèo nâng cao dân

trí, sức khoẻ, bảo vệ bản sắc văn hoá các dân tộc. Khắc phục sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc, các tôn giáo ; sự kì thị, chia rẽ dân tộc, tôn giáo. Thực hiện bình đẳng đoàn kết các dân tộc các tôn giáo phải bằng các những hành động thiết thực cụ thể như : ưu tiên đầu tư sức lực tiền của giúp đồng bào phát triển sản xuất.

2.3.3.4. Củng cố và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, trong đó chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt là người dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo

Tích cực xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc, vùng tôn giáo. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ cả cán bộ lãnh đạo quản lí và cán bộ chuyên môn kĩ thuật, giáo viên là người dân tộc thiểu số, người có tôn giáo Bởi đây là đội ngũ cán bộ sở tại có rất nhiều lợi thế trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo. Đổi mới công tác dân vận vùng dân tộc, tôn giáo theo phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, vững chắc; sử dụng nhiều phương pháp phù hợp với đặc thù từng dân tộc, từng tôn giáo.

2.3.3.5. Chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; kịp thời giải quyết tốt các điểm nóng

Chủ động xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh ở cơ sở, củng cố thế trận lòng dân vững chắc; chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - văn hóa làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch. Kịp thời phát hiện, dập tắt mọi âm mưu, hành động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo kích động lôi kéo đồng bào gây bạo loạn. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thường xuyên vạch trần bộ mặt phản động của kẻ thù, để nhân dân nhận rõ và không bị lừa bịp. Vận động đồng bào tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước; vạch mặt thủ đoạn đe dọa, thâm hiểm của các thế lực phản động; không tin và nghe theo kẻ xấu xúi giục gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo.

Khi xuất hiện điểm nóng, cần tìm rõ nguyên nhân, biện pháp giải quyết kịp thời, không để lan rộng, không để kẻ thù lấy cớ can thiệp; xử lý nghiêm minh theo pháp luật những kẻ cầm đầu ngoan cố chống phá cách mạng, không để bị động bất ngờ. Xử lý vụ việc có lý, có tình, đúng người, đúng tội; kiên quyết, cẩn trọng và tránh dùng biện pháp thô bạo, phân biệt rõ phân tử chống đối với quần chúng ngộ nhận bị địch lừa bịp, lôi kéo; lấy phòng ngừa là chính. Đồng thời kiên trì thuyết phục, vận động những người nhẹ dạ, cả tin nghe theo kẻ xấu, quay về với buôn làng, đổi xử khoan hồng, độ lượng, bình đẳng đối với những người làm lỗi đã ăn năn hối cải, phục thiện.

Vấn đề dân tộc và tôn giáo vẫn còn tồn tại và đang có những diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam rất thâm độc nham hiểm. Nắm vững nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước là điều kiện tiên quyết để chúng ta đấu tranh làm thất bại âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, cả hệ thống chính trị, trực tiếp là hệ thống chính trị ở cấp cơ sở, đội ngũ viên chức cấp xã phường, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, các dân tộc anh em, đồng bào các tôn giáo đoàn kết một lòng, kịp thời phát hiện và chủ động đấu tranh ngăn chặn trước, từ xa thì âm mưu, thủ đoạn đó của chúng sẽ không thể nào thực hiện được.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê nin về giải quyết vấn đề dân tộc ?
2. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê nin về giải quyết vấn đề tôn giáo ?
3. Âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch ?
4. Những giải pháp cơ bản đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch ?

Chương 3

PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Người học sau khi học xong, nắm được những kiến thức cơ bản về môi trường, bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên có phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn để góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp và tham gia tích cực trong công tác đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hiện nay.

Về thái độ: Xây dựng cho người học có ý thức trách nhiệm ngày càng cao đối với hoạt động bảo vệ môi trường và tinh thần đấu tranh quyết liệt với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay .

B. NỘI DUNG

Ô nhiễm môi trường đang trở thành thách thức nghiêm trọng nhất đối với sự tồn tại, phát triển của con người hiện nay. Ô nhiễm môi trường đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ và đang âm thầm hủy hoại đời sống, kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia nói riêng, vận mệnh của loài người nói chung. Ô nhiễm môi trường là nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu, tạo ra các thảm họa toàn cầu như: nước biển dâng, sa mạc hóa, hạn hán, lũ lụt, bão tố, sóng thần, dịch bệnh, nghèo đói, xung đột, chiến tranh v.v.

Trong những năm qua, công tác bảo vệ môi trường có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường của các tầng lớp nhân dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn diễn ra hết sức phức tạp, ảnh hưởng cực kỳ nghiêm trọng đến đời sống sức khỏe nhân dân, đến sự phát triển của đất nước. Bảo vệ môi trường chưa thực sự trở thành nhiệm vụ, trách nhiệm hàng đầu, thường xuyên, liên tục của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội. Do vậy, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, nhất là phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là vấn đề cấp bách đối với mọi người dân, của các cấp, các ngành ở nước ta hiện nay.

3.1. Những vấn đề chung về môi trường và bảo vệ môi trường

3.1.1. Một số khái niệm cơ bản

3.1.1.1. Môi trường

“Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung chủ yếu sau.

- Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, sinh vật, âm thanh, ánh sáng và các hình thái vật chất khác như cảnh quan thiên nhiên, khu vực dân cư, v.v.

- Vai trò của môi trường, cung cấp các yếu tố vật chất và phi vật chất để đảm bảo cho sự sống, tồn tại, phát triển của con người, sinh vật, tự nhiên; nơi chứa đựng,

¹Luật bảo vệ môi trường (2020), Điều 3, khoản 1.

hấp thụ các chất thải của con người và sinh vật.

3.1.1.2. Ô nhiễm môi trường

“Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung chủ yếu sau.

- Ô nhiễm môi trường là kết quả của sự biến đổi của các thành phần môi trường gây ảnh hưởng xấu đối với con người, sinh vật và tự nhiên.

- Sự biến đổi của các chỉ số về vật lý, sinh học, hóa học, cảnh quan và xã hội của các thành phần tự nhiên, nhân tạo của môi trường vượt quá mức giới hạn tiêu chuẩn được Nhà nước và các tổ chức quy định áp dụng để bảo vệ môi trường.

- Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường, do tác động của tự nhiên và hoạt động xã thai của con người, sinh vật, trong đó hoạt động xã thai của con người là nguyên nhân chủ yếu và diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

3.1.1.3. Bảo vệ môi trường

“Bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu”². Khái niệm được hiểu trên những nội dung chủ yếu sau.

- Mục đích của bảo vệ môi trường là làm cho môi trường ngày càng trong lành.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường là tổng thể các hoạt động nhằm làm cho môi trường trong lành, và có tác động ngày càng tích cực đối với đời sống con người và sinh vật.

- Nội dung chủ yếu của hoạt động bảo vệ môi trường là: phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó với các sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm và suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.1.2. Vai trò của môi trường đối với đời sống con người và sinh vật

3.1.2.1. Môi trường là không gian sống cho con người và sinh vật

Để tồn tại, phát triển, con người và sinh vật trước tiên cần có không gian sinh tồn cho các hoạt động sống. Con người cần không gian để ở, lao động sản xuất, vui chơi giải trí... và sinh vật cần không gian để sinh tồn. Không có không gian, con người và sinh vật không thể sinh tồn. Không gian này lại đòi hỏi phải đạt đủ những tiêu chuẩn nhất định về các yếu tố vật lý, hóa học, sinh học, cảnh quan và xã hội. Môi trường đã cung cấp điều kiện đầu tiên - đó là không gian sinh tồn với những yếu tố đáp ứng tiêu chuẩn để đảm bảo cho sự sống, sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.

Yêu cầu về không gian sống của con người thay đổi tùy theo trình độ phát triển của con người. Trên trái đất, không gian sinh tồn của con người và sinh vật không thay đổi. Con người với nhu cầu và sự gia tăng dân số nếu chiếm không gian sống ngày càng tăng lên thì không gian sinh tồn của sinh vật lại ngày càng giảm đi. Do đó, trong việc sử dụng môi trường để sinh sống, con người phải đảm bảo mối quan hệ hài hòa với tự nhiên. Tức là, phải

¹Luật bảo vệ môi trường (2020), Điều 3, khoản 12.

²Luật bảo vệ môi trường (2020), Điều 3, khoản 3.

bảo đảm sự cân bằng và bền vững của các hệ sinh thái, khai thác và sử dụng hợp lý các yếu tố của môi trường, cùng “chung sống hòa bình” với sinh vật, bảo vệ thiên nhiên.

3.1.2.2. Môi trường là nơi chứa đựng các nguồn tài nguyên cần thiết cho đời sống của con người và sinh vật

Sự sống của con người và sinh vật gắn liền với quá trình trao đổi chất. Khi sự trao đổi chất của con người và sinh vật không còn, sự sống không còn. Môi trường cung cấp các yếu tố vật chất để diễn ra quá trình trao đổi chất cho sự sống của con người và sinh vật như nước, không khí, khoáng chất ...thức ăn.

Tuy nhiên, với tính cách là sinh vật xã hội, trong lịch sử phát triển của mình, loài người đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển với nhu cầu ngày càng tăng về các tài nguyên. Bắt đầu từ khi con người biết canh tác cách đây khoảng 14-15 nghìn năm, vào thời kỳ đồ đá giữa cho đến khi phát minh ra máy hơi nước vào thế kỷ thứ XVII, đánh dấu sự khởi đầu của công cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong mọi lĩnh vực. Nhu cầu của con người về các nguồn tài nguyên không ngừng tăng lên về cả số lượng, chất lượng và mức độ phức tạp theo trình độ phát triển của xã hội. Môi trường đã cung cấp các nguồn tài nguyên cho nhu cầu phát triển của con người như: rừng tự nhiên cung cấp nước, bảo tồn tính đa dạng sinh học và độ phì nhiêu của đất, nguồn gỗ củi, dược liệu và cải thiện điều kiện sinh thái...; các thuỷ vực cung cấp nước, dinh dưỡng, nơi vui chơi giải trí và các nguồn thuỷ hải sản; khí quyển cùng cấp ôxy, hơi nước, gió, hấp thụ bức xạ.. tạo ra sự thay đổi của nhiệt độ giữa ngày và đêm. Môi trường còn cung cấp các loại quặng, nguyên liệu cung cấp cho hoạt động sản xuất của con người. Mặt khác, con người lại khai thác chính sinh vật – thực thể cùng tồn tại với con người trong môi trường để làm nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, nguồn gien và các dạng vật chất khác phục vụ nhu cầu của con người.

3.1.2.3. Môi trường là nơi chứa đựng, hấp thụ các chất phế thải do con người tạo ra trong quá trình sống

Trong quá trình sống, con người và sinh vật luôn đào thải ra các chất thải vào môi trường. Tại đây các chất thải dưới tác động của vi sinh vật và các yếu tố môi trường khác sẽ bị phân huỷ, biến đổi từ phức tạp thành đơn giản và tham gia vào hàng loạt các quá trình sinh địa hoá phức tạp.

Trong thời kỳ sơ khai, khi dân số của nhân loại còn ít, chủ yếu do các quá trình phân huỷ tự nhiên làm cho chất thải sau một thời gian biến đổi nhất định lại trở lại trạng thái nguyên liệu của tự nhiên. Sự gia tăng dân số thế giới nhanh chóng, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa làm số lượng chất thải tăng lên không ngừng dẫn đến chức năng này nhiều nơi, nhiều chỗ trở nên quá tải, gây ô nhiễm môi trường. Khả năng tiếp nhận và phân huỷ chất thải trong một khu vực nhất định gọi là khả năng đệm của khu vực đó. Khi lượng chất thải lớn hơn khả năng đệm, hoặc thành phần chất thải có nhiều chất độc, vi sinh vật gặp nhiều khó khăn trong quá trình phân huỷ thì chất lượng môi trường sẽ giảm và môi trường có thể bị ô nhiễm. Chức năng này có thể phân loại chi tiết như sau: Chức năng biến đổi lý - hoá học (phân huỷ hoá học nhờ ánh sáng, nhiệt độ hấp thụ, tách chiết các vật thải và độc tố); chức năng biến đổi sinh hoá (sự hấp thụ các chất dư thừa, chu trình ni tơ và cacbon, khử các chất độc bằng con đường sinh hoá); Chức năng biến đổi sinh học (khoáng hoá các chất thải hữu cơ, mùn hoá, amôn hoá, nitrat hoá và phản nitrat hoá).

3.1.2.4. Môi trường lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người

Môi trường trái đất là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người. Môi trường cung cấp sự ghi chép và lưu trữ lịch sử trái đất, lịch sử tiến hóa của vật chất và sinh vật, lịch sử xuất hiện và phát triển văn hóa của loài người. Cung cấp các chỉ thị không gian và tạm thời mang tín hiệu và báo động sớm các hiểm họa đối với con người và sinh vật sống trên trái đất như phản ứng sinh lý của cơ thể sống trước khi xảy ra các tai biến tự nhiên và các hiện tượng tai biến tự nhiên, đặc biệt như bão, động đất, núi lửa... Cung cấp và lưu giữ cho con người các nguồn gen, các loài động thực vật, các hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo, các vẻ đẹp, cảnh quan có giá trị thẩm mỹ để thưởng ngoạn, tôn giáo và văn hóa khác.

3.1.2.5. Bảo vệ con người và sinh vật khỏi những tác động từ bên ngoài

Các thành phần trong môi trường còn có vai trò trong việc bảo vệ cho đời sống của con người và sinh vật tránh khỏi những tác động từ bên ngoài như: tầng Ozon trong khí quyển có nhiệm vụ hấp thụ và phản xạ trở lại các tia cực tím từ năng lượng mặt trời.

3.1.3. Nội dung bảo vệ môi trường

3.1.3.1. Bảo vệ các thành phần môi trường và di sản thiên nhiên

- *Bảo vệ môi trường nước mặt, môi trường nước dưới đất và môi trường nước biển*

+ *Bảo vệ môi trường nước mặt*

Nước mặt là các nguồn nước tồn tại trên bề mặt của đất liền, hay hải đảo. Bảo vệ môi trường nước mặt là tiến hành các hoạt động thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý nước thải xả vào môi trường nước mặt; quan trắc, đánh giá chất lượng nước, trầm tích, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt và công khai thông tin phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng nước mặt; điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt; công bố các khu vực môi trường nước mặt không còn khả năng chịu tải; đánh giá hạn ngạch xả nước thải vào môi trường nước mặt; xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện môi trường nước mặt bị ô nhiễm; quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích sông liên quốc gia và chia sẻ thông tin phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật và thông lệ quốc tế.

+ *Bảo vệ môi trường nước dưới đất*

Nước dưới đất hay đôi khi còn được gọi là nước ngầm, là loại nước nằm bên dưới bề mặt đất trong các không gian rỗng của đất và trong các khe nứt của các thành tạo đá, và các không gian rỗng này có sự liên thông với nhau. Bảo vệ môi trường nước dưới đất là các hoạt động quan trắc, đánh giá thực hiện các biện pháp ứng phó kịp thời khi phát hiện có thông số môi trường vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia hoặc có sự suy giảm mục nước theo quy định; ngăn ngừa hóa chất độc hại, chất phóng xạ để không bị rò rỉ, phát tán vào nguồn nước dưới đất.

+ *Bảo vệ môi trường nước biển*

Nước biển là nước trong các biển hay đại dương. Bảo vệ môi trường nước biển là tiến hành các hoạt động điều tra, đánh giá chất lượng nước biển và công bố vùng rủi ro ô nhiễm, vùng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; quản lý, ngăn ngừa, giám thiểu, kiểm soát chặt chẽ nguồn phát thải từ đất liền, hải đảo và các hoạt động trên biển; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; quản lý, kiểm soát các hoạt động khai thác nguồn lợi từ biển và hải đảo, hoạt động kinh tế-xã hội khác phù hợp với quy hoạch và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường biển; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả

giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và phối hợp giữa cơ quan nhà nước Việt Nam với cơ quan, tổ chức nước ngoài trong việc chia sẻ thông tin, đánh giá chất lượng môi trường nước biển và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển xuyên biên giới.

- *Bảo vệ môi trường không khí*

Là các hoạt động quan trắc, giám sát thường xuyên, liên tục chất lượng môi trường không khí; tình trạng ô nhiễm môi trường không khí; các nguồn phát thải bụi, khí thải có tác động xấu đến môi trường không khí để tiến hành các biện pháp thông báo, cảnh báo kịp thời, kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm và xử lý các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm theo quy định của pháp luật.

- *Bảo vệ môi trường đất*

Là các hoạt động tiến hành xem xét, đánh giá các quy hoạch, kế hoạch, dự án và hoạt động có sử dụng đất tác động đến môi trường đất, để có giải pháp phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái, bảo vệ môi trường đất. Quan trắc, điều tra, đánh giá, phân loại các khu vực ô nhiễm môi trường đất do các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân gây ra. Xử lý và buộc các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất gây ô nhiễm môi trường đất phải cải tạo, phục hồi. Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất ở khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm.

- *Bảo vệ di sản thiên nhiên*

Di sản thiên nhiên là tập hợp những tài sản tự nhiên nằm trong lãnh thổ của một quốc gia. Di sản thiên nhiên có vẻ đẹp nổi bật, độc đáo hoặc hiếm gặp của thiên nhiên; có giá trị điển hình về quá trình tiến hóa sinh thái, sinh học hoặc nơi cư trú tự nhiên của loài nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu hoặc chứa đựng các hệ sinh thái đặc thù, đại diện cho một vùng sinh thái tự nhiên hoặc có giá trị đa dạng sinh học đặc biệt khác cần bảo tồn; có đặc điểm nổi bật, độc đáo về địa chất, địa mạo hoặc chứa đựng dấu tích vật chất về các giai đoạn phát triển của Trái Đất; có tầm quan trọng đặc biệt trong việc điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước, giữ cân bằng sinh thái, cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên.

Di sản thiên nhiên bao gồm: vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan được xác lập theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; danh lam thắng cảnh được công nhận là di sản văn hóa được xác lập theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; di sản thiên nhiên khác được xác lập, công nhận theo quy định.

Bảo vệ di sản thiên nhiên là tiến hành các hoạt động điều tra, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; phục hồi di sản thiên nhiên, tiến hành các biện pháp kiểm soát nhằm bảo đảm khai thác và sử dụng một cách hợp lý các di sản thiên nhiên. Mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ di sản thiên nhiên.

3.1.3.2. *Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*

Yêu cầu. Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung, làng nghề vv: Phải có hệ thống thu gom, lưu giữ chất thải rắn; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; hệ thống quan trắc nước thải đối với trường hợp khu kinh tế có hệ thống xử lý nước thải tập trung phải quan trắc tự động, liên tục; diện

tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng; phải có bộ phận chuyên môn, phụ trách và có chuyên môn phù hợp.

Trách nhiệm. Ban quản lý các khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu sản xuất kinh doan dịch vụ tập trung, làng nghề tiến hành kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường các khu chức năng sản xuất công nghiệp trong khu kinh tế; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, thanh tra về bảo vệ môi trường; tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trong khu kinh tế theo kế hoạch; phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật; báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu kinh tế theo quy định của pháp luật.

3.1.3.3. Bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn

- Bảo vệ môi trường khu đô thị, khu dân cư

Nguyên tắc: Bảo vệ môi trường khu đô thị, khu dân cư tập trung phải thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử và bảo đảm tỷ lệ không gian xanh, yêu cầu về cảnh quan, vệ sinh môi trường theo quy hoạch.

Yêu cầu và trách nhiệm đối với chủ dự án khu đô thị và khu dân cư phải: có mạng lưới cấp, thoát nước, công trình vệ sinh nơi công cộng đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; có thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu đô thị, khu dân cư tập trung; có diện tích cây xanh, mặt nước, không gian thoáng trong khu đô thị, khu dân cư tập trung theo quy định của pháp luật; có công viên, vườn hoa, cây xanh, mặt nước, đường giao thông công cộng, hệ sinh thái tự nhiên phải được bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo, đáp ứng yêu cầu về mỹ quan, bảo vệ môi trường và không được lấn chiếm, san lấp, sử dụng sai mục đích; khu dân cư, cụm dân cư phân tán phải có địa điểm lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định.

- Bảo vệ môi trường nông thôn

Yêu cầu. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh; chất thải phải được thu gom, tái sử dụng, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; cụm dân cư nông thôn phải có hệ thống thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp; điểm tập kết chất thải phải được bố trí hợp lý; không chăn, thả động vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng; khuyến khích hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường; cảnh quan, cây xanh, ao hồ, hệ sinh thái nước mặt, nguồn nước phải được giữ gìn, bảo vệ, phục hồi và cải tạo; chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn phải được quản lý theo quy định của pháp luật; chất thải sinh hoạt hữu cơ, chất thải từ chăn nuôi, chế biến và phụ phẩm nông nghiệp phải được thu hồi, tái sử dụng hoặc làm nguyên liệu sản xuất; chất lượng môi trường nông thôn phải được theo dõi, đánh giá; khu vực ô nhiễm phải được xác định, khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường và thực hiện biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường nông thôn. Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành phân cấp quản lý, kiểm tra, giám sát, kiểm soát các loại chất thải sinh hoạt, nông

nghiệp, tiêu thụ công nghiệp. Tiến hành thu gom, xử lý chất thải và khu vực ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường. Ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật.

- Bảo vệ môi trường nơi công cộng

Yêu cầu. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

Trách nhiệm. Tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác phải: bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý; có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi quản lý; phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân

Yêu cầu, trách nhiệm. Hộ gia đình và cá nhân phải: giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định; giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh trong khu dân cư; không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh; chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật; tham gia hoạt động bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư; có công trình vệ sinh theo quy định. Chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình phải bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm tiếng ồn, phát tán mùi khó chịu; chất thải từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.1.3.4. Bảo vệ môi trường ở một số lĩnh vực chủ yếu khác

- Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp

Yêu cầu. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón trong sản xuất nông nghiệp phải thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan. Các loại hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có độc tính cao, bền vững, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người phải được đăng ký, kiểm kê, kiểm soát, quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro và xử lý theo quy định của pháp luật. Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi phải được quản lý theo quy định. Phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, sản xuất phân bón, sản xuất năng lượng hoặc phải được xử lý theo quy định; không đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gây ô nhiễm môi trường. Việc sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc mục đích khác phải thực hiện theo quy định.

Trách nhiệm. Nhà nước có chính sách khuyến khích đổi mới mô hình, phương pháp sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và sản phẩm xử lý môi trường trong nông nghiệp; phát triển mô hình nông nghiệp thân thiện môi trường.

- Bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế và kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người

Yêu cầu đối với bệnh viện, cơ sở y tế: Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả ra môi trường; phân loại chất thải rắn tại nguồn; thực hiện thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ưu tiên lựa chọn công nghệ không đốt, thân thiện môi trường và đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trong xử lý chất thải y tế lây nhiễm; khuyến khích việc khử khuẩn chất thải y tế lây nhiễm để loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi xử lý tập trung; có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra; xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; xây dựng, vận hành công trình vệ sinh, hệ thống thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải theo quy định.

Trách nhiệm. Cơ sở y tế sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ phải đáp ứng yêu cầu của pháp luật về năng lượng nguyên tử. Chất ô nhiễm tác động trực tiếp đến sức khỏe con người phải được quản lý như sau: nhận diện, đánh giá, cảnh báo, phòng ngừa và kiểm soát chất ô nhiễm có khả năng tác động đến sức khỏe con người; các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người có liên quan trực tiếp đến chất ô nhiễm; kiểm soát và xử lý từ nguồn phát sinh đối với chất ô nhiễm có tác động đến sức khỏe con người và vấn đề về bệnh tật được xác định có nguyên nhân trực tiếp từ chất ô nhiễm; quản lý, chia sẻ, công bố thông tin về chất ô nhiễm có tác động trực tiếp đến sức khỏe con người.

- Bảo vệ môi trường trong mai táng, hỏa táng

Yêu cầu. Khu mai táng, hỏa táng phải phù hợp với quy hoạch; có vị trí, khoảng cách đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư, không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh. Việc quàn, ướp, di chuyển, chôn cát thi thể, hài cốt phải bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường.

Trách nhiệm. Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ mai táng, hỏa táng phải chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Nhà nước khuyến khích việc hỏa táng, mai táng hợp vệ sinh, trong khu nghĩa trang theo quy hoạch; xóa bỏ hủ tục trong mai táng, hỏa táng gây ô nhiễm môi trường. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc mai táng, hỏa táng người chết do dịch bệnh nguy hiểm.

- Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng

Yêu cầu. Quy hoạch xây dựng phải bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc quy hoạch khu đô thị, khu dân cư tập trung phải hướng tới phát triển khu đô thị sinh thái, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, bảo đảm tỷ lệ diện tích cây xanh, mặt nước, cảnh quan theo quy định của pháp luật. Khuyến khích việc tái sử dụng chất thải từ hoạt động xây dựng, sử dụng vật liệu không nung và vật liệu thân thiện môi trường trong xây dựng.

Trách nhiệm. Các tổ chức, cá nhân khi thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây: có biện pháp không phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt mức cho phép

theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; việc vận chuyển vật liệu, chất thải trong hoạt động xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp, bảo đảm không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường; nước thải phải được thu gom, xử lý, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định; đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào móng cọc được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp; bùn thải phát sinh từ bê phốt, hầm cầu phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

- *Bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải*

Yêu cầu. Phương tiện giao thông vận tải phải được cơ quan đăng kiểm kiểm định, xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, chất thải phải được che chắn, không để rơi vãi gây ô nhiễm môi trường khi tham gia giao thông. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng nguy hiểm phải bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện, năng lực về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Việc vận chuyển hàng hóa, vật liệu có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường phải được thực hiện bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng, bảo đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường. Việc xây dựng công trình giao thông phải có giải pháp hạn chế, giảm thiểu các tác động đến địa hình, cảnh quan, địa chất, di sản thiên nhiên.

Trách nhiệm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển; có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I. Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải; lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường. Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông vận tải theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy định khác của pháp luật có liên quan; hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định.

- *Bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và hoạt động dầu khí*

Yêu cầu. Tổ chức, cá nhân tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và hoạt động dầu khí phải có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường sau đây: thu gom, xử lý nước thải theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, xả khí thải và tác động xấu khác đến môi trường xung quanh; có phương án cải tạo, phục hồi môi trường; ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định.

Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khi thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và hoạt động dầu khí phải: có các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường; phân tích, đánh

giá, lựa chọn giải pháp tốt nhất để cải tạo, phục hồi môi trường; xây dựng kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình quan trắc môi trường trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch kiểm tra, xác nhận hoàn thành phurom án; khoáng sản có tính chất độc hại phải được lưu giữ, vận chuyển bằng phurom tiện, thiết bị chuyên dụng, được che chắn bảo đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường; việc sử dụng máy móc, thiết bị có tác động xấu đến môi trường, hóa chất độc hại trong thăm dò, khai thác, đóng cửa mỏ, chế biến khoáng sản phải được đánh giá tác động môi trường, khai báo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; việc thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến khoáng sản khác có chất phóng xạ, chất độc hại, chất nổ phải thực hiện theo quy định của pháp luật về an toàn hóa chất, năng lượng nguyên tử và quy định khác có liên quan.

3.1.3.5. Bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác

- Yêu cầu trong quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác

Đối với chất thải. Chất thải phải được quản lý trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy; chủ nguồn thải chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp để xử lý; chủ nguồn thải chất thải công nghiệp phải kiểm soát có trách nhiệm phân định chất thải là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường thông qua hoạt động lấy, phân tích mẫu do cơ sở có chức năng, đủ năng lực thực hiện theo quy định của pháp luật. Chất thải công nghiệp sau khi phân định phải được quản lý theo quy định của pháp luật; chất thải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quản lý như sản phẩm, hàng hóa và được phép sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất; tổ chức, cá nhân vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý có trách nhiệm vận chuyển chất thải đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân vận chuyển khác để vận chuyển đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp; việc quản lý chất thải phóng xạ được thực hiện theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Đối với nước thải. Nước thải phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; nước thải được khuyến khích tái sử dụng khi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và mục đích sử dụng nước; nước thải có chứa thông số môi trường nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; việc xả nước thải sau xử lý ra môi trường phải được quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

Đối với bụi, khí thải. Phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Bụi có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

- Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và Nhà nước trong quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác

Tổ chức, cá nhân. Có trách nhiệm áp dụng giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo; áp dụng công nghệ, chương trình sản xuất sạch hơn, kiểm soát môi trường và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải; cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu môi

trường quốc gia khi chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý cho cơ sở có giấy phép môi trường phù hợp.Các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Nhà nước có chính sách xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ quá trình xử lý *chất thải*; áp dụng công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu, kiểm soát chất thải thứ cấp phát sinh, hạn chế tối đa lượng chất thải rắn phải chôn lấp; khuyến khích đồng xử lý chất thải, sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thay thế. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn. Hướng dẫn thực hiện hoạt động phòng ngừa, kiểm tra, giám sát, xử lý các nguồn bụi, khí thải gây ô nhiễm không khí.

3.1.3.6. *Ứng phó với biến đổi khí hậu*

Biến đổi khí hậu trái đất là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm: Khí quyển, thuỷ quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai, bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định. Nguyên nhân chính làm biến đổi khí hậu Trái Đất là do sự gia tăng các hoạt động tạo ra các chất thải khí nhà kính, các hoạt động khai thác quá mức các bể hấp thụ và bể chứa khí nhà kính như sinh khối, rừng, các hệ sinh thái biển, ven bờ và đất liền khác. Biến đổi khí hậu là nguyên nhân dẫn đến mất cân bằng hệ sinh thái và đa dạng sinh học, dịch bệnh tăng cao, thiên tai ngày càng nặng nề, các nguồn tài nguyên dần cạn kiệt, băng tan, nước biển dâng, hiệu ứng nhà kính ngày càng tăng, chiến tranh vv. Ứng phó với biến đổi khí hậu là hoạt động của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon.

- *Thích ứng với biến đổi khí hậu*

Thích ứng với biến đổi khí hậu là các hoạt động nhằm tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên và xã hội, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và tận dụng cơ hội do biến đổi khí hậu mang lại.

Nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu bao gồm: Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực, khu vực và cộng đồng dân cư trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và dự báo phát triển kinh tế - xã hội; triển khai hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng và dựa vào hệ sinh thái; ứng phó với nước biển dâng và ngập lụt đô thị; xây dựng, triển khai hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trách nhiệm. Các cơ quan chức năng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật quy định về thích ứng với biến đổi khí hậu; hướng dẫn đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia.

- *Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính*

Các khí nhà kính gồm: carbon dioxide (CO_2), methane (CH_4) và nitrous oxide (N_2O). Các khí có hàm lượng thấp nhung có tiềm năng cao gây hiệu ứng nhà kính là hydrofluorocarbons (HFCs), perfluorocarbons (PFCs), sulphur hexafluoride (SF_6) và nitrogen trifluoride (NF_3).

Nội dung giảm nhẹ phát thải khí nhà kính bao gồm: tổ chức thực hiện hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và hấp thụ khí nhà kính theo lộ trình phù hợp với điều kiện của đất nước và cam kết quốc tế; kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; kiểm tra việc tuân thủ quy định về kiểm kê khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, việc thực hiện cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; xây dựng và triển khai cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước.

Trách nhiệm. Nhà nước và các cơ quan chức năng ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính; điều kiện và tình hình phát triển kinh tế-xã hội; tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng trên đơn vị sản phẩm, dịch vụ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Xây dựng, ban hành hệ thống quốc gia kiểm kê khí nhà kính; hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; định kỳ xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính; xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; hướng dẫn việc lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý để giảm nhẹ phát thải khí.

Cơ sở phát thải khí nhà kính phải tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính và gửi kết quả kiểm kê khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần đến cơ quan chức năng. Xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hàng năm.

- Bảo vệ tầng ozon

Tầng ozon là một khu vực trong tầng bình lưu của Trái Đất, chứa nồng độ ozon (O_3) cao, có khả năng hấp thụ đến 99% các bức xạ cực tím của Mặt Trời. Bảo vệ tầng ozon là hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm ngăn ngừa sự suy giảm tầng ozon, hạn chế tác động có hại của bức xạ cực tím từ Mặt Trời.

Nội dung bảo vệ tầng ozon bao gồm: Quản lý hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ và loại trừ các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ozon mà Việt Nam là thành viên; thực hiện việc thu gom, tái chế, tái sử dụng hoặc tiêu hủy các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát thuộc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về bảo vệ tầng ozon trong thiết bị có các chất này khi không còn sử dụng; phát triển và ứng dụng công nghệ, thiết bị sử dụng các chất không làm suy giảm tầng ozon, chất thân thiện khí hậu.

Trách nhiệm. Đối với các cơ quan chức năng theo quy định xây dựng Kế hoạch quốc gia quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát theo điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ozon mà Việt Nam là thành viên; ban hành danh mục và hướng dẫn sử dụng các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát phù hợp với lộ trình thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ozon; quản lý, kiểm soát, giảm thiểu sử dụng và loại trừ các chất thuộc danh mục quy định; tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính; ban hành quy định quản lý, chính sách hỗ trợ chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát.

Đối với các cơ sở sản xuất và sử dụng thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sử dụng chất thuộc danh mục quy định phải xây dựng lộ trình phù hợp để thay thế, loại bỏ hoặc chuyển đổi công nghệ bảo vệ tầng ozon và phải thực hiện quy định về thu gom, vận

chuyển, tái chế, tái sử dụng, tiêu hủy chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính.

3.2. Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

3.2.1. Tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam gần đây

3.2.1.1. Trong lĩnh vực xử lý chất thải, khí thải công nghiệp

Tình hình vi phạm pháp luật về môi trường trong lĩnh vực xử lý chất thải, khí thải công nghiệp tiếp tục diễn biến nghiêm trọng ở nhiều địa phương, tập trung chủ yếu tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, nơi tập trung các công ty, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất... Nhiều khu công nghiệp, nhà máy không xây dựng hệ thống xử lý nước thải, hoặc có xây dựng nhưng không vận hành hoặc chỉ vận hành để đối phó với cơ quan chức năng khi có kiểm tra, thường xuyên xả nước thải chưa qua xử lý hoặc đã xử lý nhưng chưa đạt tiêu chuẩn ra môi trường. Một số doanh nghiệp sử dụng các thủ đoạn như xây dựng hệ thống xả thải ngầm, xả thải vào ban đêm, khi triều lên, trời mưa, lén lút xả nước thải sản xuất vào đường thoát nước mưa... Các lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý nhiều doanh nghiệp lớn sử dụng thủ đoạn này, như nhà máy xử lý nước thải tập trung thuộc Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành (Khu công nghiệp Long Thành, Đồng Nai); nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Linh Trung 1 (Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh); nhà máy Toyota (Khu công nghiệp Nội Bài, Hà Nội), đặc biệt là công ty Fomosa Hà Tĩnh với sự cố môi trường năm 2016.... Vi phạm pháp luật về môi trường trong việc xả thải là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm nguồn nước các dòng sông, kênh rạch, ao hồ, phát sinh dịch bệnh cho người và các loài vật nuôi, cây trồng.

3.2.1.2. Trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng

Trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng, nổi lên tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển, xuất khẩu cây cổ thụ, gỗ quý, cây bóng mát có nguồn gốc từ rừng tự nhiên. Một số đối tượng lợi dụng sơ hở trong quy định của pháp luật để khai thác các loại cây có nguồn gốc tự nhiên đưa về trồng tại vườn, sau đó xin giấy phép để hợp thức hóa việc vận chuyển, tiêu thụ, gây khó khăn cho công tác xử lý. Tình trạng hủy hoại rừng tiếp tục diễn ra công khai, nghiêm trọng ở các khu rừng quốc gia, dự án phát triển rừng nghèo, rừng sản xuất, rừng chuyển đổi mục đích... với thủ đoạn lợi dụng các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp, dự án thủy điện, phát triển hạ tầng để khai thác gỗ trái phép. Đặc biệt, tại một số tỉnh miền Trung, Nam Bộ, Tây Nguyên, trước thông tin một số doanh nghiệp Trung Quốc thu mua sắn, khoai lang giá cao, nhiều hộ dân đã phá bỏ cây trồng trước đây, phá rừng lấy đất, mở rộng nương rẫy để trồng sắn, khoai lang. Nếu không có biện pháp quản lý, khoanh vùng kịp thời sẽ dẫn đến nguy cơ phá rừng tràn lan.

3.2.1.3. Trong công tác quản lý chất thải nguy hại

Công tác quản lý chất thải nguy hại đã và đang bị buông lỏng. Cả nước hiện có 80 doanh nghiệp được cấp phép xử lý chất thải nguy hại, phần lớn các doanh nghiệp này có công nghệ, thiết bị lạc hậu, ký kết hợp đồng xử lý chất thải nguy hại nhưng không xử lý hoặc có xử lý nhưng không đảm bảo yêu cầu rồi chôn lấp tại các khu xử lý chất thải sinh hoạt hoặc trong khuôn viên nhà máy. Tình trạng nhập khẩu phế liệu lẩn tạp chất và chất thải nguy hại qua các cửa khẩu lớn tại Hải Phòng, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh và qua tuyến biên giới một số tỉnh miền Tây Nam bộ vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp với thủ đoạn ngày càng tinh vi. Hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý trái phép chất thải nguy hại như dầu máy thải, ác quy chì cũ, bùn thải và bã quặng kim loại vẫn diễn ra tràn lan, nhất là các cơ sở

tái chế chất thải nguy hại quy mô nhỏ trong các làng nghề - một trong những tác nhân quan trọng làm ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng.

3.2.1.4. Trong lĩnh vực bảo vệ động vật quý hiếm, hoang dã

Theo ước tính hiện nay, có gần 1.556 loài có nguy cơ bị tuyệt chủng hoặc có thể gần tuyệt chủng cần được bảo vệ. Tuy nhiên, do động vật quý hiếm, hoang dã có lợi nhuận cao nên vi phạm có chiều hướng gia tăng, thủ đoạn che giấu ngày càng tinh vi. Nổi lên là hoạt động săn bắt, nuôi nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép nhiều loại động vật hoang dã, quý hiếm như hổ, voi, tê tê, rùa, rắn... và các sản phẩm của chúng, thậm chí hình thành những đường dây buôn bán có sự cấu kết chặt chẽ, khép kín giữa các đối tượng ở trong nước và nước ngoài. Việc vận chuyển, buôn bán động vật quý hiếm, hoang dã khi bị phát hiện các đối tượng thường dùng thủ đoạn khai nhận chở thuê cho đối tượng không quen biết để gây khó khăn cho việc điều tra, xử lý của cơ quan chức năng.

3.2.1.5. Trong lĩnh vực y tế

Trong lĩnh vực y tế, việc bảo vệ môi trường tại các bệnh viện và cơ sở y tế chưa được chú trọng, đặc biệt là ở các bệnh viện, cơ sở y tế cấp huyện, công tác quản lý chất thải còn lỏng lẻo, sơ hở, hành vi mua bán chất thải bệnh viện còn diễn ra khá phổ biến ở nhiều nơi. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc chữa bệnh, được phẩm sử dụng hóa chất, nguyên liệu, hương liệu... không rõ nguồn gốc, không đảm bảo chất lượng. Công tác quản lý thực phẩm chức năng còn sơ hở, thực phẩm chức năng không đảm bảo chất lượng vẫn được lưu thông, buôn bán tràn lan trên thị trường. Rác thải, nước thải y tế ở các bệnh viện, các cơ sở y tế, các khu trung tâm cách ly đối với các ca nghi lây nhiễm các bệnh về truyền nhiễm nhất là bệnh Covid -19 có lúc chưa được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định. Đây là nguyên nhân có thể gia tăng sự lây lan dịch bệnh, ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí hết sức nghiêm trọng.

3.2.1.6. Trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm

Vi phạm pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người tiêu dùng, gây ra nhiều bệnh nan y, nhất là các bệnh K. Mặt khác, nó gây gián tiếp làm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, tự nhiên. Với các hành vi phô biến như thu mua hàng giả, kém chất lượng rồi đóng gói mới, làm giả bao bì sản phẩm, dập lại hạn sử dụng những mặt hàng đã hết hạn sử dụng, vận chuyển, buôn bán các loại gia súc, gia cầm không qua kiểm dịch tại các tỉnh phía Bắc và Tây Nam Bộ (chủ yếu khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Campuchia); nhập khẩu thực phẩm “bẩn”, kém chất lượng, sử dụng các chất phụ gia ngoài danh mục, phụ gia vượt quá liều lượng cho phép trong sản xuất, chế biến thực phẩm.

3.2.2. Nguyên tắc bảo vệ môi trường

Theo Điều 4, Luật bảo vệ Môi trường năm 2020, hoạt động bảo vệ môi trường cần tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

- Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế-xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.

- Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng

giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

- Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải.

- Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế-xã hội; thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật

- Hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm không gây phuong hại chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia, gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

3.2.3. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường

Theo Điều 5, Luật bảo vệ Môi trường năm 2020, các chính sách của Nhà nước trong hoạt động bảo vệ môi trường gồm:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để tăng cường việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường.

- Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách nhà nước với tỷ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường; ưu tiên nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ trọng điểm về bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ môi trường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

- Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế và thực hiện cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư.

- Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

3.2.4. Những hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích

- Truyền thông, giáo dục và vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Bảo vệ, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

- Giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải.

- Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ozon.

- Đăng ký cơ sở, sản phẩm thân thiện với môi trường; sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thiết bị, dụng cụ bảo vệ môi trường; cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường; thực hiện kiểm toán môi trường; tín dụng xanh; đầu tư xanh.

- Bảo tồn và phát triển nguồn gen bản địa; lai tạo, nhập nội các nguồn gen có giá trị kinh tế và có lợi cho môi trường.

- Xây dựng thôn, làng, áp, bản, buôn, phum, sóc, khu dân cư thân thiện với môi trường.

- Phát triển các hình thức tự quản và tổ chức hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường của cộng đồng dân cư.

- Hình thành nếp sống, thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, xóa bỏ hủ tục gây hại đến môi trường.

- Đóng góp kiến thức, công sức, tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; thực hiện hợp tác công tư về bảo vệ môi trường.

3.2.5. Những hành vi bị nghiêm cấm

Theo Điều 6, Luật bảo vệ Môi trường năm 2020, những hành vi bị nghiêm cấm để bảo vệ môi trường gồm:

- Vận chuyển, chôn, lấp, đồ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.

- Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

- Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí.

- Thực hiện dự án đầu tư hoặc xả thải khi chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức.

- Nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái

chế.

- Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Che giấu hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất và tiêu thụ chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế về các chất làm suy giảm tầng ozon mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.

- Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2.7. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và công dân trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường

3.2.7.1. Trách nhiệm của Bộ Công an

Tổ chức lực lượng phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Công an nhân dân, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự và Nghị định này.

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan hữu quan khác xây dựng và thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; chuyển cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tài liệu, hồ sơ vụ việc có thể liên quan tới các vi phạm pháp luật về môi trường để thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; trao đổi thông tin, tài liệu cần thiết trong quá trình điều tra, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về môi trường với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Tham mưu và xây dựng chiến lược, chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập kế hoạch, dự toán ngắn hạn, dài hạn về kinh phí sự nghiệp môi trường phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.2.7.2. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, kết quả điều tra, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan rà soát, điều chỉnh, chuyển đổi các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới; xây dựng cơ chế xã hội hóa, giám sát, kiểm tra về môi trường.

Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ không có hệ thống, phương tiện, biện pháp xử lý chất thải và biện pháp khắc phục sự cố môi trường. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an trong việc trao đổi thông tin, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Phối hợp với Bộ Công an thực hiện việc tăng cường năng lực cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

3.2.7.3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành hữu quan xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch, dự toán ngân sách ngắn hạn, dài hạn kinh phí sự nghiệp môi trường phục vụ công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

3.2.7.4. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý của mình thực hiện các quy định tại Nghị định này.

Thực hiện thanh tra, kiểm tra vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật; phối hợp và hỗ trợ cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường và các cơ quan khác thuộc Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về môi trường.

3.2.7.5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Hướng dẫn các đơn vị, bộ phận trực thuộc nghiên cứu, thực hiện các quy định tại Nghị định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai và đôn đốc thực hiện các chính sách, đường lối, chiến lược, kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Phân bổ kinh phí cho công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường của Nhà nước.

3.2.7.6. Trách nhiệm công dân

Công dân có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tích cực tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm chỉnh hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường. Tích cực tố giác, đấu tranh với tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2.8. Trách nhiệm của sinh viên, học sinh về bảo vệ môi trường

Tích cực học tập, nghiên cứu về nâng cao nhận thức về môi trường và ô nhiễm môi trường. Tham gia tuyên truyền cho mọi người để nâng cao kiến thức, ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định, pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tích cực tham gia các hoạt động, các phong trào xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. Tham gia tích cực và vận động các tầng lớp nhân dân tiến hành phân loại rác thải, thu gom rác thải, nhất là rác thải nhựa, rác thải nguy hại để bảo vệ môi trường. Không đốt rác, rơm rạ, các chất thải gây ô nhiễm môi trường. Thực hành sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt. Tham gia vào phong trào trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, các di sản thiên nhiên, di sản văn hóa v.v.

Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là nội dung quan trọng nhằm bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đất nước. Thực hiện chủ trương của Đảng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đang từng bước hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý quan trọng cho công tác bảo vệ môi trường. Vì vậy, mức độ ô nhiễm, suy thoái môi trường và sự cố môi trường bước đầu được ngăn chặn. Tuy nhiên, các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường vẫn diễn biến phức tạp, có mặt còn gay gắt hơn. Hiện nay, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn nhất là thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và khắc phục, đối phó với biến đổi khí hậu đòi hỏi phải nhận diện đầy đủ và thực hiện hệ thống giải pháp đồng bộ, nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Khái niệm, vai trò, nội dung bảo vệ môi trường hiện nay ?
2. Nguyên tắc, chính sách của nhà nước trong phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ?
3. Các hành vi bị cấm, các hoạt động được khuyến khích trong bảo vệ môi trường?
4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ môi trường ?

Chương 4

PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Trang bị cho học sinh, sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo đảm trật tự giao thông, nguyên nhân, giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên có phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn để góp phần bảo đảm an toàn giao thông.

Về tư tưởng: Xây dựng cho người học có ý thức tự giác trong việc bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

B. NỘI DUNG

Hệ thống giao thông có vai trò cực kỳ quan trọng giúp cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, bình thường; đảm bảo nhu cầu đi lại, sinh hoạt thuận tiện của nhân dân; góp phần phân bổ sản xuất, dịch vụ và dân cư; thúc đẩy hoạt động kinh tế, văn hóa ở các vùng núi xa xôi; cung cấp tính thống nhất của nền kinh tế, tăng cường sức mạnh quốc phòng; giao lưu kinh tế với các nước.

Trong những năm qua, mặc dù số vụ tai nạn và số người chết về giao thông đã giảm đáng kể so với những năm trước đây, nhưng tình trạng vi phạm pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông vẫn xảy ra phổ biến hàng ngày, ở mọi đối tượng tham gia, với mọi phương tiện, trên mọi hình thức giao thông khác nhau và để lại những hậu quả khôn lường. Do đó, để phòng chống có hiệu quả vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đòi hỏi cả Hệ thống chính trị phải vào cuộc, toàn dân phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tự giác chấp hành pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Đây là vấn đề cấp thiết, thường xuyên, lâu dài ở nước ta hiện nay.

4.1. Những vấn đề chung về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

4.1.1. Một số khái niệm cơ bản

4.1.1.1. Giao thông

Giao thông là những hệ thống giúp cho việc di chuyển, đi lại của mọi người với các phương tiện và loại hình khác nhau một cách đơn lẻ hoặc cùng nhau.

- Giao thông ở nước ta hiện nay bao gồm các hệ thống: giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường không. Mỗi hệ thống bao gồm có kết cấu hạ tầng giao thông (đường sá, bảng biển chỉ dẫn, nhà ga, bến đỗ, trạm dừng...) lực lượng đảm bảo giao thông, người và phương tiện tham gia giao thông, văn bản quy phạm pháp luật về giao thông.

- Hệ thống giao thông được phân loại theo hình thức tham gia giao thông gắn với các phương tiện giao thông: giao thông đường bộ, giao thông đường sắt, đường thủy, đường không.

- Giao thông thường được tổ chức và kiểm soát bởi nhà nước nhằm phát triển các hệ thống và đảm bảo an toàn.

4.1.1.2. An toàn giao thông

An toàn giao thông là sự ổn định, thông suốt, trật tự của các hệ thống giao thông, người và phương tiện, hàng hóa tham gia giao thông không bị ảnh hưởng, thiệt hại, mất.

- Trạng thái chỉ sự ổn định, thông suốt, trật tự của các hệ thống giao thông. Người và các phương tiện tham gia giao thông không bị ảnh hưởng về tiến độ, lộ trình và thiệt hại về tinh thần, sức khỏe, tính mạng, hư hỏng mất mát về phương tiện, hành lý, hàng hóa.

- An toàn người tham gia giao thông, phương tiện giao thông, kết cấu hạ tầng giao thông, môi trường, lực lượng đảm bảo giao thông, văn bản quy phạm pháp luật về giao thông.

- Mất an toàn giao thông do nguyên nhân từ cả khách quan và chủ quan. Nguyên nhân khách quan do thời tiết, môi trường, động vật tác động tiêu cực đến các hoạt động của con người và phương tiện trong bảo đảm và tham gia giao thông.

Nguyên nhân chủ quan do con người không chấp hành và tuân thủ đầy đủ các quy tắc, quy phạm pháp luật, hướng dẫn khi tham gia giao thông.

4.1.1.3. Bảo đảm trật tự an toàn giao thông

Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là việc thiết lập, duy trì, củng cố, thúc đẩy trạng thái tham gia giao thông có nền nếp, kỷ cương, trật tự, an toàn đối với người và phương tiện, hàng hóa tham gia giao thông, xây dựng ý thức tự giác chấp hành pháp luật, phòng ngừa, hạn chế tối mức thấp nhất các vụ tai nạn giao thông xảy ra.

- Lực lượng đảm bảo trật tự an toàn giao thông là những lực lượng chuyên trách hướng dẫn, điều khiển, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, tuyên truyền, trong đó cảnh sát giao thông là lực lượng nòng cốt.

- Trật tự an toàn giao thông được đảm bảo khi các hệ thống giao thông ổn định, an toàn; người và các phương tiện, hàng hóa tham gia giao thông không bị ảnh hưởng, hư hại, không gây ra các sự cố mất an toàn và tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, quy định, quy phạm pháp luật về giao thông.

- Đảm bảo trật tự an toàn giao thông là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm đảm bảo cho các loại hình giao thông diễn ra an toàn, thông suốt, trật tự để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường.

4.1.2. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông ở Việt Nam gần đây

Theo thống kê của Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia, trong 5 năm (2016-2020), tình hình tai nạn giao thông trên toàn quốc được kiềm chế hiệu quả. Cả nước xảy ra 94.024 vụ, làm chết 39.917 người, bị thương 77.477 người. So với cùng kỳ 5 năm trước, giảm trên 42% số vụ, trên 19% số người chết và giảm trên 53% số người bị thương.

4.1.2.1. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ

Những năm qua, nhất là từ 2011 đến nay, công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Đã có nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo của cả Hệ thống chính trị nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân, phát huy vai trò của lực lượng Công an nhân dân mà nòng cốt là lực lượng Cảnh sát giao thông nói riêng trong đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Kết quả về trật tự an toàn giao thông có chuyển biến tích cực, văn hóa giao thông từng bước định hình, tạo được đồng thuận, lan tỏa cao trong nhân dân. Thái độ ứng xử, giải quyết khi có ùn tắc, va chạm giao thông nhân văn, lịch sự hơn, xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến trong chấp hành, hướng dẫn, giúp đỡ người, phương tiện không may bị tai nạn và là đã kiềm chế, kéo giảm được tại nạn giao thông. Từng bước khắc phục, giải tỏa tình trạng ùn tắc giao thông, nhất là ở trung tâm các đô thị lớn, tuyến giao thông chính vào ngày, giờ cao điểm.

Tuy nhiên, tình hình trật tự an toàn giao thông đường bộ ở nước ta hiện nay còn phức tạp, rất đáng lo ngại và tai nạn giao thông luôn hiện hữu, đe dọa sức khỏe, tính mạng, tài sản của nhà nước và người dân hàng ngày, hàng giờ. Đây là nỗi ám ảnh của cả xã hội và mỗi người dân. Nguyên nhân của tình trạng này, trước tiên là do ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật về giao thông, văn hóa giao thông của một bộ phận người dân, nhất là những người điều khiển xe cơ giới còn thấp, có nhiều vi phạm; sự tùy tiện, coi thường pháp luật, không tôn trọng các hướng dẫn, điều khiển của hệ thống đảm bảo an toàn giao thông.

Mặt khác, với sự gia tăng nhanh chóng của các phương tiện giao thông, nhất là phương tiện giao thông cá nhân dẫn đến hệ thống công trình giao thông đường bộ đã xuất hiện nhiều bất cập, công tác quản lý điều hành gặp nhiều lúng túng, kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại và vận tải hàng hóa, tính kết nối của kết cấu hạ tầng giao thông chưa cao. Vận tải đường bộ trở thành phương thức vận tải chủ đạo, với khối lượng hàng hóa và hành khách chiếm tỷ trọng lần lượt là 93% và 78% tổng khối lượng vận tải. Tuy nhiên, phương thức này cũng đã bộc lộ những hạn chế nhất định như: Mật độ đường thấp, tắc nghẽn giao thông trên các tuyến vành đai, cửa ngõ; thiếu ngân sách bảo trì thường xuyên; phương tiện cá nhân phát triển nhanh, khó kiểm soát; hệ thống logistics kém hiệu quả (chiếm 20% GDP) do các dịch vụ còn manh mún, đơn giản; xe quá tải khó kiểm soát triệt để; tai nạn thường xuyên xảy ra; Luật Giao thông đường bộ năm 2008 sau hơn 12 năm đưa vào thực thi đã bộc lộ những hạn chế, cần sửa đổi để phù hợp với thực tiễn; các vấn đề về đầu tư, xây dựng các công trình giao thông đường bộ theo hình thức BOT, BT còn nhiều bất cập v.v.

Trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ hiện nay có diễn biến phức tạp, nảy sinh nhiều vấn đề bất cập, bức xúc nhất trong các loại hình giao thông. Tai nạn giao thông đường bộ chiếm hơn 95% trong tổng số vụ, số người chết, số người bị thương của các lĩnh vực giao thông, để lại hậu quả rất lớn cho xã hội; vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đường bộ rất phổ biến, chiếm tỷ lệ trên 80% tổng số hành vi vi phạm của các lĩnh vực giao thông. Bên cạnh đó, đường bộ là nơi diễn ra phức tạp nhất về các hoạt động tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật khác. Thực trạng này gây lãng phí nguồn nhân lực, thiệt hại kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả công việc, sức khoẻ, đời sống người dân, tác động không tốt đến thu hút đầu tư, du lịch, môi trường v.v.

4.1.2.2. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt

Tổng công ty đường sắt Việt Nam cho biết, được sự chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia, Bộ Giao thông vận tải và các bộ ngành liên quan, Đường sắt Việt Nam luôn chủ động phối hợp với chính quyền các địa phương, các cơ quan chức năng thực hiện nhiều giải pháp để kiềm chế tai nạn giao thông đường sắt, ngăn chặn tình trạng mở đường ngang trái phép qua đường sắt và vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt. Tuy nhiên, kết quả vẫn chưa được như mong muốn, tình hình trật tự an toàn đường sắt vẫn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt tại các điểm giao cắt đồng mức giữa đường sắt và đường bộ.

Tình hình các vụ tai nạn giao thông đường sắt cho thấy, có 96,51% số vụ tai nạn giao thông đường sắt là do các nguyên nhân khách quan, tức là do người, các phương tiện tham gia giao thông đường bộ và người dân sinh sống cạnh đường sắt gây ra cho đường sắt. Có tới 70,97% số vụ tai nạn giao thông đường sắt xảy ra tại các giao cắt đồng mức giữa đường sắt, đường bộ, nhất là tại các lối đi dân sinh bất hợp pháp. Như ở Hà Nội, chỉ tính trong đường 15km đường sắt trên tuyến Bắc – Nam từ ga Hà Nội đến xã Nhị Khê- huyện Thanh Trì hiện đang có tới 54 đường ngang hợp pháp và đặc biệt có đến 273 lối đi dân sinh bất hợp pháp. Đây chính là những nơi thường xảy ra các vụ tai nạn trong thời gian vừa qua.

Các vụ tai nạn đường sắt xảy ra từ nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu đến từ các nguyên nhân khách quan do người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây ra cho đường sắt. Ngoài ra, còn có các nguyên nhân khác như: do tồn tại về mặt lịch sử, từ khi được xây dựng đến nay giao cắt giữa đường bộ và đường sắt

là giao cắt đồng mức; vấn đề quy hoạch, phát triển kinh tế xã hội của các địa phương, đặc biệt là việc xác định hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường sắt chưa được đặt ra một cách đầy đủ, toàn diện; do việc buông lỏng quản lý của một số địa phương, chủ đầu tư các dự án giao thông đường bộ và các lực lượng chức năng diễn ra trong một thời gian dài dẫn đến tình trạng vi phạm, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, mở các lối đi dân sinh trái phép qua đường sắt ngày một tăng. Theo thống kê của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, tính đến nay cả nước có 1.471 đường ngang hợp pháp và 4.868 đường ngang bất hợp pháp. Như vậy, bình quân cứ 400m đường sắt có một đường ngang, đặc biệt trên tuyến đường sắt Bắc Nam có địa phương như Hà Nội, Hà Nam, Nam Định chỉ chưa đến 100 m đường sắt đã có 1 đường ngang. Hiện tại có đến 86% các đường ngang hợp pháp nhưng không đủ điều kiện an toàn theo quy định của Điều lệ Đường ngang.

4.1.2.3. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy

Giao thông đường thủy là một trong những bộ phận hợp thành hệ thống giao thông Việt Nam và giữ vị trí quan trọng trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu hàng hóa. Riêng tuyến đường thủy phía bắc là tuyến giao thông huyết mạch, lưu lượng phương tiện qua lại nhiều, trong đó không ít tàu, thuyền vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông đường thủy như phương tiện không đăng ký, đăng kiểm; người điều khiển phương tiện không bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn; không bảo đảm điều kiện an toàn đối với phương tiện và bến chở khách ngang sông, phương tiện chở quá trọng tải. Hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông đường thủy là nguyên nhân dẫn tới các vụ tai nạn giao thông đường thủy (số vụ phát hiện và xử lý năm sau cao hơn năm trước). Trung bình mỗi năm, cả nước xảy ra khoảng 300 vụ tai nạn giao thông đường thủy, làm chết hơn 250 người, hơn 100 người bị thương, thiệt hại hàng trăm tỷ đồng. Lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy kiểm tra và lập biên bản xử lý nhiều trường hợp vi phạm.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa thời gian qua chưa vững chắc, do các cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức; việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy chưa đáp ứng được yêu cầu; quản lý phương tiện giao thông thủy còn bất cập, thiếu sót. Mặt khác, ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông còn kém, kỹ năng xử lý tình huống của người điều khiển phương tiện chưa cao, tình trạng vi phạm quy tắc tránh, vượt, không nhường đường, chở quá tải, đi không đúng luồng tuyến, đặc biệt là tình trạng chở quá số người quy định dẫn đến các vụ đâm tàu thuyền cao trong thời gian qua.

4.1.2.4. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường không

Hoạt động giao thông vận tải bằng đường hàng không đem lại lợi ích lớn cho nền kinh tế quốc dân nhờ đáp ứng được nhu cầu vận chuyển, đi lại nhanh chóng của con người. Hệ thống hàng không dân dụng đã được phát triển đồng bộ, ngày càng hiện đại, phương tiện bay ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, dịch vụ hàng không ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân. Tuy nhiên, trong những năm qua vẫn còn xảy ra nhiều trường hợp uy hiếp an ninh, an toàn hàng không. Các vụ việc này chủ yếu xuất phát từ ý thức chấp hành pháp luật về an ninh, an toàn hàng không của người tham gia giao thông hàng không chưa cao. Mặt khác, còn do lỗi hỏng về pháp lý, việc thiếu sự tuân thủ quy trình xử lý, năng lực chuyên môn và tính chủ động của đội ngũ nhân viên hàng không chưa tốt.

Ngoài ra, trật tự an toàn giao thông đường không ở nước ta hiện nay đang nảy sinh những vấn đề phức tạp mới về việc sử dụng, quản lý các phương tiện bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ. Tình trạng trộm cắp tài sản, hành lý của hành khách vẫn còn xảy ra ở nhiều cảng hàng không.

4.2. Nguyên nhân, giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

4.2.1. Nguyên nhân vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

4.2.1.1. Người tham gia giao thông

Tình hình trật tự an toàn giao thông ở nước ta còn phức tạp, rất đáng lo ngại và tai nạn giao thông luôn hiện hữu, đe dọa sức khỏe, tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân. Đây là nỗi ám ảnh của xã hội và người dân mà trước tiên là do ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật về giao thông, văn hóa giao thông của một bộ phận người dân, nhất là những người điều khiển xe cơ giới còn thấp, có nhiều vi phạm. Hằng năm lực lượng Công an đã phát hiện, xử lý hàng nghìn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm đến từ nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính. Đó là ý thức tự giác chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông của một bộ phận người tham gia giao thông còn nhiều hạn chế. Các hành vi vi phạm diễn ra phổ biến, dễ gây ra tai nạn như: vượt đèn đỏ, lùi xe và đi ngược chiều trên đường cao tốc; sử dụng điện thoại, nhắn tin không quan sát đường khi lái xe; đỗ dừng xe tùy tiện, không đúng nơi quy định; lái xe đang trong cơn “ngáo đá”, “khát ma túy”, say rượu, bia hoặc chất kích thích khác; điều khiển phương tiện không có giấy phép lái xe, sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc đã bị thu hồi do vi phạm hoặc gây tai nạn; chở quá tải, quá khổ, quá số người quy định; phồng nhanh, vượt ẩu, lạng lách, đánh võng, đua xe trái phép; chống người thi hành công vụ, bỏ chạy không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của lực lượng chức năng khi có vi phạm hoặc gây tai nạn.

4.2.1.2. Người mua bán hàng hóa trong hành lang an toàn giao thông

Dọc theo các con đường tuyến tỉnh, thành phố, tuyến đường huyệ, xã hay thậm chí tại những điểm chợ có nơi dành cho khu vực bán hàng, người dân lấn sang hành lang an toàn giao thông để buôn bán, người mua dùng đồ phương tiện không đúng quy định dẫn đến chiếm lòng đường giao thông, gây cản trở lưu thông, thậm chí đây là hiểm họa khôn lường xảy ra tai nạn giao thông đường bộ. Thực tế tại một số tuyến đường và tại các điểm chợ trên nhiều địa bàn tỉnh, thành phố, huyệ, xã, phường tình trạng họp chợ tự phát trong hành lang an toàn giao thông, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông cao. Nhiều nơi, người dân tự nhiên lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè của cả đường bộ và đường sắt để làm nơi buôn bán, họp chợ, vui chơi, v.v.

Thời gian qua, các cơ quan chức năng đã thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hành lang an toàn trên các tuyến cá đường bộ, đường sông, đường sắt. Mặc dù đã được tuyên truyền, nhắc nhở nhưng nhiều hộ dân vẫn cố tình vi phạm làm mất trật tự hành lang an toàn giao thông. Nguyên nhân chủ yếu của hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông là do tâm lý muốn cận lô để làm ăn, buôn bán của người dân, dẫn đến lực lượng chức năng hôm nay dẹp được chỗ này thì ngày mai họ lại chạy sang chỗ khác hoặc lúc có lực lượng chức năng đi kiểm tra, xử lý thì họ chấp hành nhưng sau khi lực lượng chức năng đi rồi thì đâu lại vào đó. Mặt khác, do người mua dùng đồ tùy tiện, thiếu ý thức bảo đảm trật tự an toàn giao thông, gây ức tắc, thậm chí là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông. Đây cũng là tình trạng làm gia tăng các vụ tai nạn giao thông, gây thiệt hại to lớn cả về con người và vật chất, phương tiện.

4.2.1.3. Quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông còn nhiều yếu kém, thể hiện: công tác quy hoạch giao thông thiếu căn cứ khoa học về tầm nhìn mang tính chiến lược; kết cấu hạ tầng giao thông nhất là giao thông đô thị còn bất cập; công tác tổ chức giao thông lúng túng; các chính sách phát triển giao thông vận tải, phát triển phương tiện giao thông cơ giới chưa theo kịp nhu cầu vận động của nền kinh tế thị trường; công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông chưa thường xuyên; vẫn còn tình trạng buông lỏng công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông ở một số địa phương; tiêu cực của một số bộ phận cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông chưa được ngăn chặn và xử lý triệt để.

Công tác quản lý Nhà nước trong chỉ đạo và điều hành thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông chưa thường xuyên, liên tục và mạnh mẽ. Cụ thể là: năng lực, chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước về kinh doanh vận tải, quản lý kỹ thuật phương tiện, bảo vệ kết cấu hạ tầng cũng như công tác thanh tra, tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm còn nhiều hạn chế, mới chỉ tập trung tại một số địa bàn, một số nhóm đối tượng, trên các tuyến trọng điểm, trong thời gian cao điểm, chưa bảo đảm thường xuyên, liên tục trên địa bàn; công tác quản lý về hoạt động vận tải, đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe, đăng kiểm phương tiện vẫn còn một số hạn chế; tình trạng phương tiện chở quá tải trọng vẫn xảy ra, hiện tượng tiêu cực trong thực thi công vụ vẫn còn, một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ thanh tra, tuần tra, kiểm soát còn có biểu hiện né tránh, thiếu trách nhiệm, tiêu cực, làm trái quy định.

4.2.2. Giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

4.2.2.1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch về về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông. Nghị quyết số 30/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ; Kế hoạch triển khai “Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” ở tất cả các cấp, các ngành. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá về nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Tiếp tục quan tâm đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; định hướng quy hoạch, phát triển các tuyến giao thông mới phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đi lại của nhân dân. Có chiến lược lâu dài, cụ thể về phát triển giao thông trước mắt và tương lai, kết hợp với quy hoạch đô thị vùng. Phát triển nhanh chóng, nâng cao tỷ trọng giao thông vận tải hành khách công cộng, giảm dần và hạn chế vận chuyển giao thông cá nhân bằng các chính sách giao thông kết hợp với chiến lược quy hoạch đô thị (di chuyển một số trường đại học, bệnh viện lớn ra ngoại ô, các tỉnh lân cận đô thị lớn...). Sử dụng các loại phương tiện mới, hiện đại, áp dụng kỹ thuật điều khiển tiên tiến. Cải tạo, mở rộng từng bước hệ thống đường phố cũ, tiến tới cải tạo triệt để, kết hợp xây mới góp phần nâng cao chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mạng lưới. Phần đầu hàng năm giảm 5%-10% số người chết và bị thương do tai nạn giao thông đường bộ, lâu dài hướng tới mục tiêu không có người chết vì tai nạn giao thông; tiến tới xây dựng một xã hội có hệ thống giao thông thông minh, an toàn, thông suốt, thuận tiện, hiệu quả và thân thiện môi trường.

4.2.2.2. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông, khắc phục kịp thời những bất cập, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, đẩy mạnh việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, phù hợp với nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong tình hình mới. Tập trung rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, điều kiện kinh doanh vận tải.

Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tập trung vào quản lý kinh doanh và điều kiện kinh doanh tất cả các lĩnh vực vận tải; đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu thị phần và tăng cường kết nối các phương thức vận tải; tăng cường khai thác có hiệu quả các phương thức vận tải hàng hóa có sức chuyên chở lớn như đường thủy nội địa, đường sắt, vận tải biển để giảm áp lực cho vận tải đường bộ, chấm dứt tình trạng xe ôtô chở quá tải trọng.

Tập trung rà soát, bổ sung các quy định để đảm bảo an toàn giao thông đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, siết chặt các điều kiện về an toàn giao thông đối với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách và vận chuyển hàng hóa; tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các thông tư quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ cho phù hợp với tình hình mới, bảo đảm chặt chẽ, không tạo kẽ hở cho các phương tiện hoạt động kinh doanh vận tải trái phép, gây mất trật tự, an toàn giao thông, đặc biệt là đối với phương tiện vận tải đường bộ. Bổ sung quy định bắt buộc trang bị dây an toàn đối với tất cả ghế ngồi trên các xe ô tô chở người, có lộ trình áp dụng đối với phương tiện đang lưu hành. Nghiên cứu, bổ sung quy định tem kiểm định có màu sắc, hình dạng riêng đối với xe ô tô kinh doanh vận tải. Sửa đổi quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ, đặc biệt là hạn chế tốc độ trên các cung đường đèo, dốc và đường qua khu dân cư.

4.2.2.3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, hướng dẫn pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo đảm trật tự an toàn giao thông: Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012, của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông, trong đó nêu rõ sự quyết tâm phấn đấu hàng năm kiềm chế, làm giảm từ 5% đến 10% tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và giảm ùn tắc giao thông đường bộ. Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 01/03/2013, của Chính phủ về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông. Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 23/6/2013, của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện các giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn tai nạn giao thông nghiêm trọng trong hoạt động vận tải. Luật Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không dân dụng. Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Công văn số 347/TTg-CN ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ngăn ngừa, hạn chế các vụ tai nạn đường thủy do các phương tiện nhỏ, thô sơ gây ra.

Sử dụng một cách hiệu quả, phát huy tối đa sức mạnh của mạng lưới truyền thông nhằm chuyển tải một cách trực quan sinh động, dễ hiểu các thông tin, thông điệp kiến thức về an toàn giao thông đến cộng đồng.

Huy động các cơ quan thông tin truyền thông, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan, đơn vị tích cực tuyên truyền pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tuyên truyền sâu rộng đến cơ sở, từ xã phường đến thôn, bản, các khu công nghiệp.

Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền an toàn giao thông trên các phương tiện thông tin đại chúng (internet, truyền hình, truyền thanh, báo chí); tuyên truyền trực quan, tuyên truyền lưu động, sử dụng thông điệp, băng zôn, áp phích, khẩu hiệu, triển lãm tranh ảnh, các hội thi, vận động sáng tác âm nhạc, phim ảnh, văn học nghệ thuật về chủ đề an toàn giao thông; phát triển các ứng dụng tiện ích có gắn kèm với tính năng tuyên truyền về an toàn giao thông cho các thiết bị điện thoại thông minh/máy tính bảng.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về quản lý hoạt động vận tải khách và hàng hóa ở các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa trong các doanh nghiệp vận tải, đối với người điều khiển phương tiện.

Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền theo chuyên đề: không uống rượu bia khi lái xe; tuân thủ quy định tốc độ; đội mũ bảo hiểm; quy tắc an toàn khi vượt qua đường sắt; hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt; điều kiện bảo đảm an toàn phương tiện thủy chở khách với các khẩu hiệu dễ nhớ, dễ làm theo.

Tổ chức cuộc vận động xây dựng Quỹ xã hội từ thiện “Chung sức vượt nỗi đau tai nạn giao thông”, kêu gọi sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội nhằm trang trải học phí, mua sắm sách vở, đồ dùng học tập và tạo việc làm cho con, em những nạn nhân không may qua đời vì tai nạn giao thông.

4.2.2.4. Tổ chức thực hiện pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Tăng cường công tác cưỡng chế vi phạm trật tự an toàn giao thông, tiếp tục duy trì và tăng cường các biện pháp kiểm soát tài trọng xe; xử lý vi phạm của người điều khiển mô tô, xe gắn máy, tập trung vào các lỗi là nguyên nhân tăng tai nạn như: vi phạm quy định về tốc độ, nồng độ cồn; đi sai phần đường, làn đường, vi phạm về đội mũ bảo hiểm; xử lý các vi phạm về an toàn giao thông trong kinh doanh vận tải, tập trung xử lý chủ doanh nghiệp, chủ phương tiện kinh doanh vận tải bằng xe ôtô, đường thủy nội địa... Tiếp tục phối hợp các lực lượng thực hiện biện pháp phòng, chống đua xe mô tô trái phép; kiên quyết điều tra, xử lý nghiêm minh trước pháp luật hành vi đua xe trái phép, tụ tập gây mất trật tự an toàn giao thông, chống người thi hành công vụ.

4.2.2.5. Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông

Những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, kéo theo đó là sự gia tăng nhanh chóng về số lượng, chủng loại các phương tiện giao thông. Nhu cầu đăng ký, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày càng lớn, đòi hỏi hoạt động của các cơ quan chức năng, mà cụ thể là lực lượng Cảnh sát giao thông, phải được tiến hành chặt chẽ, đồng thời phải có sự cải cách, đổi mới cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác đăng ký, quản lý phương tiện trên máy vi tính do Cục Cảnh sát giao thông quản lý và thực hiện qua đường truyền dữ liệu trên phạm vi toàn quốc, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong đăng ký, quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh vận tải, đặc biệt là vận tải bằng xe ôtô; Tiếp tục hoàn thiện Trung tâm thông tin quản lý vận tải đường bộ kết hợp với lắp đặt các camera giám sát hoạt động giao thông trên các tuyến quốc lộ trọng

điểm, trước tiên là Quốc lộ 1, kết nối về Trung tâm và các Cục Quản lý đường bộ, chia sẻ dữ liệu vi phạm luật lệ giao thông cho lực lượng cảnh sát giao thông để xử lý vi phạm.

4.2.2.6. *Nâng cao chất lượng đào tạo người điều khiển phương tiện giao thông*

Siết chặt hoạt động các trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe và nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch lái xe; siết chặt hoạt động các trung tâm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ, bảo đảm các tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật phương tiện. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao việc thực hiện quy định pháp luật về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe đối với các cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, nhất là sát hạch lái xe mô tô và lái xe kinh doanh vận tải; nhanh chóng hoàn thiện nội dung sát hạch cấp phép lái xe đảm bảo tiếp cận với tiêu chuẩn thế giới, bao gồm thực hành kỹ năng lái trên đường thực tế và kỹ năng dự đoán các tình huống nguy hiểm; đổi mới phương thức đào tạo và cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn điều khiển phương tiện đường thủy nội địa, đặc biệt là các chứng chỉ cho người điều khiển phương tiện; kiểm soát chặt chẽ công tác đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông, tăng cường bảo dưỡng phương tiện trong các đơn vị kinh doanh vận tải; kiên quyết đình chỉ các cơ sở, các doanh nghiệp vi phạm quy định, quy trình hoạt động, nếu sai phạm nghiêm trọng phải xử lý hình sự theo quy định của pháp luật, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông, kiên quyết xử lý nghiêm cá nhân và tổ chức vi phạm.

4.2.2.7. *Thanh tra, kiểm tra, tuần tra kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông*

Lực lượng Cảnh sát giao thông toàn quốc tổ chức đợt cao điểm tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông; xây dựng các kế hoạch chuyên đề tăng cường lực lượng, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông; tập trung xử lý người điều khiển xe ô tô chở khách, xe ô tô tải, container vi phạm và các hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông. Chia sẻ với ngành Giao thông vận tải thông tin về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh vận tải; phối hợp với các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm về trật tự, an toàn giao thông. Bố trí lực lượng tuần tra, kiểm soát khép kín 24/24 giờ để tuyên truyền, nhắc nhở và xử lý vi phạm trên các tuyến quốc lộ trọng điểm, các đường đèo dốc có mật độ phương tiện tham gia giao thông cao.

4.2.2.8. *Trách nhiệm của học sinh, sinh viên về đảm bảo trật tự an toàn giao thông*

Học sinh, sinh viên phải tích cực, chủ động nghiên cứu tìm hiểu pháp luật về an toàn giao thông. Trong quá trình tham gia giao thông, phải chấp hành tốt các quy định về an toàn giao thông, phải có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn giao thông cho bản thân, gia đình và xã hội. Nêu cao ý thức chấp hành luật giao thông, tích cực tham gia xây dựng văn hóa giao thông, thiết thực góp phần làm giảm thiểu những thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra. Thực hiện tốt quy ước “Bốn không, Ba có” mà Ủy Ban An toàn Giao thông quốc gia đã kêu gọi toàn dân thực hiện khi tham gia giao thông.

“Bốn không” gồm: Không uống rượu bia, phóng nhanh vượt ẩu, vượt đèn đỏ, vận hành phương tiện không đủ giấy tờ quy định; không lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, hành lang bảo vệ an toàn giao thông; không có thói hư tật xấu trong ứng xử với mọi

người cùng tham gia giao thông cũng như khi xảy ra tai nạn giao thông; không để xảy ra tai nạn khi tham gia giao thông.

“Ba có” gồm: có hiểu biết đầy đủ pháp luật về giao thông; có ý thức trách nhiệm cao nhất với bản thân và cộng đồng; có hành vi ứng xử văn hóa, hợp tác giúp đỡ người bị nạn khi xảy ra tai nạn giao thông.

Với thông điệp “An toàn giao thông là trách nhiệm của mọi người, mọi nhà”, tất cả chúng ta hãy nhận thức sâu sắc về vấn đề An toàn giao thông và bằng việc làm của mình trong việc chấp hành luật giao thông, xây dựng văn hóa giao thông. Mỗi lời nói gắn với việc làm của mỗi người, tuy rất nhỏ nhưng có ý nghĩa vô cùng lớn đối với bản thân, gia đình và xã hội. Chúng ta hãy luôn luôn cố gắng để hoàn thành tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trên “Mặt trận giao thông”, để đem lại hạnh phúc cho mình, cho mọi người, mọi nhà và cho toàn xã hội.

Công tác phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông là trách nhiệm của cả Hệ thống chính trị, mọi tổ chức đoàn thể xã hội, mọi người dân, trong đó trách nhiệm chính là của Bộ giao thông vận tải, của lực lượng cảnh sát giao thông. Để giảm thiểu tai nạn giao thông, đòi hỏi mọi lực lượng, tổ chức và người dân phải nêu cao ý thức, tự giác chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Xây dựng và nâng cao văn hóa giao thông, kịp thời lên án các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông vận tải. Thực hiện đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông trong tình hình hiện nay. Ngay từ bây giờ, mọi lúc, mọi nơi, mọi người hãy cùng thực hiện khẩu hiệu: “An toàn giao thông là trách nhiệm, hạnh phúc của mọi người, gia đình và xã hội”.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ ở nước ta hiện nay ?
2. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy ở nước ta hiện nay ?
3. Nguyên nhân vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông hiện nay?
4. Giải pháp phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông hiện nay ?

Chương 5

PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Trang bị cho học sinh, sinh viên những kiến thức cơ bản về tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác.

Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên có phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn để góp phần bảo vệ mình và phòng, chống có hiệu quả với các hành vi xâm hại, danh dự nhân phẩm của người khác.

Về tư tưởng: Xây dựng cho người học có ý thức biết tự bảo vệ danh dự, nhân phẩm của mình và tự giác tích cực trong việc đấu tranh với các hành vi xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, nhất là trên các phương tiện thông tin, các trang mạng xã hội hiện nay.

B. NỘI DUNG

Danh dự, nhân phẩm là những phẩm chất đạo đức, phản ánh giá trị xã hội của con người. Thể hiện sự đánh giá cao của dư luận xã hội về các giá trị đóng góp của con người đối với xã hội. Đây là những phẩm chất được Hiến định, được pháp luật bảo hộ; là nhu cầu, mục tiêu, động lực của con người và xã hội tiến bộ. Bảo vệ, giữ gìn và phát huy nhân phẩm, danh dự chính là làm cho con người có được các phẩm chất tốt đẹp, phát huy tối đa các giá trị xã hội của mỗi người, và là thước đo đánh giá trình độ phát triển xã hội của một quốc gia.

Thực trạng xã hội ở nước ta hiện nay cho thấy, tình trạng xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác đang ngày càng diễn ra hết sức phức tạp, với nhiều hình thức tinh vi, tính chất và hậu quả ngày càng nghiêm trọng hơn. Do đó, nâng cao nhận thức về danh dự, nhân phẩm; xây dựng ý thức chấp hành pháp luật, bảo vệ, tôn trọng danh dự và nhân phẩm của người khác; nâng cao trách nhiệm đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là HS, SV đối với các loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm là đòi hỏi cấp bách hiện nay.

5.1. Nhận thức chung về tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác

5.1.1. Một số khái niệm cơ bản

5.1.1.1. Nhân phẩm

Nhân phẩm là toàn bộ những phẩm chất mà mỗi con người có được, là giá trị làm người của mỗi con người. Người có nhân phẩm là người có lương tâm, có nhu cầu vật chất và tinh thần lành mạnh, luôn thực hiện tốt các nghĩa vụ đạo đức đối với xã hội và người khác, biết tôn trọng các quy tắc, chuẩn mực đạo đức tiến bộ.

- Nhân phẩm là tất cả những phẩm chất tạo nên giá trị, cốt cách của một con người trong xã hội. Nhân phẩm là phẩm chất đạo đức gắn liền với mỗi cá nhân. Nhân phẩm được hình thành từ khi sinh ra và phát triển trong suốt cuộc đời của con người.

- Các yếu tố của nhân phẩm: có lương tâm trong sáng, nhu cầu vật chất và tinh thần lành mạnh, thực hiện tốt nghĩa vụ và chuẩn mực đạo đức, tôn trọng nhân phẩm của chính mình cũng như của mọi người xung quanh.

5.1.1.2. Danh dự

Danh dự là sự coi trọng, đánh giá của dư luận xã hội đối với một người dựa trên các giá trị tinh thần, đạo đức của người đó. Khi con người tạo ra được cho mình những giá trị tinh thần, đạo đức và những giá trị đó được xã hội đánh giá, công nhận thì người đó có danh dự.

- Danh dự là kết quả phản ánh sự đánh giá của xã hội về giá trị của con người từ những công hiến thực tế của con người đối với xã hội và với người khác. Danh dự là kết quả của quá trình xây dựng và bảo vệ nhân phẩm của con người.

- Danh dự bao gồm lòng tự trọng (tự ý thức về giá trị, vai trò của bản thân) và uy tín (giá trị xã hội về mặt đạo đức và tài năng, sự công hiến cho xã hội). Danh dự vừa là mục tiêu, động lực thúc đẩy con người hành động hướng đến điều tốt đẹp và tránh xa điều xấu, cái ác.

- Là con người, ai cũng mong muốn được người khác và xã hội đánh giá cao, coi trọng. Mỗi người đều có đóng góp ít nhiều cho cuộc sống, cho xã hội, do đó, ai cũng có danh dự. Tuy nhiên, mỗi người phải luôn giữ gìn và bảo vệ danh dự của mình và tôn trọng danh dự của người khác. Tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người khác là nguyên tắc hiến định, được Pháp luật bảo đảm.

- Ở mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, với hoàn cảnh điều kiện xã hội khác nhau thì tiêu chí đánh giá của xã hội về danh dự của con người là khác nhau.

5.1.1.3. Xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác

Xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác được thể hiện ở những hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người.

- Hành vi thể hiện xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người: Dùng lời nói hoặc hành động có tính chất thoa mạ, khinh bỉ để làm nhục người khác hoặc gán một sự kiện xấu cho người khác khiến dư luận xã hội đánh giá sai hoặc hình dung sai về người đó.

- Việc đánh giá sai sự thật không phụ thuộc vào người đưa ra thông tin vô ý hay có ý. Tiêu chuẩn để đánh giá những sự việc là tốt hay không dựa trên những nguyên tắc đạo đức xã hội, không phụ thuộc vào việc người đưa ra những thông tin vô ý hay có ý. Tuy nhiên, tính chất nghiêm trọng của những tin tức đưa ra có thể khác nhau tùy theo nhân thân của người bị hại.

5.1.1.4. Tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác

Tội phạm xâm hại nhân phẩm, danh dự của người khác là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự của người khác và phải bị xử lý hình sự.

- Hành vi nguy hiểm cho xã hội trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác được quy định trong Bộ luật Hình sự, của người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, và phải bị xử lý hình sự.

- Hành vi được biểu hiện dưới các hình thức dùng ngôn ngữ, hành động hoặc không hành động: hiếp dâm; cưỡng dâm; giao cấu; khiêu dâm; lây truyền HIV; buôn bán, đánh tráo, trao đổi mô, bộ phận cơ thể hoặc người; làm nhục; vu khống đối với người khác.

5.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

5.1.2.1. Khách thể của tội phạm

Khách th^ể của tội phạm là những quan hệ xã hội được Bộ luật Hình sự bảo vệ và bị hành vi phạm tội xâm hại. Khách th^ể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là nhân phẩm của người khác, danh dự của tập thể hay cá nhân khác bị chủ th^ể là người khác xâm phạm.

Trong điều kiện xã hội ngày càng phát triển hiện nay, nhân phẩm, danh dự của con người ngày càng được đề cao, con người ngày càng nhận thức rõ hơn về giá trị làm người, về nhân phẩm, danh dự của bản thân mình. Con người đang có xu hướng đề cao các giá trị tinh thần thay vì chỉ nghĩ tới những giá trị vật chất như giai đoạn trước. Tuy nhiên, việc mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, giao lưu về văn hóa, xã hội... đã làm nhận thức của một bộ phận người dân có sự thay đổi về quan niệm sống. Cuộc sống trong điều kiện kinh tế thị trường, khiến nhiều người chạy theo những tham vọng và tiền bạc bất chấp mọi thủ đoạn nhằm đạt được mục đích của mình, thậm chí hạ thấp danh dự, nhân phẩm của người khác. Con người muốn mình có địa vị trong xã hội, muốn được xã hội coi trọng và kính nể, muốn giá trị làm người của bản thân được nâng cao nhưng để đạt được điều đó, họ lại sẵn sàng hạ thấp phẩm giá của người khác, chà đạp lên giá trị làm người của người khác. Đó là một nghịch lý trong xã hội hiện đại ngày nay. Đặc biệt, sự tác động của truyền thông, của internet, của các phương tiện thông tin đại chúng đã ảnh hưởng đến lớn đến cách xử sự của cá nhân trong xã hội. Những thông tin vu khống, những lời nói miệt thị, những hình ảnh xúc phạm, bôi nhọ thanh danh của người khác... được dễ dàng đăng tải và lan truyền trên facebook, trên các diễn đàn xã hội khiến bản thân những người thực hiện hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác cảm thấy đó là việc bình thường, không nghiêm trọng và bản thân những người tiếp nhận những thông tin đó cũng dung dung về những thông tin mình có được mà không nghĩ tới những tổn thương mà những người là nạn nhân phải gánh chịu.

5.1.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện của tội phạm ra bên ngoài thế giới khách quan bao gồm hành vi khách quan, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, hoàn cảnh, địa điểm phạm tội.

Những dấu hiệu trong mặt khách quan thường được mô tả chi tiết trong các điều khoản phần các tội phạm cụ thể. Các dấu hiệu trong mặt khách quan biểu hiện ra bên ngoài dễ nhận biết hơn các yếu tố khác, và giữa các loại tội phạm khác nhau thì có các dấu hiệu trong mặt khách quan khác nhau.

Hành vi khách quan cấu thành các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác; hành vi vu khống; hành vi làm nhục người khác; hành vi lây truyền HIV cho người khác; hành vi xâm hại tình dục và hành vi mua bán mô, bộ phận cơ thể người và mua bán người; hành vi đánh tráo, chiếm đoạt người. Những hành vi này gây ra nhiều thiệt hại cho nạn nhân mà nhiều trường hợp không thể lường trước hậu quả của nó. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại ngày nay, với sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội, những dạng hành vi này đã có nhiều biến đổi cả về hình thức thực hiện lẫn mức độ nguy hiểm cho xã hội.

5.1.2.3. Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.

Tuổi chịu trách nhiệm hình sự được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự năm 2017. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự mọi tội phạm về xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đối với các tội hiếp dâm, hiếp dâm người dưới 16 tuổi, cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi.

Đối với chủ thể của một số tội xâm hại tình dục như: tội hiếp dâm, tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm và tội cưỡng dâm trẻ em, trong lý luận từ trước tới nay đều xác định đây là những tội có chủ thể đặc biệt về giới tính: nam giới là chủ thể của những tội phạm này còn nữ giới chỉ có thể tham gia với vai trò đồng phạm (người tổ chức, người xúi giục hoặc người giúp sức).

5.1.2.4. Mật chủ quan của tội phạm

Mật chủ quan của tội phạm là diễn biến tâm lý bên trong của người phạm tội, bao gồm: lỗi, động cơ và mục đích phạm tội.

Lỗi của người phạm tội trong nhóm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đều là lỗi có ý trực tiếp. Người phạm tội nhận thức được hành vi của mình là hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng vì những động cơ và mục đích khác nhau mà đều mong muốn thực hiện hành vi đó.

Động cơ phạm tội là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội cố ý. Thông thường, động cơ phạm tội của những người phạm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thường do ham muốn, nhu cầu tình dục hoặc do những mâu thuẫn cá nhân hoặc các động cơ khác. Tuy nhiên, khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc được định tội.

Mục đích phạm tội là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội đặt ra phải đạt được khi thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích phạm tội của những người phạm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thông thường là muốn thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân, thu lợi bất chính hoặc cố ý nhằm xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác.

5.2. Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác

5.2.1. Tình hình phạm tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác ở nước ta hiện nay

Những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác ở Việt Nam hiện nay như: sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường; những hiện tượng xã hội tiêu cực do chế độ cũ để lại; sự thâm nhập ảnh hưởng của tội phạm, tệ nạn xã hội của các quốc gia khác; những sơ hở, thiếu sót trong các mặt công tác quản lí của Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; những thiếu sót trong giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ văn hoá của người dân; hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, việc thực thi pháp luật kém hiệu quả, một số chính sách về kinh tế, xã hội chậm đổi mới tạo sơ hở cho tội phạm hoạt động phát triển; công tác đấu tranh chống tội phạm của các cơ quan chức năng nói chung và của ngành công an nói riêng còn bộc lộ nhiều yếu kém, thiếu sót v.v.

Tình trạng xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác ngày càng diễn ra ở mọi nơi, với mọi đối tượng. Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người không chỉ diễn ra trong cộng đồng hay tại nơi làm việc mà còn có thể diễn ra ngay chính tại gia đình người bị hại. Người phạm các loại tội này thuộc nhiều thành phần, lứa tuổi khác nhau, không chỉ là người lạ mà những hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự này còn có thể được thực hiện bởi chính những người quen của người bị hại, thậm chí là người thân trong gia đình. Trong thời gian qua, tính chất và mức độ của các hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người ngày càng nghiêm trọng, báo động về sự xuống cấp đạo đức của một bộ phận dân cư, ảnh hưởng không nhỏ đến trật tự văn hóa - xã hội trong cộng đồng. Con người vì những cuộc tranh giành tiền bạc, hưởng thụ mà đôi khi sẵn sàng mưu tính mọi thủ đoạn, thậm chí hạ thấp nhân phẩm, danh dự của người khác để đạt được mục đích của mình như: bôi nhọ thanh danh, nói xấu, vu khống đối tác; lợi dụng và lừa gạt chính những người thân trong gia đình mình để bán ra nước ngoài nhằm trục lợi... Con người vì những ghen ghét, bất đồng phát sinh trong đời sống hằng ngày mà sẵn sàng bịa đặt và lan truyền những thông tin xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác trên facebook, các mạng xã hội để hạ thấp uy tín của người khác; sẵn sàng làm nhục người khác giữa những nơi đông người như đánh đập, xé quần áo rồi kéo lê người khác trên đường... để thỏa mãn sự ghen tuông, lòng đó kỵ đang trỗi dậy trong con người mình. Những nét đẹp tâm hồn, những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc trong xã hội đang dần bị quên lãng, dần bị mai một. Tình hình các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đang diễn biến ngày càng phức tạp. Đây là những hành vi không những gây thiệt hại cho nhân phẩm, danh dự của con người mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân, làm băng hoại đạo đức, gây mất ổn định trật tự xã hội và đang là một trong những vấn đề được xã hội đặc biệt quan tâm.

Thực trạng về tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác trong những năm qua diễn ra theo chiều hướng ngày càng tăng nhanh cả về số vụ, số bị cáo, hậu quả để lại cho người bị hại nhất là các tội phạm về buôn bán người và tình dục. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, tính từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2013, Tòa án các cấp đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm các vụ án xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em, có 1.812 vụ với 2.641 bị cáo bị xét xử về tội hiếp dâm, 3.276 vụ với 3.759 bị cáo bị xét xử về tội hiếp dâm trẻ em; 2.749 vụ với 2.878 bị cáo bị xét xử về tội giao cấu với trẻ em và 879 vụ với 896 bị cáo bị xét xử về tội dâm ô với trẻ em. Theo báo cáo của Bộ Công an, trong 5 năm (2012-2017), có khoảng hơn 3.000 nạn nhân bị mua bán và nghi vấn bị mua bán, trong đó, 90% nạn nhân bị bán sang Trung Quốc. Số nạn nhân bị mua bán và nghi vấn bị mua bán là 3.090 người, trong đó, chủ yếu là phụ nữ, trẻ em (chiếm trên 90%), đa số thuộc các dân tộc thiểu số (chiếm trên 80%), thường tập trung ở những vùng nông thôn, miền núi, nhất là vùng sâu, vùng xa, phần lớn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn... Đa số nạn nhân là phụ nữ, khi bị lừa bán ra nước ngoài, bị cưỡng ép kết hôn làm vợ người dân bản địa và bị bóc lột tình dục (chiếm gần 80%), và cưỡng bức lao động.

5.2.2. Quy định của pháp luật về các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

Bộ Luật hình sự 2015 và Luật sửa đổi Bộ Luật hình sự 2017 xác định một số loại tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người bao gồm các tội sau:

5.2.2.1. Nhóm các tội phạm về tình dục

Nhóm các tội phạm về tình dục bao gồm 09 điều luật với 09 tội danh, đó là: Tội hiếp dâm (Điều 141), Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142), Tội cưỡng dâm

(Điều 143), Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144), Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145), Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146), Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147).

- *Các loại hành vi tội phạm về tình dục*

Thứ nhất, hành vi giao cấu với nạn nhân. Hành vi này là tình tiết định tội của hầu hết các tội phạm về tình dục (Trừ tội dâm ô với người dưới 16 tuổi và tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm...).

Thứ hai, hành vi dâm ô. Đây là tình tiết định tội của Tội dâm ô đối với với người dưới 16 tuổi. Tội danh này được hiểu là những hành vi tình dục nhưng không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác. Những hành vi đó có đặc điểm thỏa mãn hoặc khêu gợi, kích thích nhu cầu tình dục. Trẻ vị thành niên có thể bị hành vi dâm ô tác động đến thân thể nhưng cũng có thể chỉ bị chứng kiến những hành vi dâm ô.

Thứ ba, hành vi sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm. Hành vi này được xác định là những lời nói và hành động lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức.

- *Về thủ đoạn phạm tội*

Thủ đoạn phạm tội của các tội phạm về tình dục rất đa dạng tùy theo loại tội phạm. Nhìn chung, nhóm tội này có một số thủ đoạn như: dùng vũ lực (dùng sức mạnh vật chất đe bẹp sự kháng cự của nạn nhân chống lại việc giao cấu như xô ngã, vật, giữ, bóp cổ nạn nhân...), đe dọa dùng vũ lực (làm ý chí của người phụ nữ bị tê liệt, buộc họ phải chịu sự giao cấu mà không dám kháng cự như dọa giết, dọa gây thương tích cho nạn nhân...), lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân (lợi dụng người phụ nữ vì lí do nào đó không thể chống lại được hành vi giao cấu trái ý muốn của mình như lợi dụng người phụ nữ đang trong tình trạng óm đau...), đe dọa hoặc hứa hẹn đổi với người lệ thuộc mình hoặc trong hoàn cảnh quẫn bách buộc họ phải miễn cưỡng giao cấu hoặc các thủ đoạn khác (như lợi dụng người phụ nữ đang trong tình trạng không có khả năng biểu lộ ý chí đúng đắn như lợi dụng người phụ nữ đang bị say rượu hay bị bệnh tâm thần...). Riêng tội giao cấu với trẻ em, do hành vi khách quan của tội này là hành vi giao cấu thuận tình nên người phạm tội không cần dùng thủ đoạn nào để thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài ra, độ tuổi của đối tượng tác động của tội phạm cũng là dấu hiệu để xác định tội phạm trong những trường hợp có hành vi phạm tội tương tự nhau. Như: đối tượng tác động là nữ từ đủ 16 tuổi trở lên là dấu hiệu định tội hiếp dâm và dưới 16 tuổi là hiếp dâm trẻ em; đối tượng tác động là nữ từ đủ 16 tuổi trở lên có quan hệ lệ thuộc với chủ thể hoặc đang ở trong tình trạng quẫn bách là dấu hiệu định tội cưỡng dâm và từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là cưỡng dâm trẻ em, đối tượng tác động là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là dấu hiệu định tội giao cấu với trẻ em và người dưới 16 tuổi là đối tượng tác động của tội dâm ô đối với trẻ em.

5.2.2.2. Nhóm các tội phạm khác xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

Nhóm các tội phạm khác xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trong Bộ Luật Hình sự năm 2015 bao gồm tám điều luật, đó là: Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148); Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149); Tội mua bán người (Điều 150); Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151); Tội đánh tráo người dưới 01

tuổi (Điều 152); Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153); Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154); Tội làm nhục người khác (Điều 155); Tội vu khống (Điều 156). Đặc điểm hành vi của nhóm tội phạm này được xác định như sau:

Thứ nhất, hành vi lây truyền, cố ý lây truyền HIV cho người khác. Các hành vi phạm tội lây truyền HIV cho người khác và cố ý truyền HIV cho người khác không chỉ gây tổn thương đến sức khoẻ của người khác, mà còn làm ảnh hưởng đến tinh thần của nạn nhân. Trên thực tế, nạn nhân của những hành vi phạm tội này sẽ bị nhiễm HIV, vì thế họ mang tâm lý mặc cảm, lo sợ người khác kỳ thị; khi bị cộng đồng, tập thể, gia đình phát hiện HIV, nạn nhân khó chứng minh bản thân là nạn nhân của các hành vi phạm tội trên mà thường bị quy chụp là “vi phạm các tệ nạn xã hội” (như quan hệ tình dục với người hành nghề mại dâm hoặc sử dụng ma tuý). Chính những hệ lụy của hành vi phạm tội này đã làm cho nạn nhân ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của bản thân họ. Chính vì thế, hành vi phạm tội lây truyền HIV cho người khác và cố ý truyền HIV cho người khác cũng làm ảnh hưởng lớn đến nhân phẩm, danh dự con người.

Thứ hai, hành vi mua bán người: là những hành vi dùng tiền hoặc các phương tiện thanh toán khác như vàng, ngoại tệ... để trao đổi mua bán người như một thứ hàng hóa (nếu người bị mua bán từ đủ 16 tuổi trở lên thì hành vi này cấu thành tội mua bán người, nếu người bị mua bán dưới 16 tuổi thì hành vi này cấu thành tội mua bán trẻ em). Khi việc mua bán xảy ra, nạn nhân có thể biết hoặc không biết mình đang là đối tượng bị mua bán. Người bị mua bán có thể không đồng tình nhưng cũng có thể đồng tình với việc mua bán bản thân mình.

Thứ ba, hành vi đánh tráo và hành vi chiếm đoạt trẻ em. Đánh tráo được hiểu là hành vi tráo đứa trẻ này với đứa trẻ khác mà bố mẹ của một hoặc của cả hai đứa trẻ không biết. Hành vi chiếm đoạt trẻ em được hiểu là hành vi tách chuyển trái phép đứa trẻ khỏi sự quản lý của gia đình hoặc người quản lý hợp pháp và thiết lập sự quản lý đó cho mình hoặc người khác bằng những thủ đoạn khác nhau như dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hay thủ đoạn khác...

Thứ tư, hành vi mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người. Đây là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người khác vì mục đích thương mại. Đây là tội danh xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể con người. Thực tế hiện nay ở nước ta, lợi dụng nhu cầu của những bệnh nhân cần thay thế một bộ phận cơ thể, trong xã hội đã xuất hiện những nhóm người môi giới, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người. Diễn hình như ngày 31/01/2019 Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an triệt phá đường dây buôn bán nội tạng người với quy mô xuyên quốc gia, bắt giữ 05 đối tượng do Tôn Nữ Thị Huyền cầm đầu (chỉ tính từ tháng 5/2017 đến tháng 01/2019 các đối tượng chủ yếu hoạt động mua bán thận, mỗi lần bán thận thành công các đối tượng thu số tiền giao động từ 15.000 đến 17.000 USD)...

Thứ năm, hành vi có tính chất xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người khác. Những hình thức biểu hiện của hành vi này rất đa dạng, có thể là những lời nói có tính chất thô mạ, sỉ nhục, miệt thị, hạ thấp danh dự, xúc phạm nhân phẩm như chửi bới, nhạo báng... hoặc có thể là những cử chỉ có tính chất bỉ ổi xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người khác. Hành vi phạm tội làm nhục người khác xâm phạm đến quyền được bảo hộ về thân thể, sức khoẻ, uy tín, danh dự, nhân phẩm của người bị lạm dụng.

Thứ sáu, hành vi vu khống. Mặt khác quan của tội vu khống có các dấu hiệu sau.

+ Có hành vi bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Hành vi này thể hiện qua việc người phạm tội đã tự đặt ra và loan truyền những điều không đúng với sự thật và có nội dung xuyên tạc để xúc phạm đến danh dự của người khác hoặc để gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Người phạm tội thực hiện hành vi này có thể bằng cách nói trực tiếp hoặc thông qua các phương thức khác như qua phương tiện thông tin đại chúng, nhắn tin qua điện thoại di động...

+ Có hành vi lan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Hành vi này được thể hiện qua việc người khác biết rõ điều đó là bịa đặt đó (việc biết rõ điều mình loan truyền là bịa đặt là dấu hiệu bắt buộc) nhưng vẫn loan truyền điều bịa đặt đó (như nói cho những người khác biết, đưa lên phương tiện thông tin đại chúng...) cho người khác.

+ Có hành vi bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Được thể hiện thông qua việc tự mình bịa ra rằng người khác có hành vi thực hiện một tội phạm nào đó và tố các họ trước cơ quan Nhà nước như : Công an, Viện Kiểm sát... mặc dù thực tế người này không phải là người thực hiện hành vi phạm tội đó.

Việc quy định các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trong pháp luật hình sự không chỉ góp phần tuyên truyền, phổ biến cho mọi công dân có tinh thần, ý thức tuân thủ pháp luật, chủ động tham gia phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người; răn đe đối với các thành viên không vững vàng, dễ bị lôi kéo trong xã hội mà còn có hình phạt thích đáng nhằm trừng trị và giáo dục chính bản thân người phạm tội.

5.2.3. Mục tiêu, quan điểm, giải pháp phòng, chống các tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác

5.2.3.1. Mục tiêu, quan điểm phòng, chống các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt quan tâm đến công tác phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm được ban hành như: Điều 20 Hiến pháp năm 2013 đã nêu rõ: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm...”¹. Điều 34 Bộ luật dân sự cũng quy định: “Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ ”². Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Quyết định số 2546/QĐ-Tg ngày 31/12/2015 của Chính phủ về Phê duyệt chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016 – 2020; Quyết

¹ Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII (2013), Hiến pháp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

² Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII (2013), Bộ Luật dân sự.

định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Chính phủ về Phê duyệt chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 v.v.

- *Mục tiêu của công tác phòng, chống các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người*

Công tác phòng, chống tội phạm phải kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm, nhất là tội phạm nghiêm trọng, tội phạm mới; tạo ra môi trường lành mạnh, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ cuộc sống hạnh phúc và bình yên của nhân dân.Giảm nguy cơ mua bán người; giảm tội phạm mua bán người; thực hiện có hiệu quả công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về.

- *Các quan điểm trong phòng, chống các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người*

Một là, Phòng, chống tội phạm là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách, thường xuyên, liên tục và lâu dài nhằm thực hiện Hiến pháp, pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý, chỉ đạo Điều hành thống nhất của Nhà nước. Công tác phòng, chống tội phạm phải gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Hai là, Phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó các cơ quan chức năng làm nòng cốt, vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; đề cao vai trò, trách nhiệm và tính chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân.

Ba là, Tập trung lực lượng, sử dụng tổng hợp các biện pháp, chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh ngăn chặn tội phạm, trong đó lấy phòng ngừa là chính; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa xã hội với phòng ngừa nghiệp vụ; kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế, làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm; coi trọng công tác phòng ngừa xã hội từ cộng đồng, gia đình và ngay từ cơ sở; tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao cảnh giác, ý thức trách nhiệm chấp hành pháp luật, tích cực, tự giác tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chủ động tấn công trấn áp tội phạm, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, không để oan, sai, lọt tội phạm, nghiêm cấm bức cung, nhục hình.

5.2.3.2. *Giải pháp phòng, chống các tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người*

- *Đẩy mạnh và thực hiện đồng bộ các biện pháp mang tính phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở các địa phương*

+ *Các biện pháp về kinh tế - xã hội*

Đây là biện pháp phòng ngừa quan trọng hàng đầu nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn các điều kiện kinh - tế xã hội cho mọi người dân để loại trừ những nguyên nhân điều kiện nảy sinh tội phạm từ nguồn gốc này. Biện pháp kinh tế - xã hội là biện pháp căn bản, có ảnh hưởng rất lớn về mặt xã hội nhằm hạn chế và loại trừ dần những nguyên nhân làm phát sinh tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người. Để phòng ngừa tội xâm phạm

danh dự, nhân phẩm của con người trong thời gian tới cần phải tập trung vào những nội dung sau:

Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương, vùng, miền trên phạm vi cả nước. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn các tỉnh.

Nâng cao dân trí, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo và bát bình đẳng xã hội. Các địa phương huy động, lồng ghép các nguồn lực xã hội để đẩy mạnh đầu tư ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn, nhằm giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, chế độ, chính sách với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và hộ nghèo.

Tăng cường mở các lớp đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở các địa phương, đặc biệt ưu tiên đối với đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, chính quyền các cấp cần có chính sách xoá mù chữ cho phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, tạo cơ hội học tập cho trẻ em thông qua các biện pháp miễn giảm học phí, hỗ trợ cơ sở vật chất; mở các lớp tình thương cho trẻ em mồ côi, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Trong đó, đặc biệt chú trọng gán kiến thức văn hóa cho học sinh với giáo dục kỹ năng sống để trẻ em, phụ nữ tự bảo vệ mình trước các nguy cơ bị xâm hại.

+ *Các biện pháp về văn hóa - giáo dục*

Đây là biện pháp quan trọng nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu nguyên nhân phạm tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác từ sự thiếu hiểu biết về văn hóa, pháp luật, quy tắc đạo đức xã hội v.v. Trong thời gian qua, các vụ án xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người chủ yếu ở nhóm có trình độ dân trí còn thấp, trình độ học vấn còn thấp, có nhân thân xấu hoặc có những đặc điểm đao đức, tâm lý lệch chuẩn, cùng với hủ tục của một số đồng bào dân tộc thiểu trên địa bàn còn phổ biến (hủ tục này dẫn đến việc tảo hôn). Ngoài ra, nhận thức của người dân (phụ huynh của nạn nhân hoặc bản thân nạn nhân) về tội phạm nói chung và tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người chưa đầy đủ, có tâm lý e ngại, xấu hổ cho nên không dám tố giác tội phạm (đặc biệt là tội xâm phạm tình dục). Vì vậy, phòng ngừa tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trong thời gian tới cần phải tập trung vào những nội dung sau:

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tội phạm và vi phạm pháp luật nói chung, tội phạm và vi phạm pháp luật về xâm phạm danh dự, nhân phẩm nói riêng trong cộng đồng dân cư, xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục cần được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng phong phú, có nội dung hình thức phù hợp với từng đối tượng, vùng miền và địa phương.

Đổi mới hình thức, nội dung, biện pháp tuyên truyền phù hợp với từng vùng, miền, từng đối tượng, coi trọng các biện pháp truyền thống như: truyền miệng, in ấn tờ rơi, pa nô, áp phích, tranh ảnh biếm họa, nhất là tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh của các thôn, bản, khu phố...

Các cơ quan thông tấn báo chí, phát thanh, truyền hình tập trung tuyên truyền về giá trị đạo đức, truyền thống gia đình, xóm, làng, truyền thống của dân tộc; lên án mạnh mẽ những người có hành vi phản văn hóa, vi phạm pháp luật; tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của người dân trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày như: Giải quyết tranh chấp mâu thuẫn về dân sự, kinh tế, đất đai, hôn nhân và gia đình... được xác định trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Tố

chức cơ quan điều tra, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam; đặc biệt chú ý đến các điều luật quy định các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người.

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, dưới nhiều hình thức (băng rôn, khẩu hiệu, phát thanh, truyền hình, phóng sự, kịch, sân khấu hóa....) về phương thức, thủ đoạn hoạt động và tác hại, hậu quả cũng như tính nghiêm khắc của chế tài xử lý hình sự đối với các loại tội phạm, nhất là tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm để nhân dân hiểu rõ và chủ động phòng ngừa, đấu tranh.

Nâng cao kỹ năng của mọi tổ chức, công dân trong phát hiện, phòng ngừa, xử lý đối với những biểu hiện, hành vi và hậu quả tác hại của tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm đối với mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội.

Đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hoá, nếp sống văn minh ở các cộng đồng dân cư ở các địa phương; xoá bỏ những hủ tục của người dân, đặc biệt của các đồng bào dân tộc thiểu số.

Đối với mỗi gia đình phải thực hiện tốt việc xây dựng gia đình văn hoá, thực hiện nếp sống văn hoá văn minh là hành lang để bảo vệ hạnh phúc bền vững cho các gia đình; các thành viên gia đình thường xuyên chăm sóc, quan tâm đến nhau, con cháu vâng lời ông bà, cha mẹ; ông bà, cha mẹ chăm sóc, giáo dục con cháu mình về đạo đức, lề phép, tác phong, phẩm hạnh theo triết lý “tiên học lễ, hậu học văn”; kiểm soát chặt chẽ để con cháu không sử dụng những sản phẩm văn hoá phẩm đồi trụy, khiêu dâm,...

Đối với cộng đồng phải thường xuyên phát động Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, xoá bỏ những phong tục, tập quán không còn phù hợp; thực hiện tốt phong trào “quản lý, giáo dục, giúp đỡ những người lão già tại cộng đồng, dân cư” và Phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”;...

+ Tăng cường giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội

Đối với mỗi gia đình cần phải quan tâm và có chiến lược giáo dục con cháu hiệu quả, tạo nên một gia đình có truyền thống, nền nếp gia phong để con cháu phấn đấu xứng đáng với truyền thống của gia đình. Giáo dục bằng cách nêu gương của ông bà, cha mẹ, anh chị trong gia đình như lối sống, ứng xử đúng mực của mình với những người xung quanh để từ đó con cái học tập, noi theo; cha mẹ phải gương mẫu trong mọi lời nói, hành động, tránh xa các vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội,... Bên cạnh việc yêu thương, giáo dục con cháu, các gia đình cũng phải nghiêm khắc để giúp con cháu nhận ra những sai phạm và sửa chữa để không mắc phải những sai phạm đó sau này.

Đối nhà trường cần chú trọng đến giáo dục cả đạo đức lẫn kiến thức; lòng ghép nội dung giáo dục giới tính, sức khoẻ sinh sản cho học sinh; giáo dục cho học sinh (đặc biệt bé gái) biết cách phòng vệ và tránh những nguy cơ có thể dẫn đến các hành vi xâm phạm tình dục và buôn bán người.

Đối với đoàn thể xã hội (Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân) tăng cường các hình thức tuyên truyền, giáo dục để mọi người cảnh giác trước các hành vi phạm tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người. Trong đó, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh tăng cường giáo dục hội viên và nhân dân trên địa bàn, tình hình tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trên địa bàn tỉnh; phổ biến những nội dung pháp luật liên quan đến tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người như Bộ luật Hình sự, để người dân nâng cao cảnh giác và từ đó nhận thức rõ các hình thức, thủ đoạn của loại tội phạm này; Đoàn thanh niên tiếp

tục phát huy tốt tinh thần xung kích, tình nguyện; thông qua hình thức sân khấu hóa với những tiêu phẩm về tuyên truyền phòng, chống tội phạm, trong đó đặc biệt tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, từ đó nhằm nâng cao nhận thức của thanh thiếu niên về các vấn đề pháp luật. Ngoài ra, trong bối cảnh phát triển khoa học, công nghệ hiện nay, đặc biệt là sự phát triển của công nghệ thông tin truyền thông, các đoàn thể nhân dân cần tuyên truyền và hướng dẫn người dân những kỹ năng cần thiết khi sử dụng Internet, Facebook, Mail, Twitter, Zalo, Instagram,... để không mắc phải những sai sót hoặc làm lộ lọt thông tin cá nhân, để không bị đối tượng xấu lợi dụng, không chế (đặc biệt liên quan đến tội mua bán người và tội làm nhục người khác).

- *Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự xã hội ở các địa phương*

+ Tăng cường hiệu quả quản lý hành chính về an ninh, trật tự

Đẩy mạnh, tăng cường các biện pháp quản lý giáo dục đối với những đối tượng có tiền án, tiền sự, có biểu hiện vi phạm pháp luật tại cộng đồng; tăng cường trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc quản lý nhân khẩu, hộ tịch, tạm trú, tạm vắng trên địa bàn dân cư của tỉnh, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng nhiều đồng bào dân tộc thiểu số; quản lý các ngành nghề kinh doanh, dịch vụ có điều kiện và các loại hình dịch vụ khác có liên quan đến tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, đặc biệt là tội mua bán người đội lốt các loại hình dịch vụ như du lịch, xuất khẩu lao động; và các loại hình dịch vụ khác như Massage, Karaoke trái hình...

+ Tăng cường tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân trong đấu tranh, phòng ngừa tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người.

Chính quyền các cấp tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt pháp luật hình sự trên địa bàn; cùng với đó, chính quyền các cấp cần phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục qua các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên truyền chiêu sâu ở các địa bàn dân cư nhằm nâng cao cảnh giác cho cộng đồng trước những thủ đoạn của tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, đặc biệt là các tội hiếp dâm, tội cưỡng dâm, tội giao cấu với trẻ em, tội dâm ô, tội mua bán người (phụ nữ và trẻ em). Ngoài ra, chính quyền các cấp phối hợp với các tổ chức đoàn thể tích cực vận động quần chúng tham gia phát hiện, tố giác tội phạm, chủ động hỗ trợ các lực lượng chức năng tấn công trấn áp tội phạm.

+ Tăng cường các biện pháp liên quan đến hoạt động phát hiện và xử lý hành vi phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Lực lượng Công an cần phải tăng cường hợp tác với quần chúng nhân dân, phối hợp với các cơ quan chức năng và các đoàn thể trong việc tiếp nhận tin báo tố giác về các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời; thực hiện tốt công tác “dân vận”, hợp tác với quần chúng nhân dân để nhân dân nâng cao ý thức pháp luật, nâng cao hiểu biết về các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, chủ động, tích cực tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm.

- *Nâng cao năng lực chủ thể phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở các địa phương*

Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan như: Cấp ủy đảng, Uỷ ban nhân dân, cơ quan Công an, các cơ quan chuyên môn trong quản lý hành chính nhà nước (thông tin truyền thông, tài chính, lao động - thương binh và xã hội; tư pháp,...), Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người ở các tổ chức, cơ quan, đơn vị và địa phương.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, trước hết, cần phải đảm bảo số lượng cán bộ, công chức, chiến sĩ Công an thực hiện phòng ngừa các tội phạm này, đặc biệt, cần tăng cường cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở các địa phương. Đồng thời tăng cường đầu tư trang bị, phương tiện, thiết bị nghiệp vụ hiện đại phục vụ hoạt động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm.

Bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, bồi lịnh chính trị, kiến thức về văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số và tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức và chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ này. Trong đó đặc biệt chú trọng đối với đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, lực lượng Công an xã và cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- *Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các chủ thể, lực lượng phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở các địa phương.*

Các cơ quan chức năng ở các địa phương tăng cường thực hiện công tác phòng ngừa tội phạm, gắn phòng ngừa xã hội với phòng ngừa nghiệp vụ. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, các nhóm đối tượng có nguy cơ phạm tội và nguy cơ bị xâm hại cao, gắn với phong trào xây dựng khu dân cư văn hóa, không có tội phạm, tệ nạn xã hội và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác ở địa phương.

Các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện kế hoạch, chương trình hành động đã ký kết giữa các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị; thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong tình hình mới. Củng cố và nhân rộng các mô hình quần chúng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng “tự quản, tự phòng, tự bảo vệ, tự hòa giải”.

Nâng cao tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc về tội phạm và tệ nạn xã hội, không để hình thành địa bàn phức tạp; ba ngành Công an - Viện Kiểm sát - Tòa án tăng cường công tác phối hợp trong điều tra, tuy tố, xét xử và thi hành án đối với tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm, đồng thời tổ chức xét xử lưu động các vụ án điểm phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm này.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước, khắc phục sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý nhằm phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật, nhất là các lĩnh vực quản lý cư trú...

Các tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là một trong những nhóm tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, có hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Loại tội phạm này không chỉ xâm hại đến sự phát triển bình thường, lành mạnh của con người mà còn gây ảnh hưởng xấu đến, sinh lý của người bị hại về lâu dài, làm tổn thương tinh thần người bị hại cũng như gia đình của họ. Bên cạnh đó, hành vi này còn có tác động xấu đến môi trường xung quanh, nhiều vụ án gây phẫn nộ, gây bức xúc, nhức nhối trong dư luận. Tính chất của các vụ án về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người ngày càng gia tăng về mức độ nghiêm trọng, báo động về sự xuống cấp đạo đức của một bộ phận người dân, ảnh hưởng lớn đến trật tự văn hóa - xã hội trong cộng đồng.

Phòng, chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và cả Hệ thống Chính trị. Để phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người cần tiến hành tổng thể các biện pháp, phát huy trí tuệ, sức mạnh tổng lực của toàn dân tộc nhằm bảo vệ phẩm giá của con người và dựng xây xã hội xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hiểu biết chung về các tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người ?
2. Các tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam ?
3. Mục tiêu, quan điểm, giải pháp phòng, chống các tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người ?

Chương 6

AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Học sinh, sinh viên sau khi học xong, nắm được những kiến thức cơ bản về an toàn thông tin, không gian mạng và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở nước ta hiện nay.

Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên có phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn để góp phần phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở nước ta hiện nay.

Về thái độ: Xây dựng cho người học có ý thức biết tự bảo vệ an toàn thông tin cá nhân và nâng cao trách nhiệm, tích cực tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở nước ta hiện nay.

B. NỘI DUNG

Trong thời đại công nghệ thông tin và kỷ nguyên số hiện nay, hoạt động trên không gian mạng tác động tới tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và đặc biệt là con người. Không gian mạng làm cho con người tương tác đa chiều hơn, phản ánh sinh động, tức thời hơn với mọi mặt đời sống và các mối quan hệ xã hội. Internet trở thành không gian xã hội mới, nơi con người có thể thực hiện các hành vi mang bản chất xã hội của mình, như giao tiếp, sáng tạo, lao động, sản xuất, tiêu dùng, học tập và vui chơi giải trí, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

Tuy nhiên, nếu không gian mạng quốc gia không được bảo vệ, các bí mật nhà nước sẽ bị lộ, lọt, đánh cắp; các hạ tầng quan trọng của quốc gia như hệ thống thông tin hàng không, điện lưới quốc gia, giao thông đường bộ, các cơ sở công nghiệp trọng yếu sẽ bị phá hủy; hệ thống tài chính, ngân hàng và nhiều lĩnh vực khác bị đình trệ hoặc rối loạn hoạt động. Không gian mạng có thể thành môi trường để các tổ chức khủng bố quốc tế tuyên truyền, tuyển lựa, huấn luyện và chỉ đạo hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội. Một cuộc chạy đua vũ trang trên không gian mạng và chiến tranh mạng đang trở thành hình thái chiến tranh mới, ngày càng hiện hữu. Tình trạng vi phạm pháp luật trên không gian mạng ngày càng xảy ra nghiêm trọng tác động tiêu cực và ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm vv của mọi cá nhân. Do đó, bảo đảm an toàn thông tin và phòng chống có hiệu quả vi phạm pháp luật trên không gian mạng là vấn đề cực kỳ quan trọng, cấp thiết của cả Hệ thống chính trị, mọi tổ chức, mọi công dân ở nước ta hiện nay.

6.1. Những vấn đề chung về an toàn thông tin và không gian mạng

6.1.1. Một số khái niệm cơ bản

6.1.1.1. Khái niệm thông tin

“ Thông tin là một khái niệm cơ bản của khoa học hiện đại, khái quát về các điều hiểu biết, tri thức thu được qua nghiên cứu, khảo sát hoặc trao đổi giữa các đối tượng với nhau”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Thông tin là sản phẩm của con người được hình thành thông qua nghiên cứu, khảo sát, trao đổi với các đối tượng.

¹Từ điển bách khoa Việt Nam (2002), NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, tập 4, tr. 251.

- Thông tin là tập hợp các số liệu, các dữ kiện được cung cấp để biểu hiện thông qua hệ thống các ký hiệu (ngôn ngữ, hình ảnh, tín hiệu...).

- Thông tin được truyền dẫn thông qua giao tiếp, các phương tiện truyền thông tin như sách báo, truyền hình, mạng v.v.

6.1.1.2. Khái niệm về mạng

“Mạng là môi trường trong đó thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua mạng viễn thông và mạng máy tính”¹.

- Mạng là một môi trường diễn ra các hoạt động cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin.

- Trong môi trường mạng, thông tin được cung cấp, truyền đưa, trao đổi thông qua 2 hệ thống mạng là mạng viễn thông và mạng máy tính.

6.1.1.3. Khái niệm không gian mạng

“Không gian mạng là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian”².

- Không gian mạng là tập hợp các mạng mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu kết nối với nhau trên nền tảng và tạo thành cơ sở hạ tầng thông tin.

- Trên không gian mạng, con người thực hiện các hành vi xã hội ngày càng phổ biến, đa dạng mà không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

6.1.1.4. Khái niệm an toàn thông tin mạng

“An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin”³.

- Mục đích của an toàn thông tin mạng nhằm bảo vệ tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

- Biện pháp bảo vệ an toàn thông tin mạng, là tiến hành các hoạt động chống lại các hành vi truy nhập, sử dụng, tiết lộ, làm gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép thông tin và hệ thống thông tin trên mạng.

- Đối tượng bảo vệ là thông tin, hệ thống thông tin.

6.1.1.5. Vi phạm pháp luật trên không gian mạng

Vi phạm pháp luật trên không gian mạng là “những hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng”⁴.

- Là những hành vi sử dụng các công cụ, phương tiện thông qua không gian mạng để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng bao gồm: tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá

¹Luật An toàn thông tin mạng (2015), Điều 3, khoản 2.

²Luật An ninh mạng (2018), Điều 2, khoản 3.

³Luật An toàn thông tin mạng (2015), Điều 3, khoản 1.

⁴Luật An ninh mạng (2018), Điều 6.

rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; các hoạt động gián điệp, tấn công, khủng bố mạng.

6.1.1.6. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Mục đích: bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân trên không gian mạng.

- Biện pháp: phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

- Chủ thể: Hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng làm nòng cốt.

6.1.2. Tình hình an toàn thông tin hiện nay ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, hệ thống thông tin của Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ, phục vụ đặc lực sự lãnh đạo, quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước, đáp ứng nhu cầu thông tin của xã hội, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước. Lĩnh vực viễn thông, Internet, tần số vô tuyến điện có sự phát triển mạnh mẽ, đạt được mục tiêu số hóa hoàn toàn mạng lưới, phát triển nhiều dịch vụ mới, phục vụ phục vụ được mở rộng, bước đầu hình thành những doanh nghiệp mạnh, có khả năng vươn tầm khu vực, quốc tế. Hệ thống bưu chính chuyển phát, báo chí, xuất bản phát triển nhanh cả về số lượng, chất lượng và kỹ thuật nghiệp vụ, có đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước.

Tuy nhiên, tình hình an ninh thông tin ở Việt Nam đã và đang có những diễn biến phức tạp. Các tổ chức, đặc biệt là tổ chức nước ngoài, các thế lực thù địch, phản động tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, khủng bố, phá hoại hệ thống thông tin; tấn công thông tin xấu, độc hại nhằm tác động chính trị nội bộ, can thiệp, hướng lái chính sách, pháp luật của Việt Nam. Gia tăng hoạt động tấn công mạng nhằm vào hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia. Theo thống kê, trung bình mỗi năm, qua kiểm tra, kiểm soát các cơ quan chức năng đã phát hiện trên 850.000 tài liệu chiến tranh tâm lý, phản động, ân xá quốc tế, tài liệu tuyên truyền tà đạo trái phép; gần 750.000 tài liệu tuyên truyền chống Đảng, Nhà nước được tấn công vào Việt Nam qua đường bưu chính. Từ 2010 đến 2019 đã có 53.744 lượt công thông tin, trang tin điện tử có tên miền .vn bị tấn công, trong đó có 2.393 lượt công thông tin, trang tin điện tử của các cơ quan Đảng, Nhà nước “.gov.vn”, xuất hiện nhiều cuộc tấn công mang màu sắc chính trị, gây ra những hậu quả nghiêm trọng.

Tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin diễn biến phức tạp, gia tăng về số vụ, thủ đoạn tinh vi, gây thiệt hại nghiêm trọng về nhiều mặt. Các hành vi phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin; gây mất an toàn, hoạt động bình thường, vững mạnh của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hệ thống thông tin vô tuyến điện,... đã và đang gây ra những thiệt hại lớn về kinh tế, xâm hại trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Theo kết quả đánh giá an ninh mạng do Tập đoàn công nghệ Bkav thực hiện: “trong năm 2019, chỉ tính riêng thiệt hại do virus máy tính gây ra đối với người dùng Việt Nam đã lên tới 20.892 tỷ đồng (tương đương 902 triệu USD), hơn 1,8 triệu máy tính bị mất dữ liệu do sự lan tràn của các loại mã độc mã hóa dữ liệu tổng tiền (ransomware), trong đó có nhiều

máy chủ chứa dữ liệu của các cơ quan, gây đình trệ hoạt động của nhiều cơ quan, doanh nghiệp”¹.

Hệ thống thông tin của Việt Nam còn tồn tại nhiều điểm yếu, lỗ hổng bảo mật dễ bị khai thác, tấn công, xâm nhập; tình trạng lộ, mất bí mật nhà nước qua hệ thống thông tin gia tăng đột biến; hiện tượng khai thác, sử dụng trái phép cơ sở dữ liệu, tài nguyên thông tin quốc gia, dữ liệu cá nhân người dùng diễn biến phức tạp; xuất hiện nhiều dịch vụ mới, hiện đại gây khó khăn cho công tác quản lý, kiểm soát của các cơ quan chức năng. Từ 2001 đến 2019, các cơ quan chức năng đã phát hiện hơn 1.100 vụ lộ, mất bí mật nhà nước, trong đó lộ, mất bí mật nhà nước qua hệ thống thông tin chiếm tỷ lệ lớn với trên 80% số vụ. Tháng 3/2018, Facebook cũng đã để lộ dữ liệu cá nhân để một nhà phát triển bán lại cho Công ty Cambridge Analytica, dẫn tới 87 triệu dữ liệu thông tin người dùng bị lộ, trong đó có 427.466 tài khoản của người dùng Việt Nam.

6.1.3. Tình hình không gian mạng ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, Kết cấu hạ tầng viễn thông ở nước ta được xây dựng khá đồng bộ; kinh tế số được hình thành và phát triển nhanh, ngày càng trở thành bộ phận quan trọng của nền kinh tế. Công nghệ số được áp dụng ở hầu hết các ngành; xuất hiện ngày càng nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới xuyên quốc gia, dựa trên nền tảng công nghệ số và in-to-nét. Việc triển khai chính phủ điện tử được thực hiện quyết liệt, đã đưa vào sử dụng hệ thống e-Ca-bi-net phục vụ các kỳ họp của Chính phủ, hệ thống Trục liên thông văn bản quốc gia. Chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin của Việt Nam đã gia tăng nhanh chóng, Việt Nam hiện đứng trong top 40 nước ứng dụng công nghệ thông tin hàng đầu thế giới.

Tuy nhiên, nước ta cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức đối với an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đến từ không gian mạng trong những năm gần đây. Hoạt động sử dụng không gian mạng để tuyên truyền phá hoại tư tưởng, chống Đảng, Nhà nước, kích động tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự. Thời gian qua, phát hiện trên 3.000 trang web, blog, tài khoản mạng xã hội và gần 100 hội, nhóm trên mạng xã hội facebook thường xuyên đăng tải thông tin chống Đảng, Nhà nước, kích động gây rối an ninh, trật tự. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 bùng phát, không gian mạng tiếp tục là môi trường chủ yếu để các thế lực thù địch, đối tượng phản động, chống đối phát tán thông tin bị đặt về tình hình dịch bệnh, xuyên tạc, đả kích sự chỉ đạo, điều hành trong phòng, chống dịch bệnh của Chính phủ và chính quyền các cấp; kích động, chia rẽ quan hệ đối ngoại của Việt Nam với một số nước; kích động công nhân đình công tập thể tại các công ty, khu công nghiệp có yếu tố nước ngoài. Càng gần đến các kỳ đại hội của Đảng, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch càng diễn ra quyết liệt, thông qua hàng trăm trang web và hàng nghìn nhóm, tài khoản mạng xã hội để tán phát thông tin xuyên tạc, đả kích lãnh đạo Đảng, Nhà nước; xuyên tạc, bịa đặt về công tác nhân sự đại hội của Đảng.

Các hoạt động gián điệp mạng, tình trạng lộ bí mật nhà nước trên không gian mạng diễn biến ngày càng phức tạp. Chỉ tính riêng năm 2019, đã phát hiện hàng trăm trang web tên miền quốc gia bị tấn công; 127 trang và 349 cổng thông tin điện tử của nhiều cơ quan, đơn vị tồn tại các lỗ hổng bảo mật nghiêm trọng; 40 vụ lộ bí mật nhà nước qua in-to-nét với 241 đầu tài liệu. Đáng chú ý, tin tức gia tăng tấn công mạng vào các cơ quan trọng yếu và các tập đoàn kinh tế lớn để thu thập, chiếm đoạt thông tin, tài liệu bí mật nhà nước. Các đối tượng này duy trì chiến dịch tấn công liên tục với các kỹ

¹ Tập đoàn BKAV, *Báo cáo tổng kết công tác an ninh mạng năm 2019*.

thuật tấn công mới, nâng cấp các dòng mã độc, bám sát tình hình chính trị, xã hội ở nước ta để thay đổi thủ đoạn tấn công mã độc cho đến khi xâm nhập thành công. Điển hình như, trong khi dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, phòng, chống dịch bệnh là mối quan tâm chung của cả cộng đồng, tin tức đã tấn công mã độc đính kèm thư điện tử giả mạo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống dịch Covid-19 nhằm đánh lừa người dùng nhán mở tệp để lây nhiễm mã độc và đánh cắp thông tin, dữ liệu trên máy tính người dùng, đặc biệt là thông tin của Chính phủ, các bộ, ban, ngành.

Các đối tượng sử dụng không gian mạng để thực hiện các hành vi phạm tội gia tăng cả về số vụ, tính chất, mức độ nghiêm trọng và bằng nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, khiến nhiều nạn nhân bị chiếm đoạt số tiền rất lớn. Đặc biệt, thủ đoạn mạo danh các cơ quan thực thi pháp luật như công an, viện kiểm sát, tòa án gọi điện yêu cầu nạn nhân “cung cấp thông tin hỗ trợ điều tra” để đánh cắp thông tin tài khoản và chiếm đoạt tài sản xảy ra ở nhiều địa phương, chiếm đoạt tổng số tiền lên đến hàng trăm tỷ đồng. Tội phạm tổ chức đánh bạc, cá độ bóng đá trên mạng chủ yếu do các “nhà cái” ở nước ngoài móc nối với các đối tượng trong nước hình thành các đường dây, thiết lập hàng nghìn trang web, tên miền, ước tính sử dụng hàng triệu đô-la Mỹ mỗi ngày. Các trò chơi đổi thưởng, đánh bạc trả hình, hoạt động kinh doanh đa cấp biến tướng lừa đảo tiếp tục diễn biến phức tạp. Hoạt động “tín dụng đen” trên mạng xuất hiện hình thức mới, tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng để thực hiện đánh bạc qua mạng, lừa đảo, trốn thuế, rửa tiền, tài trợ cho tổ chức khủng bố hoặc huy động tài chính đa cấp. Tội phạm người nước ngoài sử dụng công nghệ cao có chiều hướng dịch chuyển mạnh địa bàn hoạt động sang Việt Nam, tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn, khu du lịch. Tội phạm có tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, thanh toán thẻ, thanh toán điện tử, tài chính, ngân hàng tiếp tục gia tăng. Xuất hiện nhiều đường dây mua bán vũ khí, công cụ hỗ trợ, các thiết bị nghe lén, định vị ngụy trang trên in-to-nét.

6.2. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

6.2.1. Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trên không gian mạng.

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, làm thất bại mọi hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sẵn sàng ngăn chặn các nguy cơ đe dọa an ninh mạng.

- Triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia; áp dụng các biện pháp bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

- Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện về an ninh mạng trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; thường

xuyên kiểm tra, giám sát về an ninh mạng trong quá trình sử dụng và kịp thời ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng.

- Mọi hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh.

6.2.2. Các hành vi bị cấm trên không gian mạng

6.2.2.1. Các nhóm hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

- Sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm: tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.

Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng bao gồm: kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân; kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự.

Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống bao gồm: xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác; thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế bao gồm: thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá khác; thông tin bịa đặt, sai sự thật trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp, chứng khoán.

Thông tin trên không gian mạng có nội dung bịa đặt, sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Thực hiện hành vi gián điệp mạng; xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng bao gồm: Chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; cố ý xóa, làm hư hỏng, thất lạc, thay đổi thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư được truyền đưa, lưu trữ trên không gian mạng; cố ý thay đổi, hủy bỏ hoặc làm vô hiệu hóa biện pháp kỹ thuật được xây dựng, áp dụng để bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư; đưa lên không gian mạng những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trái quy định của pháp luật; cố ý nghe, ghi âm, ghi hình trái phép các cuộc đàm thoại; hành vi khác cố ý

xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư.

Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng; giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của người khác; phát hành, cung cấp, sử dụng trái phép các phương tiện thanh toán; tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật; hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Tổ chức, hoạt động, cấu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc; thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

- Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

- Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

- Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

- Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trực lợi.

6.2.2.2. Các hành vi tấn công mạng và có liên quan đến tấn công mạng

- Phát tán chương trình học gây hại cho mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

- Gây cản trở, rối loạn, làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động, ngăn chặn trái phép việc truyền đưa dữ liệu của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử.

- Xâm nhập, làm tổn hại, chiếm đoạt dữ liệu được lưu trữ, truyền đưa qua mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

- Xâm nhập, tạo ra hoặc khai thác điểm yếu, lỗ hổng bảo mật và dịch vụ hệ thống để chiếm đoạt thông tin, thu lợi bất chính.

- Sản xuất, mua bán, trao đổi, tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm có tính năng tấn công mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

- Hành vi khác gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

6.2.3. Một số nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

6.2.3.1. Bảo vệ thông tin mạng

Bảo vệ thông tin mạng là việc các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động phù hợp để bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin mang tính mật trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép. Bảo vệ thông tin mạng được tiến hành các nội dung sau:

- Cơ quan, tổ chức sở hữu thông tin phân loại thông tin theo thuộc tính bí mật để có biện pháp bảo vệ phù hợp. Thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được phân loại và bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Việc gửi thông tin trên mạng phải bảo đảm các yêu cầu không giả mạo nguồn gốc gửi thông tin; tuân thủ các quy định về việc gửi thông tin trên mạng.

- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý phần mềm độc hại.

- Bảo đảm an toàn tài nguyên viễn thông.

- Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

- Ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia.

6.2.3.2. Bảo vệ thông tin cá nhân

Bảo vệ thông tin cá nhân là việc các tổ chức, cá nhân bảo vệ những thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể

Nguyên tắc. Cá nhân tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với thông tin do mình xử lý. Việc bảo vệ, xử lý thông tin cá nhân tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân tiến hành thu thập, xử lý thông tin cá nhân phải có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân về phạm vi, mục đích của việc thu thập và sử dụng thông tin đó. Không được cung cấp, chia sẻ, phát tán thông tin cá nhân mà mình đã thu thập, tiếp cận, kiểm soát cho bên thứ ba, trừ trường hợp có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm bảo mật, lưu trữ thông tin cá nhân do mình thu thập. Chủ thể thông tin cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân cung cấp thông tin cá nhân của mình mà tổ chức, cá nhân đó đã thu thập, lưu trữ.

Chủ thể thông tin cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân của mình mà tổ chức, cá nhân đó đã thu thập, lưu trữ hoặc ngừng cung cấp thông tin cá nhân của mình cho bên thứ ba. Tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân phải sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân khi được

chủ thể yêu cầu hoặc được lưu trữ khi đã hoàn thành mục đích sử dụng hoặc hết thời hạn lưu trữ và thông báo cho chủ thể thông tin cá nhân biết.

Tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân phải áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật phù hợp để bảo vệ thông tin cá nhân do mình thu thập, lưu trữ. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn thông tin mạng. Khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố an toàn thông tin mạng, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân cần áp dụng biện pháp khắc phục, ngăn chặn trong thời gian sớm nhất.

6.2.3.3. Bảo vệ hệ thống thông tin

Bảo vệ hệ thống thông tin là bảo vệ hệ thống các phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên mạng. Bảo vệ hệ thống thông tin được tiến hành qua các nội dung sau.

Phân loại cấp độ an toàn hệ thống thông tin để áp dụng biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm bảo vệ hệ thống thông tin phù hợp theo cấp độ: cấp độ 1 là cấp độ mà khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân nhưng không làm tổn hại tới lợi ích công cộng, trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia; cấp độ 2 là cấp độ mà khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc làm tổn hại tới lợi ích công cộng nhưng không làm tổn hại tới trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia; cấp độ 3 là cấp độ mà khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại nghiêm trọng tới sản xuất, lợi ích công cộng và trật tự, an toàn xã hội hoặc làm tổn hại tới quốc phòng, an ninh quốc gia; cấp độ 4 là cấp độ mà khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại đặc biệt nghiêm trọng tới lợi ích công cộng và trật tự, an toàn xã hội hoặc làm tổn hại nghiêm trọng tới quốc phòng, an ninh quốc gia; cấp độ 5 là cấp độ mà khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại đặc biệt nghiêm trọng tới quốc phòng, an ninh quốc gia.

Các nhiệm vụ bảo vệ hệ thống thông tin: Xác định cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin. Đánh giá và quản lý rủi ro an toàn hệ thống thông tin. Đôn đốc, giám sát, kiểm tra công tác bảo vệ hệ thống thông tin. Tổ chức triển khai các biện pháp bảo vệ hệ thống thông tin. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng.

Các biện pháp bảo vệ hệ thống thông tin: Ban hành quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng, nâng cấp, hủy bỏ hệ thống thông tin. Áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng để phòng, chống nguy cơ, khắc phục sự cố an toàn thông tin mạng. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định và đánh giá hiệu quả của các biện pháp quản lý và kỹ thuật được áp dụng. Giám sát an toàn hệ thống thông tin.

6.2.3.4. Ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng

Ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng là việc các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động không để các tổ chức trong nước và nước ngoài sử dụng biện pháp công nghệ, kỹ thuật thông tin gây tổn hại đến thông tin, hệ thống thông tin trên mạng.

Nhiệm vụ ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng: Ngăn chặn thông tin phá hoại xuất phát từ hệ thống thông tin của mình; hợp tác xác định nguồn, đẩy lùi, khắc phục hậu quả tấn công mạng được thực hiện thông qua hệ thống thông tin của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; ngăn chặn hành động của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có mục đích phá hoại tính nguyên vẹn của mạng; loại trừ việc tổ chức thực hiện hoạt động trái pháp luật trên mạng có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quốc

phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

6.2.3.5. Phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi phạm pháp luật trên không gian mạng

Phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi phạm pháp luật trên không gian mạng là hoạt động của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ an toàn cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu. Bảo vệ lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên không gian mạng và liên quan đến không gian mạng.

Để chống lại các hoạt động vi phạm pháp luật trên không gian mạng, các cơ quan chức năng tiến hành phát hiện kiểm duyệt và chặn lọc, thu thập, xử lý thông tin sai phạm trên môi trường mạng. Phát hiện, điều tra để nắm tình hình, dự báo tình hình không để xảy ra các tình huống nguy hiểm về an ninh mạng, các sự cố an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng. Thu thập, phát hiện, điều tra, xử lý thông tin, tài liệu, hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; tổ chức ngăn chặn các hoạt động xâm nhập, phá hoại, lấy cắp thông tin trên mạng, xử lý các hoạt động lợi dụng mạng để tuyên truyền, chống phá Đảng, Nhà nước, xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bí mật nhà nước và các hoạt động tội phạm khác.

6.2.3.6. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin tạo được chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, góp phần nâng cao năng lực quốc gia về bảo đảm an toàn thông tin, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Thực hiện tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn về các kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng để sử dụng thiết bị thông minh, IoT an toàn, hiệu quả; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia và an toàn thông tin cho Chính phủ điện tử, đô thị thông minh, giao dịch điện tử; ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin trong nước; bảo vệ thông tin cá nhân; phòng chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác; phòng, chống phần mềm độc hại, nâng cao cảnh giác đối với các nguồn phát tán thông tin độc hại, thông tin vi phạm pháp luật; đường lối, cơ chế, chính sách và quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng; cảnh báo các sự cố, các lỗ hổng bảo mật, các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng; các xu hướng an toàn thông tin.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng tại các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, những nơi công cộng, nơi tập trung đông người, đến mọi đối tượng. Thực hiện tuyên truyền giáo dục trên không gian mạng qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông xã hội, thông qua các hệ thống thông tin cơ sở. Tuyên truyền bằng nhiều hình thức trực quan sinh động như gameshow, thông qua tờ rơi, panô áp phích vv. Thông qua qua hình thức nhắn tin, cảnh báo với sự tham

gia của các doanh nghiệp viễn thông, các mạng xã hội, trình duyệt Việt Nam nhằm cảnh báo các nguy cơ mất an toàn thông tin và các biện pháp phòng ngừa.

6.2.4. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

6.2.4.1. Sứ tác động của không gian mạng đối với học sinh, sinh viên

Sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin truyền thông và các phương tiện điện tử đã và đang mang đến sự ảnh hưởng cực kỳ to lớn về mọi mặt đối với mỗi quốc gia, tổ chức, cá nhân trong thời đại công nghệ số hiện nay. Không gian mạng có tác động tích cực hay tiêu cực tùy thuộc vào nhận thức và hành động của mỗi người nói chung và học sinh, sinh viên nói riêng.

Với học sinh, sinh viên, không gian mạng đã cung cấp nguồn tài nguyên khổng lồ có tác động cực kỳ to lớn đối với việc học tập, rèn luyện, nghiên cứu, trao đổi, tìm kiếm việc làm, vui chơi, giải trí, giao tiếp, sáng tạo... Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực thì việc sử dụng không gian mạng, nhất là các mạng xã hội cũng gây ra những tác động không tốt đối với học sinh, sinh viên. Nhiều học sinh, sinh viên ngày càng sao nhãng việc học tập và hoạt động ngoại khóa, sức khỏe thể chất và tinh thần giảm sút. Các vụ việc vi phạm pháp luật trên không gian mạng ngày càng tăng cả về số vụ, mức độ và tính chất nghiêm trọng. Nhiều học sinh, sinh viên "nghiện" internet, game, mạng xã hội còn ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tâm lý, tình cảm, hình thành lối sống ảo, tự kỷ. Thậm chí không ít trẻ em đã bị quấy rối trên môi trường mạng. Nhiều trường hợp học sinh, sinh viên vì thiếu văn hóa ứng xử trên không gian mạng dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, bạo lực học đường, xúc phạm, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác. Một số học sinh, sinh viên sa đà vào các trang web đen, tệ nạn mại dâm, đánh bạc thông qua môi trường mạng vv. Một số học sinh, sinh viên đã sử dụng không gian mạng để thực hiện các hành vi đánh cắp các thông tin của cá nhân, tổ chức nhằm mục đích tống tiền, hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác. Học sinh, sinh viên còn trở thành đối tượng để các thế lực thù địch, tội phạm công nghệ lôi kéo, mua chuộc, kích động tập hợp lực lượng, huấn luyện, tuyển dụng nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

6.2.4.2. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên

Để góp phần phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng, mỗi học sinh, sinh viên cần thực hiện tốt những nội dung sau.

- Không ngừng học tập, rèn luyện tu dưỡng về mọi mặt để nâng cao nhận thức, bản lĩnh, lập trường tư tưởng, xây dựng lối sống lành mạnh, tích cực.
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân đối với việc xây dựng xã hội thông tin lành mạnh, văn minh, an toàn.
- Nêu cao cảnh giác, phân biệt và đấu tranh có hiệu quả trước mọi luận điệu xuyên tạc của kẻ thù trong chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ chính trị của nước ta trên không gian mạng.
- Không để bị lôi kéo, kích động, mua chuộc tham gia vào các hoạt động tiêu cực, vi phạm pháp luật trên không gian mạng.
- Nghiên cứu, tìm hiểu đầy đủ các văn bản pháp luật quy định về hoạt động trên không gian mạng, không vi phạm pháp luật trên không gian mạng do thiếu hiểu biết.
- Khai thác, sử dụng có hiệu quả không gian mạng để nâng cao trình độ, rèn luyện, tu dưỡng bản thân, đóng góp tích cực cho sự phát triển mọi mặt của đất nước.

Bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mọi tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Đây là hoạt động đòi hỏi phải được tiến hành thường xuyên, liên tục của mọi cấp, mọi ngành, mọi lực lượng, nhất là các lực lượng chuyên trách, các cơ quan chức năng. Để thông tin được bảo đảm an toàn, để không gian mạng ngày càng giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra, đòi hỏi trước tiên cần thực hiện tốt các biện pháp tuyên truyền, giáo dục các văn bản quy phạm pháp luật, các kiến thức và kỹ năng cơ bản để nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng và xây dựng tinh thần trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn thông tin và phòng chống các hành vi vi phạm trên không gian mạng cho mọi đối tượng. Xây dựng xã hội thông tin tiến bộ, lành mạnh, an toàn, hiện đại. Sử dụng có hiệu quả không gian mạng, tài nguyên trên không gian mạng để xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Những vấn đề chung về an toàn thông tin và không gian mạng?
2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, các hành vi bị cấm trên không gian mạng?
3. Nội dung phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng?

Chương 7

AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG Ở VIỆT NAM

A. MỤC TIÊU

Về kiến thức: Học sinh, sinh viên sau khi học xong, nắm được những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thông, các mối đe dọa an ninh phi truyền thông và ứng phó với với các mối đe dọa an ninh phi truyền thông ở Việt Nam hiện nay.

Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên có phương pháp học tập khoa học; biết vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn để góp phần ứng phó có hiệu quả với các mối đe dọa an ninh phi truyền thông ở Việt Nam hiện nay.

Về thái độ: Xây dựng cho người học có khả năng nhận biết về các mối đe dọa an ninh phi truyền thông, nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân góp phần ứng phó có hiệu quả đối với các mối đe dọa an ninh phi truyền thông ở nước ta hiện nay.

B. NỘI DUNG

An ninh phi truyền thông và các mối đe dọa của nó đã xuất hiện khá sớm trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Chỉ khi sự tác động tiêu cực của nó ngày càng to lớn, cấp bách đối với đời sống con người, xã hội, quốc gia, nhân loại thì nó mới được nghiên cứu, nhận thức đầy đủ hơn gần đây. Ở nước ta hiện nay, việc nhận thức và tiến hành các biện pháp ứng phó với các mối đe dọa của an ninh phi truyền thông vẫn còn hạn chế. Do đó, nâng cao nhận thức, đẩy mạnh và thực hiện các biện pháp

mang tính đồng bộ, toàn diện để phòng ngừa, ứng phó có hiệu quả các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa của an ninh phi truyền thống là vấn đề mang tính cấp thiết hiện nay.

7.1. **Những vấn đề chung về an ninh phi truyền thống**

7.1.1. Một số khái niệm cơ bản

7.1.1.1. An ninh truyền thống

An ninh truyền thống là đảm bảo về thể chế chính trị, sự vững mạnh của chính quyền và chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ đất nước trước các nguy cơ tấn công hoặc can thiệp vũ trang, chủ yếu đến từ bên ngoài.

- Mục tiêu của an ninh truyền thống là sự an toàn, ổn định, phát triển bền vững của chế độ chính trị, nhà nước; là độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia được bảo đảm. Mục tiêu cốt lõi của an ninh truyền thống lấy nhà nước làm trung tâm.

- Nội dung chủ yếu của an ninh truyền thống là an ninh trên lĩnh vực chính trị và quân sự.

- Đối tượng của an ninh truyền thống là các tổ chức, cá nhân, quốc gia có âm mưu và hành động chống phá chế độ, nhà nước, can thiệp hoặc tấn công quân sự chủ yếu từ bên ngoài.

7.1.1.2. An ninh phi truyền thống

“An ninh phi truyền thống có thể hiểu là một loại hình an ninh xuyên quốc gia do những yếu tố phi chính trị và phi quân sự gây ra, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định, phát triển và an ninh mỗi nước, khu vực và cả toàn cầu.”¹

- Mục tiêu của an ninh phi truyền thống là sự an toàn, ổn định, phát triển bền vững của con người, các tổ chức, doanh nghiệp, xã hội, quốc gia, toàn cầu. Mục tiêu cốt lõi là lấy an ninh xã hội, con người làm trung tâm.

- Nội dung của an ninh phi truyền thống là an ninh trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, môi trường, thông tin, dân tộc tôn giáo, biến đổi khí hậu, thiên tai...

- Đối tượng của an ninh phi truyền thống là các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa tác động tiêu cực đến mục tiêu của an ninh phi truyền thống có nguồn gốc cả tự nhiên và xã hội.

7.1.2. Đặc điểm, tính chất của các vấn đề an ninh phi truyền thống

7.1.2.1. Đặc điểm của các vấn đề an ninh phi truyền thống

- *An ninh phi truyền thống có thể được tạo ra từ tác nhân tự nhiên hoặc xã hội, hoặc kết hợp cả tự nhiên và xã hội*

An ninh phi truyền thống có thể được tạo ra từ tác nhân tự nhiên hoặc xã hội, hoặc kết hợp cả tự nhiên và xã hội. Còn an ninh truyền thống được tạo ra từ con người

- là xung đột giữa quân đội các nhà nước. Những vấn đề an ninh phi truyền thống được tạo ra từ tác nhân tự nhiên như thảm họa thiên nhiên, cạn kiệt tài nguyên, môi trường, bão lụt, nước biển dâng... Những vấn đề an ninh phi truyền thống được tạo ra từ tác nhân nhân tạo (xã hội) như khủng bố, dịch bệnh, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia... Chủ thể tạo ra các mối đe dọa an ninh phi truyền thống là những cá nhân, nhóm người, tổ chức, nhưng đó là các chủ thể ngoài nhà nước (tất nhiên ngày nay không loại trừ các nhà nước đứng sau tài trợ không chính thức cho một số hoạt động như an ninh mạng, khủng bố...).

¹Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đặng, Nguyễn Việt Thông (2016), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.15.

Tuy nhiên, cũng có những vấn đề an ninh phi truyền thống nảy sinh là do tác động công hưởng của cả yếu tố tự nhiên và yếu tố xã hội như nước biển dâng là do yếu tố tự nhiên, nhưng do sự xâm phạm và hủy hoại môi trường của con người làm cho sự dâng lên của nước biển càng trở nên nguy hiểm.

- *An ninh phi truyền thống có tính bạo lực phi quân sự hoặc phi bạo lực, hoặc kết hợp cả bạo lực phi quân sự và phi bạo lực*

An ninh phi truyền thống có tính chất phi bạo lực là cơ bản như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, khủng hoảng tài chính tiền tệ, bệnh dịch.... Nhưng cũng không ít mối đe dọa an ninh phi truyền thống có tính chất bạo lực phi quân sự (còn gọi là bạo lực phi quân đội) như buôn lậu ma túy, tội phạm có tổ chức... Đồng thời, cũng có những mối đe dọa an ninh phi truyền thống có cả tính phi bạo lực và bạo lực phi quân sự như chủ nghĩa khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia...

- *An ninh phi truyền thống lan rộng xuyên quốc gia*

Vấn đề an ninh phi truyền thống từ khi xuất hiện đến khi giải quyết đều có đặc trưng xuyên quốc gia. Do đó, đây là đặc điểm nổi bật để phân biệt an ninh phi truyền thống với an ninh truyền thống. Mỗi đe dọa an ninh phi truyền thống xuất hiện, đe dọa an ninh từ một quốc gia, khu vực và lan tỏa với tốc độ nhanh, phạm vi rộng, đe dọa đến an ninh các quốc gia, khu vực khác không phân biệt biên giới quốc gia, chế độ chính trị (chủ nghĩa khủng bố, buôn lậu ma túy, di dân phi pháp, tội phạm công nghệ cao, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh lây lan nhanh ở người, gia súc và cây trồng, cạn kiệt tài nguyên, bùng nổ dân số, xung đột dân tộc, tôn giáo, khủng hoảng kinh tế, tài chính, tiền tệ, phổ biến vũ khí giết người hàng loạt...).

Trong điều kiện toàn cầu hóa ngày càng sâu sắc, tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia tăng lên, thì mức độ lan tỏa, ảnh hưởng của các vấn đề an ninh phi truyền thống càng nhanh và rộng hơn trên toàn thế giới. Đặc điểm này đặt ra những thách thức mới, đòi hỏi có sự hợp tác giữa các nước để ngăn chặn, ứng phó.

- *Các vấn đề an ninh phi truyền thống tác động ảnh hưởng, kích thích, chuyển hóa lẫn nhau, khó kiểm soát*

Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có đặc điểm là tác động ảnh hưởng, kích thích, chuyển hóa lẫn nhau. Mỗi đe dọa an ninh phi truyền thông ở phương diện, lĩnh vực này có thể dẫn đến, hoặc kích thích sự xuất hiện hay bùng phát mối đe dọa an ninh phi truyền thông khác, khiến cho sự ảnh hưởng và mức độ nguy hại của các mối đe dọa an ninh phi truyền thông ở cấp độ cao hơn, gay gắt hơn: như nghèo đói, xung đột bộ tộc ở một số khu vực châu Phi liên quan đến vấn đề nạn di dân phi pháp; các hoạt động tội phạm và chủ nghĩa khủng bố cũng như tin tặc dưới nhiều hình thức cấu kết với nhau; buôn lậu ma túy và rửa tiền phi pháp, kinh tế ngầm; tội phạm có tổ chức và di dân phi pháp; môi trường suy thoái và nạn nhân môi trường đều có liên hệ với nhau.

Do các mối đe dọa an ninh phi truyền thông có thể do các tác nhân phi quốc gia (ngoài nhà nước) như các cá nhân, tổ chức (hay tập đoàn) tạo ra, cho nên việc kiểm soát, ngăn chặn sự chuyển hóa giữa chúng là rất khó khăn. Mặt khác, các vấn đề an ninh phi truyền thông và an ninh truyền thông có mối liên hệ với nhau về mục tiêu, lợi ích... trong một số trường hợp các vấn đề an ninh phi truyền thông có thể bị kích thích bùng phát trở thành vấn đề an ninh truyền thông, như vấn đề tôn giáo, dân tộc, vấn đề chủ nghĩa khủng bố...

Các mối đe dọa an ninh phi truyền thông thường là bùng phát đột xuất dưới

hình thức khủng hoảng, từ đó tạo thành mối đe dọa nghiêm trọng trực tiếp đối với an ninh quốc gia, như khủng hoảng kinh tế, tiền tệ toàn cầu; bệnh dịch (dịch SARS, dịch Covid-19...), bạo loạn lật đổ (sự kiện Thiên An Môn năm 1989, Tân Cương ở Trung Quốc năm 2009...), khủng bố (sự kiện 11 tháng 9 năm 2001 ở Mỹ)... nên chúng càng trở lên khó kiểm soát, khó giải quyết.

- *Các vấn đề của an ninh phi truyền thống trực tiếp uy hiếp, gây hậu quả nghiêm trọng đối với sinh mệnh con người, đời sống xã hội các quốc gia và toàn nhân loại*

Tất cả các vấn đề thuộc an ninh phi truyền thống đều trực tiếp đe dọa đến sự tồn tại ổn định, phát triển của cá nhân con người, cộng đồng, rồi đến an ninh quốc gia, an ninh khu vực và an ninh toàn cầu (còn an ninh truyền thống uy hiếp trực tiếp đến chế độ chính trị, chủ quyền lãnh thổ quốc gia - dân tộc, uy hiếp an ninh quốc gia); chỉ có phương thức, thời gian, mức độ và hậu quả là khác nhau mà thôi.

Tính chất nguy hiểm các mối đe dọa an ninh quốc gia không chỉ biểu hiện ở mức độ hủy hoại, sự tàn phá của nó đối với cuộc sống của con người, mà còn đặt ra nhiều thách thức đối với sự ổn định xã hội, sự tồn vong của cả cộng đồng, hiệu quả thực tế của hợp tác và hội nhập toàn cầu; thậm chí còn làm nảy sinh các vấn đề về an ninh quân sự.

- *Giải quyết an ninh quốc gia vừa mang tính chủ quyền và mang tính hợp tác*

Quốc gia có chủ quyền, có quyền quyết định tự chủ trong việc giải quyết các vấn đề an ninh quốc gia. Vì vậy, bất kỳ một thách thức an ninh quốc gia nào đó xuất hiện ở một quốc gia có chủ quyền, khi giải quyết phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia đó, phải được tiến hành trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia tăng lên. Theo đó, các mối đe dọa an ninh quốc gia có mức độ lây lan nhanh hơn, sức ảnh hưởng lớn hơn, tầm ảnh hưởng rộng hơn đối với các quốc gia, khu vực và quốc tế. Mặt khác, an ninh phi truyền thống bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau liên quan đến an ninh quốc gia, khó đối phó và giải quyết đơn phương bằng biện pháp quân sự và phi quân sự. Do vậy, để ứng phó, giải quyết các vấn đề an ninh quốc gia đòi hỏi cần có sự quan tâm, hợp tác, nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế và trách nhiệm của từng quốc gia.

An ninh phi truyền thống có thể nảy sinh từ các yếu tố tự nhiên như thảm họa thiên nhiên, cũng có thể nảy sinh từ các yếu tố xã hội như khủng bố, tội phạm... Tuy nhiên, xét về nguồn gốc sâu xa thì phần lớn là do con người gây ra. Có những vấn đề an ninh phi truyền thống được hình thành trong quá trình tích lũy các yếu tố tiềm tàng, như vấn đề môi trường sinh thái, tôn giáo, dân tộc; có những vấn đề bùng phát và lan rộng như: bệnh dịch, khủng hoảng tài chính, tiền tệ, chủ nghĩa khủng bố, buôn lậu, ma túy...

7.1.2.2. *Tính chất của các vấn đề an ninh phi truyền thống*

Các vấn đề của an ninh phi truyền thống gây tác động, ảnh hưởng tiêu cực đối với sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững của các quốc gia và toàn cầu. Đánh giá về hậu quả và sự tác động, ảnh hưởng của nó, an ninh phi truyền thống có các tính chất chủ yếu sau.

- *Tính toàn cầu*

Nếu như các vấn đề an ninh truyền thống được nhìn nhận dưới góc độ cấp quốc gia hoặc nhóm các quốc gia thì các vấn đề an ninh phi truyền thống lại được nhìn nhận không

chỉ ở riêng một hay một nhóm các quốc gia mà nó liên quan tới lợi ích của toàn cầu. Đầu tiên, có thể thấy các vấn đề thuộc về an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, khủng hoảng tài chính, chủ nghĩa khủng bố... đều là những vấn đề có tầm ảnh hưởng rộng, tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải đối mặt và không có quốc gia nào được loại trừ. Thứ hai, các vấn đề an ninh phi truyền thống có tính khuếch tán rộng, ví dụ như khủng hoảng tài chính năm 2007 mới đầu diễn ra tại Mỹ với sự sụp đổ của hàng loạt hệ thống ngân hàng, tuy nhiên sau đó đã lan ra toàn thế giới và hậu quả của nó rất khó để kiểm soát. Thứ ba, những nhân tố, yếu tố, chủ thể của an ninh phi truyền thống như tổ chức khủng bố, an ninh mạng... nằm rải khắp và có mạng lưới trên toàn thế giới.

- Tính đa dạng

Cùng với sự phát triển và toàn cầu hóa, các vấn đề an ninh phi truyền thống xuất hiện ngày càng nhiều. Dưới góc độ khác nhau, các vấn đề an ninh phi truyền thống được phân loại khác nhau. Dưới góc độ an ninh phi truyền thống có các mối đe dọa như: buôn lậu, ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, cướp biển, khủng bố, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, tội phạm, kinh tế quốc tế và tội phạm công nghệ cao. Từ góc độ an ninh quốc gia, có thể chia an ninh phi truyền thống thành các nhóm vấn đề sau: an ninh chính trị, an ninh quân sự, an ninh xã hội, an ninh kinh tế, an ninh tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh sinh thái. Từ tính chất đe dọa và đối tượng bị đe dọa, an ninh phi truyền thống được chia thành 5 loại chính gồm: vấn đề an ninh liên quan đến sự phát triển bền vững; mối đe dọa, uy hiếp đến từ sự ổn định an ninh khu vực và quốc tế; tổ chức tội phạm xuyên quốc gia; tổ chức tồn tại ngoài nhà nước thách thức trật tự an ninh quốc tế; vấn đề an ninh gây ra bởi sự phát triển công nghệ và toàn cầu hóa.

- Tính bộc phát

Các mối đe dọa đến từ an ninh truyền thống chủ yếu thông qua các mâu thuẫn lợi ích dẫn tới chiến tranh vũ trang. Những mối đe dọa này hoàn toàn có thể được kiểm soát và hạn chế mức độ nghiêm trọng với sự chủ động từ cả hai phía. Thời gian và cách thức diễn ra của các mối đe dọa đến từ an ninh truyền thống cũng có diễn biến tuần tự và thường không diễn ra một cách chớp nhoáng. Tuy nhiên các mối đe dọa đến từ an ninh phi truyền thống lại bùng nổ nhanh chóng, diễn ra đột ngột, khó kiểm soát, thiếu dấu hiệu rõ ràng. Ví dụ như các vụ khủng bố diễn ra trên toàn cầu đều xảy ra và không hề được phòng bị. Hoặc như đại dịch AIDS những năm 1980, bệnh bò điên, lở mồm long móng hay gần đây là bệnh SARS, Covid - 19 đều diễn biến rất nhanh và khi được nhận thức thì nó đã gây hậu quả nghiêm trọng.

- Tính chuyển hóa

Các mối đe dọa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống được đan xen, tương tác và có thể biến đổi lẫn nhau trong những điều kiện nhất định. Thứ nhất, nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống là hậu quả trực tiếp của các vấn đề an ninh truyền thống. Chẳng hạn như vấn đề người tị nạn do chiến tranh, thiệt hại về môi trường và các vấn đề ô nhiễm. Thứ hai, một số vấn đề an ninh truyền thống có thể phát triển thành các vấn đề an ninh phi truyền thống. Ví dụ, sự hình thành của chủ nghĩa khủng bố liên quan chặt chẽ đến các vấn đề an ninh truyền thống như tâm lý đấu tranh gây ra bởi chủ nghĩa bá quyền, xung đột và bởi các vấn đề lãnh thổ và chủ quyền, và những vấn đề lịch sử hình thành bởi mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo. Thứ ba, một số vấn đề an ninh phi truyền thống cũng có thể gây ra mâu thuẫn và xung đột trong an ninh truyền thống. Nếu các tổ chức khủng bố tìm kiếm các phương tiện công nghệ cao như hạt nhân và hóa sinh, nó sẽ liên quan đến sự gia tăng vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7.1.3. Mối quan hệ giữa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống

An ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống là hai mặt của khái niệm an ninh toàn diện. An ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống có các mối quan hệ cơ bản sau.

7.1.3.1. An ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống có tác động, chuyển hóa lẫn nhau

An ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống có mối quan hệ tương quan lẫn nhau, bổ sung cho nhau, không loại trừ nhau. Trong điều kiện nhất định an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống có thể chuyển hóa lẫn nhau. Một số vấn đề vốn thuộc về lĩnh vực an ninh phi truyền thống có thể diễn biến thành vấn đề an ninh truyền thống, như vấn đề dân tộc tôn giáo, khủng hoảng kinh tế, bạo loạn trong nội bộ một nước có thể vượt qua biên giới, ảnh hưởng đến các quốc gia lân cận.

Vấn đề an ninh phi truyền thống nếu mất khống chế và bị kích thích sẽ gây xung đột giữa các quốc gia và có thể sử dụng sức mạnh quân sự của an ninh truyền thống để giải quyết. Do đó, vấn đề “an ninh phi truyền thống” được đưa vào trong hệ thống đánh giá sự uy hiếp của an ninh quốc gia. Chiến lược an ninh của mỗi quốc gia đều cần phải đồng thời ứng phó với uy hiếp và thách thức mà an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống cầu thành.

7.1.3.2. Khác biệt giữa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống

Phạm vi quan tâm của an ninh truyền thống thường lấy đơn vị là quốc gia, dân tộc làm trung tâm. Phạm vi quan tâm của an ninh phi truyền thống bao gồm từ con người, quốc gia và cả nhân loại. Nội dung quan tâm của an ninh truyền thống tập trung chủ yếu ở lĩnh vực quân sự, chính trị, nhưng an ninh phi truyền thống lại quan tâm ở nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, môi trường sinh tồn của con người và toàn cầu với nhiều mức độ liên quan khác nhau. Mỗi đe dọa của an ninh truyền thống chủ yếu đến từ bên ngoài biên giới quốc gia, nhưng các mối đe dọa an ninh phi truyền thống lại đến từ cả bên trong và bên ngoài quốc gia. Biện pháp ứng phó với hai vấn đề trên cũng có điểm khác nhau. Ứng phó với an ninh truyền thống nhấn mạnh biện pháp chính trị, quân sự, ngoại giao. Ứng phó với vấn đề an ninh phi truyền thống sử dụng tổng hợp các biện pháp của nhiều tổ chức, nhiều quốc gia trên thế giới và không ít vấn đề phải thông qua Liên hợp quốc.

7.2. Ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay

7.2.1. Những mối đe dọa chủ yếu của an ninh phi truyền thống

Mỗi đe dọa an ninh phi truyền thống là các vấn đề phi chính trị và quân sự, có nguồn gốc từ tự nhiên và nhân tạo, đe dọa, tác động tiêu cực, ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến sự an toàn, ổn định, phát triển bền vững của cá nhân con người, các tổ chức, doanh nghiệp, xã hội, quốc gia và nhân loại. Ở các góc độ, lĩnh vực khác nhau, có các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống khác nhau. Tuy nhiên, có thể sắp xếp thành các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống chủ yếu sau.

7.2.1.1. Tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia

Tội phạm buôn bán người. Theo pháp luật của Việt Nam và quốc tế, tội phạm buôn bán người là hành vi mua bán, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhân người nhằm mục đích bóc lột bằng cách sử dụng vũ lực, đe dọa sử dụng vũ lực hay bằng các hình thức ép buộc, bắt cóc, gian lận, lừa gạt, lạm dụng quyền lực, vị thế dễ bị tổn thương hay bằng việc đưa, nhận tiền, lợi nhuận để đạt được sự đồng ý của một người đang kiểm soát những người khác. Hành vi bóc lột bao gồm: bóc lột mại dâm người khác hay những hình thức

bóc lột tình dục khác, các hình thức lao động hay phục vụ cưỡng bức, nô lệ hay những hình thức tương tự nô lệ, khố sai hoặc lấy các bộ phận cơ thể. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng buôn bán người ngày càng gia tăng là do chiến tranh, xung đột, nghèo đói, bệnh tật, áp bức, bóc lột, bất công, dân trí thấp... thực thi pháp luật không nghiêm minh.

Tội phạm công nghệ cao. Là hành vi phạm pháp có chủ đích đối với một cá nhân, một nhóm người hay một tổ chức nào đó, gây ảnh hưởng xấu đến danh tiếng của nạn nhân hoặc gây hại về mặt vật chất hoặc tinh thần cho nạn nhân một cách trực tiếp hoặc gián tiếp bằng những công nghệ hiện đại liên quan đến mạng viễn thông như Internet và điện thoại thông minh. Tội phạm công nghệ cao là những mối đe dọa tới an ninh và nền kinh tế của quốc gia bao gồm các hoạt động bất hợp pháp như: chiếm dụng và sử dụng trái phép tài nguyên máy tính (hacking), vi phạm bản quyền, các chương trình giám sát bất hợp pháp, tống tiền và áu dâm, phá hoại các hệ thống máy tính bằng cách phát tán các mã độc, ăn cắp các thông tin về thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của nạn nhân, lấy cắp các thông tin tình báo, bí mật quốc gia, mua bán trái phép vũ khí, ma túy, nô lệ tình dục v.v.

Tội phạm ma túy. Bước sang thế kỷ mới, tội phạm ma túy đã có xu thế tăng lên trong phạm vi toàn cầu. Nhìn về lâu dài, ma túy hủy diệt cả một thế hệ, thậm chí hủy diệt cả một quốc gia, tính nguy hại của nó không chỉ ở lĩnh vực kinh tế, mà còn nguy hại đến an ninh xã hội, sinh mạng của nhân dân và sự ổn định chính trị; không những làm mất đi sinh mạng của hàng vạn, hàng nghìn con người, mà còn làm gia tăng các loại tội phạm khác, thậm chí trở thành nguồn gốc quan trọng của khủng bố quốc tế, trở thành mối đe dọa mới trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống, sự thách thức nghiêm trọng đối với toàn nhân loại.

Tội phạm rửa tiền. Rửa tiền là đưa tiền thu nhập được từ hoạt động phi pháp trở lại hệ thống kinh tế và tài chính, tiền tệ để che đậy nguồn gốc của nó và qua đó thu lợi nhuận. Ví dụ: Sau khi đã “rửa tiền” thu được từ ma túy, các phần tử tội phạm lại dùng số tiền này tăng cường trang bị các phương tiện thông tin và các loại vũ khí hiện đại, phát triển hoạt động buôn bán các loại ma túy với quy mô lớn hơn. Hoạt động rửa tiền không những đe dọa đến an ninh tài chính, tiền tệ, kinh tế của một nước mà còn ngày càng chuyên biến thành thủ đoạn huy động vốn của các phần tử khủng bố, cấu thành mối nguy hại chung to lớn đối với quốc tế. Phương thức rửa tiền biến đổi khôn lường, thủ đoạn phức tạp, có rất nhiều biến hóa. Châu Á hiện đang trở thành địa chỉ rửa tiền chủ yếu trên toàn cầu. Hiện nay, vẫn chưa có một biện pháp “đặc trị” nào đối với loại tội phạm này, và đang cần sự chung tay của nhiều quốc gia trên thế giới.

7.2.1.2. An ninh năng lượng, môi trường, lương thực và dịch bệnh

An ninh năng lượng. An ninh năng lượng chiếm địa vị quan trọng trong hệ thống an ninh quốc gia. Đó là sự thống nhất hữu cơ của an ninh cung ứng năng lượng và an ninh sử dụng năng lượng. Những vấn đề đặt ra đối với an ninh năng lượng hiện nay bao gồm: sự cạn kiệt của các nguồn năng lượng truyền thống; sự gia tăng mức tiêu thụ năng lượng của các quốc gia trong khu vực; tình hình bất ổn ở các quốc gia Trung Đông; vấn đề an toàn vận chuyển năng lượng trên biển, trên bộ.

An ninh môi trường. Là trạng thái mà một hệ thống môi trường có khả năng đảm bảo điều kiện sống an toàn cho con người trong hệ thống đó. Một hệ thống môi trường bị mất an ninh có thể do các nguyên nhân tự nhiên (thiên tai) hoặc do các hoạt động của con người (khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, thải chất độc phá vỡ tầng ôzôn và gây ô nhiễm không khí, nước, đất, suy thoái môi trường sống của con người và các loài động vật, sinh vật khác, suy giảm đa dạng sinh học...) hoặc phối hợp tác động của cả hai nguyên nhân trên (biến đổi khí hậu). Sự biến đổi khí hậu toàn cầu đã

và đang có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của con người, sự phát triển bền vững kinh tế nhiều quốc gia trên thế giới mà Việt Nam là một trong bảy nước có ảnh hưởng nhiều nhất.

An ninh lương thực. An ninh lương thực được hiểu là sự đảm bảo của mỗi quốc gia về nguồn cung cấp lương thực cho người dân để hạn chế và đẩy lùi tình trạng thiếu lương thực, nạn đói và tình trạng phụ thuộc vào nguồn lương thực nhập khẩu. Do biến đổi khí hậu toàn cầu, do chiến tranh, bệnh dịch... và nhiều lý do khác, dẫn đến hàng triệu người mỗi năm trên trái đất vẫn bị chết đói do thiếu lương thực.

Dịch bệnh. Trong lịch sử, dịch bệnh luôn là mối lo của nhân loại. Dịch bệnh đã trực tiếp造成 thành nguy cơ an ninh phi truyền thống và gián tiếp造成 thành nguy cơ an ninh truyền thống. Trước mắt, bệnh ung thư và các bệnh truyền nhiễm uy hiếp lớn nhất đến toàn thể nhân loại như AIDS, Covid-19. Ngoài ra còn có các dịch bệnh khác như: dịch cúm, sốt rét, lao, SARS (2003), Ebola (2014), dịch tả lợn châu Phi, ...

7.2.1.3. *An ninh tôn giáo, dân tộc*

Trong những năm gần đây, hoạt động của các tôn giáo khá sôi động, diễn ra theo nhiều xu hướng. Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp biên giới, lãnh thổ, biển, đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Vấn đề tôn giáo, dân tộc trên thế giới nói chung và ở từng quốc gia là hết sức phức tạp đã gây nên những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường cho các quốc gia, đe dọa hòa bình, an ninh khu vực và thế giới. Đáng chú ý là các thế lực thù địch luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc làm “ngòi nổ” cho những cuộc “xung đột lợi ích” để phục vụ cho mưu đồ chính trị của họ. Trong những năm gần đây, xu hướng đa thần giáo phát triển, đồng thời, nhiều “hiện tượng tôn giáo lạ” ra đời, trong đó có không ít tổ chức tôn giáo là một trong những tác nhân gây xung đột tôn giáo, xung đột dân tộc gay gắt trên thế giới hiện nay. Các thế lực phản động tiếp tục lợi dụng tôn giáo để chống phá, can thiệp vào các quốc gia độc lập dân tộc, trong đó Việt Nam là một trọng điểm.

7.2.1.4. *An ninh kinh tế, tài chính, tiền tệ*

An ninh kinh tế. An ninh kinh tế là cơ sở của an ninh quốc gia, có tác dụng chủ đạo và quyết định trong an ninh quốc gia. Lợi ích kinh tế là lợi ích căn bản mà quốc gia, dân tộc dựa vào để sinh tồn, phát triển và hưng thịnh. Trong lịch sử nhân loại các cuộc khủng hoảng kinh tế đã gây ra mối đe dọa sống còn với các quốc gia. Do sự mở rộng của tiến trình toàn cầu hóa, các nền kinh tế trên thế giới ngày càng tùy thuộc vào nhau, nếu khủng hoảng kinh tế xảy ra sẽ không dừng lại ở một quốc gia, mà nhanh chóng lan rộng tạo nên suy thoái kinh tế toàn cầu. Cho nên đảm bảo an ninh kinh tế trở thành mục tiêu chung của nhân loại.

An ninh tài chính, tiền tệ. An ninh tài chính, tiền tệ là trạng thái hệ thống tài chính có thể thực hiện được các *chức năng* của mình một cách có hiệu quả, an toàn và bền vững; khi đối diện với những cú sốc thì vẫn có khả năng hấp thụ, phản ứng và phục hồi để có thể thực hiện chức năng của mình mà không bị gián đoạn. Với đặc điểm hệ thống tài chính, Việt Nam phụ thuộc lớn vào lĩnh vực ngân hàng, trong khi công nghệ tài chính chủ yếu được phát triển tại các ngân hàng hàng đầu, sự phát triển ổn định, an toàn và lành mạnh của các tổ chức tín dụng sẽ tác động mạnh mẽ đến sự ổn định của cả hệ thống tài chính.

7.2.1.5. *Chủ nghĩa khủng bố*

Chủ nghĩa khủng bố là liên minh các tổ chức, nhà nước sử dụng bạo lực, hoặc

đe dọa sử dụng bạo lực một cách tàn nhẫn, coi thường các giá trị nhân bản, hướng vào những nơi đông người, gây ra nỗi sợ hãi lây lan trong cộng đồng nhằm đạt được những mục tiêu cụ thể, thông thường là mục tiêu chính trị.

Tội phạm khủng bố trong vài thập niên gần đây đã trở thành vấn đề quốc tế, đe dọa nghiêm trọng hòa bình, ổn định và phát triển của cả thế giới. Đây là nguy cơ đe dọa an ninh phi truyền thống, có khả năng lan truyền rộng rãi, được hình thành bởi rất nhiều nguyên nhân: Từ chủ nghĩa cực đoan tôn giáo, cực đoan về dân tộc, sắc tộc, đến đối nghịch, bệnh tật, bất bình đẳng, phân hóa, xung đột xã hội hay tranh giành quyền lực, tranh giành địa - chính trị và các nguồn tài nguyên. Khủng bố còn có thể là hệ quả của quá trình thực thi chính sách quản lý xã hội thiếu sáng suốt, gây chia rẽ các nhóm xã hội ở các quốc gia và cũng có thể bắt nguồn từ chiến tranh, can thiệp của một hoặc một số nước vào một quốc gia, khu vực nào đó... Bất kể nguyên nhân nào, khủng bố đã và đang gây ra những hậu quả vô cùng nặng nề về chính trị, kinh tế, văn hóa, tinh thần, nhân phẩm con người. Trong rất nhiều nguy cơ an ninh phi truyền thống, khủng bố hiện nằm trong những mối đe dọa hàng đầu đối với sự an toàn của loài người. Lực lượng khủng bố đã vận dụng linh hoạt về chiến thuật “những con sói đơn độc”, sử dụng các loại phương tiện như: bom, súng, dao, xe tải... để tạo ra bất ngờ khi tiến công dân thường hoặc lực lượng chức năng. Điển hình như các vụ khủng bố năm 2017 tại Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Las Vegas (Mỹ) làm hàng chục người thiệt mạng, hàng trăm người bị thương. Chủ nghĩa khủng bố đang lan rộng về quy mô, biến tướng thành nhiều hình thức, phức tạp và ngày càng khó kiểm soát.

7.2.2. Tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đối với Việt Nam hiện nay

Các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống có tác động tiêu cực đến mọi mặt của con người, xã hội và đất nước ta. Hiện nay, các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống tác động đến nước ta trên một số lĩnh vực chủ yếu sau.

7.2.2.1. Tác động đến an ninh quốc gia

Nước ta đang trong tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và toàn diện... sự tùy thuộc, lệ thuộc giữa nước ta với quốc tế sẽ tăng lên. Đặc biệt, trong điều kiện khi biên giới “cứng” của nước ta (trên đất liền, trên không, trên biển, trong lòng đất, trên không gian mạng) có thể bị phá vỡ và vô hiệu hóa trước các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; và biên giới “mềm” của nước ta (hệ thống pháp luật, ý thức tự bảo vệ của mỗi người dân, địa phương, tổ chức kinh tế - xã hội...) chưa tạo thành hàng rào an ninh hiệu quả, trong ngăn chặn các mối đe dọa an ninh phi truyền thống thì những tác động, uy hiếp của các vấn đề an ninh phi truyền thống trên thế giới đối với an ninh quốc gia của nước ta sẽ ngày càng trực tiếp, gay gắt và toàn diện. Mặt khác, hiện nay các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng những vấn đề an ninh phi truyền thống để chống phá, can thiệp công việc nội bộ, phá hoại an ninh quốc gia của nước ta làm cho các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ngày càng tác động tiêu cực, to lớn hơn.

- Các thách thức an ninh phi truyền thống đe dọa đến sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước

Mục tiêu của an ninh quốc gia là phải giữ được môi trường hòa bình, an toàn, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. Tất cả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đều có tác động tiêu cực, đe dọa trực tiếp hoặc gián tiếp đến an ninh quốc gia. Có mối đe dọa an ninh phi truyền thống không thách thức trực tiếp đến vấn đề chế độ chính trị và chủ quyền lãnh thổ như các mối đe dọa an ninh truyền thống, nhưng nó

hủy hoại dần dần các yếu tố tạo nền tảng, mang tính hạt nhân, bệ đỡ cho sự ổn định và phát triển của đất nước, đó là môi trường sinh tồn và phát triển của cá nhân con người, cộng đồng xã hội; từ đó mà tác động, ảnh hưởng, uy hiếp dần dần, lâu dài đến an ninh quốc gia (nước biển dâng; ô nhiễm môi trường sống, suy dinh dưỡng, chất lượng nguồn nhân lực; cạn kiệt tài nguyên, nguồn nước).

Có những mối đe dọa an ninh phi truyền thống đe dọa trực tiếp đến an ninh quốc gia như tội phạm công nghệ cao, xâm nhập mặn; bão lũ, hạn hán... Đặc biệt là các mối đe dọa an ninh phi truyền thống thường nảy sinh, bùng phát đột xuất dưới hình thức khủng hoảng, từ đó tạo thành mối đe dọa trực tiếp, nghiêm trọng đối với an ninh quốc gia, khó kiểm soát, khó giải quyết, như khủng hoảng kinh tế, khủng bố, dịch bệnh...thiên tai.

- *Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống tác động đến an ninh quốc gia ngày càng tăng về cường độ, tính chất nghiêm trọng và sự tổn thất*

Những mối đe dọa an ninh phi truyền thống đang có sự tác động mạnh mẽ, nghiêm trọng đối với an ninh quốc gia nước ta hiện nay được xếp theo thứ tự, đó là: vấn đề tội phạm công nghệ cao, an ninh an toàn thông tin và an toàn mạng; vấn đề biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh; vấn đề an ninh năng lượng, lương thực, nguồn nước; vấn đề an ninh kinh tế, tài chính, tiền tệ; vấn đề an ninh dân tộc, tôn giáo, văn hóa; vấn đề tội phạm, tệ nạn xã hội, khủng bố... Những tổn thất cho an ninh quốc gia là rất lớn, khó có thể đong đếm bằng những con số cụ thể. Ví dụ: Tin tặc đã khai thác triệt để mạng Internet để tiến công vào hệ thống máy tính của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, để lấy cắp thông tin, dữ liệu, bí mật của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và quốc gia; thậm chí là tấn công đánh sập hệ thống máy tính của chính phủ, của ngân hàng, mạng máy tính của quốc phòng, an ninh, quân đội, công an, dịch vụ hàng không... sẽ gây ra tổn thất vô cùng lớn cả về an ninh và kinh tế, tài chính. Những tổn thất do tội phạm công nghệ cao gây ra cho nền kinh tế và nhiều lĩnh vực khác của đất nước là rất lớn. Từ thực tiễn đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “Sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng”¹.

7.2.2.2. Tác động đến thể chế chính trị

- *Lợi dụng hợp tác ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống để can thiệp vào công việc nội bộ Việt Nam*

Vấn đề giữ vững tính độc lập, tự chủ về thể chế chính trị và con đường phát triển là ưu tiên số một trong toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Bởi vì, giữ vững, kiên định thể chế chính trị và con đường phát triển là vấn đề cốt lõi trong bảo vệ độc lập dân tộc của các quốc gia mà Việt Nam không ngoại lệ. Không thể có độc lập dân tộc thực sự, nếu quốc gia không giữ vững được thể chế chính trị đất nước và con đường phát triển của dân tộc mình.

Tuy nhiên, do tính chất xuyên quốc gia của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, nên để ứng phó với nó, đòi hỏi các quốc gia dân tộc buộc phải có sự “điều chỉnh” về thể chế chính trị như xem xét lại con đường, mô hình, mà trước hết là về hệ thống pháp luật và chính sách phát triển cho phù hợp “luật chơi” chung, mà thực chất đó là mô hình, khuôn khổ của các nước phương Tây. Nếu không có những giải pháp điều chỉnh phù hợp, thì quốc gia đó có thể bị cô lập từ bên ngoài và chống phá bí mật

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 148.

từ bên trong bằng các hoạt động gây sức ép, như tiến hành phá hoại an ninh quốc gia, biểu tình, đình công gây biến động về kinh tế, chính trị, rối loạn về trật tự, an toàn xã hội, bạo loạn lật đổ... để gây sức ép đối với chính phủ, thậm chí sử dụng đến hoạt động khủng bố để uy hiếp tâm lý, buộc quan chức và người dân phải từ bỏ sự ủng hộ đối với chính phủ; buộc chính phủ phải chấp nhận một trong hai điều kiện hoặc là điều chỉnh hoặc là sụp đổ.

Đối với nước ta, thực tế cho thấy, trong đàm phán các hiệp định kinh tế song phương và đa phương, các tổ chức, các nước lớn đều lấy lợi ích kinh tế để gây sức ép đối với chúng ta về chính trị. Đặc biệt, trong những chương trình, dự án hỗ trợ, viện trợ, tài trợ, cho vay của các nước lớn đối với Chính phủ nước ta, thì chính sách của họ thường gắn lợi ích kinh tế sẽ được hưởng với những điều kiện về chính trị, pháp luật, chủ quyền, thể chế kinh tế...

- *Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống trực tiếp uy hiếp đến sự ổn định, vững mạnh của thể chế chính trị và chính quyền hiện hành*

Khủng hoảng tài chính tiền tệ không chỉ trực tiếp gây ra những hậu quả về kinh tế (như ngân hàng sụp đổ, doanh nghiệp phá sản, công nhân thất nghiệp, thâm hụt tài chính, dự trữ ngoại hối, GDP giảm sút...) mà còn tác động to lớn đến chính trị - an ninh của các quốc gia. Thực tiễn cho thấy, khủng hoảng tài chính tiền tệ có thể làm cho uy tín của đảng cầm quyền giảm sút nhanh chóng, thậm chí mất quyền lãnh đạo đất nước; làm cho hiệu lực, hiệu quả của các chính phủ suy giảm nghiêm trọng, thậm chí là không còn kiểm soát, điều hành được đất nước... dẫn đến khủng hoảng toàn diện về kinh tế, biến động về chính trị, rối loạn về an ninh quốc gia, mâu thuẫn, xung đột xã hội gia tăng, trật tự, an toàn xã hội rối ren... ngày càng nghiêm trọng hơn và sự cộng hưởng phức tạp đó dẫn đến sự sụp đổ toàn diện về mọi mặt của một quốc gia.

Hiện nay, các thảm họa thiên tai, động đất, sóng thần, bão lụt, dịch bệnh, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, những vấn đề tài chính, năng lượng, lương thực... đang thử thách nghiêm ngặt năng lực điều hành của các chính phủ, sự ổn định xã hội, sự vững chắc của các thể chế chính trị, kể cả đối với những nước giàu mạnh nhất, khiến cho không một thể chế chính trị nào có thể yên ổn phát triển.

- *Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống tạo ra môi trường thuận lợi cho các thế lực thù địch tiến hành hoạt động chống phá, nhất là thông qua chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, sự tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đến thể chế chính trị nước ta ngày càng trở lên quyết liệt, bởi các thế lực thù địch lợi dụng triệt để vấn đề này để tiến hành chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá. Thực tiễn cho thấy, hệ quả của các hoạt động chống phá đó là trong xã hội ta, ở nơi này, nơi khác, trong một số người đã xuất hiện những khuynh hướng như: Lo ngại mất độc lập, tự chủ về chính trị mà không dám tích cực hội nhập quốc tế; hoặc yêu cầu phải đầy nhanh hơn nữa quá trình hội nhập quốc tế, mà không quan tâm đầy đủ đến độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia; thậm chí còn có quan điểm đòi đầy mạnh cải cách chính trị theo hướng thực hiện “đa đảng đối lập”... với những luận điệu cho rằng, trong thời cuộc hiện nay mà nhấn mạnh đến độc lập, tự chủ là “lạc hậu”, là tự tách mình ra khỏi thế giới, sẽ bị cô lập và mất đi “cơ hội” phát triển... thực trạng đó đang trở thành nguy cơ tiềm ẩn đe dọa thể chế chính trị và độc lập dân tộc.

Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống còn đặt ra những thách thức lớn trong việc giữ vững độc lập, tự chủ trên các lĩnh vực khác của đời sống xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và toàn diện.

7.2.2.3. *Tác động đến kinh tế*

An ninh quốc gia nói chung, an ninh phi truyền thống nói riêng và thực lực kinh tế của đất nước là hai vấn đề không thể tách rời nhau. Hiện nay, những mối đe dọa an ninh phi truyền thống tác động đến kinh tế được xem xét trên các góc độ cơ bản sau.

- *Tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế bị uy hiếp*

Để phát triển đất nước, chúng ta phải đẩy mạnh công cuộc mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Khi sự hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, sự phụ thuộc của nền kinh tế của đất nước ta vào nền kinh tế thế giới ngày càng tăng. Do đó, dẫn đến tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế ngày càng bị uy hiếp. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008 bắt đầu từ nước Mỹ, nhanh chóng lan rộng ra nhiều nước, kéo cả nền kinh tế thế giới rơi vào tình trạng suy thoái, là một ví dụ về sự tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đến tính độc lập và khả năng ứng phó của các nền kinh tế dân tộc. Đồng thời, nước ta ngày càng tham gia nhiều hơn vào các tổ chức, hiệp định thương mại, phải tuân thủ những luật lệ chung, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh nhất định về đường lối, thể chế, chính sách kinh tế.

- *Lợi ích kinh tế bị thiệt hại nghiêm trọng*

Những hệ lụy của biến đổi khí hậu (nước biển dâng, xâm nhập mặn, bão lũ, khô hạn, nhiệt độ tăng, thiếu nguồn nước ngọt...) đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến năng xuất sản xuất và chất lượng sản phẩm; đồng thời, gây thiệt hại lớn đối với tính mạng, tài sản và đời sống kinh tế của nhân dân. Theo số liệu tổng hợp của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), thiệt hại do bão lũ trong 5 năm 2011 - 2017 đã làm hơn 4000 người chết và mất tích; thiệt hại về kinh tế ước tính gần 200.000 tỉ Việt Nam đồng. Đồng thời, trong tiến trình hội nhập quốc tế, nước ta chưa có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh chống loại tội phạm “rửa tiền” và những thủ đoạn trực lợi kinh tế như “chuyển giá”, “lỗ giả, lãi thật” của các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, họ đã “trốn thuế”, làm tổn thất đến nền kinh tế đất nước. Hiện nay, tình hình tội phạm kinh tế, tham nhũng lãng phí, nhất là trên lĩnh vực tài chính, tiền tệ (tiền giả, tiền ảo, bitcoin) xảy ra rất phức tạp với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản của nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và đời sống của người dân.

- *Các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động “diễn biến hòa bình” để chống phá nước ta trên lĩnh vực kinh tế*

Hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác phát triển kinh tế với các nước là con đường, điều kiện thuận lợi để các thế lực thù địch đẩy mạnh, tăng cường chống phá ta về kinh tế thông qua chiến lược “diễn biến hòa bình”. Chúng triệt để khai thác, lợi dụng các chủ trương cổ phần hóa, mở thị trường chứng khoán để hỗ trợ, tác động, thúc đẩy kinh tế tư bản tư nhân phát triển, từng bước làm suy yếu, vô hiệu hóa, mất dần vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đưa nền kinh tế phát triển chệch định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, liên doanh, liên kết kinh để chiếm lĩnh, khống chế, lũng đoạn các ngành kinh tế, mũi nhọn, làm biến đổi dần cơ sở kinh tế - xã hội; chiếm lĩnh các địa bàn chiến lược, nhạy cảm về quốc phòng, an ninh, phá vỡ thế trận phòng thủ của ta. Thông qua các khoản viện trợ kinh tế, cho vay ưu đãi, hiệp định thương mại và các quan hệ kinh tế khác để tăng cường gây sức ép về chính trị,

can thiệp nội bộ, từng bước thực hiện ý đồ chuyển hóa chế độ chính trị với tư tưởng chỉ đạo: “Đầu vào đô la, đầu ra chính trị”.

7.2.2.4. Ảnh hưởng đến môi trường

Vấn đề môi trường, cạn kiệt nguồn tài nguyên, khan hiếm nguồn nước sạch, vẫn đe biến đổi khí hậu, nước biển dâng... đôi khi lại đe dọa nhiều hơn đối với cuộc sống của người dân ở những quốc gia không phải là “thủ phạm” gây ra những biến đổi, cạn kiệt đó. Loài người làm khinh kiệt tài nguyên, đã tự mình gây ra hậu quả nặng nề với môi trường sống của chính mình. Khí hậu đã bị thay đổi, sự sống trên trái đất sẽ không bao giờ trở lại trạng thái cân bằng tự nhiên như trước đây. Sự khai thác thiếu kiểm soát, tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái, “hiệu ứng nhà kính”, khí hậu nóng lên, tầng ozon bị phá hoại, tính đa dạng sinh học giảm, đất hoang mạc hóa, tình trạng nước biển dâng, bão, lụt, sóng thần... chính là sự trừng phạt của tự nhiên đối với con người, đối với những hành động ứng xử thiếu văn hóa và thiếu nhân tính của con người đối với tự nhiên. Thực tế năm 2016, 2020 ở các tỉnh phía Nam của Việt Nam là một điển hình về tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, đó là khô, hạn, xâm ngập mặn hàng triệu ha đất nông nghiệp; bão tố, lũ lụt, sạt lở đất ... ở miền Trung gây thiệt hại nhiều nghìn tỷ đồng đối với nền kinh tế - xã hội.

Mặt khác, với các nước đang phát triển như ta hiện nay còn chịu tác động tiêu cực bởi những âm mưu và hành động “xuất khẩu công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường” nhằm thải loại, di chuyển ô nhiễm của các nước phát triển. Điểm đến của công nghệ lạc hậu là những nước kém phát triển, những nước có trình độ lao động thấp, đông dân, luật pháp không nghiêm minh. Điểm đến của rác thải công nghiệp, rác thải nhựa vv là những nước nghèo và thiếu kiểm soát chặt chẽ về môi trường.

7.2.2.5. Tác động đến vấn đề dân tộc, tôn giáo và nền văn hóa

Hiện nay, các thế lực thù địch đang lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động đòi “ly khai tự quyết” tách ra khỏi sự quản lý quốc gia. Điều đó tác động tiêu cực đến khôi đại đoàn kết toàn dân ở Việt Nam.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, người Kinh chiếm 85,32%, còn lại 53 dân tộc thiểu số chiếm 14,68%. Trong lịch sử của đất nước, các dân tộc ở Việt Nam luôn có sự đoàn kết, gắn bó trong quá trình dựng và giữ nước cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Lợi dụng những khoảng cách về nhận thức của các tộc người, những vấn đề tồn tại lịch sử và những hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc ít người, các thế lực thù địch đã thông qua các tổ chức phi chính phủ để xuyên tạc chủ trương của Nhà nước ta. Lợi dụng chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước để tổ chức truyền đạo trái phép, xuyên tạc đường lối của Đảng trên nhiều địa phương, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, theo đạo. Đồng thời, kích động, lôi kéo, tập hợp quần chúng, xây dựng lực lượng, lập các đảng phái, tổ chức chính trị, lực lượng vũ trang gây rối, tiến tới bạo loạn lật đổ (ở Tây Nguyên năm 2001, 2004 gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội như ở Mường Nhé, năm 2011; Bình Thuận, năm 2018). Lợi dụng bọn phản động trong các vùng dân tộc thiểu số, kích động nhân dân đòi thành lập khu tự trị như các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam bộ của Việt Nam.

Chúng đang ra sức tuyên truyền, xuyên tạc tình hình tôn giáo tại Việt Nam, vu cáo Nhà nước Việt Nam vi phạm tự do tôn giáo, tạo cơ sở kích động tín đồ đấu tranh chống chính quyền, kêu gọi quốc tế can thiệp. Nguy hiểm hơn, chúng lợi dụng những yếu kém, thiếu sót trong cấp phép, quản lý các dự án có vốn đầu tư nước ngoài gây ô

nhiễm môi trường, để tuyên truyền kích động giáo dân chống chế độ bằng những khẩu hiệu như “Tất cả giáo dân Việt Nam hãy đứng lên đấu tranh đòi quyền sống, đòi thực hiện dân chủ, đòi đa nguyên chính trị...”. Diễn hình như chúng đã lợi dụng việc Công ty Formosa ở Hà Tĩnh gây ô nhiễm môi trường biển của bốn tỉnh miền Trung để kích động một số người theo đạo Thiên Chúa nhẹ dạ, cả tin gây rối loạn an ninh chính trị, ách tắc giao thông mà đỉnh điểm là những ngày cuối tháng 3 và đầu tháng 4 năm 2017. Một khác, lợi dụng việc mở rộng giao lưu giữa các tổ chức tôn giáo Việt Nam với các tổ chức tôn giáo thế giới để tuyên truyền, kích động đồng bào tôn giáo trong và ngoài nước chống phá Đảng, Nhà nước ta.

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là một yêu cầu đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam trong tình hình hiện nay. Giữ gìn tính dân tộc của văn hóa Việt Nam là điều kiện cơ bản để phát triển văn hóa dân tộc, đồng thời là động lực nội tại cho sự sinh tồn và phát triển dân tộc. Giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam một cách “chủ động”, hay để cho nền văn hóa dân tộc bị mai một hoặc bị các nền văn hóa khác “xâm lăng” đang là vấn đề lớn đặt ra đối với cả hệ thống chính trị và toàn dân. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống làm cho bản sắc văn hóa Việt Nam nói chung, của mỗi dân tộc nói riêng trở nên mong manh hơn bao giờ hết. Do đó, chúng ta cần tập trung nguồn lực để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn những giá trị truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc, thuần phong mỹ tục, những giá trị đạo đức, lối sống đang là đòi hỏi cấp bách đối với mỗi người dân.

7.2.2.6. Tác động đến quốc phòng

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống làm suy giảm sức mạnh quốc phòng của đất nước

Sức mạnh quốc phòng Việt Nam là sức mạnh tổng hợp của quốc gia, sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc. Sức mạnh quốc phòng Việt Nam có được từ việc giải quyết phù hợp mối quan hệ gắn kết chặt chẽ giữa lực lượng quốc phòng, tiềm lực quốc phòng và thế trận quốc phòng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội của cả nước. Những tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không những làm suy giảm lực lượng quốc phòng, tiềm lực quốc phòng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và theo đó giảm khả năng huy động, phát huy nguồn lực và thế trận quốc phòng của quốc gia.

Với tiềm lực chính trị - tinh thần: Những tác động tiêu cực từ mối đe dọa an ninh phi truyền thống tạo tâm lý dao động, giảm sút niềm tin, ý chí, quyết tâm của nhân dân vào chế độ và bảo vệ chế độ, thậm chí còn có thái độ bất bình, chống đối với chính quyền, gây khủng hoảng xã hội; có thể làm gia tăng mâu thuẫn xã hội, nhất là giữa các tầng lớp dân cư, dân tộc, tôn giáo, tác động tiêu cực đến củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đặc biệt, khi các thế lực thù địch, phản động lợi dụng vấn đề an ninh phi truyền thống để tiến hành các hoạt động xuyên tạc, chống phá.

Với tiềm lực kinh tế: Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống gây ra hậu quả rất nghiêm trọng về kinh tế và con người, kìm hãm, thậm chí phá hoại sự phát triển của nền kinh tế, gây khó khăn trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng và mở rộng hợp tác quốc tế về kinh tế; làm suy giảm đáng kể khả năng dự trữ và huy động cơ sở vật chất từ nền kinh tế cho các nhiệm vụ quốc phòng cũng như khả năng đầu tư cho quốc phòng nói chung, hiện đại hóa lực lượng vũ trang nói riêng.

Với tiềm lực khoa học - công nghệ: Những tác động tiêu cực từ mối đe dọa an ninh phi truyền thống ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng ứng dụng các thành tựu

khoa học - công nghệ vào lĩnh vực quốc phòng. Các thế lực thù địch và tội phạm công nghệ cao không chỉ sử dụng không gian mạng để đánh cắp thông tin cá nhân, tổ chức, đánh cắp bí mật an ninh, bí mật quốc phòng, quân sự quốc gia mà còn sử dụng mã độc, vi rút để tấn công gây mất an ninh, an toàn mạng, không chế, làm tê liệt hệ thống máy tính của các trung tâm, cơ quan đơn vị trọng yếu, thậm chí sẵn sàng tiến hành tác chiến điện tử, chiến tranh mạng khi cần thiết... gây ra hậu quả rất nghiêm trọng.

- *Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống gây mất ổn định của quốc gia*

Hiện nay, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đều đe dọa đến sự ổn định và phát triển bền vững của quốc gia trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Theo đó, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không chỉ tác động ảnh hưởng tiêu cực đến quốc phòng ở các cấp độ, tính chất khác nhau mà còn đặt ra yêu cầu rất cao đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Tác động của an ninh thông tin với các biểu hiện là “chiến tranh thông tin”, “chiến tranh mạng” cũng tạo ra nguy cơ mất ổn định đất nước. Đặc biệt hiện nay, an ninh thông tin có thể gây rối loạn hệ thống mạng của đất nước, dẫn đến sự sụp đổ toàn bộ hệ thống điều khiển quốc gia; tạo ra các luồng thông tin xuyên tạc, b López méo sự thật, gây chia rẽ nội bộ lãnh đạo, làm mất lòng tin của nhân dân, dẫn đến sai lệch định hướng của quốc gia. Lợi dụng điều đó, các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, kích động gây rối, biểu tình, bạo loạn lật đổ, làm mất ổn định đất nước, tạo cơ can thiệp từ bên ngoài.

- *Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống tác động tới quan hệ đối ngoại, hình thành nguy cơ xung đột và chiến tranh*

Xét về tổng thể, nguy cơ xung đột và chiến tranh được hình thành từ nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan, cả bên trong và bên ngoài; trong đó có các nguyên nhân từ tác động của an ninh phi truyền thống, nhất là từ khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, ma túy, xung đột dân tộc, sắc tộc và khai thác tài nguyên... Vì vậy, ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ xung đột và chiến tranh đến với nhiều quốc gia thực chất là ngăn chặn, đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống và đây được coi là một trong những mục tiêu cơ bản của quốc phòng, an ninh mỗi nước. Trên thực tế, hai cuộc chiến tranh tại I rắc (năm 1991, 2003) xét cho cùng cũng có nguyên nhân từ nguồn lợi dầu lửa; chiến tranh Nam Tư xảy ra từ xung đột dân tộc, sắc tộc; chiến tranh Ághanistan xuất phát từ chống khủng bố.

Đối với Việt Nam, nguy cơ xung đột và chiến tranh từ tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có thể ít xảy ra nhưng không thể không dự báo. Hiện nay, các loại tội phạm về an ninh mạng, ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, tội phạm rửa tiền và các loại tội phạm trên lĩnh vực thương mại, đầu tư,... vẫn diễn biến phức tạp và là một trong những nhân tố gây mất ổn định, nhất là trên các tuyến biên giới, có thể làm tổn hại tới quan hệ với các nước. Điều đó cho thấy, nguy cơ từ an ninh phi truyền thống tác động đến quốc phòng Việt Nam không chỉ từ các vấn đề trong nước mà còn từ các vấn đề khu vực và thế giới, cần được coi trọng và kiểm soát có hiệu quả.

7.2.3. Một số giải pháp ứng phó với các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay

7.2.3.1. Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn dân về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

Các vấn đề của an ninh phi truyền thống đã và đang tác động tiêu cực, ảnh hưởng ngày càng to lớn đến an ninh quốc gia, đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc Việt Nam hiện nay. Do đó, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đầy đủ về an ninh phi truyền thống từ đó nâng cao trách nhiệm trong thực hiện ứng phó với các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống của các ngành, các cấp, các tổ chức trong xã hội, các tầng lớp nhân dân là nội dung hết sức cấp thiết, quan trọng ở nước ta hiện nay.

Trên cơ sở các quan điểm của Đảng cần làm cho cả hệ thống chính trị, các chủ thể chịu trách nhiệm quản trị an ninh phi truyền thống, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân nhận thức đầy đủ các thách thức, tác động, ảnh hưởng của an ninh phi truyền thông trên các bình diện về an ninh con người, an ninh cộng đồng và an ninh quốc gia v.v.

Trên bình diện an ninh con người, các mối đe dọa an ninh phi truyền thông tác động đến sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của con người, như dịch bệnh lây lan nhanh, buôn bán và sử dụng ma túy, buôn bán người (trẻ em, phụ nữ, nhập cư bất hợp pháp).

Trên bình diện an ninh cộng đồng và an ninh quốc gia, an ninh phi truyền thông xuất hiện từ các mối đe dọa của tình trạng khan hiếm lương thực, thiếu hụt và tranh chấp tài nguyên nước, năng lượng, tội phạm công nghệ cao và an ninh mạng, đầu cơ và an ninh tài chính.

Trên bình diện chủ quyền quốc gia, nhiều vấn đề an ninh phi truyền thông tạo mối uy hiếp trực tiếp, có khả năng chuyển hóa thành an ninh truyền thống.

Trên bình diện an ninh toàn cầu, các vấn đề an ninh hàng hải và hàng không, an ninh năng lượng, an ninh tài chính, di cư xuyên biên giới, dịch bệnh nguy hiểm lây lan nhanh ở người và động - thực vật, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai... đều tác động mang tính xuyên quốc gia mà không một nước riêng lẻ nào có thể tự mình giải quyết được.

Nâng cao nhận thức cho các thành phần trong xã hội về mối đe dọa an ninh phi truyền thông có thể bằng nhiều con đường, cách thức khác nhau. Trước hết là thông qua *hình thức truyền thông* để tác động đến nhận thức cho cộng đồng xã hội, gồm cả báo nói, báo hình, báo viết và mạng in-tơ-nét. Lồng ghép các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về các vấn đề an ninh phi truyền thông trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

7.2.3.2 Xây dựng đất nước phát triển về mọi mặt, tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản của xã hội

Các vấn đề của an ninh phi truyền thông có nguồn gốc từ tự nhiên và xã hội, có nguyên nhân cả từ chủ quan và khách quan, cả từ bên trong và bên ngoài. Nguồn gốc xã hội, nguyên nhân chủ quan, từ bên trong của nó là sự nghèo đói, bất bình đẳng, bất công, trình độ dân trí thấp, tệ nạn xã hội, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội còn nhiều hạn chế v.v. Do đó, để ứng phó với các mối đe dọa của an ninh phi truyền thông cần xây dựng đất nước phát triển về mọi mặt, trước hết tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản của xã hội đang đặt ra.

Chủ động và tích cực đầu tư phát triển bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, chăm lo bảo vệ môi trường sinh thái. Các giải pháp phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thông phải được ứng dụng vào từng vùng chiến lược, chương trình, kế hoạch và vùng miền, nhất là những nơi đang chịu ảnh hưởng to lớn bởi các mối đe dọa của an ninh phi truyền thông.

Bảo đảm gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước đi và từng chính sách phát triển; kiểm soát phân tầng xã hội; nâng cao dân trí, trình độ lao động, tạo việc làm, đẩy mạnh phòng chống các tệ nạn xã hội; tích cực xóa đói, giảm nghèo, chăm lo cho con người thông qua hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt hỗ trợ lẫn nhau để bảo đảm cho con người luôn có được môi trường và điều kiện phát triển lành mạnh.

7.2.3.3. Chủ động, tích cực nghiên cứu, đánh giá tình hình, dự báo kịp thời, chính xác các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

An ninh phi truyền thống là lĩnh vực còn mới mẻ, chưa được nghiên cứu sâu rộng ở nước ta. Sự tác động ảnh hưởng của an ninh phi truyền thống là hết sức to lớn, ngày càng nghiêm trọng, đe dọa cả trực tiếp và gián tiếp đối với mọi mặt đời sống con người, xã hội và đất nước. Sự đe dọa đó có thể bộc phát trực tiếp (thiên tai, tội phạm có tổ chức, khủng bố ...), có thể âm thầm (ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, cạn kiệt tài nguyên, biến đổi khí hậu, rửa tiền...) gây ra những hậu quả hay thảm họa to lớn đối với đất nước ta. Do đó, cần được nghiên cứu một cách chủ động tích cực, đánh giá tình hình một cách toàn diện, dự báo chính xác kịp thời để chủ động ứng phó có hiệu quả đối với các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống.

Tổ chức nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống; tăng cường tuyên truyền, trao đổi thông tin về các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống.

Phân loại từng lĩnh vực an ninh phi truyền thống về đặc điểm, nguồn gốc hình thành, mức độ đe dọa ảnh hưởng, trên cơ sở đó để xác định những cơ chế, phương thức quản trị an ninh phi truyền thống phù hợp.

Các cơ quan chuyên trách, các bộ ngành, trên từng lĩnh vực cần thường xuyên nghiên cứu, tổng kết, đánh giá đầy đủ toàn diện và dự báo các tình huống có thể xảy ra của các hiểm họa, thảm họa của an ninh phi truyền thống.

Chủ động, tích cực hoàn thiện hệ thống thể chế quản trị an ninh phi truyền thông, nâng cao tính tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế về phòng ngừa và ứng phó với thách thức an ninh phi truyền thông. Nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật quản trị an ninh phi truyền thông, nhất là trước những vấn đề mới xuất hiện tạo ra khả năng uy hiếp lớn đối với an ninh quốc gia, như an ninh mạng, tài chính, nguồn nước, hàng hải và hàng không, di cư xuyên biên giới và các vấn đề dân tộc và tôn giáo...

7.2.3.4. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội trong quản trị và kiểm soát các mối đe dọa an ninh phi truyền thông

Quán triệt quan điểm của Đảng: "Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng, an ninh"¹; "Ứng phó kịp thời, hiệu quả với các đe dọa an ninh phi truyền thông, nhất là nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh"². Đối phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thông là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phải lấy phòng ngừa là chính, được thể hiện bằng việc quản lý chặt chẽ của Nhà nước theo pháp luật, tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm minh triệt để với những hành vi vi

¹Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr 148.

²Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr 156.

phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng. Có chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tích cực thực hiện các dự án, các chương trình quốc gia để chủ động đối phó với các thảm họa do thiên tai gây ra... Đồng thời, xây dựng và tổ chức các lực lượng chuyên trách để ứng phó kịp thời khi nguy cơ an ninh phi truyền thống xuất hiện, như thiên tai, bão lụt, ô nhiễm môi trường, cháy nổ...

Xây dựng các kế hoạch, phương án quản trị, phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống từ cơ sở với sự tham gia của toàn thể hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân, trong đó lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân đóng vai trò nòng cốt. Thực hiện phương châm “4 tại chỗ” để giải quyết ban đầu các vấn đề an ninh phi truyền thống xảy ra ở địa phương.

+ *Chỉ huy tại chỗ*: Bí thư Đảng, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực tiếp chỉ huy điều phối các lực lượng Công an, Quân đội, Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Kiểm lâm, Phòng chống lụt bão), Giao thông vận tải, v.v. địa phương (và cả các lực lượng trung ương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn) tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ người và tài sản tại nơi xảy ra nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống.

+ *Lực lượng tại chỗ*: có cán bộ Công an, Quân đội, Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Kiểm lâm, Phòng chống lụt bão), Giao thông vận tải, v.v. địa phương (và các lực lượng trung ương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn) luôn sẵn sàng để cứu nạn, cứu hộ người và tài sản, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

+ *Phương tiện tại chỗ*: có đủ các phương tiện giao thông (tàu, thuyền chữa cháy, xuồng, ca nô, ô tô chữa cháy, xe máy), phương tiện thông tin liên lạc, công cụ hỗ trợ, công cụ cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy chữa cháy, y tế, thuốc,... phục vụ yêu cầu phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống ở địa phương.

+ *Hậu cần tại chỗ*: dự trữ đủ xăng dầu cho xe cấp cứu, xe chữa cháy, tàu, thuyền, thuyền chữa cháy, xuồng máy, ca nô, ô tô, xe máy, máy phát điện hoạt động khi không có điện; dự trữ lương thực, thực phẩm và các phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện y tế phục vụ phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống.

Tiếp tục hoàn thiện quản lý nhà nước về an ninh phi truyền thống, từ xây dựng hệ thống chế độ đến tổ chức bộ máy, đội ngũ, ngân sách. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Nâng cao trách nhiệm của người dân trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

7.2.3.5. Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

Trước hết, cần quán triệt quan điểm của Đảng ta là: chủ động, tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trong việc ứng phó với những thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là tình trạng biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế... Tham gia các cơ chế hợp tác an ninh song phương và đa phương trên cơ sở tối đa hóa trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, đồng thời tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của

luật pháp quốc tế.

Thống nhất nhận thức, xây dựng lòng tin, nâng cao trách nhiệm và hoàn thiện khuôn khổ thể chế giữa các nước về an ninh phi truyền thông làm cơ sở cho hợp tác quốc tế có hiệu quả. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, trong đó có hợp tác về phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thông thông qua cơ chế và phương thức đa tầng, đa dạng, linh hoạt.

Tăng cường chia sẻ thông tin giữa Việt Nam với các nước trong từng nội dung về các mối đe dọa an ninh phi truyền thông thông qua thiết lập cơ chế hợp tác cụ thể và hữu hiệu.

Thu hút đầu tư, viện trợ, các nguồn vốn ưu đãi của nước ngoài và quốc tế trong việc ứng phó, giải quyết hậu quả của các mối đe dọa an ninh phi truyền thông. Đẩy mạnh việc hợp tác, trao đổi trong chuyển giao công nghệ hiện đại, nhất là các công nghệ phát triển bền vững và công nghệ xanh với các nước phát triển, các tổ chức quốc tế.

An ninh phi truyền thông xuất hiện cùng với phát triển của xã hội và có nội hàm, bản chất riêng của nó. An ninh phi truyền thông đã và đang tác động tiêu cực không loại trừ quốc gia nào với nhiều hậu quả khó lường. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thông nói chung hay vấn đề an ninh môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm công nghệ cao, di cư bất hợp pháp... nói riêng không chỉ đe dọa đến an ninh quốc gia trong phạm vi một nước hoặc nhiều nước, mà còn đe dọa đến toàn thể nhân loại, đòi hỏi phải có sự nỗ lực hợp tác hành động của nhiều quốc gia để ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thông...

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tính chất, đặc điểm của các vấn đề an ninh phi truyền thông ?
2. Những mối đe dọa an ninh phi truyền thông và sự ảnh hưởng đến Việt Nam ?
3. Các giải pháp ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thông ở Việt Nam hiện nay ?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban tư tưởng - văn hoá trung ương (2006), *Chuyên đề nghiên cứu Nghị quyết Đại hội X của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng Khóa XI (2012), Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012, về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông*.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI (2013), *Nghị quyết số 24-NQ/TW “Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường”*.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII (2018), *Nghị quyết số 36-NQ/TW* ngày 22/10/2018, *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 05/2020/TT-BGDDT*, ngày 18 tháng 3 năm 2020, ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
6. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015), *Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDDT-BLĐTBXH*, ngày 18 tháng 3 năm 2020, quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.
7. C.Mác và Ph.Ăngghen (1998), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Chính phủ (2004), *Nghị định số 140/2004/NĐ-CP*, ngày 25-6-2004, quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia.
9. Chính phủ (2013), *Nghị quyết số 30/NQ-CP*, ngày 01/03/2013, về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông.
10. Chính phủ (2018), Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019, về quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.
11. Chính phủ (2018), Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2018, về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng.
12. Chính phủ (2020), Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020, quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.
13. Chính phủ (2020), Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/9/2020, về các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.
14. Nguyễn Bá Dương (2020), *Phòng, chống “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực quốc phòng*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
15. Nguyễn Bá Dương (2020), *Phòng, chống “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực kinh tế*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
16. D.A VõnCôGôNôP (1994), *Học thuyết Mác - Lenin về chiến tranh và quân đội*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam(2003), Văn kiện Hội nghị lần thứ VIII, Ban Chấp hành Trung ương khoá IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam(2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
20. Đảng cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 28-NQ/TW* về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

21. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 28-9-2018 của Bộ chính trị về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia*.
24. Đảng cộng sản Việt Nam (2018), *Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2018 của ban chấp hành trung ương Đảng Khóa XII về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
25. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
26. Phạm Quang Định, 2004: “*Diễn biến hòa bình*” và cuộc đấu tranh chống “DBHB” ở Việt Nam, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
27. Kiều Hữu Hải (2017), *Giáo trình xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
28. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), *An ninh quốc gia những vấn đề an ninh phi truyền thống*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
29. Đào Huy Hiệp (đồng chủ biên) (2013), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng*, Tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
30. Nguyễn Văn Hướng (2014), *An ninh phi truyền thống: Nguy cơ, thách thức, chủ trương và giải pháp đối phó ở Việt Nam*, NXB ĐHQG Hà Nội.
31. Hồ Chí Minh (1946), “*Hình thức chiến tranh ngày nay*”, Báo Cứu quốc ngày 20-09-1946.
32. Tô Lâm, Nguyễn Xuân Yêm (2017), *An ninh phi truyền thống trong thời kỳ hội nhập quốc tế*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
33. Hồ Chí Minh (1946), “*Hình thức chiến tranh ngày nay*”, Báo Cứu quốc ngày 20-09-1946.
34. Hồ Chí Minh (1952), “*Bài nói chuyện tại hội nghị chiến tranh du kích*”, ngày 13 tháng 7 năm 1952.
35. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 5,6,7,8,9,10, 11,12*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
36. Phùng Hữu Phú (2016), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
37. Ph.Ăngghen (1978), *Tuyển tập Luận văn quân sự*, tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
38. Đồng xuân Quách (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
39. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Luật Biên giới quốc gia*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

40. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Luật an ninh quốc gia*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
41. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Luật Giao thông đường bộ*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
42. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Biển Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
43. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
44. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam sửa đổi bổ sung*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
47. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Giao thông đường thủy*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
48. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
49. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
50. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Bộ luật dân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật Giao thông đường sắt*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
52. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật quốc phòng*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
53. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật Dân quân tự vệ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
54. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật Dự bị động viên*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
55. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Luật Thanh niên*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
56. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Luật bảo vệ Môi trường*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
57. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định số 246/QĐ-TTg*, ngày 06/10/2005, về phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
58. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 35/QĐ-TTg*, ngày 03 tháng 3 năm 2009, về việc phê duyệt Điều chỉnh chiến lược Giao thông Vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

59. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 35/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 3 năm 2009, về việc phê duyệt Điều chỉnh chiến lược Giao thông Vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.*
60. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 23/6/2013, về việc tăng cường thực hiện các giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn tai nạn giao thông nghiêm trọng trong hoạt động vận tải.*
61. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016, về một số nhiệm vụ và giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường.*
62. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2020, về phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.*
63. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 531/QĐ-TTg, ngày 01 tháng 4 năm 2021, về Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*
64. Trương Minh Tuấn (2011), *Phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên hiện nay*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
65. V.I.Lê nin (1977), *Toàn tập*, tập 41, Bản tiếng Việt, Nxb Tiền Bộ, Mátxítcova.